

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BSR-VPĐQT

Quảng Ngãi, ngày tháng 03 năm 2023

V/v Công bố Báo cáo thường niên  
năm 2022

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên công ty: Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn
2. Mã chứng khoán: BSR
3. Địa chỉ trụ sở chính: số 208 Đại lộ Hùng Vương, TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
4. Điện thoại: 0255 3825825 Fax: 0255 3825826
5. Người thực hiện công bố thông tin: ông Nguyễn Hải Âu - Người được ủy quyền công bố thông tin theo Giấy ủy quyền số 6696/BSR-VPĐQT ngày 20/12/2019. Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT).
6. Loại thông tin công bố:  24 giờ  Bất thường  Định kỳ  Theo yêu cầu
7. Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của BSR vào ngày 28/03/2023 tại đường dẫn [www.bsr.com.vn](http://www.bsr.com.vn), chuyên mục Nhà đầu tư.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã được công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên (Công bố điện tử);
- HĐQT, BKS;
- TGD;
- VP, Ban TCKT, KTKH, PCRR, KD, QNTL, ATMT;
- Ban CNTT (đăng Website);
- Lưu: VT, VPĐQT.

**THÀNH VIÊN HĐQT**

**Nguyễn Hải Âu**





# VỮNG VÀNG NỘI LỰC KHÔNG NGỪNG VƯƠN XA



# Mục lục

6-51  
Chương I

## Thông tin chung

- 08 Thông tin khái quát
- 16 Quá trình hình thành và phát triển
- 18 Thông điệp của Ban Lãnh đạo
- 20 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 22 Sơ đồ công nghệ và chu trình sản xuất NMLD Dung Quất
- 28 Mô hình quản trị, Tổ chức kinh doanh và Bộ máy quản lý
- 45 Định hướng phát triển
- 47 Quản trị rủi ro

74-95  
Chương III

## Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

- 78 Đánh giá kết quả hoạt động SXKD năm 2022
- 84 Tình hình tài chính
- 87 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 88 Kế hoạch phát triển trong tương lai

106-129  
Chương V

## Quản trị Công ty

- 108 Báo cáo hoạt động của HĐQT
- 115 Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát
- 128 Các giao dịch, thù lao và khoản lợi ích của HĐQT, BTGD và BKS

166-225  
Chương VII

## Báo cáo tài chính 2022

- 168 Báo cáo của ban Tổng Giám đốc
- 170 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 172 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 174 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 175 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 177 Thuyết minh báo cáo tài chính

52-73  
Chương II

## Tình hình hoạt động trong năm 2022

- 54 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 64 Tổ chức nhân sự
- 66 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- 69 Tình hình tài chính
- 72 Thông tin cổ phần, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

96-105  
Chương IV

## Đánh giá của Hội đồng Quản trị

- 100 Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty
- 103 Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban TGD
- 104 Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

130-165  
Chương VI

## Báo cáo Phát triển bền vững

- 132 Tổng quan Báo cáo Phát triển bền vững
- 138 Kinh tế
- 140 Môi trường
- 154 Xã hội
- 163 Các mục tiêu môi trường - xã hội năm 2022
- 164 Bảng tham chiếu GRI



# Thuật ngữ viết tắt



**Công ty:**  
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn

**BSR:**  
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn

**Tập đoàn DKVN:**  
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

**Nhà máy:**  
Nhà máy lọc dầu Dung Quất

**ĐHĐCĐ:**  
Đại hội đồng Cổ đông

**HĐQT:**  
Hội đồng quản trị

**Ban TGD:**  
Ban Tổng Giám đốc

**BĐH:**  
Ban Điều hành

**TGD:**  
Tổng Giám đốc

**BKS:**  
Ban Kiểm soát

**VP:**  
Văn phòng

**PCCC:**  
Phòng cháy chữa cháy

**CHCN:**  
Cứu hộ cứu nạn

**ATSKMT:**  
An toàn sức khỏe môi trường

**NLSH:**  
Nhiên liệu sinh học

**BDSC:**  
Bảo dưỡng sửa chữa

**TNHH:**  
Trách nhiệm hữu hạn

**MTV:**  
Một thành viên

**NSNN:**  
Ngân sách Nhà nước

**LSNT:**  
Lợi nhuận sau thuế

**VĐL:**  
Vốn điều lệ

**NCMR:**  
Nâng cấp mở rộng

**VP HĐQT:**  
Văn phòng Hội đồng quản trị

**Chi nhánh - DQRE:**  
Chi nhánh - Ban Quản lý Dự án Nâng cấp mở rộng  
Nhà máy lọc dầu Dung Quất

**BSR-BF:**  
Công ty Cổ phần Nhiên liệu sinh học Dầu khí Miền Trung

**PV Building:**  
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí

**PMS:**  
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí

**PVOS:**  
Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam

**NMLD:**  
Nhà máy lọc dầu

**CBCNV:**  
Cán bộ công nhân viên

**NLD:**  
Người lao động

**ASXH:**  
An sinh xã hội

**SXKD:**  
Sản xuất kinh doanh

**XDCB:**  
Xây dựng cơ bản

**RPBM:**  
Rà phá bom mìn

**SAO:**  
Quan sát hành vi an toàn

**TSCĐ:**  
Tài sản cố định

**TV:**  
Thành viên

**TA5:**  
Bảo dưỡng tổng thể lần 5

**HPXT:**  
Hoá phẩm xúc tác

**ĐTM:**  
Đánh giá tác động môi trường

**CMMS:**  
Hệ thống Quản lý bảo trì thiết bị

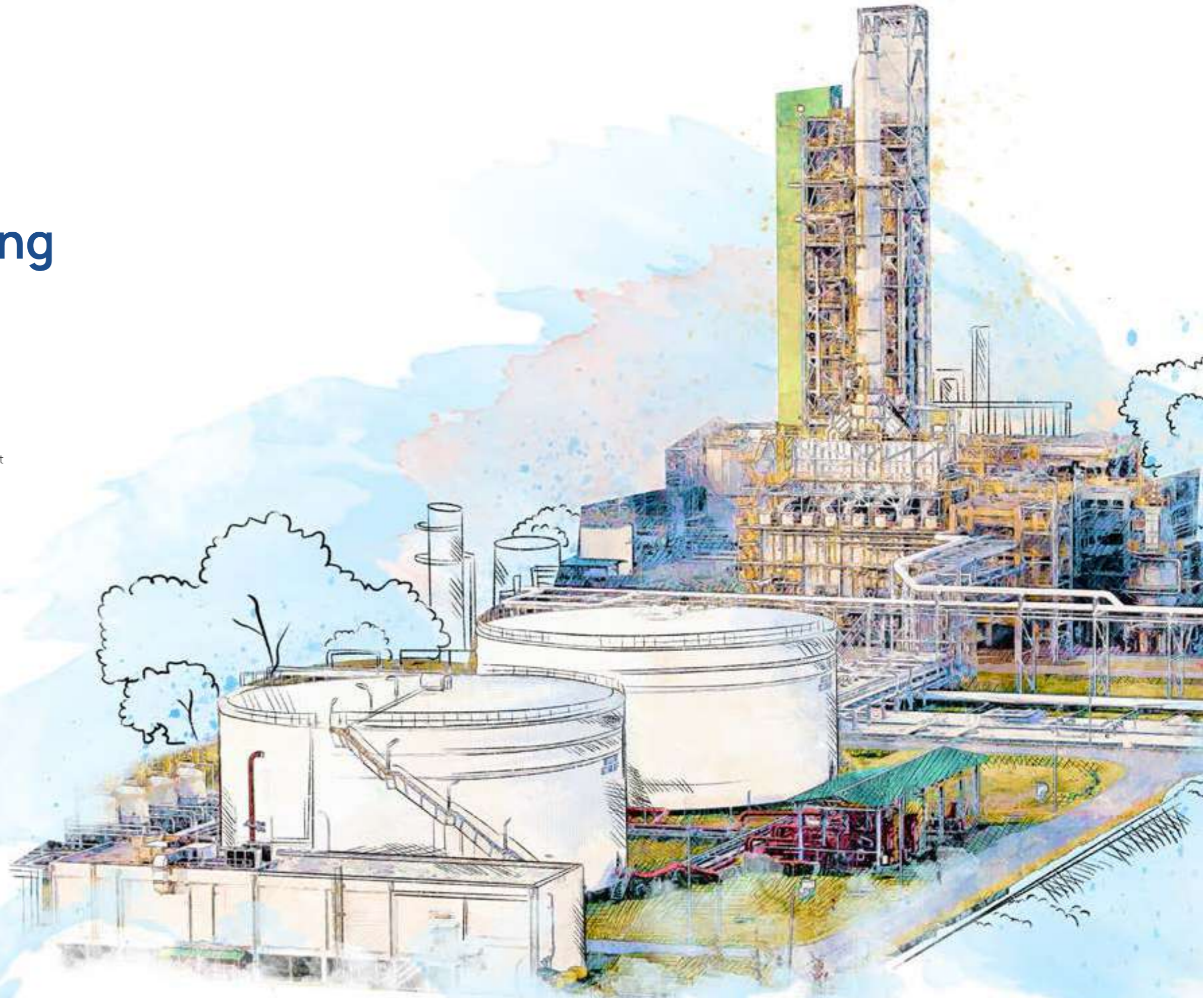
**Vol:**  
Thể tích



# 01

## Thông tin chung

- 8 Thông tin khái quát
- 16 Quá trình hình thành và phát triển
- 18 Thông điệp của Ban Lãnh đạo
- 20 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 22 Sơ đồ công nghệ và chu trình sản xuất NMLD Dung Quất
- 28 Mô hình quản trị, Tổ chức kinh doanh và Bộ máy quản lý
- 46 Định hướng phát triển
- 47 Quản trị rủi ro



# Thông tin khái quát

Tên giao dịch

**Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4300378569 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp lần đầu ngày 05/06/2008, cấp thay đổi lần thứ 14 ngày 08/11/2021.

Địa chỉ trụ sở chính

**208 Đại lộ Hùng Vương, phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam**

Vốn điều lệ

**31.004.996.160.000 đồng**

Số fax

**0255 3825826**

Điện thoại

**0255 3825825**

Mã cổ phiếu

**BSR**

Website

**[www.bsr.com.vn](http://www.bsr.com.vn)**



## Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi

### Tầm nhìn

Trở thành doanh nghiệp dẫn đầu khu vực và có vị thế quốc tế trong lĩnh vực năng lượng và lọc hóa dầu.

### Sứ mệnh

Cung cấp những sản phẩm lọc hóa dầu với tiêu chuẩn chất lượng cao, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia và là động lực cho sự phát triển kinh tế của khu vực miền Trung - Tây Nguyên.

### Triết lý kinh doanh

#### Đồng hành với khách hàng bằng sự chân thành và cùng tạo giá trị

BSR tin rằng thỏa mãn nhu cầu khách hàng là nền tảng của sự thành công trong sản xuất kinh doanh. Mọi hoạt động của BSR đều xuất phát từ sự chân thành, chủ động lắng nghe, cùng tạo giá trị và mang lại giá trị cho nhau.

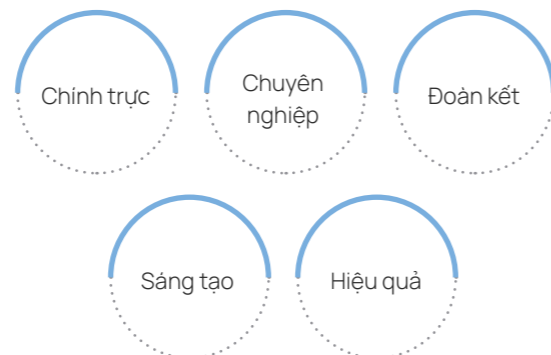
#### Nguồn nhân lực là yếu tố then chốt cho sự thành công và tiến bộ

Ở BSR, nguồn nhân lực là trụ cột của hệ thống quản trị. Mọi thành công đều phụ thuộc vào yếu tố con người. Chúng tôi tin rằng thành tựu cao nhất sẽ đạt được khi mỗi người biết cống hiến trí tuệ và sức lực của mình một cách tự nguyện, hài hòa và chung chí hướng. Mọi ứng xử của BSR đều hết sức nhân văn để người lao động phát huy cao nhất năng lực của mình, đồng thời khuyến khích nhân viên hướng đến thành tựu cao nhất một cách tự nguyện.

#### Quản trị hiện đại và vận hành xuất sắc

BSR thực hiện chuyển đổi số và cập nhật các xu hướng quản trị hiện đại để nâng cao năng lực và hiệu quả quản trị, chủ động thích ứng với sự thay đổi và biến động vĩ mô; quyết tâm vận hành xuất sắc bằng cách không ngừng tối ưu các quy trình hoạt động, các giải pháp, nâng cấp và hiện đại hóa công nghệ, linh hoạt trong kinh doanh và nâng tầm văn hóa.

### Giá trị cốt lõi



## CÁC GIẢI THƯỞNG

### 2010

Bảng khen của Thủ tướng Chính phủ

### 2014

Cờ thi đua của Chính phủ

Huân chương Lao động hạng nhì

### 2015

Giải thưởng Sao Vàng đất Việt

Doanh nghiệp đạt chuẩn "An toàn về an ninh, trật tự"

### 2017

Giải thưởng Vàng Chất lượng Quốc gia

### 2018

Giải thưởng Sao Vàng đất Việt

### 2020

Bảng khen của Bộ trưởng Bộ Công thương

### 2021

Bảng khen của Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

3 bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi

Giấy khen của Giám đốc Công an tỉnh Quảng Ngãi

Giải thưởng Nhà nước về Khoa học và Công nghệ

### 2022

Bảng khen của Tổng giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Bảng khen của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam

2 bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi

Chứng nhận của Hiệp hội Phát triển Văn hóa Doanh nghiệp Việt Nam cho Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa kinh doanh

# 2022

## Một năm nhìn lại

**19.040,7** tỷ đồng

Nộp ngân sách nhà nước

**168.963,8** tỷ đồng

Tổng doanh thu

**14.669,3** tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất

**02 loại dầu thô**

02 loại dầu thô mới chế biến thử nghiệm thành công

**01 loại nguyên liệu trung gian**

01 loại nguyên liệu trung gian chế biến thử nghiệm thành công

**7.010.828** tấn

Sản lượng sản xuất





# 10

## Sự kiện nổi bật năm 2022

1

### 37,3 triệu

Đạt trên 37,3 triệu giờ công an toàn không có tai nạn lao động mất ngày công.

2

### 7 triệu tấn

Chinh phục giới hạn vận hành an toàn tại Nhà máy lọc dầu Dung Quất là 112%/103% kế hoạch vận hành năm, giúp đơn vị đạt trên **7 triệu tấn** sản phẩm các loại, về đích sản lượng sớm 23 ngày.

3

### 14.67 nghìn tỷ đồng

Doanh thu đạt gần **169 nghìn tỷ đồng** và lợi nhuận sau thuế đạt **14,67 nghìn tỷ đồng** (cao nhất kể từ khi Nhà máy lọc dầu Dung Quất đi vào vận hành thương mại).

4

### Chuyển đổi số

Một trong những doanh nghiệp tiên phong trong công tác chuyển đổi số của Tập đoàn.

5

### 383 sáng kiến

Trong công tác nghiên cứu khoa học, BSR đạt Giải thưởng Nhà nước về KHCN, 10 Doanh nghiệp KHCN và dẫn đầu toàn ngành với 383 sáng kiến trong chương trình 1 triệu sáng kiến giai đoạn 1 do Tổng Liên đoàn Việt Nam phát động.

6

### Sản phẩm Quốc phòng

Đã sản xuất thành công và xuất bán các sản phẩm quan trọng cho Quốc phòng (nhiên liệu A83, DO L-62, JetA-1K) và 04 sản phẩm hạt nhựa PP (bao gồm cả BOPP).

7

### 3 loại nguyên liệu đầu vào mới

Chế biến thử nghiệm thành công thêm 02 dầu thô mới và 01 loại nguyên liệu trung gian nhằm mở rộng giới đầu; hao hụt dầu thô trung bình năm 2022 ước đạt 0,19% (thấp nhất từ năm 2009).

8

### Minh bạch thông tin

10 doanh nghiệp dẫn đầu về minh bạch thông tin tốt nhất kỳ đánh giá năm 2021 - 2022" do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội bình chọn.

9

### Văn hoá doanh nghiệp

BSR đạt chuẩn Văn hóa doanh nghiệp năm 2022 của Hiệp hội Phát triển Văn hóa Doanh nghiệp Việt Nam.

10

### An sinh xã hội

Là doanh nghiệp thực hiện tốt các chương trình an sinh xã hội, có nhiều đóng góp hữu ích cho cộng đồng.

## Quá trình hình thành và phát triển



## Thông điệp Ban Lãnh đạo

BSR đang ngày càng hoàn thiện và là đơn vị tiên phong của khâu hạ nguồn trong chuỗi hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành Dầu khí.



### Kính gửi Quý Cổ đông/Nhà đầu tư!

Nhìn lại năm 2022, nền kinh tế thế giới đối diện với nhiều khó khăn, thách thức hơn thuận lợi, cơ hội. Các rủi ro hiện hữu có thể kể đến như: dịch bệnh Covid-19 vẫn còn ảnh hưởng với các biến chủng mới; căng thẳng chính trị Nga - Ukraine kéo dài khiến giá dầu thô và nguyên vật liệu đầu vào biến động và gây ra tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu; tình hình lạm phát ở mức cao buộc các ngân hàng trung ương áp dụng chính sách tiền tệ thắt chặt, rủi ro suy thoái kinh tế ở nhiều đối tác, thị trường thương mại lớn và truyền thống của Việt Nam. Trong nước, thanh khoản của hệ thống ngân hàng không được dồi dào, rủi ro liên quan đến trái phiếu doanh nghiệp, tỷ giá biến động mạnh, lãi suất tăng cao gây áp lực lên hoạt động sản xuất và nhu cầu tiêu dùng nội địa.

Trong bối cảnh đầy khó khăn đó, bằng bản lĩnh, trí tuệ, đoàn kết, tư duy sáng tạo, tinh thần trách nhiệm, Ban lãnh đạo và người lao động Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn đã nỗ lực vượt bậc để hoàn thành tất cả các nhiệm vụ và vượt mức chỉ tiêu kế hoạch năm 2022. Những dấu ấn quan trọng như: không có tai nạn lao động mất giờ công an toàn; chinh phục giới hạn vận hành Nhà máy lọc dầu Dung Quất ở công suất tối ưu; nghiên cứu, đánh giá và chế biến thử nghiệm thành công các loại dầu mới để mở rộng giờ dầu thô cho Nhà máy; là Công ty đại chúng quy mô lớn công bố thông tin và minh bạch tốt nhất kỳ đánh giá năm 2021-2022 của Sở Giao dịch Chứng

khoán Hà Nội. Bên cạnh đó, BSR cũng là doanh nghiệp thực hiện tốt các chương trình an sinh xã hội, có nhiều đóng góp hữu ích cho cộng đồng, xã hội.

Nhìn lại gần 15 năm hình thành và phát triển, BSR đang ngày càng hoàn thiện và là đơn vị tiên phong của khâu hạ nguồn trong chuỗi hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành Dầu khí; đã và đang giữ vững vị thế chủ lực trong ngành công nghiệp Lọc hóa dầu Việt Nam với sản lượng sản xuất hằng năm tiếp tục đáp ứng trên 30% nhu cầu xăng dầu cho đất nước, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh năng lượng Quốc gia. Bước sang năm 2023, những rủi ro về lạm phát, suy thoái kinh tế vẫn hiện hữu, thị trường dầu mỏ được dự báo có nhiều biến động ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Nhận thấy nhiều thách thức cùng thời cơ phía trước, Ban lãnh đạo BSR sẽ tiếp tục quản lý, vận hành Nhà máy lọc dầu Dung Quất an toàn, ổn định ở công suất, cơ cấu sản phẩm tối ưu phù hợp với nhu cầu và tình hình thị trường; đẩy mạnh công tác đầu tư, triển khai các bước tiếp theo của Dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất tuân thủ các quy định hiện hành ngay sau khi được Cấp thẩm quyền chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án; tiếp tục nghiên cứu, đánh giá và chế biến thử nghiệm các loại nguyên liệu đầu vào mới để mở rộng giờ dầu thô cho Nhà máy, nâng cao hiệu quả đánh giá thông tin dự báo giá dầu thô và sản phẩm để xây dựng, cập nhật các kịch bản, giải pháp điều hành phù hợp, linh hoạt đem lại hiệu quả cao nhằm quản trị doanh nghiệp và điều tiết hoạt động sản xuất kinh doanh, phấn đấu hoàn thành các kế hoạch mục tiêu của năm 2023. Bên cạnh đó, BSR sẽ chú trọng triển khai đồng bộ để án văn hóa doanh nghiệp, tăng cường công tác truyền thông, quảng bá thương hiệu và phấn đấu đăng ký niêm yết cổ phiếu BSR tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE) khi đủ điều kiện.

Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành, chúng tôi xin trân trọng cảm ơn sự tin tưởng và đồng hành của các cổ đông trong hành trình BSR chinh phục tầm nhìn "Trở thành doanh nghiệp dẫn đầu khu vực và có vị thế quốc tế trong lĩnh vực năng lượng và lọc hóa dầu". BSR tin rằng, sự chân thành và cùng cố đồng tạo giá trị là nền tảng của thành công trong sản xuất kinh doanh của BSR trong suốt thời gian qua.

Kính chúc Quý vị mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công.

Xin trân trọng cảm ơn!

**Ông Nguyễn Văn Hội**  
Chủ tịch HĐQT

**Ông Bùi Ngọc Dương**  
Tổng Giám đốc

## Ngành nghề kinh doanh



01 Sản xuất dầu mỏ tinh chế.



02 Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên.



03 Cung ứng và quản lý nguồn lao động



04 Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.



05 Giáo dục khách chưa được phân vào đâu.



06 Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.



07 Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.



08 Bán buôn chuyên doanh khác



09 Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.



10 Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.



11 Sửa chữa thiết bị khác.



12 Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.



13 Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.



14 Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.



15 Sửa chữa máy móc, thiết bị.



16 Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu.



17 Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

## Địa bàn kinh doanh

### TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY

Số 208 Đại lộ Hùng Vương, phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

### NHÀ MÁY

Xã Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

### ĐỊA BÀN TIÊU THỤ SẢN PHẨM CỦA CÔNG TY

Chủ yếu là thị trường nội địa Việt Nam.

### TRONG NƯỚC

Các sản phẩm xăng dầu, nhiên liệu phân lực Jet-A1, hạt nhựa Polypropylene và khí hóa lỏng LPG của NMLD Dung Quất.

### NƯỚC NGOÀI

Sản phẩm FO, MFO.

# Sơ đồ công nghệ và chu trình sản xuất NMLD Dung Quất

Sơ đồ công nghệ NMLD Dung Quất



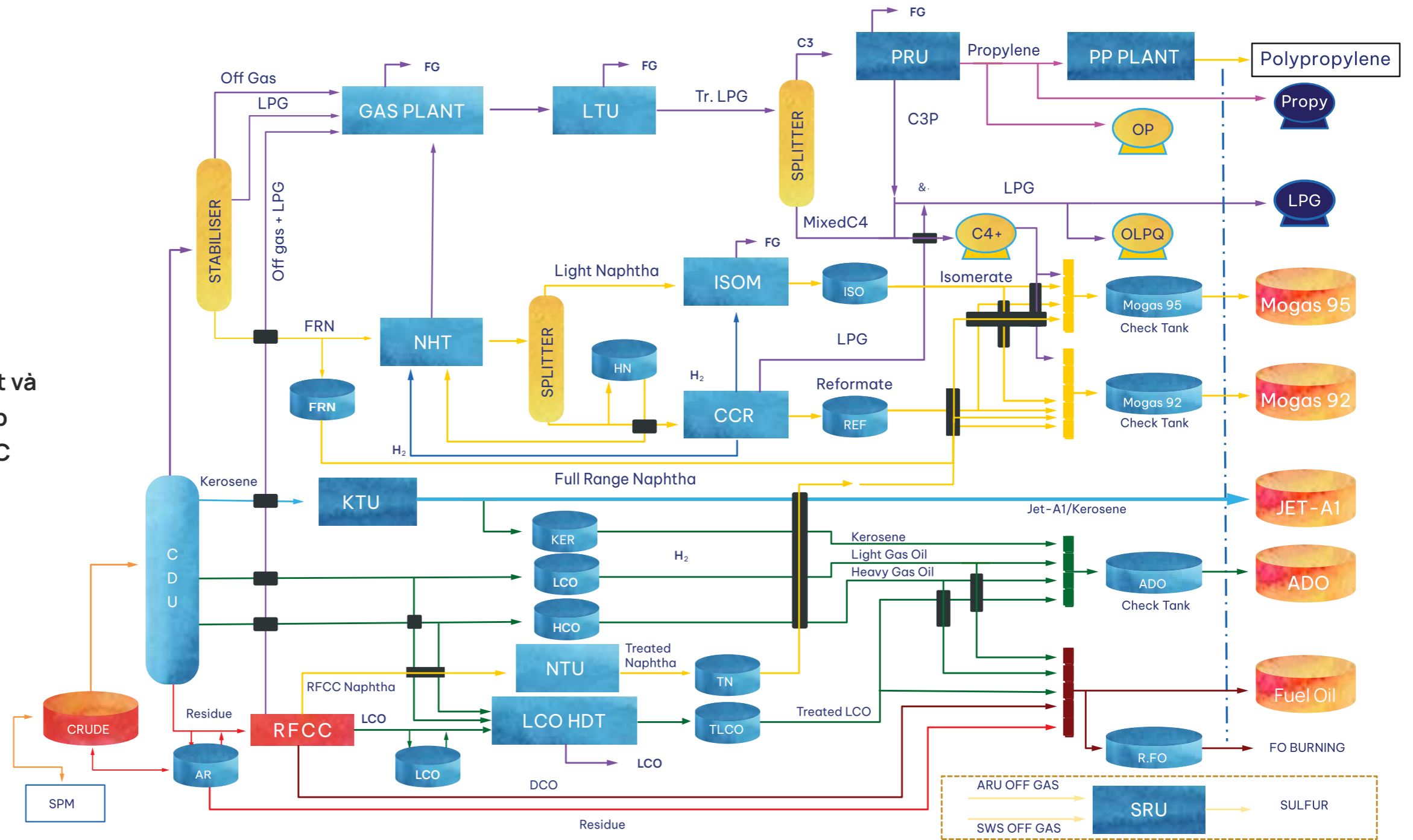
Nhà máy được thiết kế chi tiết và xây dựng, chạy thử bởi Tổ Hợp Nhà Thầu Technip (Pháp), JGC (Nhật) và các nhà thầu phụ nước ngoài khác

**2009**

NMLD Dung Quất được đưa vào vận hành năm 2009

**6,5** triệu tấn dầu thô/năm

Công suất 6,5 triệu tấn dầu thô trên 1 năm



Tên phân xưởng	Viết tắt	Chức năng	Công suất thiết kế
Phân xưởng chưng cất dầu thô (Crude Distillation Unit)	CDU	Phân tách dầu thô thành các phân đoạn sản phẩm/sản phẩm trung gian khác nhau	148.000
Phân xưởng xử lý Naphtha bằng Hydro (Naphtha Hydrotreater Unit)	NHT	Tách loại S, N, nước, kim loại khỏi dòng Naphtha	23.500
Phân xưởng Reforming xúc tác (Continuous Catalytic Reformer Unit)	CCR	Sản xuất cấu tử xăng có chỉ số octan cao	21.100
Phân xưởng xử lý sản phẩm nhiên liệu phân lọc (Kerosene Treatment Unit)	KTU	Loại bỏ S, axit Naphthenic, nước khỏi sản phẩm nhiên liệu phân lọc	10.000
Phân xưởng cracking xúc tác (Residue Fluidized Catalytic Cracking Unit)	RFCC	Chuyển hóa cặn từ phân xưởng chưng cất dầu thô thành các sản phẩm như xăng, LPG...	69.700
Phân xưởng xử lý khí hóa lỏng LPG (LPG Treater Unit)	LTU	Xử lý LPG tạo thành từ phân xưởng RFCC	21.000
Phân xưởng xử lý RFCC Naphtha	NTU	Xử lý Naphtha tạo thành từ phân xưởng RFCC	45.000
Phân xưởng thu hồi Propylene (Propylene Recovery Unit) (Kg/hr)	PRU	Thu hồi Propylene để sản xuất Polypropylene	77.240
Phân xưởng đồng phân hóa (Light Naphtha Isomerization Unit)	ISOM	Đồng phân hóa hydrocarbon để tạo cấu tử xăng có chỉ số octan cao	6.500
Phân xưởng xử lý LCO bằng hydro (LCO Hydrotreater Unit) (Kg/hr)	LCO-HDT	Loại bỏ N, S và kim loại bằng hydro nhằm làm sạch LCO	165.000
Nhà máy sản xuất nhựa Polypropylene (Polypropylene Plant) (tấn/năm)	PP	Sản xuất nhựa Polypropylene từ Propylene	150.000
Phân xưởng xử lý nước chua (Sour Water Stripping Unit)	SWS	Loại bỏ hóa khí chua khỏi dòng nước chua	82 (m <sup>3</sup> /h)
Phân xưởng tái sinh Amine (Amine Regeneration Unit)	ARU	Làm sạch, tái sinh Amine	102 (m <sup>3</sup> /h)
Phân xưởng trung hòa kiềm (Spent Caustic Neutralisation Unit)	CNU	Trung hòa kiềm	1.5 (m <sup>3</sup> /h)
Phân xưởng thu hồi lưu huỳnh 1 (Sulfur Recovery Unit 1)	SRU	Thu hồi lưu huỳnh trong khí chua	5 (tấn/ngày)
Phân xưởng thu hồi lưu huỳnh 2 (Sulfur Recovery Unit 2)	SRU2	Thu hồi lưu huỳnh trong khí chua	13 (tấn/ngày)



# Ứng dụng của sản phẩm lọc hoá dầu trong đời sống



Nhiên liệu cho phương tiện vận tải (xe máy, máy bay...)



Thành phần tạo ra bút màu, hồ dán...



Máy tính, điện thoại... được sản xuất từ các sản phẩm hoá dầu



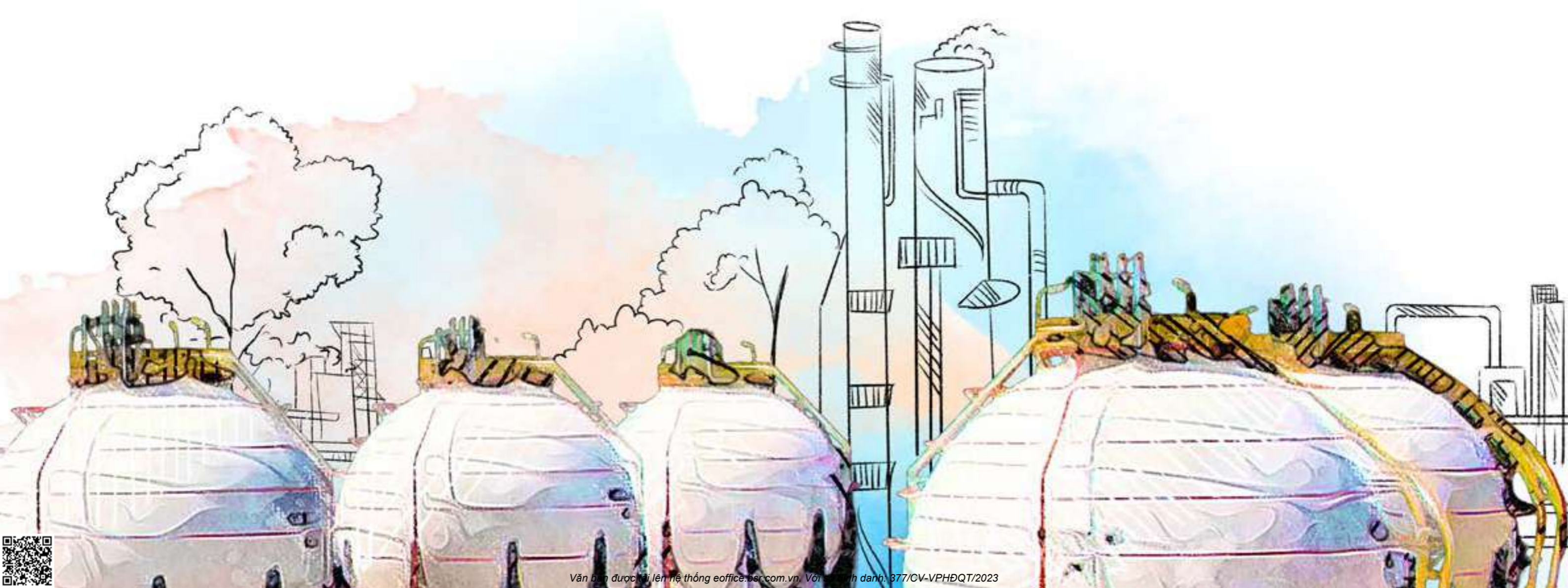
Nguyên liệu trong mỹ phẩm, dầu gội đầu



Sợi tổng hợp được sử dụng trong ngành may mặc



Thành phần cấu tạo máy MRI, máy tạo nhịp tim...

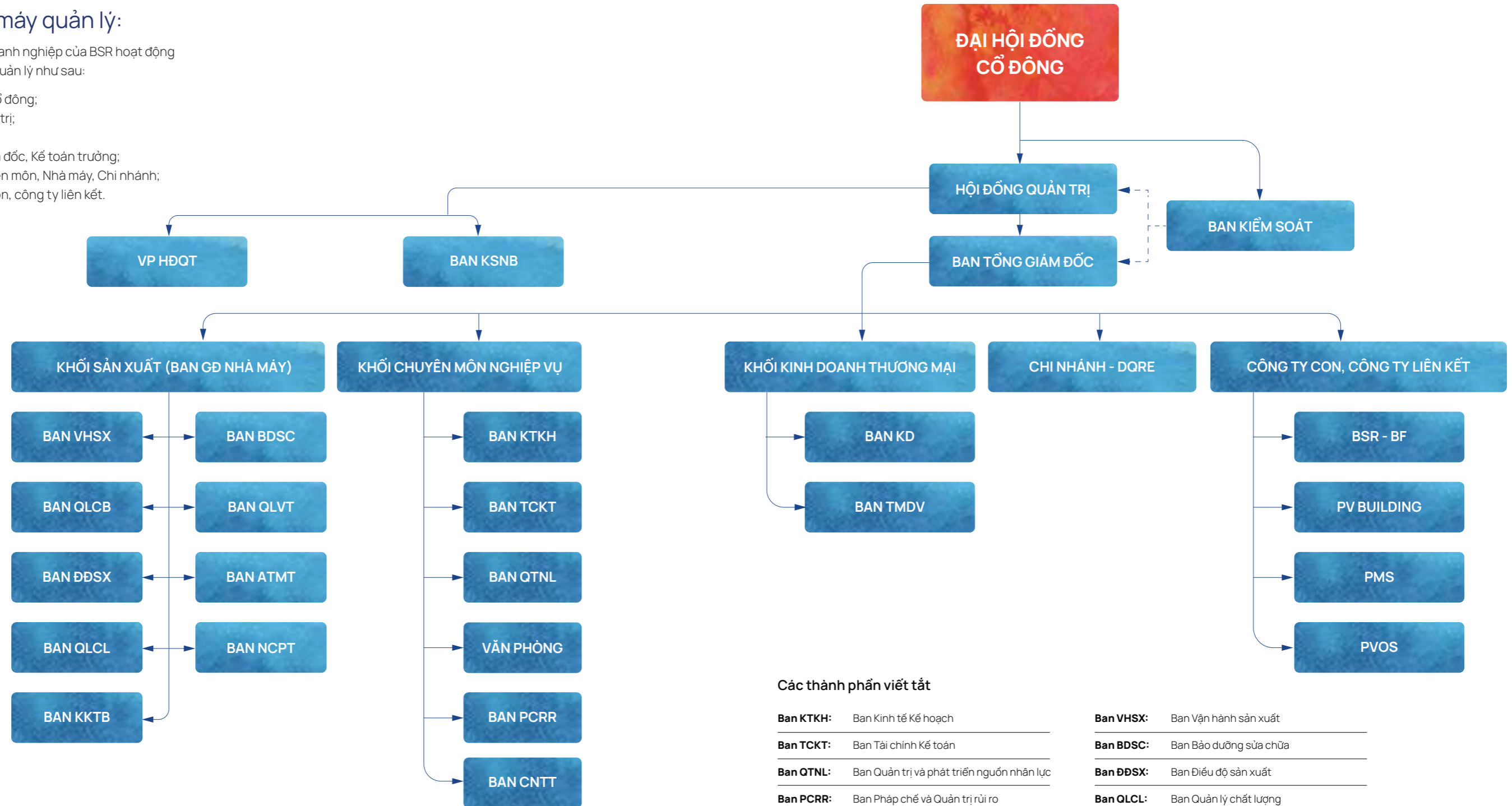


# Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

## Cơ cấu bộ máy quản lý:

Mô hình quản trị doanh nghiệp của BSR hoạt động với cơ cấu bộ máy quản lý như sau:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban Kiểm soát;
- Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;
- Các Ban chuyên môn, Nhà máy, Chi nhánh;
- Các công ty con, công ty liên kết.



### Các thành phần viết tắt

- Ban KTKH:** Ban Kinh tế Kế hoạch
- Ban TCKT:** Ban Tài chính Kế toán
- Ban QTNL:** Ban Quản trị và phát triển nguồn nhân lực
- Ban PCRR:** Ban Pháp chế và Quản trị rủi ro
- Ban ATMT:** Ban An toàn môi trường
- Ban NCPT:** Ban Nghiên cứu phát triển
- Ban KD:** Ban Kinh doanh
- Ban TMDV:** Ban Thương mại dịch vụ

- Ban VHSX:** Ban Vận hành sản xuất
- Ban BDSC:** Ban Bảo dưỡng sửa chữa
- Ban ĐDSX:** Ban Điều độ sản xuất
- Ban QLCL:** Ban Quản lý chất lượng
- Ban KKTB:** Ban Kiểm tra thiết bị
- Ban QLVT:** Ban Quản lý vật tư
- Ban KSNB:** Ban Kiểm soát nội bộ
- Ban QLQB:** Ban Quản lý cảng biển





## Danh sách Hội đồng Quản trị



**Ông Nguyễn Văn Hội**

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT  
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Năm sinh: 1968. Quốc tịch: Việt Nam Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thiết kế đường ống, bể chứa

### Quá trình công tác

- **01/2002 - 02/2003:** Phó Trưởng phòng TCHC, Trợ lý Phó Tổng Giám đốc thứ 1 Công ty liên doanh NMLD Việt Nga.
- **03/2003 - 01/2007:** Trưởng phòng Đào tạo và chuẩn bị sản xuất, Ban QLDA NMLD Dung Quất.
- **01/2007 - 10/2008:** Trưởng phòng Giám sát kỹ thuật, Ban QLDA NMLD Dung Quất.
- **10/2008 - 07/2010:** Phó Trưởng ban phụ trách xây dựng, Ban QLDA NMLD Dung Quất.
- **07/2010 - 04/2013:** Chủ tịch HĐQT Công ty Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất.
- **04/2013 - 07/2018:** Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- **07/2018 - 01/2020:** Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- **02/2020 - đến nay:** Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn



**Ông Bùi Ngọc Dương**

Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm TGD  
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không  
Năm sinh: 1975. Quốc tịch: Việt Nam  
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kỹ thuật hóa dầu;  
Kỹ sư Lọc hóa dầu

### Quá trình công tác

- **08/2000 - 06/2008:** Chuyên viên Ban quản lý dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- **06/2008 - 01/2010:** Chuyên viên Ban Chế biến Dầu khí, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- **01/2010 - 08/2014:** Phó Trưởng phòng Dự án, Ban Chế biến Dầu khí, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- **09/2014 - 05/2018:** Phó Trưởng ban Ban Chế biến Dầu khí, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- **06/2018 - 04/2019:** Phó Trưởng ban phụ trách Ban Khí & Chế biến Dầu khí, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- **04/2019 - 01/2020:** Trưởng Ban Khí và Chế biến Dầu khí (Ban Công nghiệp Khí và Lọc hóa dầu), Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- **02/2020 - 11/2021:** Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- **11/2021 - 12/2021:** Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- **12/2021 - đến nay:** Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.



**Ông Nguyễn Hải Âu**

Chức vụ: Thành viên HĐQT  
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không  
Năm sinh: 1973. Quốc tịch: Việt Nam  
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế;  
Luật sư.

### Quá trình công tác

- **12/1998 - 06/2001:** Chuyên viên Phòng Hợp tác Quốc tế, Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam).
- **06/2001 - 12/2007:** Chuyên viên Ban Luật, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- **01/2008 - 01/2009:** Chuyên viên chính Ban Luật và Quan hệ Quốc tế, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- **02/2009 - 01/2012:** Phó Trưởng ban Ban Luật và Quan hệ Quốc tế, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- **02/2012 - 05/2018:** Phó Trưởng ban Pháp chế, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- **06/2018 - 04/2019:** Chuyên viên chính Ban Pháp chế và Kiểm tra, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- **04/2019 - đến nay:** Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.





## Ông Hà Đồng

**Chức vụ:** Thành viên HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

**Năm sinh:** 1965. **Quốc tịch:** Việt Nam

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ Máy và thiết bị công nghiệp Dầu khí

### Quá trình công tác

- **08/1999 - 05/2001:** Kỹ sư trưởng, Phó Trưởng phòng Cơ khí năng lượng, Công ty liên doanh NMLD Việt Nga.
- **06/2001 - 02/2010:** Phó Trưởng phòng Công nghệ, Ban QLDA NMLD Dung Quất.
- **03/2010 - 03/2014:** Phó Giám đốc Công ty cổ phần Bảo Dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí.
- **03/2014 - 08/2017:** Giám đốc Công ty cổ phần Bảo Dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí.
- **08/2017 - 06/2018:** Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Bảo Dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí.
- **07/2018 - đến nay:** Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn



## Ông Nguyễn Bá Phước

**Chức vụ:** Thành viên HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

**Năm sinh:** 1978. **Quốc tịch:** Việt Nam

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ kết cấu;  
Kỹ sư công trình biển dầu khí

### Quá trình công tác

- **07/2002 - 06/2006:** Trưởng nhóm kết cấu; Tổ phó Dự án, Tổng công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- **07/2006 - 12/2007:** Giám đốc điều hành Công ty TNHH Hội tụ Quốc tế (AFFLUX).
- **01/2008 - 06/2009:** Điều phối viên dự án, Công ty CP thương mại Dầu khí (Petechim - PV Oil).
- **07/2009 - 05/2018:** Đảm nhiệm các chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng Ban, Ban Xây dựng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- **06/2018 - đến nay:** Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.



## Ông Khương Lê Thành

**Chức vụ:** Thành viên HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Nhiên liệu sinh học Dầu khí Miền Trung.

**Năm sinh:** 1977. **Quốc tịch:** Việt Nam

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Quản lý kinh tế;  
Kỹ sư Lọc hóa dầu

### Quá trình công tác

- **01/2002 - 09/2002:** Kỹ sư đào tạo Công ty Liên doanh NMLD Việt Nga.
- **09/2002 - 12/2008:** Kỹ sư giám sát An toàn phòng Giám sát xây lắp, Ban QLDA NMLD Dung Quất.
- **12/2008 - 07/2009:** Phó Trưởng phòng phụ trách phòng An toàn Sức khỏe Môi trường và PCCC, Công ty TNHH một thành viên Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- **07/2009 - 09/2016:** Trưởng phòng Phòng An toàn Sức khỏe Môi trường và PCCC, Công ty TNHH một thành viên Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- **09/2016 - 07/2018:** Phó TGD Công ty TNHH một thành viên Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- **07/2018 - 02/2020:** Phó TGD Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- **02/2020 - đến nay:** Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.



## Danh sách Ban Tổng Giám đốc



**Ông Bùi Ngọc Dương**

**Chức vụ:** Thành viên HĐQT kiêm TGD  
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

**Năm sinh:** 1975.

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Kỹ thuật hóa dầu;  
Kỹ sư Lọc hóa dầu

### Quá trình công tác

- **08/2000 - 06/2008:** Chuyên viên Ban quản lý dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- **06/2008 - 01/2010:** Chuyên viên Ban Chế biến Dầu khí, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- **01/2010 - 08/2014:** Phó Trưởng phòng Dự án, Ban Chế biến Dầu khí, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- **09/2014 - 05/2018:** Phó Trưởng ban Ban Chế biến Dầu khí, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

- **06/2018 - 04/2019:** Phó Trưởng ban phụ trách Ban Khí & Chế biến Dầu khí, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- **04/2019 - 01/2020:** Trưởng Ban Khí và Chế biến Dầu khí (Ban Công nghiệp Khí và Lọc hóa dầu), Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- **02/2020 - 11/2021:** Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- **11/2021 - 12/2021:** Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- **12/2021 - đến nay:** Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.

## Danh sách Ban Tổng Giám đốc



### Ông Nguyễn Ngọc Anh

**Chức vụ:** Phó Tổng Giám đốc  
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không  
**Năm sinh:** 1962. **Quốc tịch:** Việt Nam  
**Trình độ chuyên môn:** Tiến sĩ Quản lý kinh tế;  
Thạc sĩ Kỹ thuật; Kỹ sư Tàu biển;  
Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp

#### Quá trình công tác

- **01/2008 - 06/2014:** Ủy viên HĐQT, Giám đốc Công ty cổ phần Vận tải sản phẩm khí Quốc tế (Gas Shipping).
- **07/2014 - 10/2015:** Phó TGD Tổng Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans).
- **10/2015 - 07/2018:** Phó TGD Công ty TNHH một thành viên Lọc Hóa dầu Bình Sơn.
- **07/2018 - đến nay:** Phó TGD Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.



### Ông Nghiêm Đức Dương

**Chức vụ:** Phó Tổng Giám đốc  
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không  
**Năm sinh:** 1976. **Quốc tịch:** Việt Nam  
**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Quản lý dự án;  
Kỹ sư công trình thủy

#### Quá trình công tác

- **12/2006 - 03/2009:** Phó Trưởng phòng GSXL, Ban QLDA NMLD Dung Quất.
- **03/2009 - 02/2010:** Trưởng phòng GSXL, Ban QLDA NMLD Dung Quất.
- **02/2010 - 02/2012:** Phó Trưởng ban Ban QLDA Khi Điện Đạm Cà Mau.
- **02/2012 - 12/2014:** Phó Trưởng ban Ban QLDA Điện lực Dầu khí Long Phú Sông Hậu.
- **12/2014 - 04/2018:** Phó Trưởng ban Ban QLDA Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1, kiêm Đại biểu HĐND tỉnh Hậu Giang khóa IX 2016-2021.
- **05/2018 - 07/2018:** Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- **07/2018 - đến nay:** Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn, kiêm Trưởng ban QLDA NCMR NMLD Dung Quất.



### Ông Trần Đoàn Thịnh

**Chức vụ:** Phó Tổng Giám đốc  
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không  
**Năm sinh:** 1980. **Quốc tịch:** Việt Nam  
**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ quản lý Kinh tế;  
Cử nhân Kinh tế;  
Kỹ sư Lọc hóa dầu

#### Quá trình công tác

- **02/2004 - 04/2009:** Trợ lý Phó Trưởng ban Ban QLDA NMLD Dung Quất.
- **04/2009 - 06/2009:** Phó Trưởng phòng TCHC, Công ty TNHH một thành viên Lọc Hóa dầu Bình Sơn.
- **06/2009 - 08/2010:** Phó Giám đốc, Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Quản lý và phát triển Nhà Dầu khí (nay là Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí - PVBuilding).
- **08/2010 - 05/2011:** Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Quản lý và phát triển Nhà Dầu khí.
- **05/2011 - 03/2019:** Giám đốc, Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí.
- **03/2019 - đến nay:** Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.



### Ông Nguyễn Việt Thắng

**Chức vụ:** Phó Tổng Giám đốc  
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không  
**Năm sinh:** 1975. **Quốc tịch:** Việt Nam  
**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Quản lý Kinh tế;  
Kỹ sư Lọc hóa dầu

#### Quá trình công tác

- **10/1997 - 01/1999:** Chuyên viên Ban QLDA NMLD Số 1 Dung Quất.
- **02/1999 - 02/2003:** Chuyên viên Phòng Thương mại, Công ty Liên doanh NMLD Việt Nga.
- **03/2003 - 12/2003:** Chuyên viên Phòng Thương mại Hợp đồng, Ban QLDA NMLD Dung Quất.
- **12/2003 - 03/2006:** Trợ lý Trưởng ban QLDA NMLD Dung Quất.
- **04/2006 - 11/2006:** Phó Trưởng phòng Kỹ thuật tổng hợp, Ban QLDA NMLD Dung Quất.
- **12/2006 - 11/2008:** Trưởng phòng Kỹ thuật tổng hợp, Ban QLDA NMLD Dung Quất.
- **11/2008 - 10/2015:** Phó Tổng Giám đốc, Công ty TNHH một thành viên Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- **10/2015 - 04/2018:** Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Lọc hóa dầu Bình Sơn, trực tiếp làm Trưởng ban QLDA NCMR NMLD Dung Quất.
- **04/2018 - 05/2020:** Thành viên Hội đồng thành viên Tổng Công ty Dầu Việt Nam.
- **05/2020 - đến nay:** Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.



## Danh sách Ban Tổng Giám đốc



### Ông Mai Tuấn Đạt

**Chức vụ:** Phó Tổng Giám đốc  
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không  
**Năm sinh:** 1976. **Quốc tịch:** Việt Nam  
**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Kỹ thuật hóa học;  
Kỹ sư Tự động hóa

#### Quá trình công tác

- **01/2000 - 04/2009:** Kỹ sư Tự động hóa Phòng Tự động hóa sản xuất, Công ty Liên doanh NMLD Việt Nga, Ban QLDA NMLD Dung Quất.
- **05/2009 - 03/2010:** Phó Trưởng phòng Bảo dưỡng sửa chữa, Công ty TNHH một thành viên Lọc Hóa dầu Bình Sơn.
- **03/2010 - 12/2010:** Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng Bảo dưỡng sửa chữa, Công ty TNHH một thành viên Lọc Hóa dầu Bình Sơn.
- **12/2010 - 02/2016:** Trưởng phòng Bảo dưỡng sửa chữa, Công ty TNHH một thành viên Lọc Hóa dầu Bình Sơn.
- **03/2016 - 12/2017:** Trưởng phòng Sản xuất, Trưởng ban Vận hành sản xuất Công ty TNHH một thành viên Lọc Hóa dầu Bình Sơn.
- **12/2017 - 10/2019:** Phó Giám đốc Nhà máy, Công ty Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- **10/2019 - 07/2022:** Giám đốc Nhà máy, Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- **07/2022 - đến nay:** Phó Tổng Giám đốc, Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.



### Ông Phạm Minh Nghĩa

**Chức vụ:** Phó Tổng Giám đốc  
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không  
**Năm sinh:** 1980. **Quốc tịch:** Việt Nam  
**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Quản lý Kinh tế;  
Kỹ sư Lọc hóa dầu;  
Cử nhân Quản trị kinh doanh

#### Quá trình công tác

- **04/2003 - 09/2004:** Chuyên viên Phòng Giám sát công trình chung - Ban QLDA NMLD Dung Quất.
- **10/2004 - 05/2005:** Chuyên viên Phòng Chuẩn bị nhân lực, Ban QLDA NMLD Dung Quất.
- **06/2005 - 08/2008:** Thư ký Phó trưởng ban, Chuyên viên Phòng Kỹ thuật công nghệ/ Phòng Giám sát xây lắp, Ban QLDA NMLD Dung Quất.
- **09/2008 - 08/2009:** Thư ký HĐTV Công ty Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- **09/2009 - 06/2013:** Phó Chánh văn phòng, Thư ký HĐTV Công ty Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- **06/2013 - 01/2014:** Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng Pháp chế - Công ty Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- **01/2014 - 03/2019:** Trưởng phòng Pháp chế, Trưởng Ban Pháp chế - Quản trị rủi ro, Công ty Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- **03/2019 - 07/2022:** Trưởng Ban Quản trị và Phát triển nguồn nhân lực, Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- **07/2022 - đến nay:** Phó Tổng Giám đốc kiêm nhiệm Trưởng ban Quản trị và Phát triển nguồn nhân lực, Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.

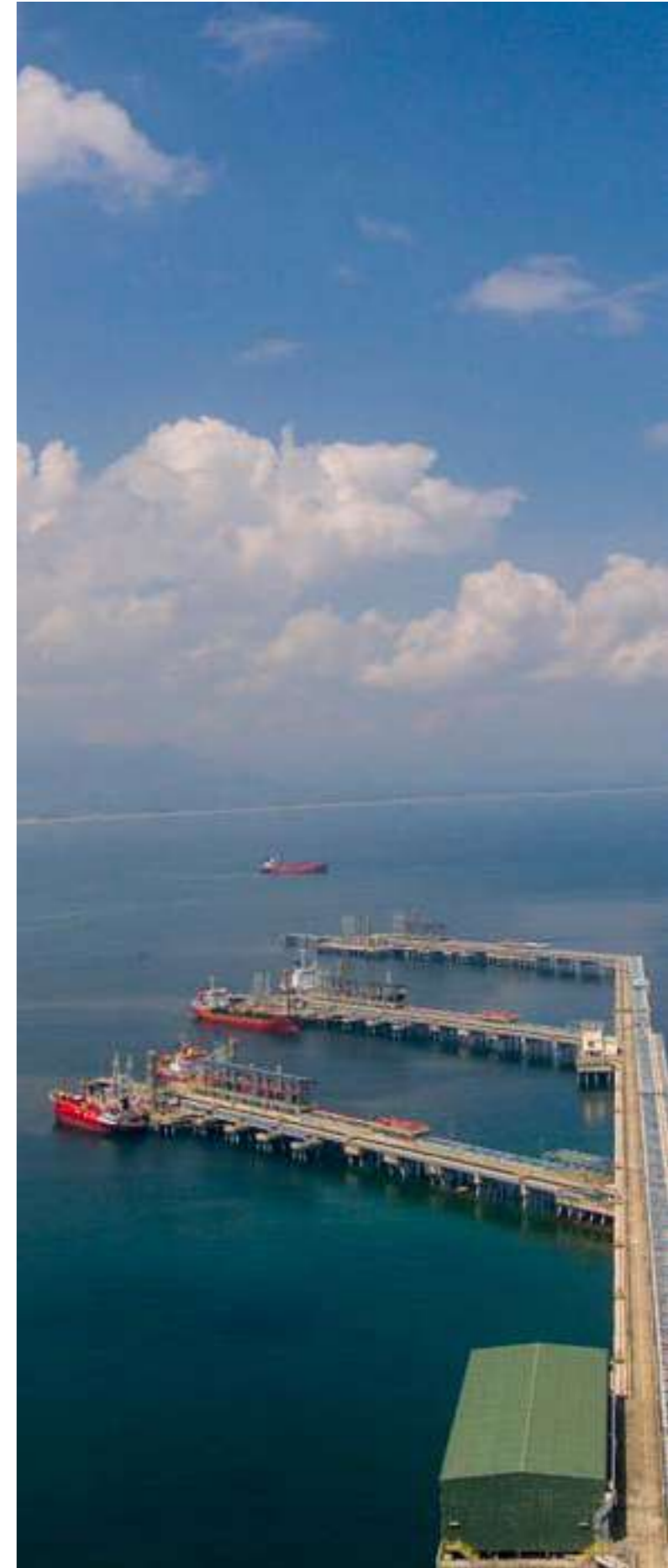


### Ông Bạch Đức Long

**Chức vụ:** Kế toán trưởng  
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không  
**Năm sinh:** 1976. **Quốc tịch:** Việt Nam  
**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kinh tế Tài chính doanh nghiệp

#### Quá trình công tác

- **10/2006 - 01/2008:** Phó Trưởng phòng Tài chính kế toán, Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển An toàn Môi trường Dầu Khí.
- **01/2008 - 08/2008:** Phụ trách Tài chính kế toán Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển An toàn Môi trường Dầu Khí.
- **11/2008-04/2009:** Chuyên viên đầu tư Tổng Công ty tài chính cổ phần Dầu Khí Việt Nam (PVFC) Sài Gòn.
- **05/2009 - 08/2010:** Kế toán trưởng Công ty Bảo hiểm Dầu khí Sài Gòn.
- **08/2010 - 05/2016:** Kế toán trưởng Công ty Bảo hiểm PVI phía Nam.
- **05/2016 - 06/2016:** Phó Trưởng ban TCKT, Công ty cổ phần phân bón Dầu khí Cà Mau.
- **06/2016 - 02/2018:** Phó Giám đốc chi nhánh, Công ty cổ phần phân bón Dầu khí Cà Mau - Ban QLDA chuyên ngành.
- **02/2018 - 05/2019:** Phó Trưởng ban TCKT, Công ty cổ phần phân bón Dầu khí Cà Mau.
- **05/2019 - đến nay:** Kế toán trưởng kiêm Trưởng ban TCKT, Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.



## Danh sách Ban Kiểm soát



**Ông Hoàng Đình Nhật**

**Chức vụ:** Trưởng Ban Kiểm soát  
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

**Năm sinh:** 1980. **Quốc tịch:** Việt Nam **Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Quản lý kinh tế;  
Kỹ sư Công nghệ Hữu cơ hóa dầu

### Quá trình công tác

- **11/2007 - 07/2009:** Kỹ sư công nghệ, Ban QLDA Nhà máy lọc dầu Dung Quất.
- **07/2009 - 12/2012:** Trưởng bộ phận phụ trách Đảm bảo chất lượng - Bộ phận Đảm bảo chất lượng - Công ty Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- **12/2012 - 03/2016:** Phó trưởng phòng QLCL - Công ty TNHH một thành viên Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- **03/2016 - 08/2017:** Phó trưởng phòng Pháp chế, Phó Trưởng Ban Pháp chế và quản trị rủi ro, Công ty TNHH một thành viên Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- **08/2017 - 08/2018:** Phó trưởng phòng - Phòng Giám sát Kỹ thuật, Ban QLDA NCMR Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Công ty Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- **08/2018 - 03/2019:** Phó Trưởng Ban Pháp chế và Quản trị rủi ro - Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- **03/2009 - 04/2020:** Phó Trưởng ban phụ trách Ban Pháp chế và Quản trị rủi ro - Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- **04/2020 - 08/2020:** Phó Trưởng ban phụ trách Ban Pháp chế và Quản trị rủi ro - Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- **08/2020 - 04/2022:** Trưởng ban Kiểm soát nội bộ, Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- **04/2022 - đến nay:** Trưởng Ban Kiểm soát, Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn



**Ông Hoàng Ngọc Xuân**

**Chức vụ:** Thành viên Ban Kiểm soát  
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không  
**Năm sinh:** 1982. **Quốc tịch:** Việt Nam  
**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Tài chính Ngân hàng

### Quá trình công tác

- **12/2009 - 12/2010:** Trưởng Phòng Giao dịch, Chi nhánh Đà Nẵng - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí.
- **12/2010 - 03/2012:** Phó Giám đốc, Giám đốc Chi nhánh Thanh Hóa - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí.
- **04/2012 - 04/2013:** Trưởng Phòng Giao dịch, Phòng Giao dịch 02, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí.
- **05/2013 - 12/2013:** Thư ký Phó Tổng Giám đốc, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- **01/2014 - 06/2018:** Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán và Kiểm toán, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- **07/2018 - đến nay:** Thành viên Ban Kiểm soát, Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.



**Bà Vũ Lan Phương**

**Chức vụ:** Thành viên Ban Kiểm soát  
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chuyên viên chính, Ban Tổ chức và quản trị nguồn nhân lực, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam  
**Năm sinh:** 1980. **Quốc tịch:** Việt Nam  
**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Quản lý tài chính

### Quá trình công tác

- **09/2001 - 05/2006:** Chuyên viên Phòng Dịch vụ ủy thác, Công ty Tài chính Dầu khí.
- **06/2006 - 05/2016:** Chuyên viên, Trưởng phòng, Phòng Tài chính dự án, Quản lý nợ và Quản lý rủi ro, Ban Kế toán và kiểm toán, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- **06/2018 - 12/2018:** Trưởng phòng, Ban Tài chính kế toán, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- **12/2018 - 12/2021:** Chuyên viên chính, Phòng Tài chính dự án và Thu xếp Vốn, Ban Tài chính Kế toán, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- **10/2021 - 04/2022:** Chuyên viên chính, Phòng Tổ chức nhân sự, Ban Tổ chức và Quản trị nguồn nhân lực, Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam.
- **04/2022 - đến nay:** Thành viên Ban Kiểm soát, Công ty Lọc hóa dầu Bình Sơn.

## Danh sách Ban Kiểm soát

### Ông Phạm Ngọc Quý

**Chức vụ:** Trưởng Ban Kiểm soát  
(Miễn nhiệm từ tháng 04/2022)  
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

**Năm sinh:** 1973. **Quốc tịch:** Việt Nam  
**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kinh tế;  
Cử nhân ngoại ngữ (Anh văn)

### Ông Vũ Lê Huy

**Chức vụ:** Thành viên Ban Kiểm soát  
(Miễn nhiệm từ tháng 04/2022)  
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Kiểm soát viên Công ty TNHH một thành viên CNTT Dung Quất

**Năm sinh:** 1978. **Quốc tịch:** Việt Nam  
**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kinh tế Tài chính  
Ngân hàng



## Công ty con

### Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (PV Building)

Tên công ty	Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí
Địa chỉ trụ sở chính	Khu đô thị mới Vạn Tường, xã Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi
Giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh:	Số 4300429492 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp lần đầu ngày 02/04/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 19/08/2019.
Ngành nghề kinh doanh chính:	Thương mại dịch vụ bao bì hạt nhựa, cung cấp dịch vụ hậu cần,...
Vốn điều lệ đăng ký:	175.222.840.000 đồng
Cổ phiếu của PV Building (mã chứng khoán: PBT)	Đã giao dịch trên UPCOM từ ngày 18/01/2019 theo Thông báo số 43/TB-SGDHN ngày 14/01/2019 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.
Số lượng cổ phần BSR sở hữu:	14.589.284 cổ phần (Tỷ lệ sở hữu: 83,26% vốn điều lệ).

### Công ty cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR-BF)

Tên công ty	Công ty cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung
Địa chỉ trụ sở chính	KCN phía Đông – Khu Kinh tế Dung Quất, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam
Giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh:	Số 3403000191 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp lần đầu ngày 29/08/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 11/01/2018.
Ngành nghề kinh doanh chính:	Sản xuất, bán buôn nhiên liệu sinh học và các sản phẩm liên quan
Vốn điều lệ đăng ký:	982.000.000.000 đồng
Số lượng cổ phần BSR sở hữu:	59.902.000 cổ phần (Tỷ lệ sở hữu: 65,54% vốn điều lệ).

## Công ty liên kết

### Công ty cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí (PMS)

Tên công ty	Công ty cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí
Địa chỉ trụ sở chính	Đường Võ Văn Kiệt, thôn Đô Lỗ, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi
Giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh:	Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4300468798 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 29/06/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 09/02/2018.
Ngành nghề kinh doanh chính:	Xây dựng, bảo dưỡng, sửa chữa công trình,...
Vốn điều lệ đăng ký:	100.000.000.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp	80.000.000.000 đồng
Số lượng cổ phần BSR sở hữu:	700.000 cổ phần (Tỷ lệ sở hữu: 8,75% vốn điều lệ)

### Công ty TNHH Kho ngấm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam (PVOS)

Tên công ty	Công ty TNHH Kho ngấm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam
Địa chỉ trụ sở chính	KCN Dầu khí Long Sơn, xã Long Sơn, Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh:	Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500889978 ngày 22/07/2008, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 13/08/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.
Ngành nghề kinh doanh chính:	Đầu tư xây dựng và vận hành kho ngấm chứa xăng dầu để tồn chứa dầu thô và các sản phẩm dầu chủ yếu phục vụ Nhà máy lọc dầu
Vốn điều lệ đăng ký:	95.467.730.000 đồng
Vốn góp của BSR:	4.244.000.000 đồng (Tỷ lệ sở hữu: 5,03% vốn điều lệ)..





## Định hướng phát triển

### Mục tiêu trọng tâm

Xây dựng, phát triển Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn gắn liền với Chiến lược phát triển ngành Dầu khí Việt Nam, Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam, Định hướng phát triển năng lượng quốc gia và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đảm bảo đồng bộ, hiệu quả và bền vững, có khả năng cạnh tranh, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng cho phát triển đất nước, tham gia tích cực vào việc thực hiện các giải pháp để đạt được phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050, đóng góp hiệu quả công tác an sinh xã hội.

Tập trung phát triển các lĩnh vực kinh doanh chính bao gồm: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm lọc hóa dầu; kinh doanh thương mại dầu thô và các sản phẩm hóa dầu; Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật; Từng bước thâm nhập hiệu quả vào lĩnh vực sản xuất và kinh doanh năng lượng tái tạo. Giữ vững

vị trí là nhà cung cấp các sản phẩm lọc hóa dầu hàng đầu của Việt Nam. Đẩy mạnh phát triển hóa dầu và các dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật chất lượng cao cho khâu sau

Sử dụng tài nguyên tiết kiệm, hiệu quả, gắn liền với bảo vệ môi trường sinh thái. Chủ động thực hiện các giải pháp giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát triển năng lượng mới, năng lượng tái tạo.

Thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong mọi hoạt động của BSR. Phát huy tối đa nội lực, năng lực quản trị hiện đại, kết hợp với đẩy mạnh hợp tác, hội nhập quốc tế, khuyến khích và thu hút các đối tác thuộc mọi thành phần kinh tế ở trong nước và nhà đầu tư nước ngoài tham gia vào các lĩnh vực hoạt động của BSR.

### Các mục tiêu phát triển bền vững

Tiếp tục phát huy hiệu quả vận hành nhà máy an toàn, ổn định, liên tục, gia tăng hiệu quả sản xuất, cải thiện các hoạt động kinh doanh và tiếp tục phấn đấu duy trì lợi nhuận sau thuế và tăng trưởng dương trong thời gian tới.

Tuân thủ đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường và tham gia tích cực vào việc thực hiện cam kết phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050 của Việt Nam tại COP26, tiếp tục hoạt động SXKD và tập trung đầu tư vào lọc hóa dầu, trong đó chủ yếu là các sản phẩm hóa dầu làm nguyên liệu để sản xuất hàng

tiêu dùng và mở rộng sang lĩnh vực năng lượng tái tạo và tồn trữ các-bon.

Phần đầu là một trong những doanh nghiệp có đóng góp lớn nhất cho sự tăng trưởng của ngành dầu khí Việt Nam và ngân sách Nhà nước. Tích cực tham gia công tác an sinh xã hội nhằm góp phần vào sự phát triển chung của địa phương.

BSR tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc góp phần đảm bảo an ninh năng lượng của Việt Nam như đáp ứng nhu cầu nhiên liệu vận chuyển cho thị trường nội địa và nhiên liệu đặc thù của Bộ Quốc phòng

## Quản trị rủi ro

### Rủi ro trong hoạt động sản xuất và bảo vệ môi trường

Hoạt động của Nhà máy lọc dầu có phát sinh lượng lớn chất thải, nguy cơ gây ra các sự cố tràn dầu và cháy nổ nếu không có các biện pháp kiểm soát hiệu quả sẽ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, do vậy BSR luôn xem vấn đề bảo vệ môi trường là quan trọng hàng đầu. BSR đã áp dụng hệ thống quản lý ISO 14001:2015 để kiểm soát chặt chẽ các khía cạnh môi trường liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của BSR. Công ty đã chủ trọng xây dựng hệ thống quản lý rủi ro từ những ngày đầu thành lập. Năm 2022, BSR đạt hơn 37,3 triệu giờ công an toàn không có tai nạn lao động mất ngày công (LT). Các chỉ tiêu về chất lượng sản phẩm, các chỉ số môi trường luôn đạt được các quy chuẩn/tiêu chuẩn theo quy định hiện hành.

Công ty đã xây dựng, duy trì áp dụng, cải tiến liên tục hệ thống quản lý an toàn sức khỏe và quản lý môi trường theo

tiêu chuẩn ISO 45001, ISO 14001, các thành phần của hệ thống quản lý an toàn công nghệ; xây dựng và thường xuyên tổ chức diễn tập các phương án ứng phó sự cố khẩn cấp, trang bị đầy đủ các thiết bị để sẵn sàng ứng phó với các sự cố khẩn cấp, giảm thiểu các rủi ro gây ra đối với con người, tài sản, môi trường.

Công ty chủ động phối hợp với chính quyền, cơ quan quản lý Nhà nước tổ chức các khóa đào tạo bắt buộc theo luật định nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm trong công tác đảm bảo an toàn sức khỏe môi trường và phòng cháy chữa cháy.

Nhiều sáng kiến, cải tiến nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường của cán bộ công nhân viên được áp dụng thành công trong hoạt động sản xuất đã mang lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường.

### Rủi ro về thị trường

Rủi ro khủng hoảng năng lượng: năng lượng toàn cầu trong thời gian gần đây đang gặp khủng hoảng trầm trọng. Đặc biệt, trong bối cảnh xung đột Nga - Ukraine, các lệnh trừng phạt liên tiếp được các bên liên quan áp đặt lẫn nhau đã gây ra nhiều hệ lụy cho kinh tế thế giới, nhất là lĩnh vực năng lượng bởi nước Nga giữ vị trí hàng đầu thế giới về sản lượng khí đốt, dầu mỏ, than đá và urani. Thị trường dầu thô, sản phẩm đã biến động lớn và khó dự đoán, nhu cầu dầu tăng mạnh tại nhiều nước trong khi nguồn cung dầu vẫn còn thắt chặt. Các yếu tố này tác động rất lớn đến thị trường và nằm ngoài tầm kiểm soát của các đơn vị sản xuất kinh doanh.

Với việc thị trường dầu biến động mạnh, các dự báo của nhiều tổ chức có mức chênh lệch so với thực tế đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến việc điều hành sản xuất kinh doanh của BSR. Ngay từ đầu năm 2022 Công ty đã chủ động đề ra nhiều giải pháp về thị trường, nguồn đầu thô, tiêu thụ sản phẩm và giải pháp tổng thể để phòng, tránh các tác động xấu của biến động thị trường dầu khí. Với đánh giá thị trường dầu mỏ sẽ còn có nhiều biến động bất thường do thiên tai và các yếu tố địa chính trị và gặp sự cạnh tranh ngày càng gay gắt, để tạo lợi thế cạnh tranh, ổn định sản xuất kinh doanh và lợi nhuận, BSR sẽ nỗ lực tiết giảm chi phí và quan trọng hơn cả là ổn định cũng như tận dụng chuỗi cung ứng sẵn có tại thị trường để tạo lợi thế cạnh tranh tại thị trường nội địa.



# Quản trị rủi ro

## Rủi ro về thị trường

### Rủi ro khủng hoảng năng lượng:

Năng lượng toàn cầu trong thời gian gần đây đang gặp khủng hoảng trầm trọng. Đặc biệt, trong bối cảnh xung đột Nga - Ukraine, các lệnh trừng phạt liên tiếp được các bên liên quan áp đặt lẫn nhau đã gây ra nhiều hệ lụy cho kinh tế thế giới, nhất là lĩnh vực năng lượng bởi nước Nga giữ vị trí hàng đầu thế giới về sản lượng khí đốt, dầu mỏ, than đá và urani. Thị trường dầu thô, sản phẩm đã biến động lớn và khó dự đoán, nhu cầu dầu tăng mạnh tại nhiều nước trong khi nguồn cung dầu vẫn còn thắt chặt. Các yếu tố này tác động rất lớn đến thị trường và nằm ngoài tầm kiểm soát của các đơn vị sản xuất kinh doanh.

Với việc thị trường dầu biến động mạnh, các dự báo của nhiều tổ chức có mức chênh lệch so với thực tế đã gây ảnh hưởng

không nhỏ đến việc điều hành sản xuất kinh doanh của BSR. Ngay từ đầu năm 2022 Công ty đã chủ động để ra nhiều giải pháp về thị trường, nguồn đầu thô, tiêu thụ sản phẩm và giải pháp tổng thể để phòng, tránh các tác động xấu của biến động thị trường dầu khí. Với đánh giá thị trường dầu mỏ sẽ còn có nhiều biến động bất thường do thiên tai và các yếu tố địa chính trị và gặp sự cạnh tranh ngày càng gay gắt, để tạo lợi thế cạnh tranh, ổn định sản xuất kinh doanh và lợi nhuận, BSR sẽ nỗ lực tiết giảm chi phí và quan trọng hơn cả là ổn định cũng như tận dụng chuỗi cung ứng sẵn có tại thị trường để tạo lợi thế cạnh tranh tại thị trường nội địa.

### Rủi ro phát triển sản phẩm thay thế:

Dịch bệnh Covid-19 là yếu tố đẩy nhanh quá trình chuyển đổi năng lượng toàn cầu. Bên cạnh đó, các khủng hoảng về nguồn cung, biến đổi khí hậu là thách thức nghiêm trọng đối với lĩnh vực năng lượng toàn cầu. Trong ngắn hạn từ 2023 đến năm 2030, chuyển dịch năng lượng có thể chưa tác động rõ ràng đến nhu cầu sử dụng các sản phẩm xăng dầu ở Việt Nam. Giai đoạn dài hạn 2030 - 2050, chuyển dịch năng lượng sẽ diễn ra sâu rộng trên phạm vi toàn cầu, ngay cả với kịch bản phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050, dầu mỏ vẫn được sử dụng trong mục đích phi năng lượng như những sản phẩm chế biến sâu, hay trong các lĩnh vực khó thay thế nhiên liệu hóa thạch như

ngành hàng không, giao thông đường biển. Tuy nhiên sự sụt giảm về nhu cầu sử dụng các sản phẩm nhiên liệu, năng lượng truyền thống đặc biệt từ nguồn hóa thạch và thay vào đó là những nhiên liệu tái tạo, nhiên liệu mới điều không thể tránh khỏi. Trước bối cảnh này, để tăng tính cạnh tranh, giữ vững và phát triển thị trường, BSR không ngừng đẩy mạnh công tác nghiên cứu và phát triển nhằm đổi mới, sáng tạo và cải tiến chất lượng sản phẩm. Trong ngắn hạn, BSR có thể chủ động trong việc tiêu thụ các loại sản phẩm lọc hóa dầu tại thị trường Việt Nam và trong khu vực.

### Rủi ro từ các đối thủ cạnh tranh:

Nhằm tăng tính cạnh tranh, BSR đã và đang nâng cao tinh chủ động, tận dụng những nguồn lực có sẵn nhằm đảm bảo ổn định được đầu vào, đầu ra và lợi nhuận lọc dầu: Sử dụng tối đa các loại dầu Việt Nam phù hợp với cấu hình công nghệ hiện tại với chi phí vận chuyển thấp và tinh sẵn có và hạn chế thấp nhất các rủi ro và ảnh hưởng do biến động thị trường, biến động giá; Tập trung tiêu thụ sản phẩm tại thị trường nội địa hiện đang có lợi thế cạnh tranh, tăng cường tận dụng tính liên kết chuỗi giữa các đơn vị/ đối tác đối với việc phân phối sản phẩm của BSR; Tập trung vào các khách hàng, nhà cung cấp chính có quan hệ lâu dài nhằm gắn kết chuỗi cung ứng đầu vào - chế biến - đầu ra.

### Rủi ro về biến động giá ảnh hưởng đến hiệu quả lọc dầu:

Theo các nhà phân tích, từ năm 2023, kinh tế toàn cầu còn nhiều khó khăn, địa chính trị sẽ được phân cực rất rõ ràng bởi xung đột không chỉ giữa Nga - Ukraine mà còn giữa nhiều liên minh và nhiều nước khác. Do đó, thị trường năng lượng, đặc biệt thị trường dầu sẽ còn tiếp tục chịu ảnh hưởng rất lớn. Với đặc thù sản xuất và kinh doanh, giá thành sản phẩm chính của BSR cùng lợi nhuận lọc dầu chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi sự biến động của giá dầu trên thế giới. Việc giá dầu diễn biến phức tạp, tăng/giảm không ổn định ngoài tầm kiểm soát ảnh hưởng trực tiếp và ảnh hưởng lớn đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của BSR. Để phòng ngừa rủi ro về giá dầu trong việc hoạch định và thực hiện các mục tiêu kinh doanh ngắn hạn, BSR đã linh hoạt lập dự báo kế hoạch sản xuất, kinh doanh trên nền các kịch bản về giá dầu để kiểm soát sự thay đổi trong điều kiện môi trường kinh doanh nhiều biến động.

Lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với ô tô: Việc áp dụng tiêu chuẩn khí thải mức 5 đối với các loại xe ô tô sản xuất, lắp ráp

và nhập khẩu mới từ 01/01/2022 theo Quyết định số 49/2011/QĐ-TTg về việc Quy định lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với xe ô tô, xe mô tô hai bánh sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới sẽ ảnh hưởng rất lớn đến việc tiêu thụ xăng dầu của NMLD Dung Quất. Tuy nhiên đến nay Chính phủ vẫn chưa ban hành lộ trình lưu hành các sản phẩm xăng dầu với chất lượng khác nhau (tương đương tiêu chuẩn Euro 2, 3, 4, 5), gây bị động cho các doanh nghiệp trong việc xây dựng kế hoạch để đáp ứng lộ trình này. Song song với việc triển khai dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất, BSR đã và đang tiếp tục làm việc, kiến nghị với các cấp có thẩm quyền để có phương án tiêu thụ các sản phẩm xăng dầu hiện nay của BSR phù hợp với khả năng công nghệ của Nhà máy lọc dầu Dung Quất theo từng giai đoạn cụ thể. Bên cạnh đó, để chủ động hơn trong công tác sản xuất và xuất bán, BSR đã sản xuất, xuất bán sản phẩm khác (gồm Jet A-1K, DO-L62, Xăng RON83) nhằm tìm kiếm cơ hội thị trường mới đối với sản phẩm xăng dầu.



## Quản trị rủi ro

### Rủi ro về tài chính

#### Rủi ro về lãi suất

Đây là rủi ro phát sinh khi có sự biến động của chênh lệch lãi suất, giữa lãi suất đầu tư tiến gửi ngân hàng với lãi suất phải trả cho việc đi vay, dẫn đến làm giảm thu nhập tài chính của Công ty. Vì vậy, BSR luôn chú trọng đến công tác dự báo/ lập kế hoạch, cân đối dòng tiền hàng tháng, phân tích, đánh giá để quyết định gửi tiền, vay vốn đạt tối ưu và hiệu quả.

#### Rủi ro về tỷ giá

Nhận thức được tầm quan trọng của việc quản trị rủi ro về tỷ giá, BSR chú trọng công tác dự báo, cập nhật tình hình kinh tế vĩ mô, tình hình tài chính thế giới và trong nước/công tác điều hành chính sách tiền tệ của NHNN, theo dõi sát sao các biến động của tỷ giá để xây dựng và triển khai các phương án kinh doanh phù hợp, linh hoạt và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Với số dư vốn vay ngoại tệ lớn và sử dụng ngoại tệ trong giao dịch kinh doanh và trả nợ vay, biến động về tỷ giá ảnh hưởng nhiều đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của BSR. Song song với công tác quản trị về tỷ giá nêu trên, BSR luôn triển khai đến các Ngân hàng về việc chào tỷ giá ngoại tệ cạnh tranh cho từng giao dịch, lựa chọn mua với tỷ giá thấp nhất.

### Rủi ro về hoạt động, tuân thủ

Công ty đã xây dựng và cập nhật liên tục hệ thống các văn bản quản lý nội bộ (các quy chế, quy định, quy trình), tuân thủ theo quy định của Pháp luật về công ty cổ phần, tuân thủ yêu cầu của các tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 14001, ISO 45001 và ISO 50001. Bên cạnh đó, Công ty cũng thường xuyên triển khai các đợt đánh giá sự tuân thủ các Quy chế, Quy định và Quy trình trong toàn Công ty để đảm bảo tính hiệu lực của các văn bản quản lý nội bộ cũng như sự tuân thủ trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

### Rủi ro liên quan đến hoạt động đầu tư vào công ty con

Hiện nay, BSR tham gia góp vốn vào 04 công ty với tổng giá trị vốn góp theo mệnh giá là 899,3 tỷ đồng, trong đó có 02 Công ty con (Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí - PV Building và Công ty cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung - BSR - BF) và 02 công ty liên kết (Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa công trình Dầu khí - PMS, Công ty TNHH Kho ngấm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam - PVOS).

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty PV Building và PMS tương đối ổn định, có triển vọng phát triển và sinh lời qua các năm. Đối với Công ty PVOS (BSR tham gia góp vốn với giá trị đầu tư 4,2 tỷ đồng): Hoạt động của PVOS đến nay vẫn nằm trong giai đoạn triển khai đầu tư xây dựng dự án nên chưa phát sinh doanh thu.

BSR đã tiến hành thủ tục để thoái vốn tại PMS, PVOS. Tuy nhiên công tác thoái vốn tại 2 đơn vị này hiện đang gặp vướng mắc về hành lang pháp lý liên quan đến thoái vốn tại các đơn vị chưa phải là công ty cổ phần đại chúng. BSR đã có công văn kiến nghị cấp có thẩm quyền và sẽ tiếp tục triển khai thực hiện công tác thoái vốn tại PMS, PVOS sau khi có hướng dẫn.

Hoạt động của BSR-BF gặp nhiều khó khăn, chưa đem lại hiệu quả. Trong năm 2021, các ngân hàng cấp tín dụng cho BSR-BF bao gồm Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương, Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam đã khởi kiện BSR-BF lên Tòa án Nhân dân Thành phố Quảng Ngãi liên quan đến các khoản vay quá hạn thanh toán hợp đồng tín dụng xây dựng Nhà máy Nhiên liệu Sinh học Dung Quất. Tòa án Nhân dân Thành phố Quảng Ngãi đang trong quá trình thực hiện các thủ tục chuẩn bị xét xử vụ kiện trên. Trong thời gian vụ kiện chưa xử lý xong, BSR-BF vẫn hoạt động bình thường. Ngoài ra, đến thời điểm 31/12/2020, Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ giá trị khoản đầu tư vào BSR-BF. Với vai trò cổ đông, BSR đang tích cực phối hợp với các cổ đông khác để triển khai thực hiện phương án xử lý BSR-BF theo hướng mở thủ tục phá sản doanh nghiệp để xử lý các tồn tại của dự án Nhà máy nhiên liệu sinh học Dung Quất phù hợp với các quy định của pháp luật.

### Rủi ro trong quá trình đầu tư dự án

BSR đang tiếp tục tập trung nguồn lực để có các giải pháp tốt nhất trong quản lý và triển khai điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp mở rộng nhằm đáp ứng yêu cầu về chất lượng sản phẩm theo lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải tại Quyết định 49/2011/QĐ-TTg ngày 01/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

### Rủi ro về dịch bệnh Covid-19

Tình hình dịch bệnh Covid-19 trong Quý I và Quý II năm 2022 diễn biến rất phức tạp, tỷ lệ lây lan nhanh do biến chủng Omicron gây khó khăn cho việc bố trí nguồn nhân lực phục vụ công tác sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên bằng các biện pháp phòng, chống dịch linh hoạt, chủ động kể từ Quý III năm 2022 tình hình dịch cơ bản đã được kiểm soát trong nước và không còn ảnh hưởng nghiêm trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Để tiếp tục thích ứng linh hoạt với dịch bệnh, hạn chế tối đa ảnh hưởng của dịch bệnh đến sức khỏe Người lao động và hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty thường xuyên cập nhật tình hình diễn biến dịch bệnh, lập phương án, quy trình kiểm soát dịch bệnh để kịp thời ứng phó hiệu quả theo quy định của chính quyền địa phương. Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty đang kiểm soát tốt tình hình dịch Covid-19, không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh.



# 02

## Tình hình hoạt động trong năm 2022

- 54 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022
- 64 Tổ chức nhân sự
- 66 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- 68 Tình hình tài chính
- 72 Thông tin cổ phần



# Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

## Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

Năm 2022, kết quả các chỉ tiêu SXKD chính (hợp nhất) của Công ty như sau:

STT	Nội dung	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022			So sánh	
				KH theo NQĐHĐCĐ số 1189/NQ-BSR	KHĐC theo NQĐHĐQT số 5039/NQ-BSR	Thực hiện	TH/KH trước điều chỉnh (%)	TH/KH điều chỉnh (%)
<b>I Chỉ tiêu sản lượng</b>								
1	Sản lượng sản xuất	Tấn	6.528.804	6.499.087	6.499.087	7.010.828	107,87%	107,87%
2	Sản lượng tiêu thụ		6.423.553	6.499.087	6.499.087	7.003.079	107,75%	107,75%
<b>II Chỉ tiêu tài chính (hợp nhất)</b>								
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	102.164,00	91.677,70	150.687,70	168.963,80	184,30%	112,13%
2	Nộp NSNN		11.379,30	9.944,90	15.612,00	19.040,70	191,46%	121,96%
3	Lợi nhuận trước thuế		6.940,70	1.370,70	12.412,50	15.585,80	1.137,07%	125,57%
4	Lợi nhuận sau thuế		6.683,50	1.295,40	11.728,70	14.669,30	1.132,41%	125,07%
<b>III Chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ</b>								
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	102.103,30	91.411,50	150.601,40	168.898,00	184,77%	112,15%
2	Nộp NSNN		11.366,70	9.934,00	15.601,00	19.027,50	191,54%	121,96%
3	Lợi nhuận trước thuế		7.031,50	1.474,10	12.515,90	15.750,50	1.068,48%	125,84%
4	Lợi nhuận sau thuế		6.776,70	1.400,80	11.834,10	14.836,20	1.059,12%	125,37%

## Phân tích hiệu quả sản xuất kinh doanh

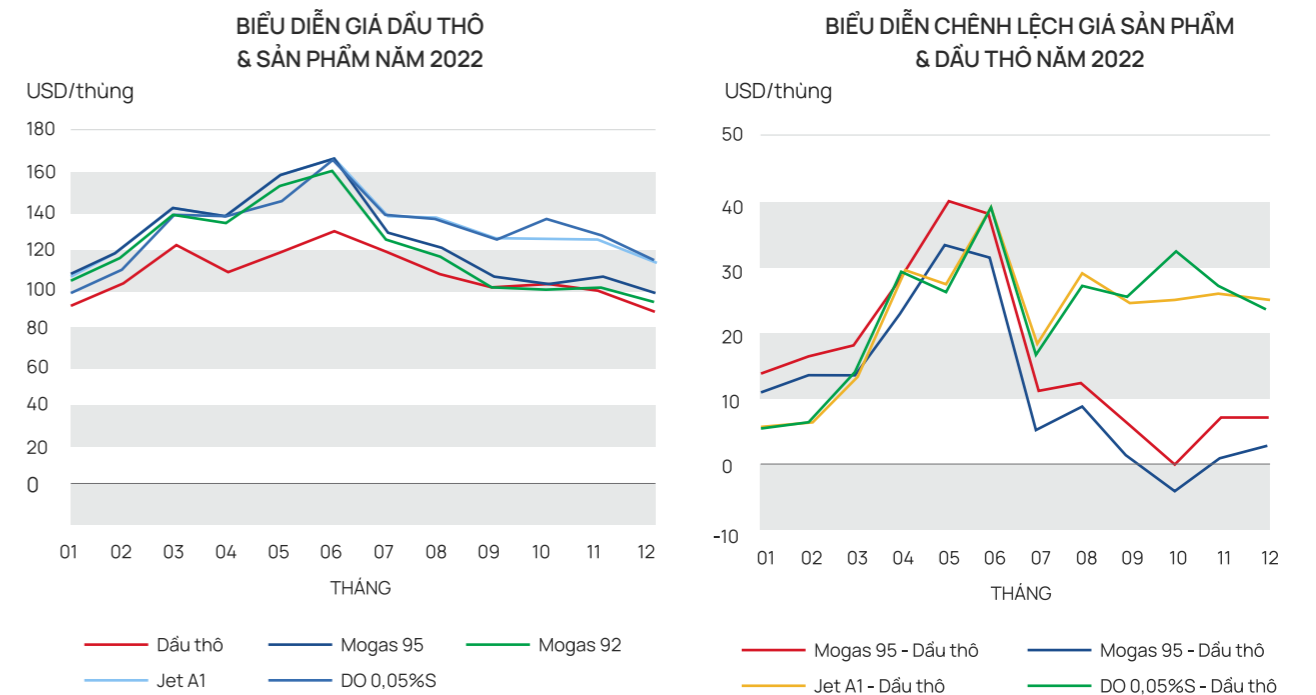
Trong năm 2022, nhu cầu xăng dầu trong nước cũng được duy trì ở mức tốt nên công tác tiêu thụ sản phẩm của BSR khá tốt, ngoại trừ sản phẩm PP. Tổng sản lượng sản phẩm tiêu thụ cả năm đạt trên 7,0 triệu tấn, vượt 7,8% kế hoạch năm làm đã góp phần làm tăng lợi nhuận của Công ty.



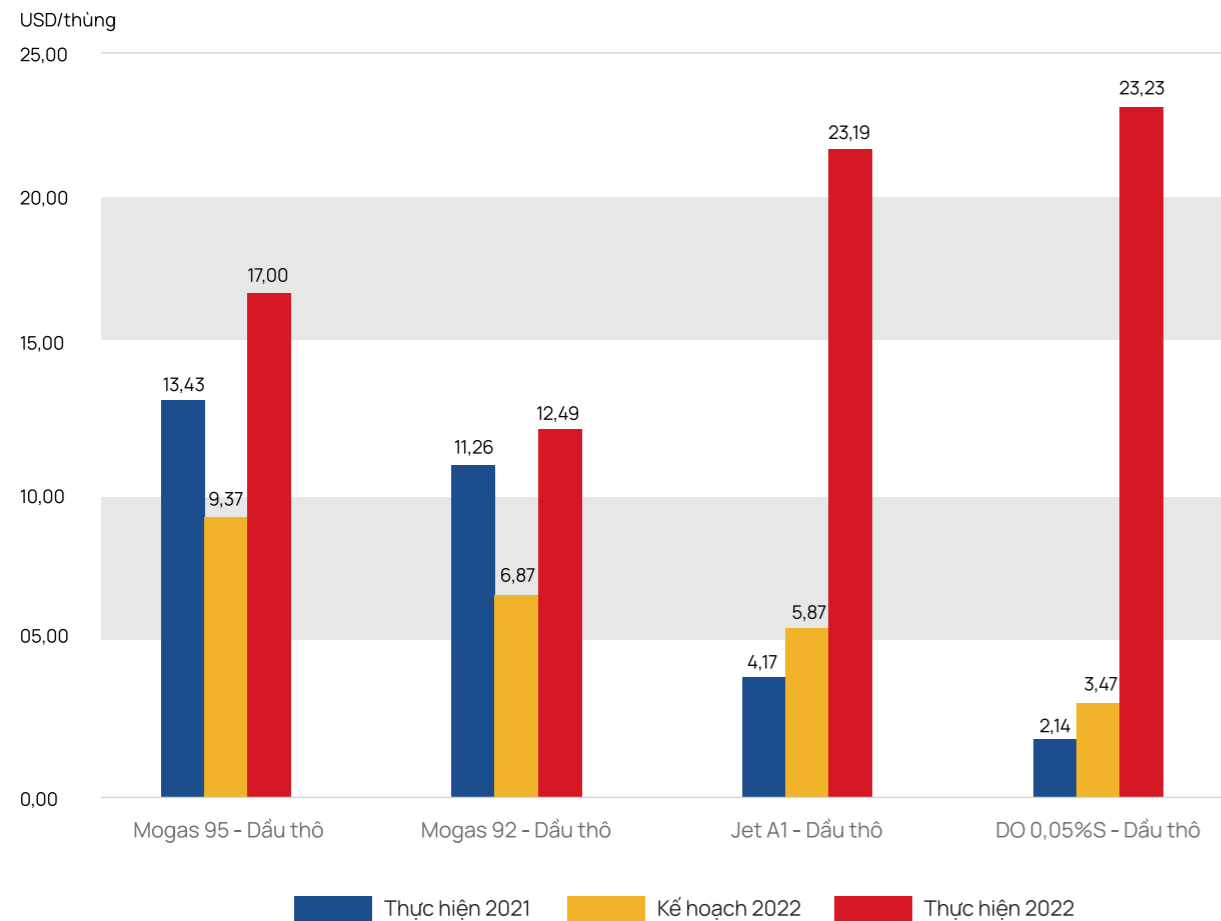
## Giá dầu thô và sản phẩm

Năm 2022, giá dầu thô và sản phẩm tăng mạnh, khoảng chênh lệch giữa giá dầu thô và sản phẩm cũng tăng mạnh so với kế hoạch năm 2022 và so với các năm trước là nguyên nhân chính khiến BSR đạt được mức doanh thu và lợi nhuận kỷ lục.

Diễn biến giá dầu thô, sản phẩm năm 2022 được thể hiện ở biểu đồ sau



## CHÊNH LỆCH GIÁ SẢN PHẨM &amp; DẦU THÔ NĂM 2021 VÀ NĂM 2022



BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DẦU THÔ, GIÁ SẢN PHẨM BÌNH QUÂN NĂM 2021 VÀ KHOẢNG CHÊNH LỆCH GIÁ SẢN PHẨM VỚI GIÁ DẦU THÔ THỰC HIỆN NĂM 2022 SO VỚI KẾ HOẠCH

ĐVT: USD/thùng

STT	Nội dung	2021	2022		Chênh lệch	
			KH	TH	TH22/TH21	TH22/KH22
1	Dầu thô	73,67	64,61	108,00	34,33	43,39
2	Mogas 95	87,10	73,98	125,01	37,91	51,03
3	Mogas 92	84,93	71,48	120,50	35,57	49,02
4	Jet A1	77,84	70,48	131,20	53,36	60,72
5	DO 0,05%S	75,80	68,08	131,24	55,44	63,16
6	Mogas 95-Dầu thô	13,43	9,37	17,00	3,57	7,63
7	Mogas 92-Dầu thô	11,26	6,87	12,49	1,23	5,62
8	Jet A1-Dầu thô	4,17	5,87	23,19	19,02	17,32
9	DO 0,05%S-Dầu thô	2,14	3,47	23,23	21,09	19,76

Ghi chú: Giá dầu thô được tính trên cơ sở giá dầu Dtd Brent + Premium + các chi phí khác có liên quan.

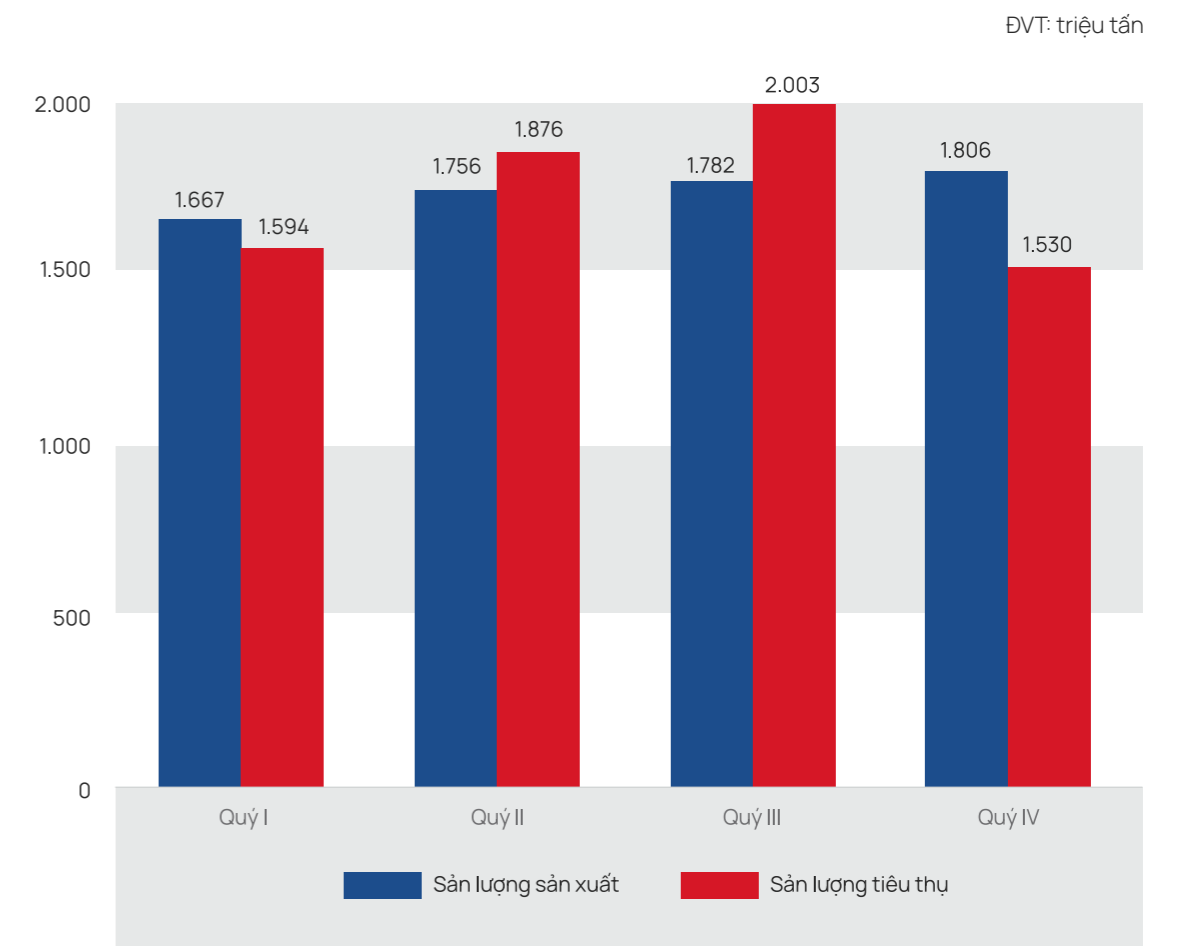
## Sản lượng sản xuất, tiêu thụ và doanh thu

Năm 2022 đánh dấu giai đoạn "bình thường mới" với các hoạt động tiêu dùng, sản xuất kinh doanh trong nước và quốc tế. Đó là các động lực khởi thông nhu cầu đi lại trong nước và thúc đẩy tăng trưởng cho BSR.

Sản lượng sản xuất của Công ty năm 2022 đạt 7.010.828 tấn, vượt 7,9% so với kế hoạch đề ra từ đầu năm. So với mức thực hiện năm 2021, sản lượng sản xuất năm 2022 tăng 7,4% và là năm có sản lượng sản xuất lớn nhất kể từ khi Nhà máy vận hành thương mại. Sản lượng tiêu thụ 2022 đạt 7.003.079 tấn, bám sát theo sản lượng sản xuất và vượt 7,8% so với kế hoạch cả năm.

Tổng doanh thu đạt 168.963,8 tỷ đồng, vượt 12,1% so với kế hoạch điều chỉnh cả năm.

## SẢN LƯỢNG SẢN XUẤT &amp; SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ CÁC QUÝ TRONG NĂM 2022



## Chi phí sản xuất kinh doanh

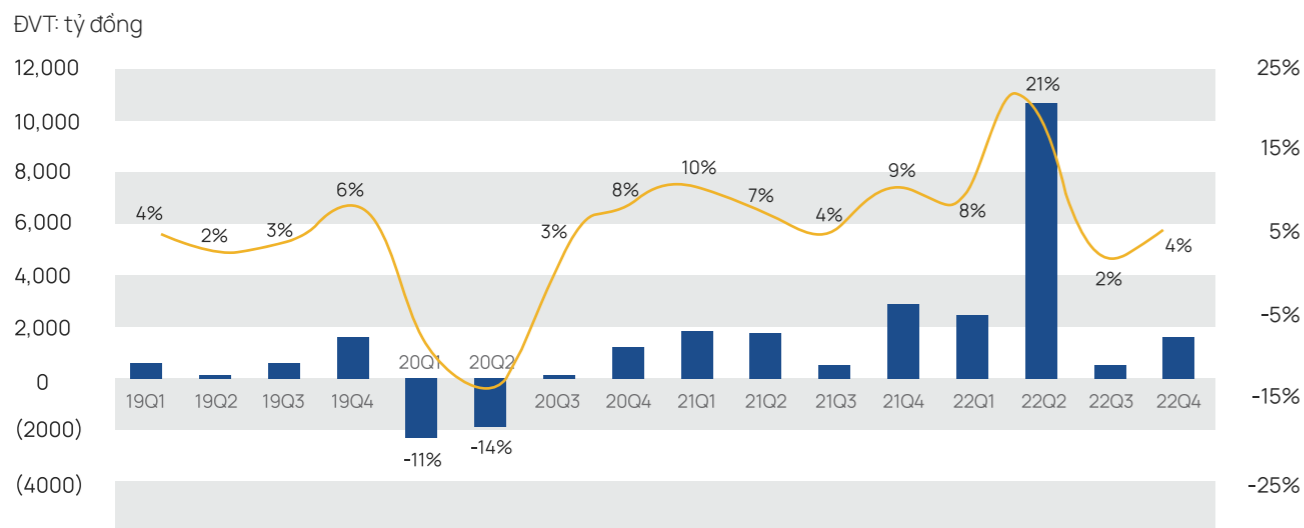
Để tối đa hóa lợi nhuận, BSR đã xác định công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí là nhiệm vụ trọng tâm, BSR đã ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2022 tại Nghị quyết số 926/NQ-BSR ngày 31/03/2022 với mục tiêu tiết giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, kết quả thực hiện tiết giảm chi phí năm 2022 khả quan với mức tiết giảm chi phí đạt 206,17 tỷ đồng đã góp phần làm tăng lợi nhuận của Công ty.

## Lợi nhuận và chi phí

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2022 là 14.669,3 tỷ đồng, vượt kế hoạch điều chỉnh 25% và là mức lợi nhuận sau thuế cao nhất kể từ khi cổ phần hóa. Mức lợi nhuận cao đạt được nhờ diễn biến thị trường dầu thuận lợi cũng như những nỗ lực trong việc cải tiến công nghệ, đa dạng hóa sản phẩm và tối ưu vận hành.

Biên lợi nhuận gộp của Công ty đã được cải thiện đáng kể và luôn duy trì tỷ suất lợi nhuận gộp dương trong cả năm 2022, dao động từ 2% - 21%. Riêng quý II/2022, nhờ thị trường thuận lợi cùng sự ổn định trong sản xuất kinh doanh, biên lợi nhuận gộp của Công ty đạt mức 21%, ghi nhận lợi nhuận gộp là hơn 10 nghìn tỷ đồng, đóng góp lớn vào kết quả kinh doanh tích cực của Công ty.

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ VÀ BIÊN LỢI NHUẬN GỘP THEO QUÝ GIAI ĐOẠN 2019 - 2022



## Dòng tiền, sức khỏe tài chính

Nhờ kết quả kinh doanh thuận lợi, các chỉ số tài chính của BSR được cải thiện rõ rệt và tốt nhất trong 05 năm trở lại đây.

Công ty tiếp tục duy trì được giá trị tiền mặt ròng (Tiền và tương đương tiền + Đầu tư tài chính ngắn hạn - Nợ vay ngắn hạn - Nợ vay dài hạn) ở mức dương 16.079 tỷ đồng và là mức cao nhất kể từ năm 2018. Cùng các chỉ tiêu về khả năng thanh toán tăng và hệ số cơ cấu vốn giảm về nợ vay, BSR đang có sức khỏe tài chính rất tốt, là nguồn lực quan trọng để Công ty nắm bắt các cơ hội trên thị trường dầu thế giới trong bối cảnh giá dầu tiếp tục có nhiều biến động.

Chỉ tiêu	Đơn vị	2018	2019	2020	2021	2022
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	5.401	4.937	425	8.971	7.087
Tiền mặt ròng	Tỷ đồng	-4.365	2.058	768	9.763	16.079
Hệ số nợ vay/tổng tài sản	Lần	0,19	0,12	0,23	0,16	0,11
Tỷ lệ thanh toán hiện thời	Lần	1,83	2,08	1,47	1,65	2,25
Tỷ lệ thanh toán nhanh	Lần	1,13	1,42	1,06	1,27	1,60

## Công tác an ninh, an toàn, môi trường và phòng chống cháy nổ

Năm 2022, BSR đã thực hiện công tác An ninh, An toàn, Môi trường và Phòng chống cháy nổ (ATSKMT) được đảm bảo với kết quả như sau: Không có sự cố mất an ninh, không có sự cố cháy nổ, không có sự cố môi trường và không có sự cố mất ngày công lao động. Đến ngày 31/12/2022, BSR đạt hơn 37,3 triệu giờ công an toàn không có tai nạn lao động mất ngày công (LTI).

Công việc được triển khai chủ động bám sát kế hoạch, chương trình đề ra. Công tác kiểm tra, giám sát, huấn luyện và quản lý về an toàn, PCCC được thực hiện thường xuyên với các kết quả như sau:

- 100% các thiết bị/ hệ thống PCCC được quản lý và kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ theo quy định đảm bảo thiết bị/ hệ thống hoạt động sẵn sàng.
- Tổ chức thực hiện 80 đợt thực tập ứng phó tình huống khẩn cấp cấp 1 và 01 đợt diễn tập ứng phó tình huống khẩn cấp cấp 2.
- Hệ thống quản lý ATSKMT và kiểm soát rủi ro được triển khai xây dựng, duy trì áp dụng, đánh giá, cải tiến liên tục theo tiêu chuẩn ISO 45001:2018 và ISO 14001:2015, các thành phần của Hệ thống quản lý An toàn công nghệ.
- Đào tạo 61 khóa ATSKMT cho hơn 9.809 lượt CBCNV, tổng số giờ công đào tạo tích lũy là 37.081 giờ, trung bình 24,5 giờ/người.

Đối với công tác quản lý môi trường:

- Nước thải, khí thải từ hoạt động sản xuất được thu gom, xử lý đạt chất lượng theo các quy chuẩn/ giấy môi trường trước khi xả thải.
- Tính đến 31/10/2022, Công ty đã thu gom, phân loại và chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý 882,91 tấn chất thải nguy hại, 3.498,54 tấn chất thải rắn công nghiệp.
- Thực hiện 04 đợt quan trắc môi trường theo đánh giá tác động môi trường, 04 đợt quan trắc chất lượng nguồn nước biển khai thác sử dụng và 06 đợt quan trắc chất lượng nước thải sau xử lý và nguồn nước tiếp nhận.

Trong năm, Công ty có 02 đợt làm việc với Tổ Giám sát môi trường thuộc Tổng cục Môi trường được đánh giá không có vi phạm pháp luật về môi trường.

Về chăm sóc sức khỏe người lao động: Công ty đã khám và điều trị ban đầu cho khoảng 5.578 lượt CBCNV. Thực hiện quan trắc môi trường lao động định kỳ trong năm 2022.

Về quản lý an toàn lao động:

- Thực hiện đầy đủ và hiệu quả công tác giám sát tuân thủ các quy định an toàn lao động tại Nhà máy lọc dầu Dung Quất bởi 3 tầng giám sát: Giám sát của Đội thực thi công việc, Giám sát của Quản lý khu vực, Giám sát của Giám sát viên an toàn và các đoàn kiểm tra an toàn lao động định kỳ/ chuyên đề.
- Triển khai có hiệu quả Kế hoạch Văn hóa an toàn thông qua các chương trình quan sát an toàn và triển khai Thực hành Văn hóa an toàn các quý với các chủ đề theo kế hoạch.
- Triển khai kế hoạch cải tiến phần mềm tích hợp quan sát an toàn/ Khuyến nghị an toàn lao động và tiêu chuẩn hóa bộ dữ liệu phục vụ phân tích phòng ngừa an toàn lao động trong năm 2022.
- Triển khai Kế hoạch nghiên cứu cải tiến của chức năng giấy phép làm việc điện tử.

Về công tác an ninh:

- Tổ chức công tác an ninh bảo vệ cho Nhà máy lọc dầu Dung Quất.
- Phối hợp với Công an, Biên phòng triển khai công tác đảm bảo an ninh trật tự các công trình Nhà máy lọc dầu Dung Quất.
- Tổ chức Tổng kết 10 năm Đề án bảo đảm an ninh trật tự Nhà máy lọc dầu Dung Quất của UBND tỉnh Quảng Ngãi.
- Xây dựng kế hoạch an ninh bảo vệ cho Nhà máy lọc dầu Dung Quất trong giai đoạn bảo dưỡng tổng thể lần 5.

## Công tác vận hành và bảo dưỡng sửa chữa

### Công tác vận hành

- Trong năm 2022, Nhà máy vận hành an toàn, ổn định. Căn cứ nhu cầu thị trường BSR, linh hoạt điều chỉnh tăng công suất vận hành tối đa. Cùng với đó, công tác thực tập xử lý tình huống khẩn cấp, tầm soát rò rỉ, công tác bảo dưỡng thường xuyên, định kỳ được tổ chức và thực hiện theo kế hoạch, đảm bảo chất lượng.
- Chỉ số sẵn sàng vận hành (OA) trong năm đạt 95,5%.
- Chỉ số hiệu quả sử dụng năng lượng (EII) đạt 106%.
- Kiểm soát chặt chẽ các điểm nhạy cảm về kỹ thuật, các bất thường công nghệ/ thiết bị, các mối nguy tiềm ẩn có thể gây ra sự cố về ổn định vận hành, chất lượng, nguyên liệu, HPXT đầu vào của Nhà máy để chủ động có các giải pháp phù hợp.
- Thực hiện các công tác chuẩn bị ứng phó và đảm bảo an toàn vận hành trong mùa mưa bão.

### Bảo dưỡng sửa chữa

Trong năm 2022, do ảnh hưởng xung đột quân sự giữa Nga - Ukraine và dịch bệnh Covid-19, công tác tổ chức thực hiện bảo dưỡng nhà máy gặp nhiều khó khăn trong vấn đề mua sắm vật tư và huy động chuyên gia. Tuy nhiên, BSR đã nỗ lực phấn đấu hoàn thành kế hoạch đề ra và đạt được kết quả tốt với một số nhiệm vụ BDSC quan trọng đã thực hiện như sau:

- Chủ trì đánh giá nâng cao độ tin cậy nhà máy, đảm bảo mức độ sẵn sàng hoạt động của thiết bị trong nhà máy đạt đến 95,6% ngang với nhóm các nhà máy tiên tiến trên thế giới.
- Tổ chức thực hiện xử lý cho 45 vấn đề kỹ thuật bất thường thiết bị chuyên ngành và đưa gần 100 giải pháp để cải tiến, nâng cao độ tin cậy thiết bị trong Nhà máy.
- Tổ chức thực hiện rà soát và đánh giá mức độ quan trọng thiết bị trong toàn Nhà máy để làm cơ sở xây dựng các chương trình kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa đáp ứng yêu cầu tin cậy, an toàn vận hành và tối ưu chi phí.
- Thực hiện sửa chữa và sơn chống ăn mòn cho các thiết bị trong Nhà máy, bảo dưỡng đại tu cho các thiết bị quan trọng, tự triển khai thực hiện, lắp đặt, chạy thử thành công cho quạt gió, thay thế khớp nối giãn nở hệ thống đường ống dẫn dầu thô trên phao nhập dầu thô từ ngoài khơi (SPM) an toàn và đảm bảo chất lượng.
- Công tác chuẩn bị bảo dưỡng tổng thể lần 5 với một số công việc chính đã triển khai đến thời điểm hiện tại như: thực hiện đánh giá, xây dựng danh mục công việc, bóc tách khối lượng công việc, lập khái toán chi phí và kế hoạch thực hiện, phân chia gói thầu, tiến hành triển khai mua sắm hàng hóa và dịch vụ, đánh giá lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu chính.





## Kết quả tối ưu hóa sản xuất, tiết giảm chi phí sản xuất kinh doanh

Trong năm 2022, BSR tích cực thực hiện công tác tối ưu hóa sản xuất, tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm và đẩy nhanh việc triển khai, cập nhật các chương trình hành động hàng năm về tối ưu hóa sản xuất, tiết kiệm chi phí nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, cụ thể như sau:

### Tối ưu hóa năng lượng

- Giám sát chặt chẽ và tối ưu việc sử dụng năng lượng của các khu vực trong Nhà máy. Chỉ số EII năm 2022 là 106%.
- Đánh giá, thử nghiệm và triển khai các giải pháp tối ưu hóa năng lượng theo kế hoạch đã được phê duyệt như:
  - Thực hiện giai đoạn chuẩn bị đầu tư cho các dự án tối ưu hóa năng lượng sẽ thực hiện trong giai đoạn bảo dưỡng tổng thể lần 5.
  - Thiết kế, đánh giá và cập nhật tài liệu cho các cải tiến quản lý sự thay đổi tối ưu hóa năng lượng.

### Tối ưu hóa công nghệ

- Nghiên cứu nâng hàm lượng S trong dầu thô chế biến lên mức 0,14 – 0,15%wt và tăng tỷ lệ chế biến dầu ngoại trên 51% thể tích.
- Đã chế biến thử nghiệm thành công 2 loại dầu thô mới là Rabi Light (25%vol) và Hải Thạch (15%vol).
- Đã hoàn thành sản xuất thử nghiệm sản phẩm PP mới BOPP (500 tấn) vào tháng 6/2022 đạt các chỉ tiêu chất lượng để xuất cho khách hàng.
- Đã nghiên cứu phương án nhập và chế biến thử nghiệm thành công 02 lô Straight Run Low Sulfur Fuel Oil (SR LSFO) của NSRP tại phân xưởng RFCC với tỷ lệ đến 10% công suất.
- Đã hoàn thành nghiên cứu phương án sản xuất và xuất bán các sản phẩm Nhiên liệu quốc phòng gồm xăng RON 83, Diesel DO L-62 và JetA-1K.
- Hoàn thành báo cáo phương án sản xuất và xuất bán sản phẩm Mixed C4 của Nhà máy. Dự kiến xuất bán lô đầu tiên cho NSRP trong thời gian tới.
- Thử nghiệm thành công giải pháp tối ưu sản lượng Propylene mang lại hiệu quả kinh tế cao.
- Nghiên cứu cơ hội hợp tác và triển khai dự án Nhà máy sản xuất sản phẩm PP filler masterbatch từ bột PP của Nhà máy lọc dầu Dung Quất.
- Đánh giá khả năng nhập và chế biến nguyên liệu trung gian Vacuum Gasoil - VGO tại Nhà máy lọc dầu Dung Quất.

### Công tác chuyển đổi số

- BSR đang hoàn thiện xây dựng Chiến lược phát triển BSR đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó có phạm vi xác định định hướng chuyển đổi số cho BSR. Theo đó, Báo cáo Chiến lược phát triển của BSR sẽ thể hiện chiến lược chuyển đổi số của BSR đến năm 2030, tầm nhìn 2045 để thúc đẩy, dẫn dắt chuyển đổi mô hình kinh doanh của BSR theo chiến lược đồng thời gia tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh và nâng cao năng lực quản trị.
- Khai thác hiệu quả và tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị tổng thể nguồn lực doanh nghiệp (ERP) giai đoạn 1 được tích hợp đồng bộ với các hệ thống quản lý sản xuất, điều hành.
- Đồng bộ thông tin/ dữ liệu SXKD và đảm bảo an toàn an ninh mạng.
- Xây dựng hệ thống mua sắm điện tử E-Procure. Hệ thống quản lý toàn diện công tác An toàn Sức khỏe Môi trường

(HSES), thực hiện các giải pháp để tối ưu hóa sản xuất, nâng cao năng lực bảo dưỡng sửa chữa chuẩn đoán (Predictive Maintenance) và xây hệ máy tính ảo để quản lý tập trung và phục vụ công tác làm việc mọi lúc mọi nơi, tăng cường bảo mật dữ liệu Công ty, linh hoạt trong công tác cấp phát trang thiết bị cho người dùng.

- Tăng cường công tác bảo mật an ninh mạng trên tổng thể các phương diện Con người - Quy trình - Công nghệ. Thực hiện đào tạo nhận thức, kiểm tra giám sát người dùng định kỳ và thực hiện truyền thông các vấn đề an ninh mạng một cách hiệu quả. Xây dựng các quy trình quy định về đảm bảo an toàn an ninh mạng. Tăng cường các giải pháp công nghệ theo hướng tích hợp, kiểm soát toàn diện. Phối hợp với đơn vị chuyên trách về an toàn an ninh mạng trong việc thực hiện theo dõi giám sát các vấn đề an ninh mạng.

## Cung ứng dầu thô và tiêu thụ sản phẩm

### Cung cấp dầu thô

Năm 2022, BSR mua khoảng 7,45 triệu tấn dầu thô trong nước và nhập khẩu trong đó khối lượng dầu Việt Nam (Bạch Hổ, Đại Hùng, Tê Giác Trắng, Sư Tử Đen, Ruby, Chim Sáo, Rạng Đông, Hải Thạch) là 5,69 triệu tấn, khối lượng dầu thô nhập khẩu các loại (Azeri, WTI Midland, Kimanis, Bu Attifel, Rabi) là 1,76 triệu tấn.

### Tình hình tiêu thụ sản phẩm

Khối lượng sản phẩm tiêu thụ trong năm 2022 thể hiện ở bảng sau:

STT	Sản phẩm	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	So sánh
1	Polypropylene	Tấn	169.905	160.332	94,4%
2	LPG	Tấn	468.666	476.974	101,8%
3	Xăng E5 RON 92	Tấn	43.859	27.169	61,9%
4	Xăng RON 91/92	Tấn	792.034	982.586	124,1%
5	Xăng RON 95	Tấn	2.004.401	1.898.493	94,7%
6	Xăng RON 83	Tấn		11.578	
7	Jet A1	Tấn	402.760	436.230	108,3%
8	Jet A1- K	Tấn		15.389	
9	Diesel Oil	Tấn	2.437.614	2.837.987	116,4%
10	Diesel Oil L-62	Tấn		12.904	
11	FO/MFO	Tấn	176.914	141.375	79,9%
12	Lưu huỳnh	Tấn	2.933	2.061	70,3%
	<b>TỔNG</b>	<b>Tấn</b>	<b>6.499.087</b>	<b>7.003.079</b>	<b>107,8%</b>

## Tình hình tồn kho vật tư thiết bị dự phòng, hóa phẩm xúc tác

### Vật tư thiết bị dự phòng, hóa phẩm xúc tác

ĐVT: tỷ đồng

Kho	Tồn kho ngày 31/12/2022
Kho vật tư, phụ tùng	1.781,0
Kho dầu mỡ bôi trơn	10,0
Kho xúc tác hóa phẩm LD+PP	152,0
Kho hóa chất thí nghiệm	7,0

### Dầu thô, sản phẩm

Khối lượng lưu kho tại Nhà máy tồn cuối năm 2022 là 214 nghìn tấn dầu thô và 111 nghìn tấn sản phẩm các loại.

## Tổ chức nhân sự

### Những thay đổi trong Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Năm 2022, Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn ghi nhận sự thay đổi về nhân sự trong Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc cụ thể như sau:

- Ông Phạm Ngọc Quý được miễn nhiệm chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát từ ngày 22/04/2022.
- Ông Hoàng Đình Nhật được bầu giữ chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát từ ngày 22/04/2022.
- Ông Vũ Lê Huy được miễn nhiệm chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát từ ngày 22/04/2022.
- Bà Vũ Lan Phương được bầu giữ chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát từ ngày 22/04/2022.
- Ông Mai Tuấn Đạt được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc từ ngày 07/07/2022.
- Ông Phạm Minh Nghĩa được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc từ ngày 07/07/2022.

### Số lượng cán bộ, nhân viên, tóm tắt các chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

#### Số lượng cán bộ, nhân viên

Tổng số lao động tại thời điểm 31/12/2022 là: 1.516 người, trong đó:

- Người quản lý (bao gồm: HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Ban Kiểm soát): 16 người.
- Nhân viên/ Người lao động: 1.500 người.

## Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

BSR xây dựng Quỹ tiền lương, Quỹ thưởng cho Người lao động và Người quản lý căn cứ vào Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

Với kết quả SXKD năm 2022 có nhiều thành tích vượt bậc, Công ty sử dụng lợi nhuận để tạo nguồn trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi tập thể. Vì vậy, thu nhập của người lao động luôn được đảm bảo và tăng so với năm 2021.

Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động như chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn - bệnh nghề nghiệp, chế độ phụ cấp độc hại và bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện độc hại, nguy hiểm; thực hiện chế độ khám chữa bệnh định kỳ đối với người lao động, phụ cấp ăn ca, thưởng an toàn, chế độ bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm nhân thọ cho người lao động, chế độ nhà ở, xe đưa đón CBCNV đi làm việc hàng ngày...

### Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

BSR luôn chú trọng đến công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Trong năm 2022, BSR đã linh hoạt ứng dụng công nghệ thông tin thông qua hệ thống E-Learning, các phần mềm liên quan nhằm hỗ trợ kịp thời cho CBCNV tham gia đầy đủ các chương trình đào tạo. BSR đã thực hiện được 120 chương trình và chuỗi chương trình đào tạo cho 14.842 lượt người, đạt 176% số lượt người so với kế hoạch cả năm 2022. Tổng chi phí đào tạo đã sử dụng là 9 tỷ đồng.



# Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

## Tình hình thực hiện các dự án đầu tư

Năm 2022, BSR chủ yếu thực hiện những công việc, dự án trong Kế hoạch năm 2022 chuyển tiếp nên tỷ lệ giải ngân còn thấp, nguyên nhân chủ yếu do tiến độ triển khai đầu tư Dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất bị chậm. Ngoài ra một số dự án khác vẫn đang trong giai đoạn thẩm định hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế kỹ thuật, triển khai các công việc chuẩn bị đầu tư, kết quả cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu đầu tư	ĐVT	KH 2022 NQĐHĐCĐ số 1189/NQ-BSR	KH 2022 ĐC NQĐHĐT số 5039/NQ-BSR	TH năm 2022	%TH so với KH	%TH so với KHĐC
<b>I</b>	<b>Giá trị thực hiện đầu tư</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>620,75</b>	<b>252,60</b>	<b>244,26</b>	<b>39,3%</b>	<b>96,7%</b>
1	Dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu	Tỷ đồng	376,13	73,70	73,59	19,6%	99,9%
2	Các dự án đầu tư khác	Tỷ đồng	71,31	5,60	5,17	7,3%	92,3%
2.1	Dự án thực hiện trong năm	Tỷ đồng	7,04	0,80	1,04	14,8%	130,0%
2.2	Dự án chuẩn bị đầu tư	Tỷ đồng	64,27	4,80	4,13	6,4%	86,0%
3	Mua sắm TSCĐ	Tỷ đồng	173,31	173,30	165,50	95,5%	95,5%
<b>II</b>	<b>Giá trị giải ngân</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>620,75</b>	<b>252,60</b>	<b>168,24</b>	<b>27,1%</b>	<b>66,6%</b>
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	620,75	252,60	168,24	27,1%	66,6%
2	Vốn vay + khác	Tỷ đồng	-	-	-	-	-

## Tình hình thực hiện các dự án lớn

### Dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất

#### Công tác báo cáo điều chỉnh Dự án đầu tư

Hiện tại, BSR báo cáo xin cấp thẩm quyền điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất và tích cực chuẩn bị các thủ tục, hồ sơ để triển khai dự án điều chỉnh sau khi được chấp thuận.

#### Tiểu Dự án:

Hiện nay, BSR tiếp tục phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi (DEZA) và các cấp chính quyền địa phương giải quyết các tồn tại, vướng mắc phát sinh trên mặt bằng Dự án.

### Đầu tư mua sắm trang thiết bị, tài sản cố định

Tiếp tục triển khai thực hiện ký kết hợp đồng mua sắm trang thiết bị, tài sản cố định chuyển tiếp từ kế hoạch năm 2021 sang và lập đơn hàng/ dự toán các hạng mục TTB/TSCĐ mới trong kế hoạch năm 2022, giá trị thực hiện đạt 95,5% so với kế hoạch năm 2022.

## Các công ty con, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

### Công ty con

#### a. Công ty cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí miền Trung (BSR-BF)

##### Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022

Từ giữa tháng 4/2019 đến nay, BSR-BF vẫn đang tạm dừng sản xuất và chỉ tiếp tục duy trì các hoạt động tối thiểu. Các Ngân hàng đã kiện BSR-BF lên Tòa án nhân dân TP Quảng Ngãi để yêu cầu thanh toán các khoản nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng. Ngày 31/12/2021, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi có Thông báo số 15/TB-TLVA gửi BSR-BF về việc Tòa án đã thụ lý vụ án dân sự số 15/2021/TLST-KDTM theo đơn khởi kiện của các Ngân hàng.

Tính đến 31/12/2022, BSR-BF lỗ lũy kế là 1.413,97 tỷ đồng và âm vốn chủ sở hữu khoảng 281,6 tỷ đồng.

##### Định hướng cho năm 2023

BSR tích phối hợp với các bên liên quan để xử lý vấn đề nợ vay các Ngân hàng, hỗ trợ BSR-BF đảm bảo các chi phí hoạt động tối thiểu. Tìm các giải pháp nghiệm thu quyết toán Dự án Nhà máy Nhiên liệu Sinh học Dung Quất.

#### b. Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (PV Building)

##### Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022

ĐVT: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2022
1	Tổng doanh thu thuần	824.870,50
2	Lợi nhuận sau thuế	13.690,32

##### Định hướng cho năm 2023

Tiếp tục tạo điều kiện để PV Building phát triển bền vững. Tập trung lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, phát triển hoạt động dịch vụ, thương mại ngày càng chuyên nghiệp; phần đầu là đơn vị hậu cần hàng đầu của ngành Dầu khí tại khu vực miền Trung và là đơn vị sản xuất bao bì có uy tín tại khu vực Miền Trung – Tây Nguyên.

### Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

#### a. Công ty cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí (PMS)

##### Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022

ĐVT: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2022
1	Tổng doanh thu thuần	262.120,84
2	Lợi nhuận sau thuế	6.464,66



#### Định hướng cho năm 2023 đối với Công ty PMS

PMS chưa phải công ty đại chúng nên việc thoái vốn chưa có hành lang pháp lý/ hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước. Vì vậy, BSR đang giữ nguyên giá trị vốn góp hiện có tại PMS. Đồng thời, BSR sẽ tiếp tục đánh giá, xây dựng phương án đối với phần vốn góp tại PMS phù hợp với các quy định hiện hành.

#### b. Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam (PVOS)

##### Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022

Ngành nghề kinh doanh chính của PVOS là đầu tư xây dựng và vận hành kho ngầm chứa xăng dầu để tồn trữ dầu thô và các sản phẩm dầu chủ yếu phục vụ Nhà máy lọc dầu. Hoạt động của PVOS đến nay vẫn nằm trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án nên chưa phát sinh doanh thu. Đến 31/12/2022, lỗ lũy kế của PVOS là 28,7 tỷ đồng. BSR đã nhiều lần đề nghị các cổ đông khác nhận chuyển nhượng vốn nhưng không thành. Việc thoái vốn của BSR tại PVOS trong giai đoạn này là rất khó khăn và tốn kém chi phí trong khi giá trị vốn góp của BSR tại PVOS là 4,2 tỷ đồng và BSR đã trích lập dự phòng cho khoản vốn góp này.

#### Định hướng cho năm 2023 đối với Công ty PVOS

BSR giữ nguyên giá trị vốn góp hiện có tại PVOS và sẽ thực hiện thoái vốn khi có nhà đầu tư nhận chuyển nhượng. Trong thời gian tìm kiếm nhà đầu tư để thực hiện thoái vốn, BSR sẽ tiếp tục chỉ đạo Người đại diện vốn tại PVOS nâng cao công tác giám sát tại đơn vị theo đúng quy chế hoạt động của Người đại diện vốn tại các doanh nghiệp khác.



## Tình hình tài chính

### Tình hình tài chính

DVT: triệu đồng, %

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Thay đổi so với năm 2021
Tổng giá trị tài sản	66.795.663	78.487.929	17,50%
Doanh thu thuần	101.080.035	167.123.713	65,34%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	6.906.640	15.499.742	124,42%
Lợi nhuận khác	34.037	86.066	152,86%
Lợi nhuận trước thuế	6.940.677	15.585.808	124,56%
Lợi nhuận sau thuế	6.683.540	14.669.337	119,48%

### Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn		
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,65	2,25
+ Hệ số thanh toán nhanh		
(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1,27	1,60
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,16	0,11
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,29	0,17
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
+ Vòng quay hàng tồn kho		
+ Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	9,96	11,12
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,65	2,30
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,07	0,09
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	19,48%	33,06%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	10,89%	20,19%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	6,83%	9,27%

### Các hệ số về khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn) năm nay là 2,25 cao hơn năm trước (1,65) cho thấy khả năng thanh toán của Công ty tốt hơn năm trước. Bên cạnh đó, hệ số thanh toán nhanh năm nay là 1,60, cũng cao hơn so với năm 2020 (1,27) cho thấy Công ty tăng khả năng đáp ứng nhu cầu thanh toán nhanh hơn so với năm ngoái.

## Các hệ số về cơ cấu vốn

Cơ cấu vốn ngày càng lành mạnh là điểm nhấn trong bức tranh tài chính của BSR, trong đó các tỉ lệ nợ trên tài sản và nợ trên vốn chủ sở hữu giảm mạnh, là tiền đề quan trọng trong các bước phát triển tiếp theo của Công ty:

- Hệ số nợ trên tài sản (Nợ vay và thuê tài chính/Tổng tài sản) năm nay là 0,11, giảm 0,05 so với hệ số năm 2021 (0,16) cho thấy, mức độ tự chủ tài chính của Công ty ngày càng lành mạnh, có tính chủ động cao.
- Hệ số nợ vốn chủ (Nợ phải trả/Vốn CSH) năm nay là 0,17 thấp hơn so với năm trước (0,29) cho thấy Công ty ít phụ thuộc vào hình thức huy động vốn bằng vay nợ so với năm trước. Đây là hệ quả từ quá trình tích lũy tài chính cùng kết quả kinh doanh tích cực giúp BSR dần trả toàn bộ phần nợ dài hạn phát sinh từ thời kỳ đầu xây dựng Nhà máy. Đến hết năm 2022, BSR không còn dư nợ vay và thuê tài chính dài hạn.



## Các hệ số hoạt động

Các chỉ số về năng lực hoạt động của BSR đều tốt, thể hiện ở hệ số vòng quay hàng tồn kho và hệ số doanh thu/tài sản đều tăng đáng kể so với năm 2021.

- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân): Hệ số vòng quay hàng tồn kho năm nay là 11,12 trong khi năm trước là 9,96.
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản: 2,30 - cao hơn so với năm trước (1,65) hàm ý hiệu quả sử dụng tài sản năm nay tốt hơn năm ngoái, một phần nhờ những tăng trưởng tích cực từ doanh thu.

## Các hệ số về khả năng sinh lời

Năm 2022, ROA, ROE đều cao hơn năm trước cho thấy năm 2022 Công ty sản xuất kinh doanh có hiệu quả rất tốt hơn năm trước

Tỷ suất sinh lời trên Tổng tài sản ROA năm 2022 là 20,19%, tăng gần 10% so với năm 2021. Chỉ tiêu ROA thể hiện tinh hiệu quả của quá trình tổ chức, quản lý nguồn lực trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Hiệu quả sử dụng tài sản năm 2022 tăng đáng kể so với năm trước cho thấy BSR đang tận dụng rất tốt các nguồn lực nội tại của mình.

Cùng với ROA, tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu ROE năm 2022 cũng tăng trưởng đáng kể lên mức 33,06%. Đây là kết quả rất tích cực, đến từ cả năng lực tận dụng nguồn lực cho đến khả năng tối ưu về nguồn vốn hiện có nhằm gia tăng tối đa lợi ích cho cổ đông.



## Thông tin cổ phần

Tổng số cổ phần của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn là 3.100.499.616 cổ phần, trong đó có 815.700 cổ phần hạn chế chuyển nhượng.

### Cơ cấu cổ đông

Theo danh sách do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) lập ngày 13/03/2023, tổng số cổ phần đang lưu hành là 3.100.499.616 được sở hữu bởi 37.886 cổ đông. Trong số đó, theo Bản cam kết hạn chế tỷ lệ tham gia của Nhà đầu tư nước ngoài do BSR gửi Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ngày 27/05/2020, tỷ lệ sở hữu tối đa của Nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn là 49%. Chi tiết cơ cấu cổ đông được mô tả theo bảng dưới đây:

Đối tượng	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)	% Tăng giảm
<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>3.082.665.030</b>	<b>3.082.665.030</b>	<b>37.714</b>
<i>Tổ chức</i>	2.867.604.617	2.867.604.617	51
<i>Cá nhân</i>	215.060.413	215.060.413	37.663
<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>17.834.586</b>	<b>17.834.586</b>	<b>172</b>
<i>Tổ chức</i>	15.242.110	15.242.110	22
<i>Cá nhân</i>	2.592.476	2.592.476	150
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.100.499.616</b>	<b>3.100.499.616</b>	<b>37.886</b>

### Thông tin chi tiết về cổ đông lớn

Tên Cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	18 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội	2.856.380.247	92,13

### Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Năm 2022, Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn không có thay đổi về vốn đầu tư của chủ sở hữu. Kể từ khi hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần (ngày 01/07/2018) đến nay, Công ty không thực hiện bất kỳ đợt tăng vốn nào.

**Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2022.

**Các chứng khoán khác:** Không có

## Báo cáo hoạt động quan hệ nhà đầu tư

Song hành với các mục tiêu kinh doanh và quản trị doanh nghiệp, hoạt động quan hệ nhà đầu tư tiếp tục được BSR chú trọng cải thiện chất lượng nhằm thể hiện trách nhiệm đối với cổ đông và nhà đầu tư. Nhờ đó cổ phiếu BSR nhận được sự quan tâm lớn của nhà đầu tư, giá trị vốn hóa đứng top 3 và thanh khoản giữ vị trí top 1 trên sàn UpCoM trong năm 2022.

### Minh bạch hóa và chuẩn hóa quy trình

BSR luôn đảm bảo tuân thủ các quy định công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Quy chế công bố thông tin được cập nhật đầy đủ theo luật hiện hành và chuẩn hóa quy trình giúp kịp thời truyền tải thông tin đến cổ đông và nhà đầu tư.

BSR được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vinh danh TOP 10 doanh nghiệp đứng đầu "Công ty đại chúng quy mô lớn công bố thông tin và minh bạch tốt nhất kỳ đánh giá năm 2021 - 2022".

### Sự kiện nhà đầu tư

Ngày 22/04/2022, BSR tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, các nội dung đã được thông qua với tỷ lệ tán thành cao. Công tác tổ chức ngày càng chuẩn hóa và chuyên nghiệp hơn. Tài liệu họp và các thông tin quan trọng được gửi đến cổ đông đúng hạn, đại hội thực hiện theo đúng quy trình và đảm bảo yêu cầu về giãn cách và phòng dịch theo yêu cầu của Chính phủ trong bối cảnh dịch bệnh diễn biến phức tạp.

Ngày 25/08/2022, BSR đã tổ chức Hội thảo nhà đầu tư Quý II/2022 với sự tham gia của hơn 100 chuyên gia phân tích và quỹ đầu tư trong và ngoài nước.

### Ứng dụng công nghệ, đa dạng hóa kênh thông tin

Website được BSR xây dựng bài bản, định kỳ hàng quý công bố Báo cáo tài chính và Bản tin Nhà đầu tư.

Kênh truyền thông báo chí được BSR tận dụng, kịp thời có những bài viết đánh giá về thị trường, cổ phiếu và hoạt động kinh doanh của BSR trong suốt năm 2022.

### Định hướng năm 2023

BSR hướng đến các tiêu chuẩn cao hơn trong hoạt động quan hệ nhà đầu tư, đẩy mạnh việc tổ chức các hội thảo tiếp xúc với nhà đầu tư và mở rộng các kênh thông tin đến nhà đầu tư nhằm nâng cao trách nhiệm của doanh nghiệp niêm yết đối với cổ đông và nhà đầu tư.



# 03

## Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

- 78 Đánh giá của Ban TGD về kết quả hoạt động SXKD năm 2022
- 84 Tình hình tài chính
- 87 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 88 Kế hoạch phát triển trong tương lai



**Ông Phạm Minh Nghĩa**  
Phó Tổng Giám đốc

**Ông Trần Đoàn Thịnh**  
Phó Tổng Giám đốc

**Ông Bạch Đức Long**  
Kế toán trưởng

**Ông Bùi Ngọc Dương**  
Tổng Giám đốc/ Thành viên HĐQT

**Ông Nguyễn Ngọc Anh**  
Phó Tổng Giám đốc

**Ông Nguyễn Việt Thắng**  
Phó Tổng Giám đốc

**Ông Nguyễn Đức Dương**  
Phó Tổng Giám đốc

**Ông Mai Tuấn Đạt**  
Phó Tổng Giám đốc





# Đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

## Điểm nhấn 2022

Năm 2022 tiếp tục ghi nhận nhiều kết quả tích cực trong hoạt động kinh doanh của BSR. Công ty đạt mức lợi nhuận sau thuế cao nhất kể từ khi cổ phần hóa, Nhà máy vận hành liên tục và an toàn. Công ty tiếp tục thử nghiệm công nghệ mới nhằm gia tăng và củng cố lợi thế cạnh tranh. Văn hóa BSR được duy trì và phát huy cùng các giá trị cốt lõi. Song song với đó, BSR tiếp tục hướng tới hoạt động kinh doanh bền vững, gắn liền hoạt động sản xuất và kinh doanh với các mục tiêu môi trường và xã hội. Những thành quả tích cực của năm 2022 là cơ sở để Công ty gia tăng lợi thế cạnh tranh, củng cố nội lực, sẵn sàng cho những khó khăn, thử thách mới.

## Tối ưu vận hành và chi phí hoạt động nhằm tăng cường lợi thế cạnh tranh

Hoạt động trong ngành mà hiệu quả kinh doanh chịu nhiều tác động từ tình hình thị trường, công tác tối ưu vận hành và chi phí hoạt động luôn đóng vai trò chủ chốt nhằm duy trì và củng cố lợi thế cạnh tranh của BSR trong dài hạn, đặc biệt trong bối cảnh dự báo về công suất lọc dầu toàn cầu có xu hướng tiếp tục gia tăng kéo theo nguy cơ dư thừa công suất lọc dầu nói chung. Năm 2022, BSR tiếp tục vận hành Nhà máy liên tục, không bị gián đoạn do tank-top cũng như kiểm soát tốt các chi phí hoạt động. Bên cạnh đó, việc chinh phục giới hạn vận hành an toàn (SOL) mới tại Nhà máy lọc dầu Dung Quất ở mức 112% công suất vận hành năm, giúp đơn vị đạt trên 7 triệu tấn sản phẩm các loại, về đích sản lượng sớm 23 ngày là một trong những thành công, giúp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất.

Trong năm 2022, một loạt các hoạt động tối ưu vận hành được BSR thực hiện, tập trung vào tối ưu hóa năng lượng và tối ưu hóa công nghệ. Công tác tối ưu hóa năng lượng đạt được những kết quả tích cực, trong số đó chỉ số hiệu quả năng lượng (EII) của BSR năm 2022 là 106%, đạt mục tiêu đề ra. Các giải pháp tối ưu năng lượng được triển khai chủ động, tập trung chuẩn bị cho đợt bảo dưỡng tổng thể lần 05 vào năm 2023. Trong đợt bảo dưỡng này, các giải pháp về tiết kiệm, tối ưu năng lượng là chủ đề trọng tâm với mục tiêu tăng cường tối ưu hóa năng lượng, tiếp tục giảm dần chỉ số EII.

Tối ưu hóa công nghệ đóng vai trò chủ chốt trong việc duy trì hoạt động ổn định của Nhà máy. BSR đã thử nghiệm thành công các sản phẩm, nguyên liệu mới, cùng với đó tối ưu hóa

các phương án, quy trình sản xuất nội bộ Nhà máy nhằm tăng tính linh hoạt, giảm chi phí sản xuất, đồng thời khắc phục những điểm nhạy cảm kỹ thuật.

Bên cạnh công tác tối ưu vận hành, tối ưu và tiết giảm chi phí tài chính là một trong những trọng tâm trong quản lý chi phí của BSR. Năm 2022, BSR đã xác định công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí là nhiệm vụ trọng tâm, BSR đã ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2022 tại Nghị quyết số 926/NQ-BSR ngày 31/03/2022 với mục tiêu tiết giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, kết quả thực hiện tiết giảm chi phí năm 2022 của BSR là 206,17 tỷ đồng đã góp phần làm tăng lợi nhuận của Công ty.

Năm 2022 là năm điểm nhấn trong công tác chuyển đổi số của BSR, trong đó Công ty là đơn vị tiên phong trong công tác chuyển đổi số của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Trong năm 2022, BSR tiếp tục khai thác hiệu quả và tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị tổng thể nguồn lực doanh nghiệp (ERP) giai đoạn 1 được tích hợp đồng bộ với các hệ thống quản lý sản xuất, điều hành. Bên cạnh đó, Công ty xây dựng hệ thống mua sắm điện tử E-Procure, hệ thống quản lý toàn diện công tác An toàn Sức khỏe Môi trường (HSES), thực hiện các giải pháp để tối ưu hóa sản xuất, nâng cao năng lực bảo dưỡng sửa chữa chẩn đoán (Predictive Maintenance); tăng cường công tác bảo mật an ninh mạng trên tổng thể các phương diện Con người - Quy trình - Công nghệ. Thực hiện đào tạo nhận thức, kiểm tra giám sát người dùng định kỳ và thực hiện truyền thông các vấn đề an ninh mạng một cách hiệu quả.

## Tăng trưởng lợi nhuận kinh doanh và dấu ấn trong đa dạng hóa sản phẩm

Năm 2022 đánh dấu năm kinh doanh thành công, trong đó BSR đã đạt được các kế hoạch đề ra và ghi nhận mức lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 14.669 tỷ đồng. Với đặc thù là ngành nghề chịu ảnh hưởng mạnh từ diễn biến giá dầu thô và các sản phẩm thuộc nhóm lọc, hóa dầu, BSR tiếp tục nghiên cứu, thử nghiệm và bổ sung vào danh mục sản phẩm của mình, nhằm đa dạng hóa nguồn thu và giảm sự phụ thuộc vào một nhóm sản phẩm phổ biến. Các sản phẩm nhiên liệu bay, nhóm nhiên liệu quốc phòng và nhựa PP đóng vai trò quan trọng giúp cơ cấu doanh thu của Công ty đa dạng hơn, giảm phụ thuộc vào các sản phẩm chủ lực như xăng, dầu DO.

Sản phẩm nhiên liệu bay Jet A1 có mức tăng trưởng doanh thu cao, đạt mức tăng về doanh thu và sản lượng theo thứ tự là 262% và 110% so với năm 2021. Sự tăng trưởng ấn tượng này đến từ sự khởi sắc trở lại của ngành hàng không Việt Nam sau năm 2021 nhiều biến động do dịch bệnh Covid-19. Dòng sản phẩm nhiên liệu bay Jet A1 cũng mang lại mức lợi nhuận vượt trội cho Công ty, đóng góp hơn 1,5 ngàn tỷ đồng vào lợi nhuận gộp và ghi nhận mức tỷ suất lợi nhuận gộp là 14,5%.

Từ tháng 11/2022, BSR bắt đầu ghi nhận sản lượng và doanh thu đến từ xăng RON 83, Jet A1-K và Diesel DO L-62. Với mức sản lượng khởi đầu là 39,8 ngàn tấn và doanh thu 836 tỷ đồng, nhóm sản phẩm này đã đóng góp thêm 40 tỷ đồng vào lợi nhuận gộp của Công ty.

Với sản phẩm nhựa PP, BSR đã sản xuất thành công 04 sản phẩm hạt nhựa PP mới (bao gồm cả BOPP), tiếp tục đáp ứng các đơn đặt hàng từ khách hàng. Tuy vậy, năm 2022 là một năm khó khăn với thị trường nhựa nói chung và sản phẩm của Công ty nói riêng, đặc biệt là từ Quý IV/2022. Chính sách kiểm soát Zero-Covid và tình hình "đóng cửa" của Trung Quốc đã tác động rất lớn tới chuỗi cung ứng toàn cầu, dẫn đến chi phí vận chuyển tăng và kéo theo nguồn hàng PP từ các nước khác trên thế giới chuyển hướng vào thị trường Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam. Việc tiêu thụ PP gặp nhiều khó khăn với sức mua kém, giá bán khó cạnh tranh với hàng nhập khẩu, khiến tồn kho của công ty tăng cao. Đồng thời, việc vận hành thương mại 03 nhà máy PP mới của Trung Quốc vào tháng 11/2022 với tổng công suất 1,1 triệu tấn/năm là chỉ báo cho những tác động tiêu cực hơn trong bối cảnh nhu cầu nhựa PP tại Việt Nam và các nước Đông Nam Á có dấu hiệu suy giảm. Ứng biến với tình hình thị trường bất lợi, BSR đã cắt giảm sản lượng sản xuất PP từ tháng 07/2022 từ 20% - 30% nhằm tối ưu hóa hiệu quả chung của Nhà máy.

Năm 2022 đánh dấu năm kinh doanh thành công, trong đó BSR đã đạt được các kế hoạch đề ra và ghi nhận mức lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 14.669 tỷ đồng.





## Đa dạng nguồn cung dầu thô song hành với nâng cao năng lực sản xuất

Trong năm 2022, Công ty đã hoàn thành chế biến thử nghiệm thành công thêm 02 loại dầu thô nhập khẩu mới, bao gồm dầu Rabi Blend với tỷ lệ phối trộn lên tới 25% thể tích và dầu Hải Thạch với tỉ lệ phối trộn 15% thể tích trong hỗn hợp dầu đầu vào. Dầu Rabi Blend có tiềm năng thay thế một phần dầu thô Bạch Hổ đang dần suy giảm nhanh về trữ lượng và sản lượng khai thác trong tương lai. BSR đặt mục tiêu dài hạn về tỷ lệ sử dụng dầu thô nhập khẩu ở mức 35% - 46% nhằm chủ động nguồn nguyên liệu và nâng cao hiệu quả chế biến của Nhà máy.

BSR cũng nghiên cứu cải tiến công nghệ hiện hành của Nhà máy để chế biến dầu thô có hàm lượng lưu huỳnh (S) cao đến 0,16% wt thông qua các giải pháp (i) nâng công suất phân xưởng thu hồi lưu huỳnh SRU2 lên 130% (ii) chuyển đổi amine từ DEA sang MDEA hoặc tương đương, thử nghiệm phụ gia De-SOx tại phân xưởng RFCC để đảm bảo giá trị SOx thải ra môi trường.



**Chế biến thử nghiệm thành công thêm 02 loại dầu thô nhập khẩu mới**

## Tối ưu tài chính

Nhờ kết quả kinh doanh thuận lợi, các chỉ số tài chính của BSR được cải thiện rõ rệt và đạt trạng thái lành mạnh nhất trong 05 năm trở lại đây.

Công ty tiếp tục duy trì được giá trị tiền mặt ròng (Tiền và tương đương tiền + Đầu tư tài chính ngắn hạn - Nợ vay ngắn hạn - Nợ vay dài hạn) ở mức dương 16.079 tỷ và là mức cao nhất kể từ năm 2018. Cùng các chỉ tiêu về khả năng thanh toán tăng và hệ số cơ cấu vốn giảm về nợ vay, BSR đang cho thấy sức khỏe tài chính rất tốt, là nguồn lực quan trọng để Công ty nắm bắt các cơ hội trên thị trường dầu thế giới trong bối cảnh giá dầu tiếp tục có nhiều biến động.

Chỉ tiêu	Đơn vị	2018	2019	2020	2021	2022
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	5.401	4.937	425	8.971	7.087
Tiền mặt ròng	Tỷ đồng	-4.365	2.058	768	9.763	16.079
Hệ số nợ vay/tổng tài sản	Lần	0,19	0,12	0,23	0,16	0,11
Hệ số nợ vay dài hạn/tổng tài sản	Lần	0,14	0,10	0,05	0,01	-

Cùng với những cải thiện tích cực trong dòng tiền và lượng tiền mặt ròng, trong năm 2022, BSR đã kết thúc quá trình chi trả các khoản nợ vay dài hạn bắt nguồn từ thời kỳ đầu tư xây dựng Nhà máy. Dự nợ của BSR tại các tổ chức tín dụng hiện tại chỉ bao gồm các khoản nợ ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động. Cơ cấu nguồn vốn dài hạn lành mạnh, không có dư nợ là cơ sở quan trọng, tạo thuận lợi cho Công ty trong việc đầu tư các dự án mới trong tương lai.

Đấu ấn trong quản trị tài chính tốt của BSR còn được thể hiện ở chỉ số ROE vượt trội, đạt 33,06% trong năm 2022. Điều này đến từ yếu tố kết quả kinh doanh tốt và cơ cấu tài chính lành mạnh, giúp tối ưu nguồn vốn và gia tăng tối đa lợi ích cho cổ đông.

## Đánh giá chung

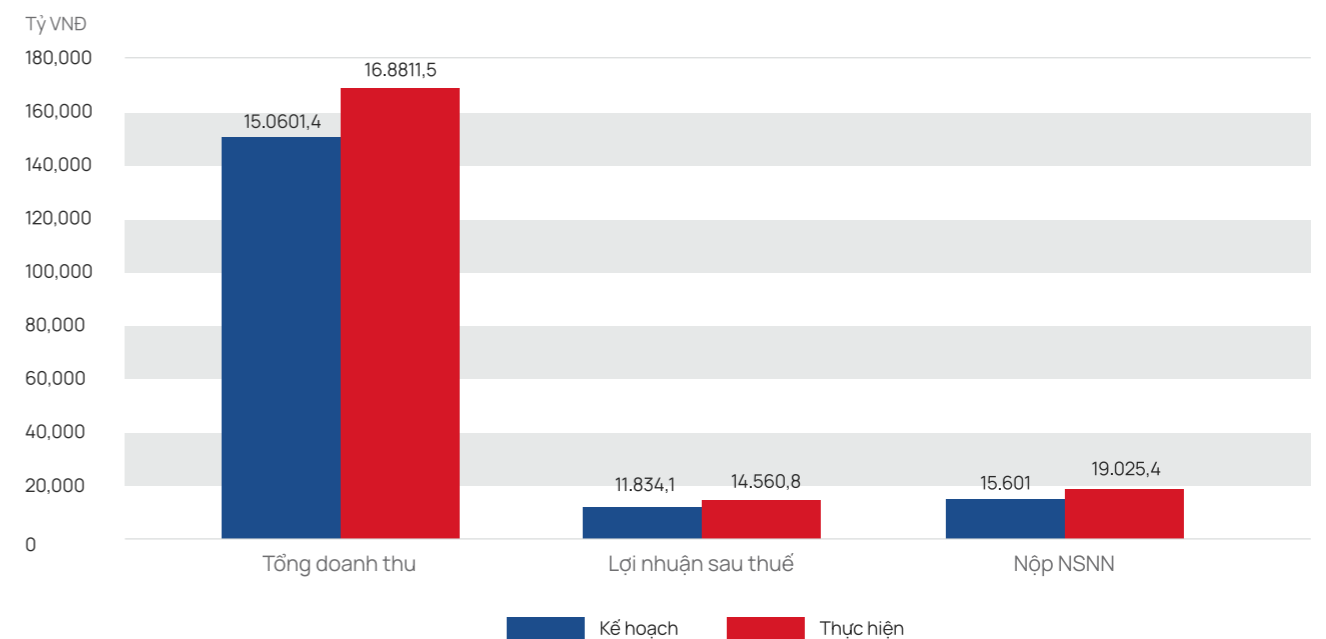
### Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh

STT	Nội dung	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022		
				KH theo NQĐHĐĐ số 1189/NQ-BSR	KHĐC theo NQĐQT số 5039/NQ-BSR	Thực hiện
<b>I Chỉ tiêu sản lượng</b>						
1	Sản lượng sản xuất	Tấn	6.528.804	6.499.087	6.499.087	7.010.828
2	Sản lượng tiêu thụ		6.423.553	6.499.087	6.499.087	7.003.079
<b>II Chỉ tiêu tài chính (hợp nhất)</b>						
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	102.164,0	91.677,7	150.687,7	168.963,8
2	Nộp NSNN		11.379,3	9.944,9	15.612,0	19.040,7
3	Lợi nhuận trước thuế		6.940,7	1.370,7	12.412,5	15.585,8
4	Lợi nhuận sau thuế		6.683,5	1.295,4	11.728,7	14.669,3
<b>III Chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ</b>						
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	102.103,3	91.411,5	150.601,4	168.898,0
2	Nộp NSNN		11.366,7	9.934,0	15.601,0	19.027,5
3	Lợi nhuận trước thuế		7.031,5	1.474,1	12.515,9	15.750,5
4	Lợi nhuận sau thuế		6.776,7	1.400,8	11.834,1	14.836,2

Các kết quả kinh doanh năm 2022 đều tăng trưởng so với cùng kỳ và vượt kế hoạch đã đề ra, trong đó:

- Sản lượng sản xuất vượt 7,9% kế hoạch điều chỉnh năm và tăng trưởng 7,4% so với năm 2021.
- Tổng doanh thu Công ty mẹ vượt 12,1% so với kế hoạch điều chỉnh và tăng 65% so với năm 2021.
- Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ vượt 25% so với kế hoạch điều chỉnh và tăng trưởng 19% so với năm 2021.
- Chỉ tiêu nộp ngân sách nhà nước Công ty mẹ vượt 22% so với kế hoạch.

### TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH MỘT SỐ CHỈ TIÊU CÔNG TY MẸ



## Thuận lợi trong sản xuất kinh doanh

- Nhận được sự quan tâm, hỗ trợ và chỉ đạo sát sao của Chính phủ/ Bộ ngành và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- Kinh tế thế giới dần phục hồi sau đại dịch, đặc biệt kinh tế vĩ mô của Việt Nam ổn định, các chính sách của Đảng/ Nhà nước đang hỗ trợ các doanh nghiệp phục hồi và tốc độ phục hồi của nền kinh tế ở mức cao.
- Nhà máy đạt trên 37,3 triệu giờ công an toàn, không có tai nạn lao động mất ngày công (LTI).
- Nhà máy vận hành an toàn, liên tục tại công suất trung bình trên 107% công suất thiết kế.
- Đội ngũ lao động lành nghề, tích lũy nhiều kinh nghiệm, tập thể đoàn kết, thống nhất.
- Đã tích lũy được kinh nghiệm trong công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19.
- Giá dầu thô tăng cao và khoảng cách giá giữa giá sản phẩm xăng 92, xăng 95 và dầu thô (crack margin) mở rộng hơn nhiều so với kế hoạch và so với năm 2021.

## Khó khăn

- Trong năm 2022, lạm phát tăng cao, kinh tế thế giới suy thoái, tình hình dịch bệnh và xung đột giữa Nga và Ukraine, khủng hoảng năng lượng tại các nước Châu Âu và nhiều nước trên thế giới, đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, tỷ giá USD tăng cao, v.v. Các nước phương Tây đã ban hành lệnh trừng phạt đối với ngành năng lượng của Nga cũng như đang từng bước loại dầu Nga ra khỏi danh mục dầu chế biến và cấm dầu Nga xuất khẩu vào Châu Âu theo đường biển. Vì vậy, nguồn cung dầu ngọt khan hiếm khiến phụ phí dầu thô tăng đột biến, điều này đã tác động rất lớn đến công tác tìm mua dầu thô cho Nhà máy lọc dầu Dung Quất.
- Các khó khăn, vướng mắc liên quan đến Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 về kinh doanh xăng dầu, Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 hướng dẫn Luật Quản lý ngoại thương, Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 về kinh doanh xăng dầu, Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28/03/2014 hướng dẫn Nghị định 89/2013/NĐ-CP hướng dẫn Luật giá về thẩm định giá do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành dự kiến sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Công ty.
- Chủ trương điều chỉnh dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất chưa được phê duyệt.
- Nhà máy đã có thời gian vận hành trên 12 năm nên thiết bị, máy móc tiềm ẩn nhiều nguy cơ không đảm bảo nếu không được kiểm tra giám sát và chăm sóc, duy tu bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên, liên tục dẫn tới chi phí bảo dưỡng sửa chữa ngày càng tăng.
- Sản phẩm của BSR chịu sự cạnh tranh trực tiếp với nguồn xăng dầu nhập khẩu từ các nước mà Việt Nam tham gia hiệp định thương mại tự do và xăng dầu được sản xuất từ Nhà máy lọc dầu số 2.



# Tình hình tài chính

## Tình hình tài sản

BSR thực hiện việc mua sắm tài sản theo nhu cầu sử dụng và định mức được Công ty quy định. Đối với tài sản cố định, công ty xây dựng và triển khai quy trình quản lý chặt chẽ, thực hiện bảo dưỡng định kỳ, luôn duy trì và nâng cao năng lực sử dụng tài sản.

Công ty đã tuân thủ các quy định của Pháp luật và Công ty về quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả.

## Tiền, tương đương tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn

Tình hình số dư tiền, tương đương tiền và các khoản đầu tư ngắn hạn được cụ thể như sau:

DVT: triệu VND

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	832	879
Tiền gửi ngân hàng	253.262	386.793
Các khoản tương đương tiền	22.599.002	15.958.002
<b>Tổng cộng</b>	<b>22.853.096</b>	<b>16.345.674</b>

Tổng tiền và tương đương tiền cuối năm 2022 là 22.853 tỷ đồng, tăng 6.507 tỷ đồng so với cuối năm 2021, trong đó, số dư tiền của Công ty mẹ chiếm 99,8%.

Công ty luôn cân đối nguồn tiền ở mức có lợi nhất. Tiền bán hàng thu được sẽ được cân đối với nhu cầu chi và lãi suất tiền gửi từng thời kỳ. Trong năm 2022, lãi suất vay ngắn hạn có nhiều thuận lợi nên Công ty tăng cường vay vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

## Phải thu khách hàng

Tại thời điểm 31/12/2022, các khoản phải thu khách hàng của Công ty là 16.097 tỷ đồng, cao hơn so với thời điểm 31/12/2021 (13.251 tỷ đồng) và chiếm 20,51% Tổng tài sản cuối năm 2022.

Nguyên nhân khoản phải thu khách hàng cao so với thời điểm 31/12/2021 là do giá bán bình quân tháng 12/2022 cao hơn so với tháng 12/2021 là 2,5 triệu đồng/tấn sản phẩm, mặc dù tháng 12/2022 có khối lượng tiêu thụ thấp hơn so với tháng 12/2021 hơn 11 nghìn tấn. Bên cạnh đó, Công ty đã đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ, không có nợ phải thu quá hạn.

Chất lượng các khoản phải thu: Trong năm, BSR triển khai áp dụng thanh toán theo hình thức LC đối với hầu hết khách hàng nên công tác thu hồi nợ đúng hạn.

Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi: PV Building, BSR-BF không trích lập bổ sung dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm. Lũy kế tại thời điểm 31/12/2022 là 364,5 triệu đồng.

## Hàng tồn kho

Hàng tồn kho gồm:

DVT: triệu VND

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Hàng mua đang đi trên đường	7.548.847	1.549.797
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	3.931.925	3.784.965
Công cụ, dụng cụ trong kho	1.767.220	1.613.425
Chi phí SXKD dở dang	1.522.385	786.250
Thành phẩm tồn kho	2.181.174	2.642.149
Hàng hóa	2.385	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>16.953.936</b>	<b>10.376.585</b>
Trừ: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(144.906)	(18.490)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>16.809.029</b>	<b>10.358.095</b>

Hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2022 là 16.809 tỷ đồng, cao hơn so với thời điểm 31/12/2021 là 6.451 tỷ đồng. Hầu hết chất lượng hàng tồn kho đều tốt.



## Tài sản cố định và đầu tư xây dựng cơ bản

- Trích khấu hao: Tài sản cố định được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng với tỷ lệ trích khấu hao theo quy định.
- Tình trạng tài sản: Đang sử dụng tốt.
- Tài sản cố định của Công ty chủ yếu là giá trị Nhà máy lọc dầu.
- Chi phí đầu tư XD CB dở dang chủ yếu ở dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy và triển khai hệ thống ERP giai đoạn 1.
- Tài sản cố định giảm khoảng 10% so với năm trước, tương đương giảm 2.061 tỷ đồng do giá trị đã trích khấu hao trong năm 2022.
- Trong khi đó, chi phí XD CB tăng 5,73% so với năm trước. Chủ yếu là các công trình: Triển khai hệ thống ERP giai đoạn 1; Chi phí xây dựng cơ bản của Ban nâng cấp mở rộng Nhà máy, lắp đặt các trạm quan trắc khí thải tự động, liên tục cho ống khói phân xưởng U40 và U11; Triển khai hệ thống điều khiển cao cấp đa biến APC giai đoạn II tại phân xưởng NHT.



## Các khoản mục tài sản khác

- Tài sản ngắn hạn khác chủ yếu là Chi phí trả trước ngắn hạn (78 tỷ đồng).
- Chi phí trả trước ngắn hạn của Công ty chủ yếu là bảo hiểm rủi ro tài sản, bảo hiểm con người.
- Tài sản dài hạn khác chủ yếu là chi phí trả trước dài hạn (103 tỷ đồng) trong đó chi phí hóa chất phân xưởng CCR 89 tỷ đồng.

## Tình hình nợ phải trả

Nợ ngắn hạn chủ yếu là các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, các khoản phải trả, phải nộp đến hạn khác. Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn hiện thời là 2,25 lần và hệ số thanh toán nhanh là 1,60 lần. Công ty đảm bảo khả năng trả nợ đúng hạn.

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu thời điểm kết thúc năm 2022 là 0,53. Theo quy định Nghị định 91/2015/NĐ-CP chỉ số này không được lớn hơn 3, điều đó cho thấy cơ cấu giữa nợ và vốn chủ sở hữu của Công ty nằm trong mức an toàn.

BSR dùng tỷ giá Vietcombank tại Hội sở chính khi đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ, tỷ giá đánh giá tại ngày 31/12/2022 là 23.410 VND/USD, tăng 3,4 % so với tỷ giá tại ngày 31/12/2021 là 22.640 VND/USD.

## Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2022, BSR đã thực hiện rà soát cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ các đơn vị trong Công ty để điều chỉnh, bổ sung, tránh chồng chéo, đảm bảo hoạt động của Công ty thông suốt, hiệu quả; cải tiến về cách thức chi trả tiền lương cho người lao động đảm bảo công bằng, hiệu quả, khoa học. Một số công việc đã thực hiện:

Bổ sung, điều chỉnh chức năng nhiệm vụ của một số Ban/ Phòng để phù hợp với công tác quản lý, điều hành và tình hình thực tế của Công ty.

Tăng cường phân cấp, phân quyền, nâng cao trách nhiệm của các cấp quản lý. Phân cấp rõ ràng, cụ thể và chuyên nghiệp trong công tác quản lý sản xuất trực tiếp, không làm phát sinh chi phí, nâng cao hiệu quả xử lý công việc.

Tăng cường áp dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành để phát huy ưu thế công nghệ, hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu kế hoạch và góp phần mang lại lợi ích tối đa theo hướng bền vững và hiệu quả trong thời đại công nghiệp 4.0 và kỷ nguyên số hóa.

Ban hành Quy chế trả lương và thực hiện chuyển xếp lương cho Người lao động theo phương án lương 3P, bãi bỏ các quy định về tiền lương cơ bản không còn phù hợp.

## Kế hoạch phát triển trong tương lai

### Định hướng phát triển

- Xây dựng, phát triển Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn gắn liền với chiến lược phát triển ngành Dầu khí Việt Nam, Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam, Định hướng phát triển năng lượng quốc gia và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đảm bảo đồng bộ, hiệu quả và bền vững, có khả năng cạnh tranh, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng cho phát triển đất nước, tham gia tích cực vào việc thực hiện các giải pháp để đạt được phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050, đóng góp hiệu quả công tác an sinh xã hội.
- Tập trung phát triển các lĩnh vực kinh doanh chính bao gồm: sản xuất và kinh doanh các sản phẩm lọc hóa dầu; kinh doanh thương mại dầu thô và các sản phẩm hóa dầu; Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật; Từng bước thâm nhập hiệu quả vào lĩnh vực sản xuất và kinh doanh năng lượng tái tạo. Giữ vững vị trí là nhà cung cấp các sản phẩm lọc hóa dầu hàng đầu của Việt Nam. Đẩy mạnh phát triển hóa dầu và các dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật chất lượng cao cho khâu sau.
- Sử dụng tài nguyên tiết kiệm, hiệu quả, gắn liền với bảo vệ môi trường sinh thái. Chủ động thực hiện các giải pháp giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát triển năng lượng mới, năng lượng tái tạo.
- Thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong mọi hoạt động của BSR. Phát huy tối đa nội lực, năng lực quản trị hiện đại, kết hợp với đẩy mạnh hợp tác, hội nhập quốc tế, khuyến khích và thu hút các đối tác thuộc mọi thành phần kinh tế ở trong nước và nhà đầu tư nước ngoài tham gia vào các lĩnh vực hoạt động của BSR.
- Tiếp tục phát huy hiệu quả vận hành nhà máy an toàn, ổn định, liên tục, gia tăng hiệu quả sản xuất, cải thiện các hoạt động kinh doanh và tiếp tục phấn đấu duy trì lợi nhuận sau thuế và tăng trưởng dương trong thời gian tới.
- Tuân thủ đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường và tham gia tích cực vào việc thực hiện cam kết phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050 của Việt Nam tại COP26, tiếp tục hoạt động SXKD và tập trung đầu tư vào lọc hóa dầu, trong đó chủ yếu là các sản phẩm hóa dầu làm nguyên liệu để sản xuất hàng tiêu dùng và mở rộng sang lĩnh vực năng lượng tái tạo và tồn trữ các-bon.
- Phần đầu là một trong những doanh nghiệp có đóng góp lớn nhất cho sự tăng trưởng của ngành dầu khí Việt Nam và ngân sách Nhà nước. Tích cực tham gia công tác an sinh xã hội nhằm góp phần vào sự phát triển chung của địa phương.
- BSR tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc góp phần đảm bảo an ninh năng lượng của Việt Nam như đáp ứng nhu cầu nhiên liệu vận chuyển cho thị trường nội địa và nhiên liệu đặc thù của Bộ Quốc phòng.

**BSR tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc góp phần đảm bảo an ninh năng lượng của Việt Nam.**



## Các nhận định về các yếu tố tác động tới hoạt động kinh doanh của Công ty

### Các nhân tố tác động trực tiếp, gián tiếp đến hoạt động SXKD và đầu tư năm 2023

Các yếu tố liên quan đến chính sách Nhà nước (chính sách thuế lĩnh vực xăng dầu), các biến số kinh tế vĩ mô (lạm phát, lãi suất, tỷ giá, tình hình giá cả) và thị trường (nhu cầu tiêu thụ, biến động giá dầu thô) là những nhân tố quan trọng tác động trực tiếp và gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 của BSR.

- Năm 2023, thuế nhập khẩu xăng giảm từ 8% xuống còn 5% mức thuế suất, thuế thu nhập doanh nghiệp tăng từ 5% lên 10% dẫn đến lợi nhuận của BSR bị ảnh hưởng theo hướng giảm.
- Lạm phát các nền kinh tế lớn trên thế giới đang ở mức rất cao và Việt Nam có nguy cơ nhập khẩu lạm phát từ nước ngoài khi nhiều sản phẩm trong nước phụ thuộc vào nguyên, nhiên liệu nhập khẩu. Điều này kéo theo chi phí hoạt động SXKD của BSR trong năm 2023 dự kiến sẽ rất cao.
- Khi mua dầu thô trong nước, BSR phải tham gia chào mua cạnh tranh với các người mua khác nên có rủi ro không mua được lô dầu để thu xếp đủ nguồn dầu thô cho Nhà máy lọc dầu Dung Quất đảm bảo an toàn sản xuất, đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.
- Ảnh hưởng của các Nghị định 95/2021/NĐ-CP và 83/2014/NĐ-CP về công thức giá trong đó giá cơ sở và phụ phí (Premium) có thể gây tác động bất lợi đến hiệu quả SXKD của BSR.

- Chịu sự cạnh tranh với xăng dầu nhập khẩu từ các nước Việt Nam tham gia hiệp định thương mại tự do và xăng dầu được sản xuất từ Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn. Đặc biệt là sản phẩm PP dự kiến sẽ gặp nhiều khó khăn khi phải cạnh tranh với sản phẩm của các nhà máy trong nước và hàng nhập khẩu từ các nước ASEAN, Trung Quốc, Hàn Quốc.
- Thị trường dầu mỏ biến động rất nhanh và khó lường, rủi ro bị giảm giá hàng tồn kho rất là cao do nguy cơ giá dầu giảm mạnh và sốc.
- Nhà máy sẽ thực hiện bảo dưỡng sửa chữa lần 5 trong năm 2023 dẫn đến tổng sản lượng sản xuất và xuất bán thấp hơn các năm không có bảo dưỡng tổng thể kéo theo tổng doanh thu và lợi nhuận giảm.
- Nhà máy đã có thời gian vận hành hơn 12 năm nên thiết bị, máy móc tiềm ẩn nguy cơ không đảm bảo nếu không được kiểm tra, giám sát và chăm sóc, duy tu bảo dưỡng sửa chữa một cách thường xuyên, liên tục và chủ trọng. Điều này dẫn tới chi phí bảo dưỡng sẽ gia tăng.
- Việc triển khai Dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất khó khăn trong thủ tục và thu xếp vốn.



## Những thách thức và cơ hội từ thị trường

### Thách thức

- Dịch bệnh Covid-19: Hiện tại dịch bệnh Covid-19 cơ bản đã được kiểm soát trên toàn Thế giới, hành động kiểm soát dịch Covid-19 của các nước trên Thế giới đã thay đổi theo hướng thích nghi an toàn và sống chung với Covid-19. Tuy nhiên dịch bệnh Covid-19 hoặc các dịch bệnh khác có thể bùng phát và diễn biến phức tạp bất cứ thời điểm nào, khi đó nhu cầu sử dụng nhiên liệu hóa thạch sẽ giảm, ảnh hưởng lớn đến sức tiêu thụ và giá thành của dầu thô và sản phẩm sau chế biến từ dầu thô.
- Các ngân hàng trung ương trên thế giới thắt chặt chính sách tiền tệ, liên tục tăng lãi suất khiến cho triển vọng kinh tế thế giới ngày càng phức tạp, khó tiên đoán và có khả năng rơi vào suy thoái.
- Mọi lo ngại khan hiếm nguồn cung, căng thẳng địa chính trị và rủi ro nền kinh tế thế giới bị suy thoái sẽ tiếp tục tác động/chi phối thị trường dầu mỏ toàn cầu.
- Xung đột chính trị và kinh tế giữa nhiều quốc gia đặc biệt những nước có trữ lượng khai thác khai thác dầu lớn vẫn còn diễn biến phức tạp, đã, đang và sẽ ảnh hưởng rất lớn đến thị trường dầu thế giới và khu vực tạo áp lực lên lạm phát, giá cả hàng hóa, vận chuyển trong và ngoài nước.
- Xu thế chuyển dịch năng lượng đang diễn ra một cách mạnh mẽ tiếp tục ảnh hưởng đến thị trường dầu mỏ.

### Cơ hội

- BSR luôn nhận được sự hỗ trợ, chỉ đạo thường xuyên và sâu sát của các cấp có thẩm quyền từ Trung ương đến địa phương và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- Khả năng làm chủ công nghệ, tự chủ trong công tác vận hành bảo dưỡng, tối ưu hóa vận hành và tối ưu hóa chi phí sản xuất ngày càng được nâng cao.
- Hệ thống quản trị của Công ty ngày càng củng cố và hoàn thiện góp phần nâng cao hiệu quả điều hành các hoạt động SXKD.
- Việt Nam thích ứng với dịch bệnh nên nhu cầu đi lại của người dân ổn định, hoạt động sản xuất kinh doanh đã quay trở lại bình thường. Nhu cầu tiêu dùng và đi lại sẽ tăng cao trong những tháng lễ hội cuối năm và Tết Nguyên đán năm 2023.



## Nhiệm vụ trọng tâm

1. Tập trung vận hành Nhà máy lọc dầu Dung Quất an toàn, ổn định, liên tục ở công suất, cơ cấu sản phẩm tối ưu phù hợp với nhu cầu và tình hình thị trường, tối đa hóa hiệu quả sản xuất kinh doanh của BSR.
2. Rà soát giải pháp về quản trị rủi ro để tối ưu công tác bảo dưỡng tổng thể Nhà máy lọc dầu Dung Quất. Tính toán và có giải pháp để tạo ra sự khác biệt về mặt quản trị Nhà máy trong dài hạn. Nghiên cứu, tìm hiểu tình hình/ thời điểm dừng vận hành để bảo dưỡng sửa chữa của các Nhà máy lọc dầu khác trong khu vực, từ đó có các định hướng hợp lý trong kế hoạch triển khai TA5, cũng như cân đối công suất vận hành và cơ cấu sản phẩm sản xuất của Nhà máy lọc dầu Dung Quất, nhằm nắm bắt cơ hội tạo ra lợi nhuận tối ưu cho BSR.
3. Tiếp tục thực hiện và tuân thủ nghiêm túc các quy định về phòng chống dịch bệnh Covid-19 đã được Chính phủ, Bộ Y tế, các cơ quan Trung ương và địa phương ban hành. Thường xuyên cập nhật, dự báo diễn biến, chủ động phương án ứng phó hiệu quả với dịch bệnh Covid-19 và các dịch bệnh khác có thể xảy ra phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ, đặc thù hoạt động của đơn vị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị.
4. Nâng cao hiệu quả công tác đánh giá thông tin dự báo giá dầu thô và sản phẩm, chi phí vận chuyển/ bảo hiểm, thông tin cung-cầu của thị trường trong nước và ngoài nước, tình hình dịch bệnh, rủi ro địa chính trị tại khu vực và quốc tế, v.v... để xây dựng và cập nhật các kịch bản, giải pháp điều hành SXKD phù hợp, linh hoạt và kịp thời nhằm tận dụng tối đa cơ hội và giảm thiểu rủi ro đến hoạt động SXKD của BSR.
5. Tiếp tục nghiên cứu, đánh giá và chế biến thử nghiệm các loại nguyên liệu (dầu thô và/ hoặc các cấu tử trung gian) mới để không ngừng mở rộng giờ đầu thô cho Nhà máy, nâng cao sản lượng và hiệu quả SXKD.
6. Nghiên cứu, xem xét cơ hội hợp tác với các đối tác có năng lực để có các giải pháp phù hợp nhằm làm tốt và phát triển thị trường sản phẩm hóa dầu. Tính toán tăng khối lượng nhập các sản phẩm trung gian để gia tăng công suất các phân xưởng công nghệ của Nhà máy lọc dầu Dung Quất, tạo điều kiện gia tăng sản lượng cũng như hiệu quả sản xuất.
7. Thường xuyên nghiên cứu và tối ưu hóa: (i) Cơ cấu sản phẩm phù hợp với đặc tính của các hỗn hợp dầu thô chế biến, nhu cầu thị trường và công suất vận hành của các phân xưởng; (ii) Tiêu thụ HPXT, vật tư tiêu hao, vật tư phụ tùng thay thế (spare parts), v.v. (gắn liền với công tác kiểm soát và cập nhật bộ định mức); (iii) Năng lượng, tổn thất và mất mát, v.v. để góp phần nâng cao hiệu quả SXKD.
8. Triển khai các bước tiếp theo của Dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất phù hợp với các quy định hiện hành ngay sau khi được Cấp thẩm quyền chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án, đảm bảo tiến độ và hiệu quả Dự án.
9. Hoàn thành công tác quyết toán cổ phần hóa của BSR ngay sau khi được Cấp thẩm quyền chấp thuận.
10. Khẩn trương hoàn thiện kế hoạch 5 năm 2021 - 2025, Chiến lược phát triển BSR đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045, trong đó tập trung rà soát kỹ danh mục đầu tư, từ đó có các phương án cân đối vốn chủ sở hữu và quản trị dòng tiền hiệu quả.
11. Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số nhằm thúc đẩy các định hướng của BSR theo chiến lược phát triển Công ty, quản trị rủi ro, mô hình sản xuất thông minh và đảm bảo hiệu quả các nghiệp vụ cốt lõi của doanh nghiệp, cải tiến, biến đổi hoạt động của doanh nghiệp bằng cách tạo ra các quy trình kinh doanh mới, trải nghiệm khách hàng, văn hóa số và văn hóa Công ty.
12. Triển khai công tác an sinh xã hội phù hợp với điều kiện hoạt động SXKD.
13. Thực hiện tốt công tác an toàn, sức khỏe, môi trường, phòng chống cháy nổ tại Nhà máy.
14. Thực hiện các công việc khác do Đại hội đồng cổ đông giao.



## Các giải pháp thực hiện Kế hoạch

### Giải pháp chung

- Duy trì sự đoàn kết, thống nhất về ý chí và hành động trong Đảng bộ, giữa HĐQT và Ban TGD để đảm bảo các chỉ đạo xuyên suốt, nhất quán, kịp thời và hiệu quả.
- Tiếp nhận tối đa sự ủng hộ của Tập đoàn, các cơ quan chức năng của tỉnh và các Bộ ngành liên quan.

### Giải pháp về công tác an ninh, an toàn, sức khỏe và môi trường

- Thực hiện phương án phòng ngừa và ứng phó dịch bệnh Covid-19 đảm bảo an toàn cho người lao động và hoạt động SXKD.
- Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình chăm sóc sức khỏe người lao động, khám sức khỏe định kỳ và sức khỏe nghề nghiệp, sơ cứu y tế....
- Đảm bảo an toàn trong BDTT lần 5.
- Đào tạo huấn luyện ATMT cho nhân sự BSR và Nhà thầu.
- Quản lý hoạt động kiểm tra an toàn định kỳ thiết bị dụng cụ. Kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa các trang thiết bị phục vụ công tác PCCC và UPSC (SCBA, ELSA, Airline, UPSCTD).
- Quản lý và kiểm soát điều tra tai nạn sự cố.
- Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình vận hành, bảo dưỡng, sinh hoạt (chất thải nguy hại, nước thải công nghiệp, chất thải rắn, nước sinh hoạt). Quản lý các hoạt động xả thải, khí thải và các hoạt động của thiết bị/ máy móc (nước, bụi, khí, tiếng ồn...).
- Đảm bảo an ninh, bảo vệ các công trình của BSR.
- Thực hiện các chương trình tuyên truyền ATMT đến Người lao động, Nhà thầu và dân cư xung quanh Nhà máy.
- Cải tiến trong hoạt động xây dựng VHAT thông qua các ứng dụng quản trị ATLD (số hóa e-PTW, kiểm tra, giám sát thực thi ATLD các cấp và tuyên truyền văn hóa an toàn thông qua Mass TBT).

### Giải pháp trong sản xuất

- Thường xuyên đảm bảo vận hành Nhà máy an toàn, ổn định, liên tục và hiệu quả góp phần hoàn thành đạt và vượt kế hoạch đã giao.
- Thường xuyên kiểm tra, phát hiện sớm các mối nguy và xây dựng, triển khai các giải pháp kiểm soát rủi ro hiệu quả, đặc biệt đối với các thiết bị quan trọng/ tối quan trọng của nhà máy góp phần bảo đảm nhà máy vận hành an toàn, ổn định.
- Linh hoạt, tối ưu hóa trong việc điều chỉnh công suất Nhà máy, cơ cấu sản phẩm theo nhu cầu thị trường và giá sản phẩm.
- Công tác tối ưu hóa năng lượng:
  - Tiếp tục theo dõi, giám sát sự tiêu thụ/ sử dụng năng lượng của Nhà máy.
  - Tiếp tục triển khai các giải pháp tối ưu hóa năng lượng.
- Công tác tối ưu hóa sản xuất:
  - Tiếp tục tìm kiếm, đánh giá và chế biến thử nghiệm đầu thô mới.
  - Tiếp tục nghiên cứu, đánh giá và triển khai thử nghiệm tăng công suất phân xưởng công nghệ.
  - Tiếp tục nghiên cứu, triển khai sản xuất sản phẩm PP chủng loại mới.
- Công tác Bảo dưỡng tổng thể lần 5: Tập trung mọi nguồn lực để thực hiện thành công TA5 đảm bảo an toàn, chất lượng, tiết kiệm chi phí và phần đầu rút ngắn thời gian triển khai so với kế hoạch được duyệt nhằm sớm đưa nhà máy vào vận hành trở lại, góp phần gia tăng sản lượng sản xuất và lợi nhuận cho công ty. Phát huy tối đa việc sử dụng các nguồn lực tại chỗ (BSR, các đơn vị trong ngành, tại Việt Nam) trong quá trình thực hiện công tác bảo dưỡng sửa chữa, giảm thiểu việc sử dụng các dịch vụ kỹ thuật bên ngoài để tiết giảm chi phí.
- Tiếp tục tìm kiếm cơ hội cung cấp dịch vụ đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật và vận hành, bảo dưỡng cho các dự án/ nhà máy khác.





## Giải pháp trong kinh doanh

- Theo dõi chặt chẽ tình hình dịch bệnh Covid-19, dự báo giá dầu mỏ, cung-cầu thị trường trong nước để xây dựng các kịch bản kinh doanh và có các giải pháp ứng phó phù hợp nhằm kiểm soát hiệu quả các rủi ro (nếu có) và nâng cao hiệu quả SXKD.
- Thường xuyên bám sát diễn biến thị trường cũng như tiến độ nhận hàng của khách hàng để ứng phó kịp thời khi thị trường phát sinh tình huống bất lợi.
- Đa dạng hóa nguồn nguyên liệu, tối đa tiêu thụ dầu thô trong nước để tăng lợi ích của chuỗi liên kết trong ngành.
- Đa dạng hóa và xuất bán sản phẩm mới nhằm tăng thêm hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Xem xét khả năng nhập cấu tử về phối trộn sản phẩm để bán ra thị trường nhằm nâng cao hiệu quả SXKD.

## Giải pháp trong quản trị

- Nâng cao hiệu quả công tác đánh giá thông tin dự báo, thông tin thị trường trong nước và ngoài nước, tình hình dịch bệnh, rủi ro địa chính trị tại khu vực và quốc tế... để xây dựng và cập nhật các kịch bản, giải pháp kinh doanh phù hợp, kịp thời nhằm tận dụng tối đa cơ hội và giảm thiểu rủi ro đến hoạt động SXKD.
- Tiếp tục nâng cao hệ thống quản trị doanh nghiệp góp phần nâng cao hiệu quả SXKD. Tổ chức rà soát, nghiên cứu và cải tiến các quy chế, quy trình nghiệp vụ đảm bảo tuân thủ pháp luật, tinh gọn, hiệu quả và phù hợp với định hướng triển khai áp dụng và mở rộng hệ thống ERP, công tác chuyển đổi số của BSR.
- Triển khai hiệu quả các giải pháp chiến lược góp phần thực hiện thành công Chiến lược phát triển BSR đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045.
- Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số nhằm thúc đẩy các định hướng của BSR theo chiến lược phát triển Công ty, quản trị rủi ro, mô hình sản xuất thông minh và đảm bảo hiệu quả các nghiệp vụ cốt lõi của doanh nghiệp, cải tiến, chuyển đổi hoạt động của doanh nghiệp bằng cách tạo ra các quy trình kinh doanh mới, trải nghiệm khách hàng, văn hóa số và văn hóa Công ty.
- Thường xuyên rà soát, phân tích và nghiên cứu các giải pháp để tiếp tục tối ưu chi phí SXKD nhằm góp phần nâng cao hiệu quả SXKD.
- Thực hiện công tác luân chuyển, điều động và chuyển đổi vị trí công tác cán bộ, sử dụng đúng người đúng việc để nâng cao hiệu quả, phát huy năng lực, sở trường của cán bộ.
- Tiếp tục xây dựng và hệ thống hóa cơ sở dữ liệu đào tạo để nâng cao hiệu quả đào tạo, đảm bảo năng lực cho từng CBCNV, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân sự thay thế, đảm bảo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ mới.
- Hoàn thiện hệ thống chế độ đãi ngộ nhằm thu hút, giữ chân đội ngũ nhân lực chất lượng cao, nhân sự tiềm năng, đặc biệt đối với Khối trực tiếp sản xuất, chế độ chính sách đối với nhân sự thực hiện các dự án cung cấp dịch vụ ra bên ngoài Công ty.
- Tăng cường công tác quản lý, kỷ luật lao động, rà soát các quy định về quản lý lao động, tăng cường sử dụng, ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý lao động.
- Đẩy mạnh triển khai, lan tỏa văn hóa doanh nghiệp BSR gắn với Đề án Tái tạo văn hóa PetroVietnam.
- Bám sát và tích cực làm việc với các cơ quan thẩm quyền để đưa cổ phiếu BSR niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh khi đủ điều kiện.

## Giải pháp về đầu tư và vốn

- Thường xuyên rà soát, đánh giá, phân tích hiệu quả các dự án đầu tư, kiểm soát hiệu quả danh mục đầu tư, tăng cường kiểm soát công tác mua các TTB/TSCĐ. Đẩy nhanh và bù đúng tiến độ các công trình đầu tư nhằm sớm đưa vào hoạt động và khai thác, tránh tình trạng đầu tư dàn trải, chậm tiến độ.
- Sau khi Dự án NCMR Nhà máy lọc dầu Dung Quất được cấp thẩm quyền chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư, tập trung nguồn lực để thúc đẩy công tác triển khai các bước tiếp theo của Dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất (Dự án điều chỉnh) theo đúng quy định hiện hành, đảm bảo chất lượng, tiến độ và hiệu quả.
- Hoàn thành công tác quyết toán cổ phần hóa của BSR ngay sau khi có sự chấp thuận của cấp thẩm quyền.



## Giải pháp về công tác tái cấu trúc

- Thực hiện đầy đủ các hướng dẫn/ chỉ đạo của Tập đoàn về công tác tái cấu trúc BSR; tinh gọn bộ máy quản lý.
- Hoàn thiện, triển khai áp dụng hệ thống lương 3P cho toàn Công ty.
- Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân sự thay thế; bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ phù hợp với năng lực kinh nghiệm và nhu cầu nhiệm vụ mới.



# 04

## Đánh giá của Hội đồng Quản trị

- 100 Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty
- 103 Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban TGD
- 104 Các kế hoạch, định hướng của HĐQT



**Ông Nguyễn Bá Phước**  
Thành Viên Hội Đồng Quản Trị

**Ông Hà Đồng**  
Thành Viên Hội Đồng Quản Trị

**Ông Bùi Ngọc Dương**  
Thành viên HĐQT / Tổng Giám đốc

**Ông Nguyễn Văn Hội**  
Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

**Ông Khuông Lê Thành**  
Thành Viên Hội Đồng Quản Trị

**Ông Nguyễn Hải Âu**  
Thành Viên Hội Đồng Quản Trị



# Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Hội đồng quản trị (HĐQT) đã chủ động chỉ đạo và phối hợp chặt chẽ với Ban Tổng Giám đốc (Ban TGD) để ra các kịch bản, giải pháp đồng bộ, linh hoạt để hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2022 trước tình hình thị trường trong nước và thế giới có nhiều biến động do ảnh hưởng của chiến tranh giữa Nga và Ukraine, tỷ giá đồng USD, tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, tái bùng phát dịch Covid-19,... Bên cạnh sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, sự hỗ trợ của Cổ đông lớn - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, cùng với xu hướng tích cực của thị trường, với tinh thần đoàn kết, chia sẻ và trách nhiệm trong quản lý, điều hành, BSR đã đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận trong năm 2022.

HĐQT đã thực hiện đầy đủ chức năng đại diện các chủ sở hữu trong việc chỉ đạo, giám sát hoạt động điều hành của Ban TGD, định hướng phù hợp và kịp thời, đảm bảo sử dụng hiệu

quả các nguồn lực để hoàn thành tốt các mục tiêu, nhiệm vụ đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua, trên cơ sở tuân thủ các quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và các quy định có liên quan.

Với tinh thần trách nhiệm cao, HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ một cách cẩn trọng, trung thực vì lợi ích của cổ đông và Công ty. Kết quả năm 2022 Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao. Công ty tiếp tục vận hành an toàn Nhà máy lọc dầu Dung Quất; mở rộng nguồn dầu thô, nguyên liệu trung gian đầu vào (như dầu thô nhập khẩu Rabi Light (Gabon), Hải Thạch Condensate, Straight Run Low Sulfur Fuel Oil - SR LSFO, Residue, Vacuum Gas Oil - VGO,...) để linh hoạt trong chế biến; cũng như đa dạng hóa sản phẩm khi sản xuất và xuất bán các sản phẩm nhiên liệu cho Cục xăng dầu - Bộ Quốc phòng như DO-L62, Jet A1-K, Mogas 83.



## Về kết quả sản xuất kinh doanh

Năm 2022, Nhà máy lọc dầu Dung Quất vận hành an toàn, ổn định ở các mức công suất phù hợp đạt trung bình khoảng 107% so với thiết kế, góp phần quan trọng hoàn thành các chỉ tiêu SXKD năm 2022 của Công ty.

Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chính năm 2022 theo Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

STT	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Kế hoạch năm 2022 (Trước điều chỉnh)	Kế hoạch năm 2022 (điều chỉnh)	Thực hiện năm 2022	TH/KH (Trước điều chỉnh)	TH/KH (điều chỉnh)
<b>I Chỉ tiêu sản lượng</b>							
1	Sản lượng sản xuất	Tấn	6.499.087	6.499.087	7.010.828	107,87%	107,87%
2	Sản lượng tiêu thụ		6.499.087	6.499.087	7.003.079	107,75%	107,75%
<b>II Chỉ tiêu tài chính</b>							
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	91.677,7	150.867,7	168.963,8	184,30%	112,13%
2	Lợi nhuận sau thuế		1.295,4	11.728,7	14.669,3	1.132,41%	125,07%
3	Nộp NSNN		9.944,9	15.612,0	19.040,7	191,46%	121,96%

## Về kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm đã đề ra

### Công tác chiến lược, kế hoạch

Thực hiện Nghị quyết số 1189/NQ-BSR ngày 22/04/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, BSR đã tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp để thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm:

- Vận hành Nhà máy đảm bảo an toàn, ổn định ở công suất tối ưu phù hợp với nhu cầu thị trường; nghiên cứu, đánh giá và chế biến thử nghiệm thành công các loại dầu mới để mở rộng giỏ dầu thô cho Nhà máy.
- Tiếp tục triển khai đàm phán việc cung cấp dầu thô dài hạn.
- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học và tối ưu hóa sản xuất.
- Tích cực triển khai Dự án nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất phù hợp với tình hình mới và hiệu quả tổng thể cho công ty.
- Lựa chọn tư vấn quốc tế xây dựng chiến lược, trọng tâm phát triển BSR đến năm 2030 và tầm nhìn đến 2045.
- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro của BSR để tích hợp với chiến lược phát triển của BSR đến 2030, tầm nhìn đến 2045.
- Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp và hoàn thiện, kiện toàn cơ cấu tổ chức.
- Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số để nâng cao độ chính xác và kịp thời của thông tin báo cáo, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị công ty, đưa hệ thống quản trị nguồn lực doanh nghiệp (ERP) vào vận hành chính thức từ tháng 07/2022.
- Triển khai thực hiện đồng bộ văn hóa doanh nghiệp trong toàn Công ty.

Trên cơ sở ủy quyền của ĐHĐCĐ tại Nghị quyết số 1189/NQ-BSR ngày 22/04/2022 và kết quả hoạt động SXKD năm 2022, HĐQT đã quyết định điều chỉnh Kế hoạch SXKD năm 2022 tại Nghị quyết số 5039/NQ-BSR ngày 29/12/2022.

Việc thử nghiệm và chế biến thành công các loại dầu thô, nguyên liệu mới giúp BSR tăng cường sự linh hoạt trong nguồn cung cấp nguyên liệu đầu vào để BSR có thể vận hành Nhà máy lọc dầu Dung Quất ở mức công suất tối ưu phù hợp với nhu cầu thị trường.



Trách nhiệm đối với môi trường và xã hội cũng được BSR xem là một trong những ưu tiên hàng đầu.



### Công tác quản trị

Tập trung nâng cao hệ thống quản trị ở tất cả các khâu của quá trình sản xuất kinh doanh. Hoàn thiện các hệ thống quản trị nội bộ, xây dựng các chiến lược, mục tiêu kinh doanh. Tiếp tục thực hiện hoàn thiện các Quy chế/ quy trình quản trị nội bộ theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả.

Đẩy mạnh triển khai thực hiện đồng bộ vấn hóa doanh nghiệp trong toàn Công ty và công tác chuyển đổi số.

### Công tác khác

Bên cạnh việc chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ SXKD thì trách nhiệm đối với môi trường và xã hội cũng được BSR xem là một trong những ưu tiên hàng đầu. Nhận thức rõ việc tuân thủ an toàn và môi trường là vấn đề quan trọng của doanh nghiệp, từ khi thành lập đến nay, BSR luôn thể hiện trách nhiệm cao trong việc tuân thủ, chấp hành tốt các quy định của pháp luật về môi trường. Với định hướng phát triển bền vững, các sản phẩm của BSR luôn đáp ứng tiêu chuẩn quy định và thân thiện với môi trường.

BSR đã thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp triệt để phòng, chống dịch bệnh Covid-19 nhằm bảo vệ và chăm sóc sức khỏe người lao động, thích ứng linh hoạt với diễn biến dịch bệnh trong tình hình mới.

Ngoài ra, thực hiện chủ trương lớn của Công ty là phát triển sản xuất kinh doanh phải gắn liền với công tác an sinh xã hội (ASXH), BSR thực hiện ASXH tại các địa phương trong và ngoài tỉnh Quảng Ngãi. Chương trình ASXH năm 2021-2022 có tổng kinh phí 40 tỷ đồng, chương trình ASXH năm 2022-2023 có tổng kinh phí 85,8 tỷ đồng. Công ty thực hiện các chương trình ASXH, quan hệ cộng đồng khác như: Tổ chức chương trình Tết vì người nghèo năm 2022 ở các địa phương, trao học bổng khuyến học, Khắc phục hậu quả thiên tai cứu trợ nhân đạo, chương trình đền ơn đáp nghĩa,...

## Hoạt động giám sát của Hội đồng Quản trị với Ban Tổng Giám đốc

### Phương thức giám sát

Căn cứ Điều lệ, Quy chế quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai các Nghị quyết của ĐHCĐ và Nghị quyết/ Quyết định/ các văn bản chỉ đạo của HĐQT trong năm 2022 như sau:

- Giám sát quá trình lập kế hoạch SXKD năm 2022 và việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đã được ĐHCĐ thông qua và HĐQT phê duyệt.
- Thường xuyên tổ chức, tham gia các cuộc họp của HĐQT, của Ban TGD để chỉ đạo, đánh giá tình hình thực hiện, xem xét các giải pháp, kiểm tra, giám sát, đôn đốc các hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng, tài chính, tổ chức nhân sự, tái cấu trúc, tối ưu hóa và các hoạt động khác trong toàn Công ty và các đơn vị có phần vốn góp.
- Phối hợp chặt chẽ với Ban TGD trong việc kiểm tra, nắm bắt tình hình hoạt động SXKD thực tế của Công ty.
- Tổ chức công tác kiểm tra, giám sát chuyên đề.
- Giám sát các đơn vị thành viên, liên kết thông qua Quy chế người đại diện của Công ty tại các công ty con/ công ty liên kết, Quy chế quản lý vốn của Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác.

### Kết quả giám sát

Năm 2022, HĐQT đánh giá Ban TGD đã hoàn thành tốt vai trò điều hành SXKD, nỗ lực hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch được giao, cụ thể như sau:

- Ban TGD đã quản lý, điều hành hoạt động SXKD với tinh thần trách nhiệm cao, đảm bảo phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của HĐQT và tuân thủ các Quy chế, quy trình, quy định trong hoạt động điều hành Công ty theo đúng Điều lệ, Quy chế quản trị doanh nghiệp cũng như các quy định của pháp luật có liên quan.
- BSR đã vượt tất cả các chỉ tiêu theo kế hoạch năm 2022, đảm bảo Nhà máy lọc dầu Dung Quất được vận hành an toàn, ổn định và hiệu quả.
- Nâng cao năng lực quản trị, điều hành sâu sát, linh hoạt và quyết liệt, qua đó giúp BSR triển khai bài bản và áp dụng kịp thời, hiệu quả các giải pháp hỗ trợ công tác quản trị.
- Tuân thủ, chấp hành đúng các quy định trong quá trình điều hành hoạt động của Công ty.



## Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

Dự báo tình hình thị trường dầu mỏ năm 2023 tiếp tục có nhiều biến động và thách thức, HĐQT đã đề ra một số nhiệm vụ chính như sau:

- Tập trung vận hành Nhà máy lọc dầu Dung Quất an toàn, ổn định, liên tục ở công suất, cơ cấu sản phẩm tối ưu phù hợp với nhu cầu và tình hình thị trường, tối đa hoá hiệu quả sản xuất kinh doanh của BSR.
- Rà soát giải pháp về quản trị rủi ro để tối ưu công tác bảo dưỡng tổng thể Nhà máy lọc dầu Dung Quất (TA). Tính toán và có giải pháp để tạo ra sự khác biệt về mặt quản trị Nhà máy trong dài hạn. Nghiên cứu, tìm hiểu tình hình/ thời điểm dừng vận hành để bảo dưỡng sửa chữa của các Nhà máy lọc dầu khác trong khu vực, từ đó có các định hướng hợp lý trong kế hoạch triển khai TA5, cũng như cân đối công suất vận hành và cơ cấu sản phẩm sản xuất của Nhà máy lọc dầu Dung Quất, nhằm nắm bắt cơ hội tạo ra lợi nhuận tối ưu cho BSR.
- Tiếp tục thực hiện và tuân thủ nghiêm túc các quy định về phòng chống dịch bệnh Covid-19 đã được Chính phủ, Bộ Y tế, các cơ quan Trung ương, địa phương và các cơ quan có liên quan ban hành. Thường xuyên cập nhật, dự báo diễn biến, chủ động phương án ứng phó hiệu quả với dịch bệnh Covid-19 và các dịch bệnh khác có thể xảy ra, phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ, đặc thù hoạt động của đơn vị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.
- Nâng cao hiệu quả công tác đánh giá thông tin dự báo giá dầu thô và sản phẩm, chi phí vận chuyển/ bảo hiểm, thông tin cung-cầu của thị trường trong nước và ngoài nước, tình hình dịch bệnh, rủi ro địa chính trị tại khu vực và quốc tế, v.v. để xây dựng và cập nhật các kịch bản, giải pháp điều hành SXKD phù hợp, linh hoạt và kịp thời nhằm tận dụng tối đa cơ hội và giảm thiểu rủi ro đến hoạt động SXKD của BSR.
- Tiếp tục nghiên cứu, đánh giá và chế biến thử nghiệm các loại nguyên liệu (dầu thô và/hoặc các cấu tử trung gian) mới để không ngừng mở rộng giới dầu thô cho Nhà máy, nâng cao sản lượng và hiệu quả SXKD.

- Nghiên cứu, xem xét cơ hội hợp tác với các đối tác có năng lực để có các giải pháp phù hợp nhằm làm tốt và phát triển thị trường sản phẩm hóa dầu. Tính toán tăng khối lượng nhập các sản phẩm trung gian để gia tăng công suất các phân xưởng công nghệ của Nhà máy lọc dầu Dung Quất, tạo điều kiện gia tăng sản lượng cũng như hiệu quả sản xuất.
- Thường xuyên nghiên cứu và tối ưu hóa: (i) Cơ cấu sản phẩm phù hợp với đặc tính của các hỗn hợp dầu thô chế biến, nhu cầu thị trường và công suất vận hành của các phân xưởng; (ii) Tiêu thụ HPXT, vật tư tiêu hao, vật tư phụ tùng thay thế (spare parts), v.v. (gắn liền với công tác kiểm soát và cập nhật bộ định mức); (iii) Năng lượng, tổn thất và mất mát, v.v. để góp phần nâng cao hiệu quả SXKD.
- Đẩy mạnh công tác đầu tư.
- Triển khai các bước tiếp theo của Dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất (Dự án điều chỉnh) phù hợp với các quy định hiện hành ngay sau khi được Cấp thẩm quyền chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án, đảm bảo tiến độ và hiệu quả Dự án.
- Hoàn thành công tác quyết toán cổ phần hóa của BSR ngay sau khi được Cấp thẩm quyền chấp thuận.
- Khẩn trương hoàn thiện Chiến lược phát triển BSR đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045, trong đó tập trung rà soát kỹ danh mục đầu tư, từ đó có các phương án cân đối vốn chủ sở hữu và quản trị dòng tiền hiệu quả.
- Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số nhằm thúc đẩy các định hướng của BSR theo chiến lược phát triển Công ty, quản trị rủi ro, mô hình sản xuất thông minh và đảm bảo hiệu quả các nghiệp vụ cốt lõi của doanh nghiệp, cải tiến, biến đổi hoạt động của doanh nghiệp bằng cách tạo ra các quy trình kinh doanh mới, trải nghiệm khách hàng, văn hóa số và văn hóa Công ty.
- Triển khai công tác an sinh xã hội phù hợp với điều kiện hoạt động SXKD.
- Thực hiện tốt công tác an toàn, sức khỏe, môi trường, phòng chống cháy nổ tại Nhà máy.
- Tăng cường công tác truyền thông, quảng bá thương hiệu BSR.
- Phấn đấu đăng ký thủ tục chuyển sản niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE) khi đủ điều kiện.
- Thực hiện các công việc khác do Đại hội đồng cổ đông giao.



# 05

## Quản trị Công ty

- 108 Báo cáo hoạt động của HĐQT
- 115 Báo cáo của Ban Kiểm soát
- 128 Các giao dịch, thù lao và khoản lợi ích của HĐQT, BTGD và BKS



# Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị

## Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị (HDQT) nhiệm kỳ 2018-2022 có 6 thành viên, bao gồm Chủ tịch HDQT, 01 Thành viên kiêm Tổng Giám đốc, 04 Thành viên không điều hành.

STT	Hội đồng quản trị	Chức vụ	Số cổ phần đại diện	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu / vốn điều lệ
1.	Nguyễn Văn Hội	Chủ tịch	1.147.384.859	10.400	37,00%
2.	Bùi Ngọc Dương	Thành viên	930.149.885	0	30,00%
3.	Hà Đồng	Thành viên	465.074.942	0	15,00%
4.	Khương Lê Thành	Thành viên	313.770.561	3.400	10,12%
5.	Nguyễn Bá Phước	Thành viên	0	0	
6.	Nguyễn Hải Âu	Thành viên	0	3.000	

Trong nhiệm kỳ 2018-2022, Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm chức danh Thành viên HDQT đối với ông Lê Xuân Huyền, ông Nguyễn Quang Hòa, ông Trần Ngọc Nguyên, ông Bùi Minh Tiến, bầu bổ sung giữ chức danh Thành viên HDQT đối với ông Nguyễn Hải Âu, ông Khương Lê Thành, ông Nguyễn Văn Hội, ông Bùi Ngọc Dương.



## Hoạt động của HDQT

Giai đoạn 2018-2022, với sự lãnh đạo, chỉ đạo của HDQT, BSR đã đạt và vượt hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua, đóng góp tích cực vào ngân sách nhà nước. Bên cạnh đó, HDQT đã có các giải pháp quản trị kịp thời để cùng Ban TGD ứng phó hiệu quả với tác động nặng nề của dịch bệnh Covid-19 lên hoạt động sản xuất kinh doanh của BSR năm 2020, 2021. Cùng với xu hướng tích cực của biên lợi nhuận lọc dầu năm 2022, BSR đã đạt được kết quả cao trong hoạt động SXKD với Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 14.669,34 tỷ đồng.

Hoạt động của HDQT được thực hiện theo nguyên tắc tập thể, phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ. HDQT đã có phân công tương đối cụ thể, rõ ràng các lĩnh vực phụ trách và chịu trách nhiệm chỉ đạo cho từng thành viên HDQT nhằm nâng cao chất lượng chỉ đạo và giám sát của HDQT đối với hoạt động của Ban TGD. Các thành viên HDQT cũng có ý kiến các nội dung thuộc thẩm quyền của HDQT trước khi HDQT ra quyết định. Đồng thời, theo lĩnh vực được phân công, các thành viên thực hiện việc chỉ đạo, giám sát và đôn đốc Ban TGD triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HDQT. HDQT đã chỉ đạo việc ban hành kịp thời các văn bản quản lý nội bộ quan trọng của BSR như Quy chế mua sắm, Quy chế quản lý đầu tư... để nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp theo thông lệ tốt và quy định pháp luật hiện hành. Bên cạnh đó, HDQT đã chỉ đạo Ban Kiểm soát nội bộ thực hiện nhiệm vụ giám sát định kỳ một số mảng công tác của Ban TGD như kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện công tác kinh doanh sản phẩm, dịch vụ vận chuyển dầu thô, dịch vụ vận chuyển LPG năm 2020-2021, kiểm tra, đánh giá công tác đầu tư bao gồm: (i) Tình hình thực hiện dự án Nâng cấp mở rộng và (ii) Tình hình thực hiện các dự án đầu tư khác giai đoạn 2020-2021.

Năm 2022, HDQT đã tổ chức 10 cuộc họp định kỳ, chuyên đề. Các cuộc họp của HDQT đã tập trung giải quyết những vấn đề quan trọng trong việc: Xây dựng và thực thi kế hoạch SXKD, các dự án đầu tư trọng điểm; Xây dựng chiến lược phát triển của Công ty; Định hướng xây dựng hệ thống quản trị rủi ro Công ty; Công tác chuẩn bị Bảo dưỡng tổng thể Nhà máy lọc dầu Dung Quất lần thứ 5; Các định hướng đối với các nội dung quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh... bao gồm một số nội dung chính như: (i) Công tác điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất, công tác nghiên cứu tối ưu hóa và đa dạng sản phẩm của Dự án; (ii) Văn kiện trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022; (iii) Các chính sách, giải pháp ứng phó với ảnh hưởng của chiến sự Nga và Ukraine đối với thị trường dầu thô và hoạt động SXKD của Công ty; (iv) Kế hoạch tổng thể triển khai công tác Bảo dưỡng tổng thể Nhà máy lọc dầu Dung Quất lần thứ 5; (v) Công tác tái cơ cấu công ty giai đoạn 2 và cơ chế lương mới cho người lao động; (vi) Phương án xử lý tiếp theo đối với Dự án Nhiên liệu sinh học Dung Quất - Công ty Cổ phần Nhiên liệu sinh học Dầu khí miền Trung; (vii) Công tác truyền thông, quảng bá thương hiệu, phát triển thị trường; (viii) Công tác chuẩn bị đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Ngoài các cuộc họp trực tiếp, HDQT đã thông qua các văn bản của HDQT theo phương thức lấy ý kiến các thành viên qua các Phiếu ý kiến.

Năm 2022, HDQT đã ban hành 35 nghị quyết, 132 quyết định và hơn 180 văn bản khác để quản trị Công ty đối với các vấn đề thuộc phân cấp, thẩm quyền quyết định của HDQT. Trong đó, có các nghị quyết/ quyết định quan trọng như sau:





STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1.	00253/NQ-BSR	25/01/2022	Nghị quyết về việc thông qua chương trình làm việc của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần lọc hóa dầu Bình Sơn năm 2022
2.	00340/NQ-BSR	28/01/2022	Nghị quyết v/v phê duyệt KH hoạt động SXKD năm 2022 tạm thời của Công ty CP LHD Bình Sơn
3.	00448/NQ-BSR	21/02/2022	Nghị quyết về việc thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông hưởng niên năm 2022 của BSR
4.	00926/NQ-BSR	31/03/2022	Nghị quyết v/v ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022 của BSR
5.	01347/NQ-BSR	04/05/2022	Nghị Quyết về việc công tác cán bộ
6.	01359/NQ-BSR	05/05/2022	Nghị quyết về việc phê duyệt Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn
7.	01858/NQ-BSR	02/06/2022	Nghị quyết về việc thông qua các nội dung chính của dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất (Dự án điều chỉnh)
8.	01950/NQ-BSR	13/06/2022	Nghị quyết v/v giải tỏa cổ phần hết hạn hạn chế chuyển nhượng trong đợt bán CP ưu đãi theo thời gian cam kết làm việc của NLD cho Công ty cổ phần sau cổ phần hóa
9.	02105/NQ-BSR	24/06/2022	Nghị quyết về việc công tác cán bộ
10.	02173/NQ-BSR	30/06/2022	Nghị quyết về việc nộp lợi nhuận còn lại trước cổ phần hóa về Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
11.	02238/NQ-BSR	04/07/2022	Nghị quyết về việc thông qua Phương án chi trả cổ tức năm 2021 của BSR
12.	02285/NQ-BSR	07/07/2022	Nghị quyết về việc công tác cán bộ
13.	02315/NQ-BSR	08/07/2022	Nghị quyết về việc thông qua chủ trương/cơ hội đầu tư và Kế hoạch vốn đầu tư chi tiết điều chỉnh, cơ cấu kế hoạch vốn đầu tư mua sắm TSCĐ, TTB năm 2022 của BSR
14.	02389/NQ-BSR	11/07/2022	Nghị quyết về công tác cán bộ
15.	02521/NQ-BSR	18/07/2022	Nghị quyết về việc phê duyệt kinh phí thực hiện chương trình An sinh xã hội của BSR năm 2022-2023
16.	02654/NQ-BSR	29/07/2022	Nghị quyết về việc công tác cán bộ
17.	04235/NQ-BSR	16/11/2022	Nghị quyết về việc công tác cán bộ
18.	04555/NQ-BSR	07/12/2022	Nghị quyết về việc chấp thuận chủ trương mua bảo hiểm nhân thọ cho CBCNV
19.	05039/NQ-BSR	29/12/2022	Nghị quyết về việc phê duyệt điều chỉnh một số chỉ tiêu Kế hoạch năm 2022 của BSR



## Báo cáo hoạt động của từng thành viên HĐQT

Căn cứ kế hoạch hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT trong năm 2022, tất cả các thành viên HĐQT Công ty đều đã thực hiện nhiệm vụ của mình theo đúng lĩnh vực được phân công, rà soát các vấn đề trọng yếu (về hoạt động, tài chính, kinh doanh dầu thô, sản phẩm, thương mại, dự án đầu tư, an ninh an toàn, tuân thủ và quản lý rủi ro...) với tinh thần trách nhiệm cao, chỉ đạo các mặt hoạt động của Công ty được thông suốt và hoàn thành tốt các nhiệm vụ. Các thành viên HĐQT đã tập trung xem xét chỉ đạo thực hiện các nội dung trọng tâm, bao gồm: Chỉ đạo xây dựng chiến lược phát triển của Công ty, Thực hiện công tác tái cấu trúc, Hoàn thiện hệ thống quản trị Công ty, Triển khai xây dựng hệ thống quản trị rủi ro, Triển khai Dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Công tác chuẩn bị Bảo dưỡng tổng thể Nhà máy lọc dầu Dung Quất lần thứ 5, Đa dạng hóa nguồn nguyên liệu đầu vào và cơ cấu sản phẩm, Tối ưu công suất Nhà máy phù hợp với thị trường, Nâng cao công tác quan hệ cổ đông và công bố thông tin...

HĐQT thống nhất phân công nhiệm vụ của từng Thành viên HĐQT như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Lĩnh vực phụ trách
1.	Nguyễn Văn Hội - Chủ tịch HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> <li>Phụ trách chung, thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty và các văn bản Pháp luật liên quan.</li> <li>Công tác tái cấu trúc Công ty.</li> <li>Chiến lược phát triển Công ty.</li> <li>Phụ trách hoạt động của Văn phòng Hội đồng quản trị.</li> </ul>
2.	Bùi Ngọc Dương - Thành viên HĐQT kiêm TGD	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thực hiện chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của TGD theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty và các văn bản Pháp luật liên quan.</li> <li>Công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và lĩnh vực Tài chính Kế toán.</li> </ul>
3.	Hà Đồng - Thành viên HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> <li>Giám sát tổng thể Bảo dưỡng tổng thể lần 5 (TA5).</li> <li>Lĩnh vực tiến độ triển khai Dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất (NCOMR).</li> <li>Công tác dự báo, phân tích thị trường phục vụ sản xuất kinh doanh.</li> <li>Giám sát Công ty cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí (PMS).</li> </ul>
4.	Nguyễn Bá Phước - Thành viên HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các dự án Đầu tư.</li> <li>Lĩnh vực kinh doanh dầu thô và sản phẩm.</li> <li>Tổ chức nhân sự, chế độ chính sách.</li> <li>Công tác kế hoạch sản xuất kinh doanh.</li> <li>Công tác truyền thông.</li> <li>Giám sát Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (PV Building).</li> </ul>
5.	Nguyễn Hải Âu - Thành viên HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> <li>Công tác pháp chế, bảo hiểm, quản trị rủi ro.</li> <li>Kiểm soát, kiểm toán nội bộ.</li> <li>Quan hệ cổ đông, truyền thông liên quan đến công tác quan hệ cổ đông.</li> <li>Công tác mua sắm tài sản cố định.</li> <li>Công tác nhượng bán, thanh lý tài sản.</li> <li>Lĩnh vực pháp lý Dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất.</li> <li>Phụ trách hoạt động của Ban Kiểm soát nội bộ.</li> <li>Giám sát Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam (PVOS).</li> </ul>
6.	Khương Lê Thành - Thành viên HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> <li>Công tác an ninh, an toàn, sức khỏe, môi trường và phòng cháy chữa cháy.</li> <li>Quản lý chất lượng.</li> <li>Văn hóa doanh nghiệp.</li> <li>Công tác mua sắm hàng hóa, thương mại dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.</li> <li>Lĩnh vực công nghệ Dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất.</li> <li>Lĩnh vực khoa học công nghệ Công ty.</li> <li>Giám sát Công ty cổ phần Nhiên liệu sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR-BF).</li> </ul>

Năm 2022, HĐQT Công ty làm việc theo nguyên tắc các thành viên HĐQT cho ý kiến tất cả các vấn đề mà HĐQT xử lý. Các thành viên HĐQT hoạt động theo cơ chế chuyên trách nên nắm bắt kịp thời, sát sao tình hình hoạt động của Công ty, thường xuyên chỉ đạo và cho ý kiến/ biểu quyết độc lập đối với các nội dung/ tờ trình do Ban TGD trình. HĐQT đã lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc quyền hạn HĐQT. Các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT được thành viên HĐQT xem xét cẩn trọng, giám sát, chỉ đạo hoạt động Ban TGD và được ban hành dưới các hình thức văn bản như nghị quyết, quyết định và các văn bản khác của HĐQT. Các nghị quyết/ quyết định của HĐQT đều được thông báo đầy đủ, kịp thời, đúng quy định đến Ban TGD và Ban Kiểm soát.



## Đào tạo về quản trị Công ty

Tất cả các thành viên liên quan đều đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật và Điều lệ BSR và đã được đào tạo về quản trị Công ty. Trong năm 2022, các Thành viên HĐQT đã tham gia các chương trình đào tạo/ hội thảo như "Diễn đàn quản trị cấp cao Việt Nam - Singapore", "Quản trị doanh nghiệp theo thông lệ quốc tế", "Báo cáo tài chính và các chỉ tiêu đánh giá trong lĩnh vực dầu khí", "Phát triển năng lực quản lý" do các chuyên gia trong nước và quốc tế giảng dạy, chia sẻ.

## Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và cổ đông lớn và người liên quan

Trong năm 2022, giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ như sau:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (01/01/2022)		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (31/12/2022)		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Nguyễn Hải Âu	Người nội bộ	2.000	0,000065%	3000	0,000097%	Mua
2	Nguyễn Việt Thắng	Người nội bộ	1.500	0,000048%	0		Bán

## Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Trong năm 2022, BSR không phát sinh các giao dịch hoặc hợp đồng với cổ đông nội bộ.

## Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về Luật Doanh nghiệp, chứng khoán và các văn bản liên quan.

## Công tác cán bộ

Trong năm 2022, ĐHĐCĐ quyết định miễn nhiệm chức danh Thành viên Ban Kiểm soát đối với ông Phạm Ngọc Quý và ông Vũ Lê Huy, quyết định bầu ông Hoàng Đình Nhật và bà Vũ Lan Phương giữ chức danh Thành viên Ban Kiểm soát Công ty; HĐQT quyết định bổ nhiệm ông Mai Tuấn Đạt và ông Phạm Minh Nghĩa giữ chức Phó Tổng Giám đốc Công ty. Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn không có sự thay đổi về nhân sự trong Hội đồng quản trị.

## Về chi phí hoạt động

Chi tiết thù lao của HĐQT được tổng hợp và thể hiện trong Tờ trình thông qua báo cáo tiền lương, thu nhập năm 2022 và kế hoạch năm 2023 của HĐQT và Ban Kiểm soát, Báo cáo tài chính năm 2022 được kiểm toán và Báo cáo thường niên năm 2022 theo quy định.

Các thành viên HĐQT làm việc thường xuyên tại Công ty, sử dụng phòng làm việc, các tiện ích, phương tiện di chuyển, công cụ, dụng cụ làm việc và thực hiện các chế độ công tác, đào tạo,... theo các quy định hiện hành của Công ty về các định mức chi phí hành chính và các trang thiết bị, chế độ công tác phí,... Chi phí hoạt động của HĐQT được hạch toán theo quy định vào chi phí quản lý chung của Công ty.

# Báo cáo của Ban Kiểm soát

## Báo cáo kết quả hoạt động, kết quả công tác kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát

### Báo cáo của BKS về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, Ban TGD

Trong năm 2022, Nhà máy hoạt động ổn định với công suất bình quân trên 100% công suất thiết kế. Tình hình thế giới phức tạp do chiến dịch đặc biệt Nga - Ukraine, đứt gãy chuỗi cung ứng, tình hình dịch bệnh Covid-19 vẫn còn tại một số khu vực và giá dầu biến động khó dự báo,... nhưng BSR đã hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu về sản xuất và đặc biệt là chỉ tiêu về lợi nhuận cao nhất từ trước đến nay, cụ thể như:

# 14.669

TỶ ĐỒNG

Lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch năm 125%.

# 7.010.828

TẤN

Sản lượng sản xuất đạt 108%.

# 19.040

TỶ ĐỒNG

Nộp ngân sách nhà nước vượt kế hoạch năm 122%.

# 7.003.079

TẤN

Sản lượng xuất bán đạt 108%.



## Các kiến nghị của BKS trong năm 2022

Ban Kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể, phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ và Quy chế hoạt động của BKS. Các thành viên BKS cùng chịu trách nhiệm chung đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của BKS. Tuy nhiên, để thuận lợi và nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra giám sát, BKS thống nhất phân công các thành viên theo dõi từng lĩnh vực phù hợp với chuyên môn, năng lực và sở trường của các thành viên.

Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra giám sát có trọng tâm và dựa trên các hạng mục công việc quan trọng, các rủi ro trọng yếu và việc tuân thủ các quy định liên quan trong quá trình hoạt động của Công ty. Các thành viên BKS chủ động thực hiện công tác giám sát thường xuyên và chuyên đề theo phân công nhiệm vụ để kịp thời có các cảnh báo, kiến nghị, lưu,... giúp HĐQT/ TGD chỉ đạo, điều hành công ty tuân thủ các quy định và tối đa lợi ích của Công ty.



- Trong năm 2022, tình hình thế giới biến động khó lường dẫn đến giá dầu, crack thay đổi khó dự báo, vì vậy Công ty cần có các kịch bản kinh doanh khác nhau để đảm bảo hiệu quả cao nhất trong SXKD. Tình hình lạm phát của Mỹ và Châu Âu ở mức cao, tỷ giá USD tăng và đứt gãy chuỗi cung ứng trên thế giới dẫn đến chi phí một số hàng hóa, dịch vụ có rủi ro tăng cao và thời gian giao hàng kéo dài. Vì vậy, Công ty cần xem xét các giải pháp để ứng phó kịp thời giảm thiểu tác động đến các hoạt động SXKD của Công ty.
- Tiếp tục giám sát và kiểm soát chặt chẽ kế hoạch thực hiện bảo dưỡng tổng thể nhà máy lần thứ 5 (TA5) đảm bảo các mục tiêu để ra cho kỳ bảo dưỡng TA5 trong năm 2023.
- Dự án nâng cấp mở rộng Nhà máy: Tiếp tục làm việc và giải trình với các Bộ ngành, Chính phủ để sớm chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án NCMR như kiến nghị của BSR tại công văn số 2954/BSR-DQRE ngày 03/6/2022 cũng như chuẩn bị các phương án thực hiện để khi có được chấp thuận của Chính phủ sẽ triển khai ngay các công việc liên quan.
- Tại ngày 30/12/2022, các khoản tương đương tiền của Công ty bao gồm 2.735 tỷ đồng là tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Quảng Ngãi đang bị tạm dừng giao dịch. Công ty cần tiếp tục làm việc với các cơ quan thẩm quyền để có các giải pháp tăng khả năng thanh khoản.
- Tiếp tục đẩy mạnh và triển khai các dự án đầu tư (ngoài dự án Nâng cấp mở rộng) theo kế hoạch để ra cũng như các dự án khác nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động cũng như đảm bảo an ninh an toàn Nhà máy.
- Đến hết năm 2022, cơ quan có thẩm quyền chưa thực hiện kiểm tra và phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm BSR chính thức chuyển thành công ty cổ phần. Mặc dù, BSR đã hoàn thành các thủ tục để phục vụ cho công tác quyết toán cổ phần hóa, nhưng Công ty cần lưu ý và tiếp tục kiến nghị cấp thẩm quyền sớm kiểm tra và phê duyệt để đảm bảo hoàn thành các thủ tục theo quy định của Công ty cổ phần.

Ngoài ra còn một số khuyến nghị, trao đổi khác liên quan đến các hoạt động thường ngày và khuyến nghị thông qua các đợt kiểm tra chuyên đề, BKS đã trao đổi trực tiếp với HĐQT/ TGD để xem xét chỉ đạo các bộ phận/ phòng ban liên quan tiếp tục cải tiến hệ thống kiểm soát nội bộ, hệ thống quản lý rủi ro,... đảm bảo tuân thủ các quy định liên quan và tối ưu hóa trong quá trình SXKD.

**Đánh giá chung:** Đối với các kiến nghị của Ban Kiểm soát, HĐQT/ TGD đã tiếp thu và có các giải pháp để xử lý các kiến nghị đã nêu.

## Kết quả giám sát hoạt động và tình hình tài chính của Công ty

Trên cơ sở kế hoạch hoạt động năm 2022 và giám sát tình hình hoạt động thực tế tại BSR, báo cáo kiểm toán của đơn vị kiểm toán độc lập (Công ty TNHH Deloitte Việt Nam), Ban Kiểm soát đã có các báo cáo giám sát chuyên đề và thực hiện Thẩm định báo cáo tài chính theo quý, theo năm. Trong năm 2022, tình hình tài chính của BSR được thể hiện ở một số chỉ tiêu chính như sau:

### Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

BSR đã hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu về sản xuất và đặc biệt là chỉ tiêu về lợi nhuận cao nhất từ trước đến nay, trong đó lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 14.669 tỷ đồng, vượt kế hoạch năm điều chỉnh 25%. Chỉ tiêu nợ ngân sách nhà nước là 19.040 tỷ đồng, vượt kế hoạch năm điều chỉnh 22%. Về sản lượng, sản lượng sản xuất và sản lượng tiêu thụ cũng vượt kế hoạch, trong đó sản lượng sản xuất và tiêu thụ đều đạt 108% kế hoạch điều chỉnh năm với các mức sản lượng cả năm lần lượt là 7.010.828 tấn và 7.003.079 tấn.

STT	Nội dung	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022		
				KH theo NQĐHĐCĐ số 1189/NQ-BSR	Kế hoạch điều chỉnh	Thực hiện
<b>I Chỉ tiêu sản lượng</b>						
1	Sản lượng sản xuất	Tấn	6.528.804	6.499.087	6.499.087	7.010.828
2	Sản lượng tiêu thụ		6.423.553	6.499.087	6.499.087	7.003.079
<b>II Chỉ tiêu tài chính (hợp nhất)</b>						
1	Tổng doanh thu		102.164,0	91.677,7	150.687,7	168.963,8
2	Nộp NSNN	Tỷ đồng	11.379,3	9.944,9	15.612,0	19.040,7
3	Lợi nhuận trước thuế		6.940,7	1.370,7	12.412,5	15.585,8
4	Lợi nhuận sau thuế		6.683,5	1.295,4	11.728,7	14.669,3
<b>III Chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ</b>						
1	Tổng doanh thu		102.103,3	91.411,5	150.601,4	168.898,0
2	Nộp NSNN	Tỷ đồng	11.366,7	9.934,0	15.601,0	19.027,5
3	Lợi nhuận trước thuế		7.031,5	1.474,1	12.515,9	15.750,5
4	Lợi nhuận sau thuế		6.776,7	1.400,8	11.834,1	14.836,2



### Các chỉ số tài chính

Các hệ số về khả năng thanh toán, các chỉ tiêu về cân đối nợ, sự phù hợp của cơ cấu tài sản, nguồn vốn được thể hiện trong bảng sau:

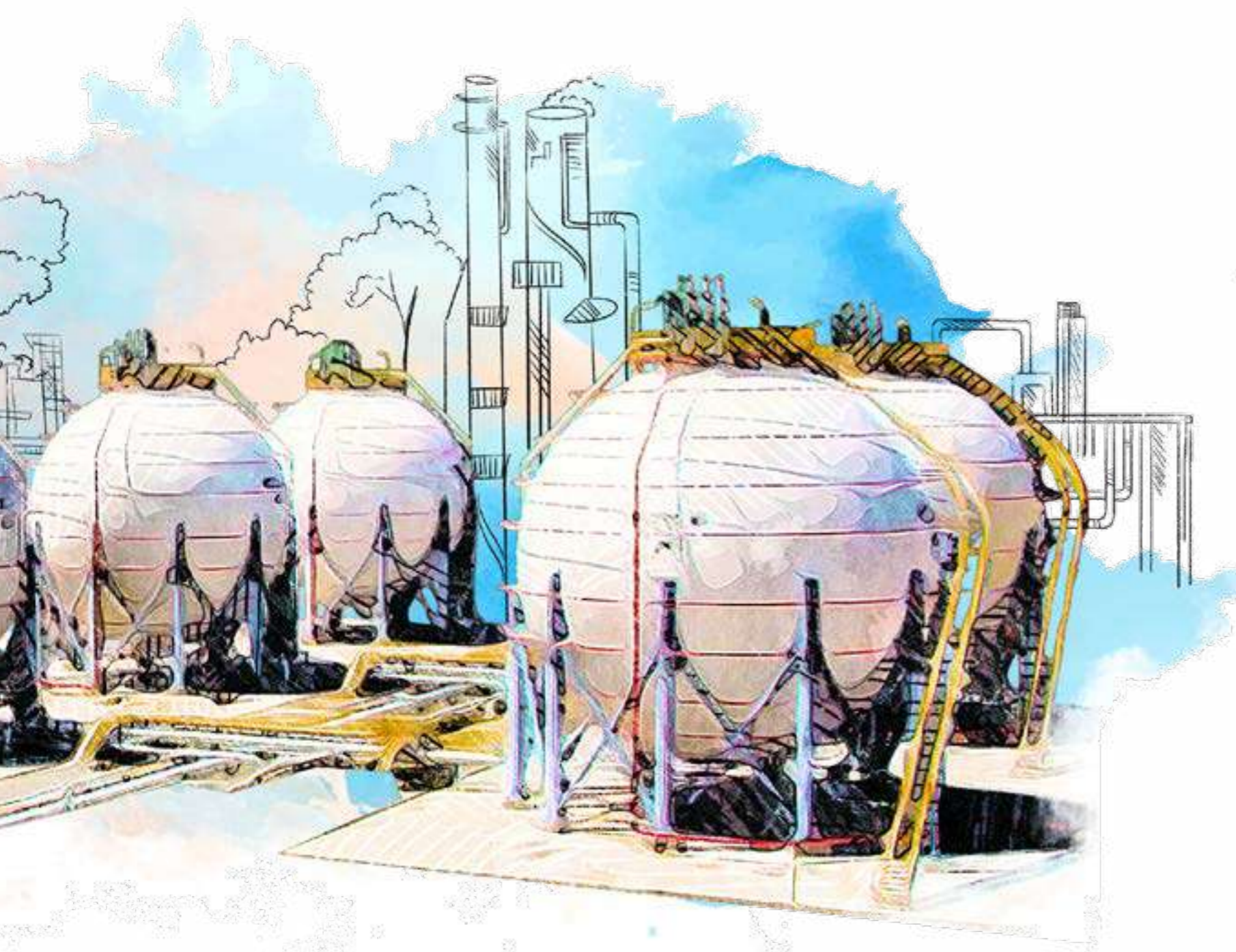
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	BCTC riêng Công ty mẹ		BCTC hợp nhất	
			2021	2022	2021	2022
<b>A</b>	<b>Tình hình tài sản, nguồn vốn</b>					
<b>I</b>	<b>Tổng tài sản</b>	Tỷ đồng	<b>65.476</b>	<b>77.226</b>	<b>66.796</b>	<b>78.488</b>
<b>1</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	Tỷ đồng	<b>44.371</b>	<b>58.273</b>	<b>44.544</b>	<b>58.471</b>
2	Tiến và các khoản tương đương tiến	Tỷ đồng	16.314	22.818	16.346	22.853
3	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	Tỷ đồng	4.102	2.102	4.190	2.172
4	Các khoản phải thu ngắn hạn	Tỷ đồng	13.581	16.496	13.601	16.553
5	Hàng tồn kho	Tỷ đồng	10.328	16.777	10.358	16.809
6	Tài sản ngắn hạn khác	Tỷ đồng	46	78	50	84
7	Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	21.105	18.954	22.251	20.017
<b>II</b>	<b>Tổng nguồn vốn</b>	Tỷ đồng	<b>65.476</b>	<b>77.226</b>	<b>66.796</b>	<b>78.488</b>
1	Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	25.557	24.517	26.940	26.016
2	Nợ dài hạn	Tỷ đồng	2.281	1.272	2.291	1.282
3	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	37.638	51.438	37.564	51.190
<b>B</b>	<b>Hệ số khả năng thanh toán</b>					
1	Hệ số thanh toán hiện hành	Lần	1,74	2,38	1,65	2,25
2	Hệ số thanh toán nhanh hiện hành	Lần	1,33	1,69	1,27	1,60
3	Hệ số nợ phải trả/Tổng tài sản	Lần	0,43	0,33	0,44	0,35
4	Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,74	0,50	0,78	0,53

**Nhận xét:** Nhìn chung các chỉ số tài chính của BSR là tốt, nằm trong khoảng an toàn và cao hơn năm 2021.

### Tình hình bảo toàn và phát triển vốn

Về bảo toàn và phát triển vốn: Năm 2022, BSR lãi sau thuế 14.393,92 tỷ đồng nên Công ty đã bảo toàn và phát triển vốn với hệ số là 1,36.

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	BCTC riêng Công ty mẹ		BCTC hợp nhất	
		2021	2022	2021	2022
1. Vốn chủ sở hữu		37.638	51.437	37.564	51.190
2. Tổng tài sản	Tỷ đồng	66.796	77.226	66.796	78.488
3. Lợi nhuận sau thuế		6.777	14.836	6.684	14.669
4. Hiệu quả sử dụng vốn					
• Tỷ suất LNST/VCSH (ROE)	%	19%	33%	19%	33%
• Tỷ suất LNST/Tổng tài sản (ROA)	%	11%	20%	11%	20%
• Hệ số bảo toàn vốn		1,21	1,37	1,21	1,36



### Công tác đầu tư tài chính

Tại thời điểm 31/12/2022, BSR có 01 đơn vị hạch toán phụ thuộc là Ban Quản lý dự án nâng cấp mở rộng nhà máy và BSR tham gia góp vốn tại 04 doanh nghiệp gồm:

- Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR-BF) với tỷ lệ tham gia góp vốn là 65,54% vốn điều lệ. Các Ngân hàng đã kiện BSR-BF lên Tòa án để yêu cầu thanh toán các khoản nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng. Ngày 31/12/2021, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi có Thông báo số 15/TB- TLVA gửi BSR-BF về việc Tòa án đã thụ lý vụ án dân sự số 15/2021/TLST-KDTM theo đơn khởi kiện của các Ngân hàng. Ngày 25/11/2022, Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã có Nghị quyết số 6863/NQ-DKVN thông qua chủ trương thực hiện phương án phá sản đối với Dự án nhiên liệu sinh học Dung Quất. Năm 2022 BSR-BF ước lỗ lũy kế là 1.484,19 tỷ đồng và âm vốn chủ sở hữu khoảng 351,83 tỷ đồng. Tại thời điểm 31/12/2022, BSR đang trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào BSR-BF là gần 205,78 tỷ đồng (không bao gồm khoản 536 tỷ đồng BSR đã trích lập cho giai đoạn trước 30/06/2018).
- Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (PV Building) với tỷ lệ cổ phần nắm giữ của BSR tại PV Building là 83,26% vốn điều lệ.
- Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa công trình Dầu khí (PMS) với tỷ lệ vốn thực góp là 7 tỷ đồng, chiếm 8,75% vốn điều lệ.
- Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam (PVOS) với tỷ lệ vốn thực góp là 4,24 tỷ đồng, chiếm 5,77% vốn điều lệ. Tại 31/12/2022, BSR đang phải trích lập dự phòng cho khoản đầu tư này là 1,26 tỷ đồng.

Hiện tại, BSR đang thực hiện phương án tái cơ cấu các khoản góp vốn tại 04 công ty trên theo phương án thoái vốn tại PMS, PVOS, PV Building và phá sản đối với BSR-BF.

### Công tác tái cấu trúc

Trên cơ sở phương án tái cơ cấu, BSR đã triển khai một số công việc như sau:

- Thành lập mới Ban Công nghệ thông tin và bổ sung, điều chỉnh chức năng nhiệm vụ cho các Ban chức năng: Kinh tế kế hoạch, Bảo dưỡng sửa chữa, Quản lý cảng biển, Kiểm tra thiết bị và Ban QLDA NCMR NMLD Dung Quất theo Quyết định số 2020/QĐ-BSR ngày 28/06/2021 của Hội đồng quản trị BSR.
- Điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của một số Ban chức năng: Văn phòng, Bảo dưỡng sửa chữa, Thương mại dịch vụ, Kinh tế kế hoạch và Quản lý vật tư theo Công văn số 2968/BSR-HDQT ngày 22/08/2022 của Hội đồng quản trị về việc công tác tái cơ cấu Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.

Hiện tại, BSR đang tiếp tục từng bước thực hiện theo phương án tái cơ cấu đảm bảo ổn định tổ chức, phù hợp với đặc thù, thực tế của Công ty trong giai đoạn hiện nay, cũng như tránh gián đoạn công việc/ hoạt động của Công ty.

**Đánh giá chung:** Công tác tái cấu trúc đang được BSR triển khai theo phù hợp với tình hình SXKD, tình hình thực tế thị trường biến động và xu thế chuyển dịch năng lượng đang được triển khai mạnh mẽ trên thế giới cũng như tại Việt Nam. Trong quá trình thực hiện có gặp một số vướng mắc về quy định pháp luật đối với việc thoái vốn tại các công ty cổ phần chưa phải là công ty đại chúng nên việc thoái vốn tại các công ty liên kết chưa thực hiện được.



## Công tác quản trị doanh nghiệp

Trong giai đoạn biến động của thị trường trong nước và quốc tế thời gian qua, Ban Lãnh đạo Công ty đã tập trung và có các giải pháp về quản trị biến động, điều hành linh hoạt để ứng phó với tác động của biến động trên thế giới. Tăng cường áp dụng các hệ thống quản trị hiện đại, xây dựng chiến lược phát triển và văn hóa doanh nghiệp để tạo môi trường và động lực phát triển bền vững. Cụ thể:

- Hoàn thành việc triển khai xây dựng chương trình quản trị ERP.
- Xây dựng hệ thống quản trị rủi ro, Chiến lược phát triển BSR đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
- Áp dụng hệ thống công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành và giám sát các hoạt động thường xuyên của Công ty.
- Đẩy mạnh công tác chuyên đổi số, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và thực hiện các giải pháp tăng năng suất lao động, tối ưu hóa sản xuất, chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp của công ty để tạo nên tảng cho sự phát triển bền vững.

## Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc

Trong năm 2022, HĐQT Công ty đã tổ chức các cuộc họp chính để đưa ra những quyết định, chỉ đạo kịp thời trong việc thực hiện nhiệm vụ đã được ĐHCĐ thông qua. Báo cáo của HĐQT và TGD đã phản ánh đầy đủ, trung thực tình hình hoạt động năm 2022 của Công ty.

- HĐQT đã ban hành các nghị quyết, quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty theo đúng trình tự, thẩm quyền, phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Công ty. TGD đã chỉ đạo các ban chức năng nghiêm túc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của HĐQT và ĐHCĐ.
- Các thành viên HĐQT tham gia đầy đủ các cuộc họp, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao; đã thực hiện tốt vai trò giám sát, chỉ đạo và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Tổng giám đốc thực hiện công tác điều hành hoạt động SXKD.
- HĐQT đã chỉ đạo, tạo điều kiện và đồng hành cùng TGD trong việc xử lý các vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động SXKD, đặc biệt là trong các tình huống khẩn cấp, thời điểm tình hình SXKD khó khăn khi các biến động trên thị trường trong nước và thế giới biến động khó lường như năm 2022.

Tổng Giám đốc đã nỗ lực và điều hành hoạt động của Công ty một cách linh hoạt, tuân thủ các quy định của công ty và của pháp luật. Tập trung nâng cao công tác quản trị, điều hành, tối ưu hóa trong sản xuất kinh doanh, thực hành tiết kiệm, tiết giảm chi phí trong mọi lĩnh vực và đã hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu SXKD của năm.

## Thẩm định tinh đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT

Ban Kiểm soát đã xem xét và cho rằng các báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị Công ty là cơ bản đầy đủ, hợp pháp và trung thực, đáng tin cậy.

## Kết quả đánh giá sự phối hợp của BKS với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, TGD dựa trên nguyên tắc minh bạch, rõ ràng, tuân thủ các quy định pháp luật nhằm đảm bảo lợi ích của Công ty và cổ đông.

HĐQT và TGD đã phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho BKS trong công tác kiểm tra, giám sát. Thường xuyên trao đổi và cung cấp đầy đủ thông tin, mời tham gia các cuộc họp và thực hiện các khuyến nghị của BKS đưa ra.

BKS đã hoàn thành và thực hiện gửi các Báo cáo, Tờ trình theo đúng quy định, chức năng của BKS cho Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Trong năm 2022, BKS không nhận được yêu cầu của cổ đông/ nhóm cổ đông về việc thực hiện kiểm tra một nội dung/ vụ việc nào theo quy định tại Điểm 6, Điều 170 - Quyển và nghĩa vụ của BKS - của Luật Doanh nghiệp 2020.

## Báo cáo tự đánh giá kết quả của BKS và từng thành viên BKS

### a. Đánh giá hoạt động của BKS năm 2022

Trong năm 2022, ĐHCĐ quyết định miễn nhiệm chức danh Thành viên Ban Kiểm soát đối với ông Phạm Ngọc Quý và ông Vũ Lê Huy, quyết định bầu ông Hoàng Đình Nhật giữ chức danh Trưởng Ban Kiểm soát và bà Vũ Lan Phương giữ chức danh Thành viên (Kiêm nhiệm) Ban Kiểm soát Công ty.

Hoạt động của BKS được thực hiện theo nguyên tắc tập thể, phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Các thành viên BKS cùng chịu trách nhiệm chung đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của BKS. Đồng thời, theo lĩnh vực được phân công, các thành viên thực hiện việc theo dõi, giám sát các hoạt động của Công ty theo quy định.

### b. Hoạt động của từng thành viên

Ban Kiểm soát BSR hiện nay gồm có 03 thành viên, các Thành viên Ban Kiểm soát thực hiện chức trách, nhiệm vụ dựa trên sự phân công công việc cụ thể như sau:

#### Ông Hoàng Đình Nhật

Trưởng BKS Phụ trách chung trong việc điều hành hoạt động của BKS.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát trong năm và tổ chức triển khai thực hiện.
- Kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định Nhà nước, điều lệ Công ty, việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định và tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh Công ty.
- Kiểm tra, giám sát công tác và đánh giá hiệu lực, hiệu quả hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro của Công ty.
- Xem xét, đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC hàng năm trình ĐHCĐ phê duyệt.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

#### Ông Hoàng Ngọc Xuân

Thành viên BKS

- Kiểm tra các hoạt động liên quan đến công tác tài chính, định mức kinh tế và các hoạt động của Ban Tài chính Kế toán Công ty.
- Xem xét, thẩm định các báo cáo tài chính.
- Giám sát việc sử dụng, quản lý và bảo toàn vốn tại Công ty.
- Tham gia xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện chương trình kiểm tra, giám sát trong năm.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

#### Bà Vũ Lan Phương

Thành viên BKS không chuyên trách

- Giám sát công tác triển khai dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất.
- Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động trong năm.
- Giám sát công tác liên quan đến chế độ, chính sách, tiền lương và thù lao của của Công ty.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty.



Trong năm 2022, BKS đã thực hiện công tác kiểm tra, giám sát hoạt động dựa trên kế hoạch hoạt động đã được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, tập trung chủ yếu vào các vấn đề sau:

- Việc chấp hành điều lệ Công ty, các Nghị Quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và các quy định của Công ty.
- Công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, hệ thống quản lý rủi ro của Công ty.
- Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2022; tình hình sử dụng và bảo tồn vốn; việc thực hiện biện pháp tiết kiệm/ tiết giảm chi phí; công tác triển khai các dự án đầu tư; thẩm định các báo cáo tài chính.

Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện thông qua việc xem xét, đánh giá các báo cáo định kỳ, đột xuất của các đơn vị, phòng ban về hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty; kiểm tra trực tiếp hoạt động tại các đơn vị/ phòng ban; phối hợp giám sát cùng các đoàn kiểm tra kiểm tra thanh tra, kiểm tra, của đơn vị cấp trên; tham gia các cuộc họp của HĐQT, cuộc họp giao ban và các cuộc họp khác của Công ty,... Qua đó, BKS đã có những trao đổi, đề xuất, kiến nghị để HĐQT, TGD Công ty xem xét triển khai thực hiện nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định liên quan và tối đa lợi ích của Công ty. Các nội dung, ý kiến, kiến nghị của các thành viên trong BKS được gửi cho Ban TGD Công ty thông qua các cuộc họp, trao đổi hàng ngày, báo cáo giám sát hàng quý và báo cáo thẩm định báo cáo tài chính để xem xét triển khai thực hiện.

### c. Nhận xét

Trong năm 2022, Ban Kiểm soát đã tổ chức 3 cuộc họp để thống nhất trao đổi các nội dung liên quan đến phân công nhiệm vụ, công tác giám sát và một số lưu ý trong hoạt động SXKD của Công ty, cụ thể nội dung chính như sau:

- Lần 1 vào tháng 5/2022, BKS mới được bầu hợp để thống nhất trong công tác phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ chuyên môn, sở trường của các thành viên nhằm phát huy được hiệu quả trong công tác kiểm tra giám sát đối với các hoạt động của Công ty.
- Lần 2 vào tháng 6/2022, BKS họp để trao đổi thống nhất một số nội dung liên quan đến công tác kiểm tra giám sát và thực hiện kế hoạch giám sát năm 2022.
- Lần 3 vào tháng 10/2022, BKS họp để xem xét thống nhất nêu ra một số điểm lưu ý, kiến nghị đối với các hoạt động của Công ty.

Các thành viên của BKS đã cơ bản thực hiện tốt vai trò chức trách của mình theo quy định và đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ đã phân công, cụ thể như sau:

1	Ông Hoàng Đình Nhật	Trưởng Ban Kiểm soát	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
2	Ông Hoàng Ngọc Xuân	Thành viên Ban Kiểm soát	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
3	Bà Vũ Lan Phương	Thành viên Ban Kiểm soát (Kiêm nhiệm)	Hoàn thành tốt nhiệm vụ

### Thẩm định báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Trong BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2022 của BSR, Kiểm toán Deloitte đã lưu ý vấn đề cần nhấn mạnh và không có yếu tố ngoại trừ, cụ thể:

#### Ý kiến nhấn mạnh trên BCTC riêng

- Như trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, các cơ quan có thẩm quyền chưa thực hiện kiểm tra và phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần.

#### Ý kiến nhấn mạnh trên BCTC hợp nhất

- Như trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các cơ quan có thẩm quyền chưa thực hiện kiểm tra và phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tòa án Nhân dân Thành phố Quảng Ngãi đang làm các thủ tục cần thiết để chuẩn bị đưa ra xét xử vụ kiện một số ngân hàng khởi kiện Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (công ty con của Công ty) liên quan đến các khoản vay quá hạn thanh toán.

#### Ý kiến của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát cho rằng ý kiến nhấn mạnh của Kiểm toán Deloitte phù hợp, khách quan. Việc BSR chưa được phê duyệt quyết toán cổ phần hóa và Tòa đang trong quá trình xử lý các thủ tục liên quan đến vụ kiện tại Công ty cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung về các quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ kiện tại BSR-BF có thể phát sinh điều chỉnh kết quả xuất kinh doanh năm 2022 khi cơ quan có thẩm quyền có các quyết định cuối cùng. Tuy nhiên, đến thời điểm 31/12/2020, Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ giá trị khoản đầu tư vào BSR-BF.

Các nội dung, ý kiến, kiến nghị của các thành viên trong BKS được gửi cho Ban TGD Công ty thông qua các cuộc họp, trao đổi hàng ngày, báo cáo giám sát hàng quý và báo cáo thẩm định báo cáo tài chính để xem xét triển khai thực hiện.





## Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2023

Đến tháng 4/2023, 01 thành viên Ban Kiểm soát sẽ hết nhiệm kỳ làm việc của mình. Trong khi chờ Đại hội đồng cổ đông kiện toàn và phê duyệt nhân sự Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát xây dựng tạm thời kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát như sau:

BKS tiếp tục tập trung giám sát, kiểm tra định kỳ hoạt động của Công ty cũng như tăng cường công tác phối hợp giữa BKS với HĐQT, Ban TGD và các phòng/ban liên quan sao cho việc tiếp nhận và xử lý thông tin giữa các bên hiệu quả nhất. Kế hoạch hoạt động trong năm 2023 chủ yếu tập trung vào các nội dung:

- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện và tuân thủ: Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, pháp luật Nhà nước,...
- Kiểm tra, giám sát, đánh giá:
  - Tình hình thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.
  - Tình hình tài chính, cân đối vốn và quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý và sử dụng vốn.
  - Bảo toàn và phát triển vốn Chủ sở hữu.
- Kiểm tra công tác thực hiện kế hoạch SXKD hàng quý.

- Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai, tiến độ và hiệu quả các dự án đầu tư.
- Kiểm tra, đánh giá việc xây dựng Hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro của Công ty.
- Phối hợp với các đoàn kiểm tra giám sát của Nhà nước, PVN trong công tác giám sát công tác quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Kiểm tra, giám sát hoạt động của các công ty con, công ty liên kết và việc bảo toàn vốn đầu tư của Công ty Công tác đầu tư vốn của Công ty tại các công ty này.
- Tiếp tục kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác tái cấu trúc theo đề án tái cấu trúc của PVN.
- Kiểm tra, xem xét việc ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT và công bố thông tin về người có liên quan và giao dịch với người có liên quan.
- Đề xuất đại hội đồng cổ đông lựa chọn công ty kiểm toán độc lập.
- Kiểm tra công tác thực hiện các Quy chế, Quy định của Công ty.
- Thẩm định báo cáo tài chính theo quy định.
- Thực hiện các công việc khác theo chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông giao.



# Các giao dịch, thù lao và khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD và Ban Kiểm soát

Lương, thù lao, thưởng của từng thành viên HĐQT, Ban TGD và Ban Kiểm soát được chi trả tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ, Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và quy định của Công ty.

Bên cạnh chế độ tiền lương, thù lao, thực hiện đóng đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ theo quy định của Pháp luật. Công ty còn có các chính sách khác như tổ chức khám sức khỏe định kỳ, mua bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm hưu trí tự nguyện....



Lương được chi trả theo đúng quy định



Chế độ BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ



Nhiều chính sách chăm sóc sức khỏe





# 06

## Báo cáo Phát triển bền vững

- 132 Tổng quan Báo cáo Phát triển bền vững
- 138 Kinh tế
- 140 Môi trường
- 154 Xã hội
- 163 Các mục tiêu môi trường - xã hội năm 2022
- 164 Bảng tham chiếu GRI



# Tổng quan Báo cáo Phát triển Bền vững

BSR nhận thức rõ trách nhiệm môi trường – xã hội đối với môi trường và cộng đồng xung quanh.

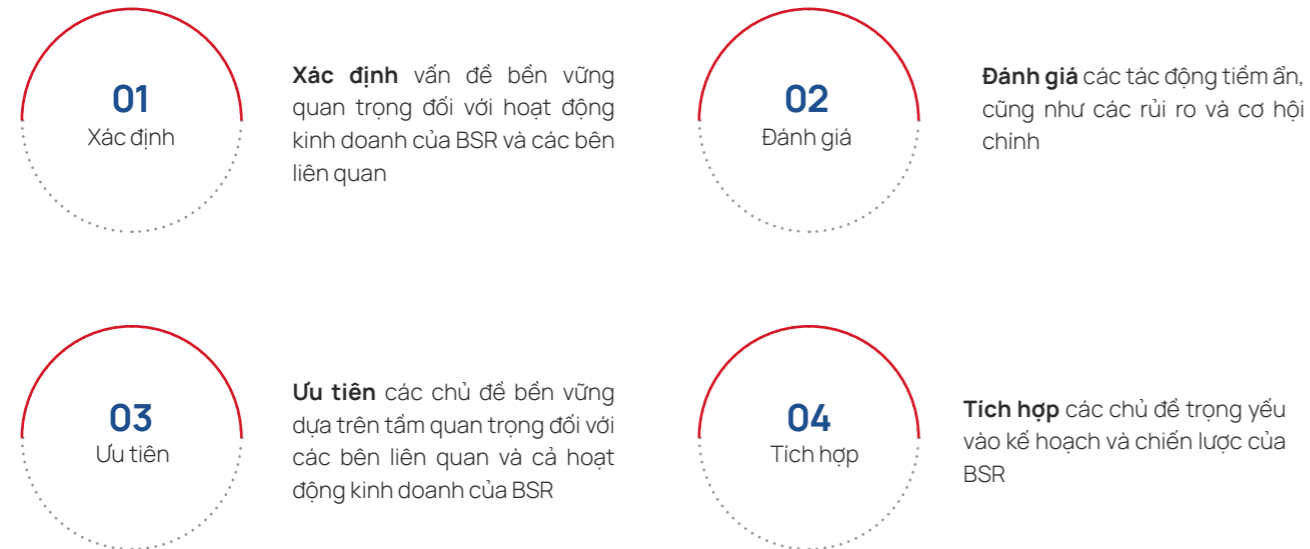


Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực lọc hóa dầu, công ty BSR nhận thức rõ trách nhiệm môi trường – xã hội đối với môi trường và cộng đồng xung quanh. Chúng tôi tuân thủ quy định luật pháp, các thông lệ quốc tế và hành động một cách chính trực, phù hợp với những tuyên bố của mình.

Báo cáo này được lập tuân theo Tiêu chuẩn GRI dưới dạng Tham chiếu các Tiêu chuẩn chủ đề.

Trong đánh giá năm 2022, chúng tôi đã xác định 09 chủ đề trọng yếu tạo nên Khung chương trình phát triển bền vững của BSR. Ma trận tính trọng yếu mô tả các chủ đề bền vững này theo quan điểm hoạt động kinh doanh của công ty và cân nhắc ý kiến từ các bên liên quan.

Quy trình đánh giá tính trọng yếu của chúng tôi được xây dựng trên bốn bước:



## Các bên liên quan

Hiểu được quan điểm và kỳ vọng của các bên liên quan đóng vai trò quan trọng với sự thành công của công ty, chúng tôi hướng tới đối thoại liên tục, tích cực và cởi mở với các bên liên quan và thường xuyên xem xét quan điểm của họ với các hoạt động của BSR.

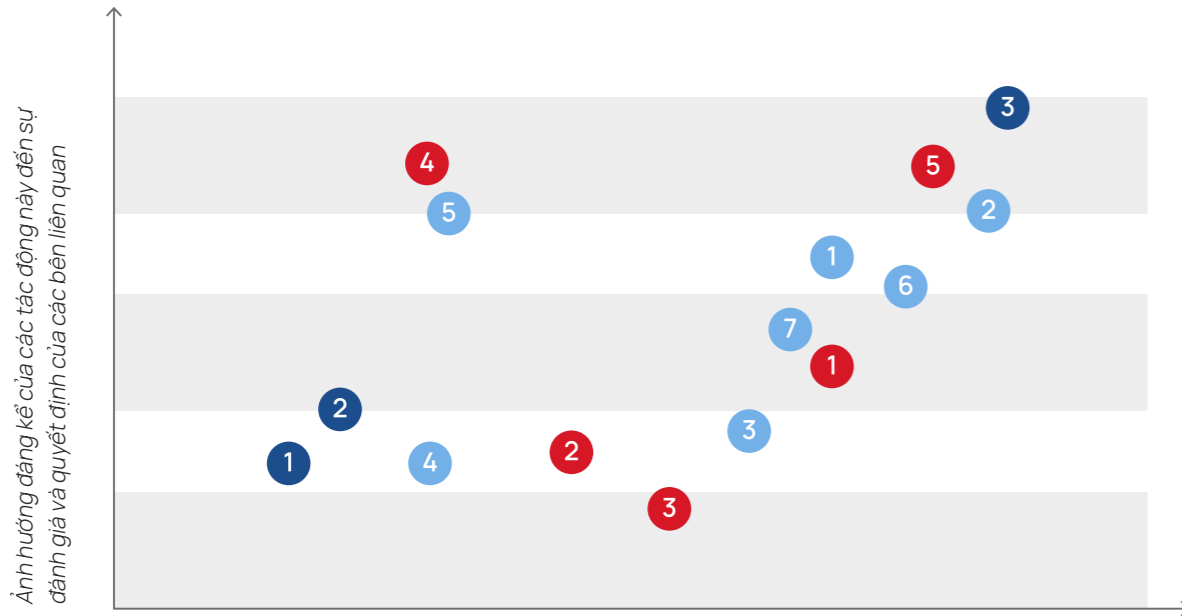
Các bên liên quan chính	Phương thức BSR tham vấn và tần suất	Các vấn đề quan tâm chính	Hành động của BSR
<b>Người lao động</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các cuộc họp giao ban định kỳ (hàng tuần, hàng tháng, hàng quý);</li> <li>Họp với Công đoàn.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chế độ đãi ngộ, lương thưởng xứng đáng;</li> <li>Môi trường làm việc an toàn;</li> <li>Đào tạo và nâng cao trình độ.</li> </ul>	BSR thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo về an toàn lao động, cập nhật công nghệ, nâng cao kiến thức cho Người lao động.
<b>Khách hàng</b>	Tham gia liên tục thông qua các cuộc họp 1-1, sự kiện với các bên liên quan, hội thảo trên web, khảo sát khách hàng, bản tin, các buổi đào tạo liên quan đến kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, liên lạc chung để thúc đẩy các sáng kiến bền vững.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chất lượng và giá thành sản phẩm;</li> <li>Phân phối kịp thời và ổn định;</li> <li>Phát triển, đổi mới sản phẩm gắn liền với các tiêu chí bền vững, bảo vệ môi trường.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xây dựng, tập trung phát triển và giữ vững tỷ trọng tiêu thụ sản phẩm BSR trong cơ cấu sản phẩm của khách hàng của nhóm khách hàng mục tiêu;</li> <li>Xây dựng phương án bán hàng linh hoạt. Duy trì đối thoại liên tục với khách hàng và chủ động liên lạc với khách hàng để hỗ trợ họ;</li> <li>Hình thành quan hệ đối tác chặt chẽ bền vững với khách hàng hướng đến giảm lượng khí thải carbon của họ thông qua ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong sản xuất.</li> </ul>
<b>Cổ đông, nhà đầu tư</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đại hội đồng cổ đông thường niên</li> <li>Họp hội nghị trực tuyến, các cuộc họp cá nhân hoặc nhóm.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Minh bạch trong công bố thông tin theo quy định của cơ quan nhà nước;</li> <li>Tăng trưởng trong hiệu quả kinh doanh;</li> <li>Chiến lược phát triển rõ ràng, có kế hoạch thực thi cụ thể;</li> <li>Đưa các yếu tố phát triển bền vững vào nội dung xây dựng chiến lược, kế hoạch kinh doanh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>BSR tuân thủ các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về công bố thông tin đối với công ty đại chúng;</li> <li>Công khai minh bạch các kế hoạch kinh doanh hàng năm, mục tiêu trung, dài hạn;</li> <li>Môi trường, xã hội và an toàn lao động luôn được đưa vào nội dung chiến lược, mục tiêu và kế hoạch kinh doanh các năm của BSR.</li> </ul>
<b>Nhà cung cấp, nhà thầu</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đánh giá rủi ro, an toàn và danh tiếng cùng với đánh giá tính bền vững sâu rộng;</li> <li>Tổ chức các buổi hội thảo để chia sẻ thông tin và nâng cao năng lực hợp tác.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các vấn đề về an toàn lao động, môi trường, đạo đức nghề nghiệp;</li> <li>Tuân thủ luật pháp địa phương và quốc tế;</li> <li>Minh bạch trong giao dịch.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>BSR xây dựng bộ nguyên tắc về an toàn lao động, áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế về an toàn đối với nhà máy lọc dầu;</li> <li>Các giao dịch giữa BSR và nhà thầu, nhà cung cấp được thực hiện theo quy trình, quy định đã ban hành, đảm bảo minh bạch.</li> </ul>
<b>Cơ quan nhà nước</b>	Thường xuyên chia sẻ quan điểm về luật với các cơ quan thông qua tham vấn cộng đồng, các cuộc họp, gặp gỡ và đối thoại.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tuân thủ quy định pháp luật Việt Nam và quốc tế;</li> <li>Bảo đảm an toàn trong lao động, bảo vệ môi trường;</li> <li>Tác động tích cực tới cộng đồng địa phương.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>BSR tuân thủ đầy đủ nghĩa vụ về thuế, bảo hiểm, các quy định về công bố thông tin;</li> <li>Cập nhật các quy định của Nhà nước và quy tắc quốc tế về an toàn lao động, môi trường,...;</li> <li>Tích cực tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.</li> </ul>
<b>Cộng đồng địa phương</b>	Thường xuyên chia sẻ quan điểm về luật với các cơ quan thông qua tham vấn cộng đồng, các cuộc họp, gặp gỡ và đối thoại.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Minh bạch trong các hoạt động kinh doanh và tác động về môi trường;</li> <li>Bảo vệ môi trường;</li> <li>Hỗ trợ tới sự phát triển chung của cư dân cộng đồng địa phương.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Công tác kê khai, nộp phí nước thải và báo cáo định kỳ về môi trường được thực hiện đầy đủ;</li> <li>Duy trì và cải tiến hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn TCVN ISO 14001:2015;</li> <li>Thực hiện ASXH tại các địa phương trong và ngoài tỉnh Quảng Ngãi.</li> </ul>

Chúng tôi gắn kết các bên liên quan như một phần công việc hàng ngày, tổ chức các sự kiện và cuộc họp, tham gia vào các nhóm làm việc, hội thảo và hội nghị, đồng thời cập nhật liên tục các ý kiến đóng góp từ họ. Sự tham gia của các bên liên quan là yếu tố trung tâm góp phần tạo nên sự bền vững của BSR.



## Các vấn đề trọng yếu

BSR đã thực hiện đánh giá chủ đề trọng yếu để chọn ra các vấn đề mà các bên liên quan bên trong và bên ngoài cảm thấy là quan trọng. 15 chủ đề trọng yếu về tác động kinh doanh và tác động của các bên liên quan đã được chọn và biểu diễn theo biểu đồ dưới đây:



Tầm quan trọng của các tác động kinh tế, môi trường và xã hội BSR

- |   |                                 |
|---|---------------------------------|
| 1 GRI 201 - Hiệu quả hoạt động kinh tế      | 1 GRI 501 - Vật liệu            |
| 2 GRI 205 - Tác động kinh tế gián tiếp      | 2 GRI 502 - Năng lượng          |
| 3 GRI 205 - Chống tham nhũng                | 3 GRI 303 - Nước và Nước thải   |
| 1 GRI 401 - Việc làm                        | 4 GRI 304 - Đa dạng sinh học    |
| 2 GRI 403 - An toàn và sức khỏe nghề nghiệp | 5 GRI 305 - Phát thải           |
| 3 GRI 404 - Giáo dục và Đào tạo             | 6 GRI 306 - Chất thải           |
| 4 GRI 413 - Cộng đồng địa phương            | 7 GRI 307 - Tuần thủ môi trường |
| 5 GRI 419 - Tuần thủ về Kinh tế - Xã hội    |                                 |

## Tích hợp và lựa chọn

Báo cáo Phát triển Bền vững của Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn được lập tích hợp và tham chiếu theo tiêu chuẩn GRI.

## Câu chuyện nổi bật về phát triển bền vững

Chính sách phát triển bền vững của BSR gắn liền với các hoạt động bảo vệ môi trường và các hoạt động an sinh xã hội hướng về cộng đồng. Trong năm 2022, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn nhưng BSR đã thực hiện nhiều hoạt động an sinh xã hội trong đó có một số hoạt động có ý nghĩa đối với sự phát triển của cộng đồng địa phương trong khu vực như:

Năm 2022, BSR tài trợ cho các chương trình ASXH 85 tỷ đồng, gồm:

- Tài trợ xây dựng Nhà đại đoàn kết cho bà con nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: 2 tỷ đồng.
- Tài trợ xây dựng Trường Tiểu học số 2 thị trấn Châu Ổ (Quảng Ngãi): 5 tỷ đồng.
- Tài trợ xây dựng Trường Mầm non Hành Đức (Quảng Ngãi): 5 tỷ đồng.
- Tài trợ xây dựng Trường Tiểu học Nam Thành (Nam Định): 5 tỷ đồng.
- Tài trợ một chương trình ASXH tại tỉnh Hưng Yên: 5 tỷ đồng.
- Tài trợ xây dựng Trường Tiểu học xã Nàn Sin (Lào Cai): 4 tỷ đồng.
- Tài trợ xây dựng Trường THCS xã Minh Tân (Thái Bình): 5 tỷ đồng.

- Tài trợ xây dựng Trường THCS xã Tân Phong (Thái Bình): 5 tỷ đồng.
  - Tài trợ xây dựng Trường Tiểu học xã Phạm Ngũ Lão (Hưng Yên): 5 tỷ đồng.
  - Tài trợ xây dựng Trạm Y tế xã Bạch Long (Nam Định): 5 tỷ đồng.
  - Tài trợ chương trình "Sống và máy tính cho em": 10 tỷ đồng.
  - Tài trợ Quỹ Hỗ trợ Phát triển Thanh niên: 5 tỷ đồng.
  - Tài trợ cho Công an tỉnh Thái Bình tổ chức các chương trình ASXH: 1 tỷ đồng.
  - Tài trợ khắc phục hậu quả thiên tai, cứu trợ nhân đạo: 13 tỷ đồng.
  - Tài trợ các hoạt động giáo dục trên cả nước như khen thưởng các em học sinh, sửa chữa phòng học, mua sắm trang thiết bị dạy học, quỹ học bổng,...: 5 tỷ đồng.
  - Tài trợ các hoạt động quan hệ cộng đồng, các hoạt động văn hóa xã hội khác: 5 tỷ đồng.
- Đề án "Trồng 1 triệu cây xanh giai đoạn 2021-2022":** Năm 2022, BSR tiếp tục triển khai Đề án "Trồng một triệu cây xanh giai đoạn 2021-2025" trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.



## Kinh tế

Năm 2022 là năm thế giới có nhiều biến động lớn và khó tiên đoán. Kinh tế toàn cầu đang trong quá trình phục hồi sau đại dịch Covid-19 lại tiếp tục bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi nhiều yếu tố như các xung đột địa chính trị tại nhiều nơi trên thế giới, đặc biệt là cuộc chiến giữa Nga và Ukraine; các lệnh trừng phạt và tự trừng phạt từ Mỹ và đồng minh đối với Nga gây ra khủng hoảng năng lượng tại Châu Âu nói riêng và toàn cầu nói chung (giá dầu thô Dated Brent có thời điểm đạt trên 130 USD/thùng) cũng như sự đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu; chính sách Zero-Covid của Trung Quốc. Giá cả hàng hoá tăng phi mã, lạm phát đã tăng kỷ lục trong nhiều thập kỷ tại nhiều quốc gia trên thế giới buộc các quốc gia phải thắt chặt chính sách tiền tệ (tăng lãi suất vay để kiểm soát lạm phát), tỷ giá các đồng tiền trên thế giới năm 2022 biến động mạnh.

Trong quý I và quý II năm 2022, tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến rất phức tạp ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của BSR. Để đảm bảo công tác vận hành Nhà máy được liên tục, ổn định, Công ty đã linh hoạt thực hiện các biện pháp phòng dịch phù hợp với thực tế nhằm đảm bảo đủ nguồn nhân lực phục vụ sản xuất kinh doanh.

BSR vừa là tổ chức kinh doanh, vừa giữ nhiệm vụ chính trị đảm bảo an ninh năng lượng cho quốc gia. Do đó, Công ty cân đối thực hiện hài hòa cả hai mục tiêu này. Những thành công về kinh tế sẽ đóng góp cho ngân sách nhà nước và giúp phát triển kinh tế địa phương.

Với phương châm tăng cường quản trị biến động, tối đa giá trị, mở rộng thị trường, liên kết đầu tư và phục hồi tăng trưởng; sự quan tâm, ủng hộ của các cấp thẩm quyền; Sự đoàn kết, quyết tâm, chủ động và linh hoạt của Tập thể lãnh đạo và NLD BSR, NMLD Dung Quất được vận hành an toàn, ổn định và liên tục ở công suất tối ưu cao hơn công suất kế hoạch,... Năm 2022, BSR đã đạt và vượt tất cả các chỉ tiêu về sản xuất và tài chính, trong đó LNST hợp nhất đạt 14.669,3 tỷ đồng (đạt 1.132,4% KH được ĐHCĐ thông qua và 125,1% so với KH điều chỉnh), nộp NSNN hợp nhất trên 19.040,7 tỷ đồng (đạt 191,5% kế hoạch được ĐHCĐ thông qua và 122% so với KH điều chỉnh).

BSR tiếp tục triển khai Dự án NCMR NMLD Dung Quất – công trình có ý nghĩa kinh tế xã hội to lớn khi đi vào hoạt động giúp phát triển kinh tế địa phương, nâng cao đời sống vật chất của người dân trong vùng. Dự án NCMR NMLD Dung Quất còn giúp sản phẩm đầu ra của BSR đáp ứng tiêu chuẩn mức Euro IV/V, đem lại lợi ích về kinh tế, bắt kịp xu thế thị trường.

Song song với đó, BSR đã ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2020 tại Nghị quyết số 926/NQ-BSR ngày 31/3/2022 với mục tiêu tiết giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, kết quả thực hiện tiết giảm chi phí năm 2022 của BSR là 206,17 tỷ đồng đã góp phần làm tăng lợi nhuận của Công ty.



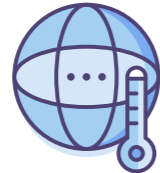
## Môi trường

BSR hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp lọc, hóa dầu có nguy cơ phát sinh các mối nguy cho con người, môi trường và tài sản trong quá trình sản xuất và được phân chia thành hai loại chính: Mối nguy an toàn công nghệ (thường có tần suất xảy ra thấp nhưng hậu quả lớn) và mối nguy an toàn lao động (thường có tần suất xảy ra cao nhưng hậu quả mang tính chất đơn lẻ). Để kiểm soát các mối nguy này, BSR đã xây dựng hệ thống quản lý An toàn - Sức khỏe - Môi trường tích hợp (ATSKMT) gồm các tiêu chuẩn sau:

- Thỏa mãn các yêu cầu của Tiêu chuẩn về Tiêu chuẩn quản lý An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp (ATSKNN) theo tiêu chuẩn ISO 45001:2018
- Tiêu chuẩn quản lý An toàn Công nghệ theo CCPS (ATCN). Các thành phần của ATCN được tích hợp vào các thành phần của Hệ thống quản lý ATSKNN.
- Tiêu chuẩn quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015.



HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN LAO ĐỘNG



HỆ THỐNG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG



HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN CÔNG NGHỆ

HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN MÔI TRƯỜNG

Đối với vấn đề bảo vệ môi trường, Nhà máy lọc dầu được xếp vào danh mục công trình có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao, do vậy BSR luôn xem vấn đề bảo vệ môi trường là vấn đề quan trọng hàng đầu. BSR đã áp dụng hệ thống quản lý ISO 14001:2015 để kiểm soát chặt chẽ các khía cạnh môi trường liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của BSR.

### Chính sách An toàn - Chất lượng - Sức khỏe Nghề nghiệp và Môi trường

Chính sách Chất lượng, An toàn - Sức khỏe Nghề nghiệp, Môi trường và Năng lượng (CL, ATSKNN, MT & NL) của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn là: **giảm rủi ro đến mức tối thiểu về con người, môi trường, tài sản; thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng và sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả** trong các hoạt động sản xuất, vận chuyển và phân phối các sản phẩm lọc, hóa dầu.



### Cam kết của BSR

Để thực hiện Chính sách trên, Công ty cam kết thiết lập và duy trì Hệ thống quản lý Chất lượng, AT-SKNN, Môi trường và Năng lượng bảo đảm:

- Thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành và các nghĩa vụ tuân thủ;
- Đáp ứng các yêu cầu quản lý CL, AT - SKNN, MT & NL theo các tiêu chuẩn quốc tế hiện hành và cải tiến thường xuyên hệ thống nhằm nâng cao kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Đáp ứng nhu cầu mong đợi của khách hàng về chất lượng sản phẩm, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn năng lượng, tài nguyên, bảo vệ môi trường và cộng đồng;
- Kiểm soát các mối nguy, rủi ro có thể gây tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, cháy nổ, hư hỏng tài sản, tác hại môi trường và gây suy giảm chất lượng sản phẩm dịch vụ;

- Bảo đảm kế hoạch ứng cứu khẩn cấp được xây dựng, tinh sẵn sàng về nhân lực, hệ thống thiết bị ứng phó tình huống khẩn cấp để xử lý kịp thời, có hiệu quả trong các trường hợp khẩn cấp;
- Cung cấp đầy đủ nguồn lực, tạo động lực cho CBCNV để xuất và triển khai các giải pháp tối ưu để cải tiến Hệ thống Chất lượng, An toàn, Môi trường và Năng lượng của Công ty;
- Tăng cường công tác đào tạo, hoàn thiện hệ thống quản lý, hệ thống tài liệu cần thiết để giảm thiểu các rủi ro trong sản xuất, kinh doanh ở mức thấp nhất có thể;
- Áp dụng kỹ thuật công nghệ, mua sắm và sử dụng các sản phẩm, dịch vụ có hiệu quả sử dụng năng lượng cao.





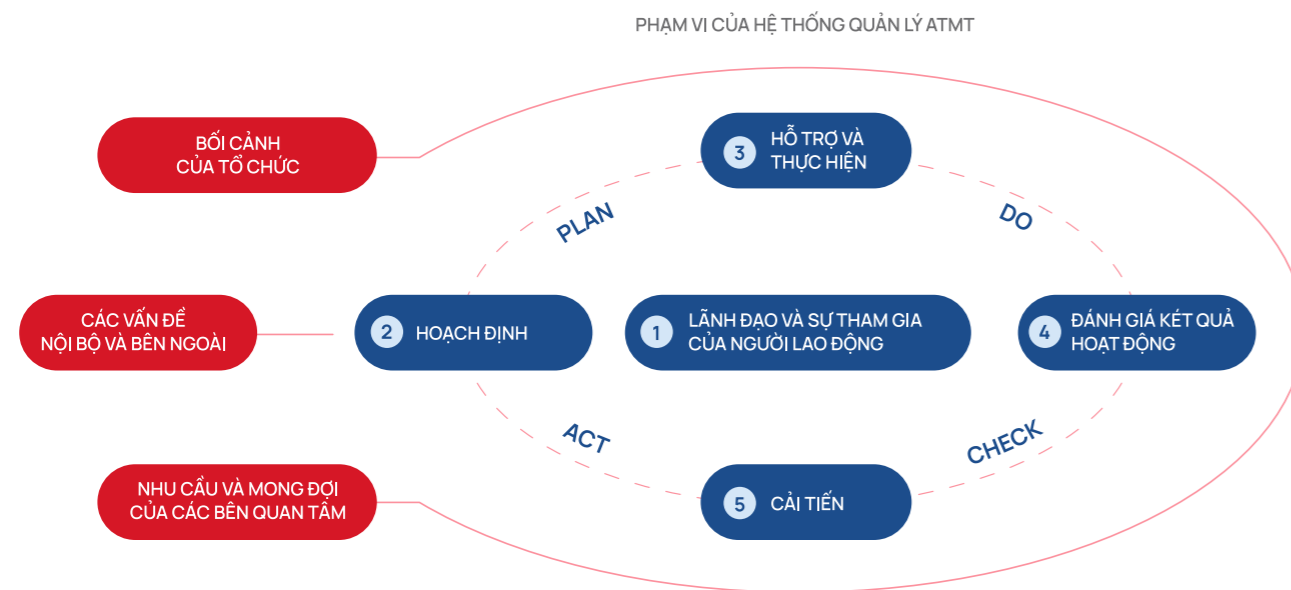
## Các thành phần của Hệ thống quản lý ATSKMT

Công ty BSR đã xây dựng hệ thống quản lý ATSKMT là khung cơ sở cho sự cải tiến liên tục thông qua việc áp dụng các thành phần chuẩn của hệ thống cho tất cả các hoạt động trong lĩnh vực An toàn - Sức khỏe - Môi trường - PCCC - An ninh, bao gồm:

- Phát triển và thực hiện thành phần Quản lý rủi ro để xác định các mối nguy và rủi ro từ hoạt động sản xuất của BSR và thiết lập các công cụ kiểm soát phù hợp nhằm đạt được mục tiêu an toàn, không tai nạn sự cố;
- Xác định các trách nhiệm pháp lý và cam kết để đảm bảo tuân thủ;
- Tối ưu tính toàn diện, độ tin cậy và hiệu quả sản xuất;
- Khuyến khích xây dựng và cải tiến liên tục để đạt kết quả cao trong công tác thực thi ATSKMT.

Hệ thống quản lý ATSKMT của BSR được cấu trúc theo vòng lặp cải tiến liên tục PDCA (Hoạch định - Thực hiện - Xem xét - Cải tiến liên tục) với phạm vi sau đây: 1) Lãnh đạo và sự tham gia của người lao động; 2) Hoạch định; 3) Hỗ trợ và thực hiện; 4) Đánh giá kết quả hoạt động; 5) Cải tiến.

Hệ thống quản lý này như minh họa trong mô hình dưới đây:



Các kết quả cụ thể về An toàn Sức khỏe Môi trường của Công ty được trình bày chi tiết tại các mục tiếp theo.

## Nguyên vật liệu

Dầu là nguồn tài nguyên không tái tạo, do đó BSR liên tục cải tiến và áp dụng các biện pháp để tiết kiệm và tận dụng nguyên liệu đầu vào để sử dụng hiệu quả và lâu dài nhất. Việc tiết kiệm nguyên vật liệu, đặc biệt là dầu, được tập trung ở 2 hoạt động chính: Sản xuất và Tiêu thụ nội bộ.

**Bảng 1: Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính**

Chỉ tiêu	Năm 2022 (triệu VNĐ)
Chi phí Hóa phẩm xúc tác cho Nhà máy lọc dầu	426.847
Chi phí Hóa phẩm xúc tác cho phân xưởng PP (bao gồm chi phí đóng gói sản phẩm PP)	206.568
Chi phí đóng gói sản phẩm PP	113.588

**Bảng 2: Nguyên liệu nhập và chế biến năm 2022**

STT	Nội dung	ĐVT	Năm 2022
<b>1</b>	<b>Nguyên liệu nhập</b>	<b>tấn</b>	<b>7.527.013</b>
1.1	Dầu trong nước	tấn	5.686.497
1.2	Dầu nhập khẩu	tấn	1.759.271
1.3	Dầu khác (LS-NSRP và VGO)	tấn	81.245
1.4	Dầu trong nước	%	75,5%
1.5	Dầu nhập khẩu	%	23,4%
1.6	Dầu khác (LS-NSRP và VGO)	%	1,1%
<b>2</b>	<b>Nguyên liệu chế biến</b>	<b>tấn</b>	<b>7.567.091</b>
2.1	Dầu trong nước	tấn	5.763.632
2.2	Dầu nhập khẩu	tấn	1.773.893
2.3	Dầu khác (LS-NSRP và VGO)	tấn	29.566
2.4	Dầu trong nước	%	76,2%
2.5	Dầu nhập khẩu	%	23,4%
2.6	Dầu khác (LS-NSRP và VGO)	%	0,4%

Theo thống kê các năm từ 2019 trở về trước, dầu thô chế biến chính cho Nhà máy chủ yếu là dầu thô trong nước (87-100%). Trong năm 2022, dù chịu ảnh hưởng lớn của dịch Covid-19 trên toàn thế giới nhưng Nhà máy đã thành công nâng tỷ lệ dầu thô nhập khẩu chế biến lên mức 23,4%, đồng thời tăng cường thử nghiệm các loại dầu thô mới như Rabi Light và Hải Thạch với tỷ lệ chế biến cao để mở rộng nguồn cung nguyên liệu, Nhà máy cũng nhập LS-NSRP và VGO tranh thủ cơ hội thị trường và mang lại hiệu quả cao.

Theo kế hoạch cung cấp dầu thô năm 2023, Nhà máy đã lập kế hoạch cung cấp dầu thô phương án cơ sở 103%, phần đầu 105-108% công suất thiết kế, tỉ lệ dầu thô mua theo hợp đồng chuyển khoảng 19-25% để linh động công suất vận hành, đạt mục tiêu phần đầu chế biến thử nghiệm 2 loại dầu thô mới trong năm 2023 và tăng tỷ lệ dầu nhập khẩu ở mức 35-46% để chủ động nguồn nguyên liệu và nâng cao hiệu quả chế biến của Nhà máy.

**Bảng 3: Nhập Ethanol để phối trộn xăng E5 RON92**

STT	Nội dung	ĐVT	Năm 2022
1	E100 mua để phối trộn xăng E5	tấn	1.348
2	Sản lượng xăng E5 hàng năm	tấn	27.169

**Bảng 4: Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức**

STT	Nội dung	ĐVT	Năm 2022
1	Tổng dầu chế biến	tấn	7.601.690
1.1	Dầu thô chế biến	tấn	7.537.524
1.2	Dầu tuần hoàn, Slop	tấn	34.599
1.3	Dầu khác (LS-NSRP và VGO)	tấn	29.566

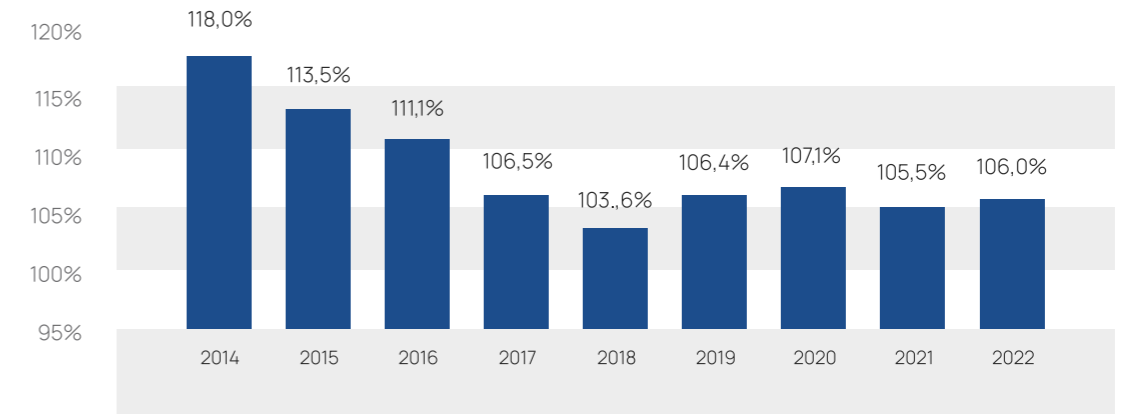
## Năng lượng

BSR là một trong những doanh nghiệp trọng điểm về năng lượng và có quy mô lớn, vấn đề năng lượng quan trọng đối với BSR cả về phương diện hiệu quả sản xuất kinh doanh và môi trường. Để quản lý hiệu quả, BSR đã áp dụng và cập nhật Hệ thống Quản lý Năng lượng ISO 50001 lên phiên bản 2018 từ năm 2021. Đây là một tiêu chuẩn quốc tế hỗ trợ các tổ chức cải thiện hiệu quả quản lý năng lượng, đồng thời tối ưu hóa hoạt động năng lượng ở tất cả các quy trình.

### Tình hình sử dụng năng lượng

Trong năm 2022, Nhà máy đã duy trì vận hành ở mức công suất cao khoảng 107% so với thiết kế. Qua đó, BSR đã hoàn thành mục tiêu năng lượng đề ra, chỉ số năng lượng EII tích lũy năm 2022 là 106% so với mục tiêu 106%. Kết quả đạt được trong năm qua là khá tốt trong điều kiện Nhà máy thử nghiệm các loại dầu thô mới có tính chất nhẹ hơn, cũng như trong công tác phòng ngừa, khắc phục các vấn đề kỹ thuật xảy ra thường xuyên ở giai đoạn cuối chu kỳ BDTT đã làm cho tiêu thụ năng lượng của Nhà máy cao hơn mức thông thường trong nhiều thời điểm.

Chỉ số EII từ năm 2014 đến năm 2022 cụ thể như sau:



\*EII: Chỉ số hiệu quả năng lượng

### Kết quả thực hiện các giải pháp năng lượng

Năm 2022, BSR tiếp tục thực hiện các giải pháp tối ưu hóa năng lượng, mang lại lợi ích hàng chục tỷ đồng, những giải pháp tiêu biểu gồm:

- Thử nghiệm thành công giải pháp dừng phân xưởng LCO-HDT trong trường hợp điều kiện nguyên liệu thuận lợi;
- Tối ưu vận hành quạt gió của lò hơi phân xưởng RFCC;
- Lắp đặt biến tần cho động cơ điện của bơm xuất sản phẩm ADO P-5207A;
- Duy trì vận hành liên tục chế độ chạy 3 bơm nước biển làm mát;
- Hoàn thành giai đoạn chuẩn bị đầu tư cho dự án Lắp đặt bổ sung thiết bị trao đổi nhiệt để thu hồi nhiệt của dòng nước ngưng công nghệ vào D-3201 và bàn giao hồ sơ cho Ban DQRE để triển khai giai đoạn đầu tư; v.v. và triển khai công tác chuẩn bị đầu tư, cải tiến cho các hạng mục tối ưu hóa năng lượng khác.



## Nước

Năm 2022, Nhà máy sử dụng nước biển trong vịnh Việt Thanh để làm mát thiết bị với lưu lượng trung bình là 32.308 m<sup>3</sup>/h và nước ngọt được lấy từ Nhà máy nước Vinaconex nằm trong khu Kinh tế Dung Quất để cung cấp cho toàn bộ khu vực Nhà máy; khu bể chứa sản phẩm; phân xưởng nước khử khoáng; hệ thống nước chữa cháy với lưu lượng 337 m<sup>3</sup>/h. Quá trình làm mát của nước biển là gián tiếp, không có tiếp xúc với chất ô nhiễm và nhiệt độ đầu cao nhất là 34,15°C, đối với nước thải được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường tại hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy. Do đó, việc xả nước biển sau làm mát và nước thải đã qua xử lý tại vịnh Việt Thanh hầu như không có tác động đáng kể đến môi trường biển cũng như sinh kế, an ninh an toàn trong khu vực.

### Tiêu thụ nước

#### a. Nước biển làm mát

Nguồn nước biển được lấy từ nước trong vịnh Việt Thanh. Theo thiết kế, phân xưởng lấy nước biển có công suất 50.000 m<sup>3</sup>/h. Nước biển được sử dụng để trao đổi nhiệt gián tiếp làm mát nước ngọt thông qua các thiết bị trao đổi nhiệt dạng tấm. Tổng lượng nước biển sử dụng năm 2022 là: 283.022.882 m<sup>3</sup> tương đương 32.308 m<sup>3</sup>/h.

Chi phí sử dụng, phí bảo vệ môi trường đối với nước biển làm mát cho thiết bị là: 0 VND.

#### b. Nước ngọt

Nguồn nước ngọt được lấy từ Nhà máy nước Vinaconex nằm trong khu Kinh tế Dung Quất để cung cấp cho toàn bộ khu vực Nhà máy; khu bể chứa sản phẩm; phân xưởng nước khử khoáng; hệ thống nước chữa cháy... Trong năm 2022, tổng lượng nước ngọt sử dụng là: 2.911.590 m<sup>3</sup> tương đương 337 m<sup>3</sup>/h.

Tổng chi phí sử dụng nước ngọt: 26.474.502.411 (VND), trong đó:

- Chi phí sử dụng nước: 26.398.365.903 (VND)
- Phí bảo vệ môi trường: 76.136.508 (VND)

### Lượng nước sử dụng

- Nước phục vụ sản xuất:
  - Nước khử khoáng: 1.292.500 m<sup>3</sup>
  - Nước bán cho tàu dầu và nước tưới cây: Nước tưới cây + nước thải khu vực Nhà máy 708.790,2 m<sup>3</sup>
- Nước dịch vụ: 524.600 m<sup>3</sup>
- Nước cứu hỏa: 274.406,8 m<sup>3</sup>
- Nước làm mát: 34.983,2 m<sup>3</sup>
- Nước sinh hoạt: 76.310 m<sup>3</sup>

### Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

Tỷ lệ thu hồi nước ngưng khoảng 75,1%, tương đương 3.749.354 m<sup>3</sup>.



## Nước thải, chất thải

### Chất thải của BSR

Trong hoạt động sản xuất của Nhà máy, các nguồn thải phát sinh thường xuyên bao gồm:

- Nước thải công nghiệp: Chủ yếu là nước thải nhiễm dầu với thông số ô nhiễm đặc trưng là tổng dầu và COD. Toàn bộ nước thải phát sinh được thu gom và xử lý tại hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy với lưu lượng trung bình năm 2022 khoảng 262 m<sup>3</sup>/h;
- Khí thải phát thải từ các lò đốt, lò gia nhiệt và lò đốt coke tái sinh xúc tác với chất ô nhiễm đặc trưng là SO<sub>x</sub>, NO<sub>x</sub> và bụi được xử lý, lọc bụi tĩnh điện và quan trắc tự động trước khi phát thải qua các ống khói. Lượng khí thải nhà kính phát thải năm 2022 khoảng 1,76 triệu tấn CO<sub>2</sub> tương đương (CO<sub>2</sub>e);
- Chất thải rắn phát sinh trong quá trình hoạt động của Nhà máy chủ yếu là chất thải rắn công nghiệp thông thường như: xúc tác thải RFCC, chất thải sinh hoạt của người lao động... và chất thải nguy hại như: các loại dầu thải, giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại... Toàn bộ lượng chất thải rắn và nguy hại phát sinh sẽ được thu gom phân loại và lưu chứa tại các kho lưu chứa chất thải tạm thời của Nhà máy có tổng diện tích trên 1.000 m<sup>2</sup> trước khi chuyển giao cho nhà thầu có chức năng xử lý đúng quy định pháp luật.



### Công tác quản lý chất thải, nước thải tại BSR

#### a. Quản lý chất thải và chất thải nguy hại

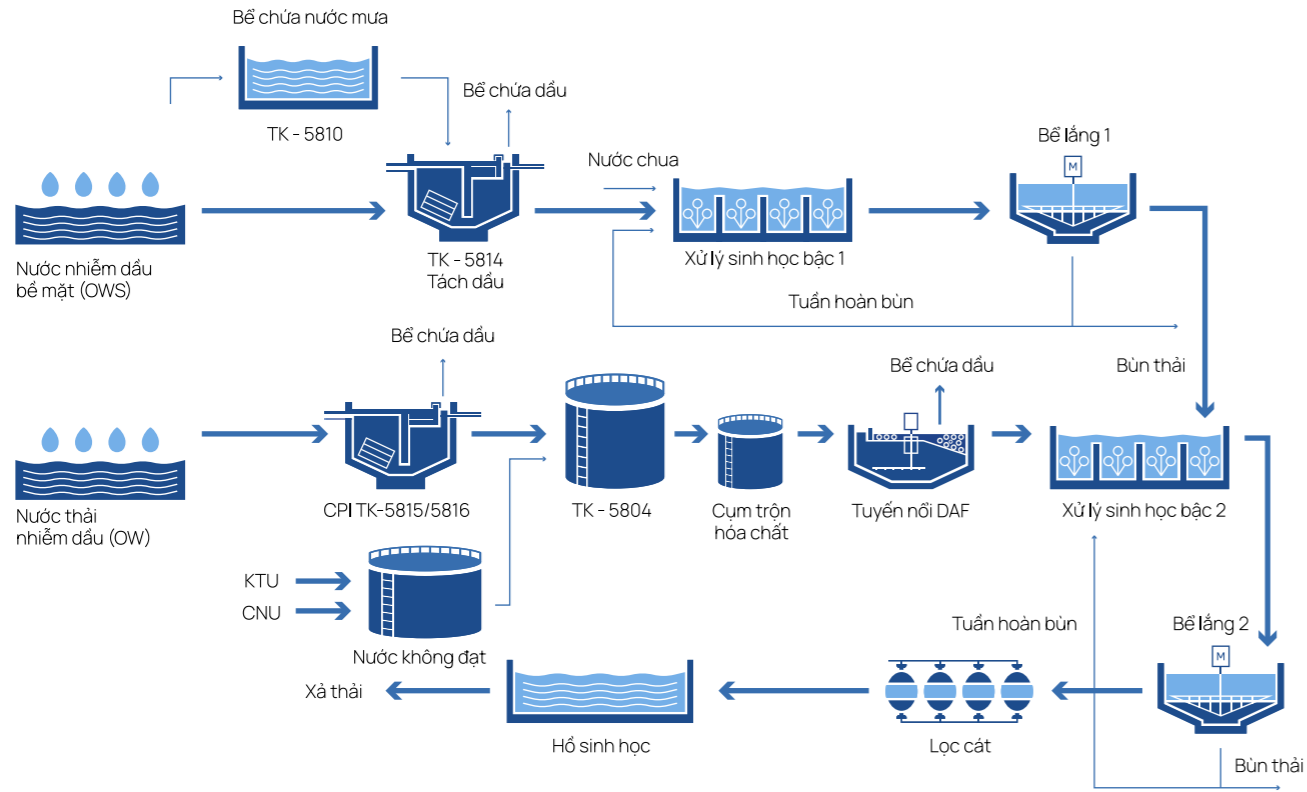
Công ty đăng ký và được Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Quảng Ngãi đã cấp sổ chủ nguồn thải với Mã số QLCTNH 51.000010.T ngày 18/6/2019 (cấp phát lần đầu vào ngày 25/8/2009). Các loại chất thải khác nhau sẽ được phân loại, thu gom, và lưu chứa tạm thời trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo đúng quy định hiện hành.

Năm 2022, BSR đã ký hợp đồng với liên danh nhà thầu Pedaco và Lilama EME để thu gom và xử lý 1.292.371 kg chất thải nguy hại, 3.873.290 kg chất thải rắn công nghiệp thông thường và 436.570 kg chất thải sinh hoạt.

#### b. Quản lý nước thải

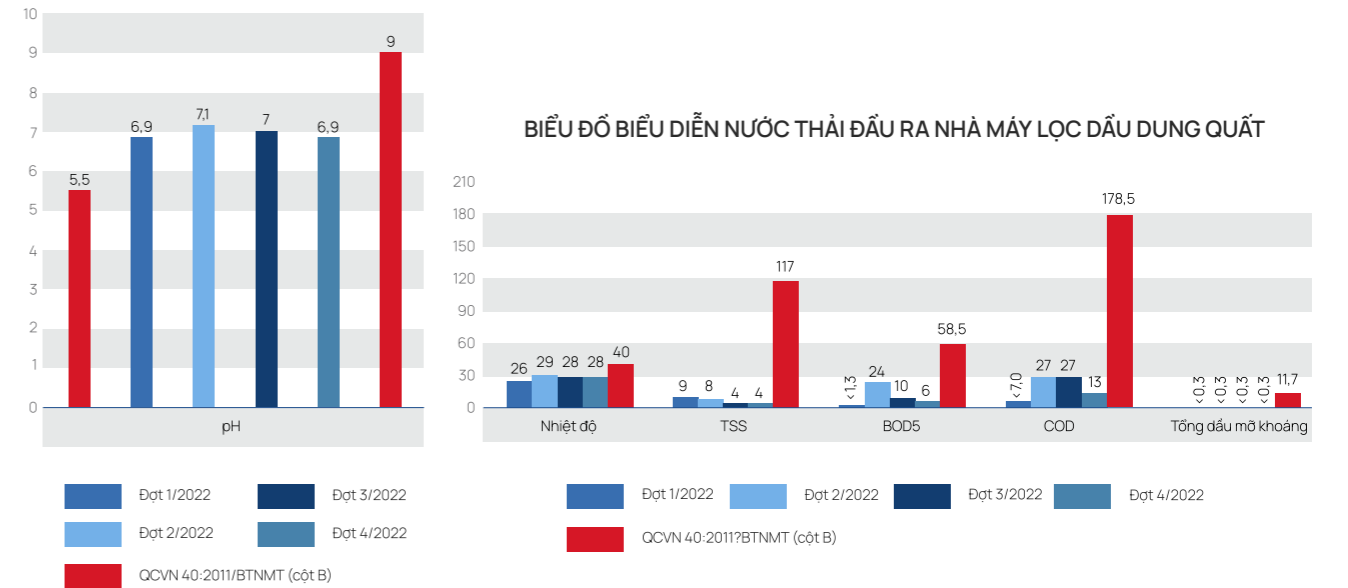
Toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình vận hành sản xuất, nước nhiễm dầu bề mặt được thu gom và đưa về xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sản xuất của Nhà máy lọc dầu Dung Quất. Hệ thống xử lý được đầu tư với công suất thiết kế 560 m<sup>3</sup>/h với các công đoạn xử lý cơ học (vật lý), hoá lý (tuyển nổi), sinh học, lắng và lọc cát (như sơ đồ mô phỏng dưới đây):





Công nghệ xử lý nước thải Nhà máy lọc dầu Dung Quất

Hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy hoạt động ổn định và hiệu quả từ năm 2010 đến nay. Tất cả thông số nước thải Nhà máy sau xử lý luôn đạt QCVN 40:2011/BTNMT. Năm 2019, BSR đã hoàn thành lắp đặt trạm tự động, liên tục cho hệ thống xử lý nước thải và kết nối, truyền dữ liệu về Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Quảng Ngãi.



Kết quả quan trắc nước thải sau xử lý năm 2022



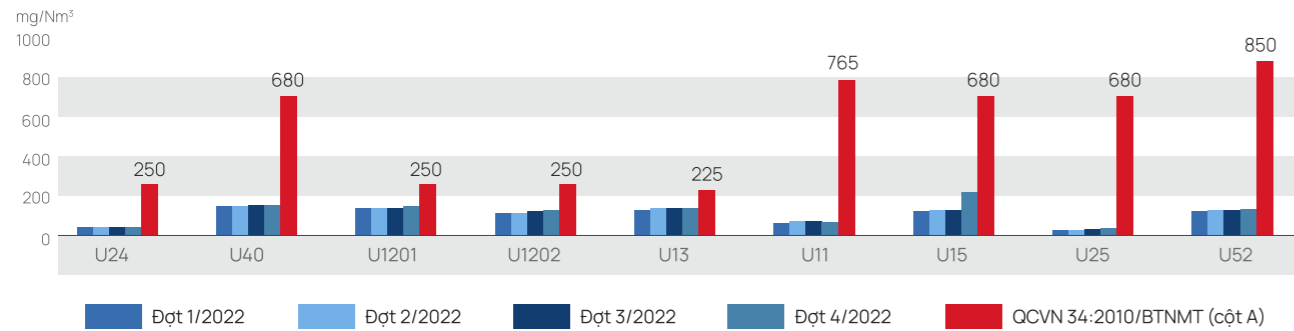
**c. Quản lý khí thải**

Nhà máy có các nguồn phát sinh khí thải chủ yếu từ các ống khói của các lò gia nhiệt (các phân xưởng U11, U12, U13, U24), các nồi hơi (phân xưởng U40, U52), lò đốt coke và tái sinh xúc tác (phân xưởng U15) và phân xưởng thu hồi lưu huỳnh (SRU). Các hạng mục xử lý khí thải đảm bảo khí thải phát sinh đáp ứng quy chuẩn môi trường cho phép gồm:

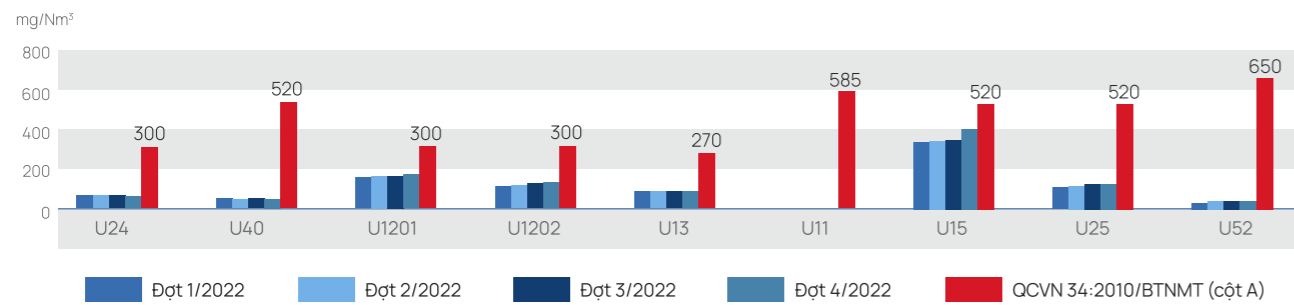
- Lắp đặt thiết bị lọc bụi tĩnh điện để xử lý dòng khí thải có chứa hàm lượng bụi cao từ phân xưởng RFCC để đáp ứng tiêu chuẩn nguồn thải;
- Thiết kế và lắp đặt chiều cao ống khói được đúng theo các báo cáo đánh giá tác động môi trường cho Nhà máy lọc dầu Dung Quất;

- Để giám sát và kiểm soát việc phát thải ra môi trường, Công ty đã triển khai lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục cho các ống khói tại các phân xưởng U11, U40, U25 và kết nối, truyền dữ liệu về Sở TNMT tỉnh Quảng Ngãi. Ngoài ra, định kỳ hàng quý Công ty thuê đơn vị có chức năng (EMC) để tiến hành quan trắc chất lượng các nguồn thải. Kết quả, các thống số chất lượng khí thải của Nhà máy đều đáp ứng QCVN 34:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp lọc hóa dầu đối với bụi và các chất vô cơ.

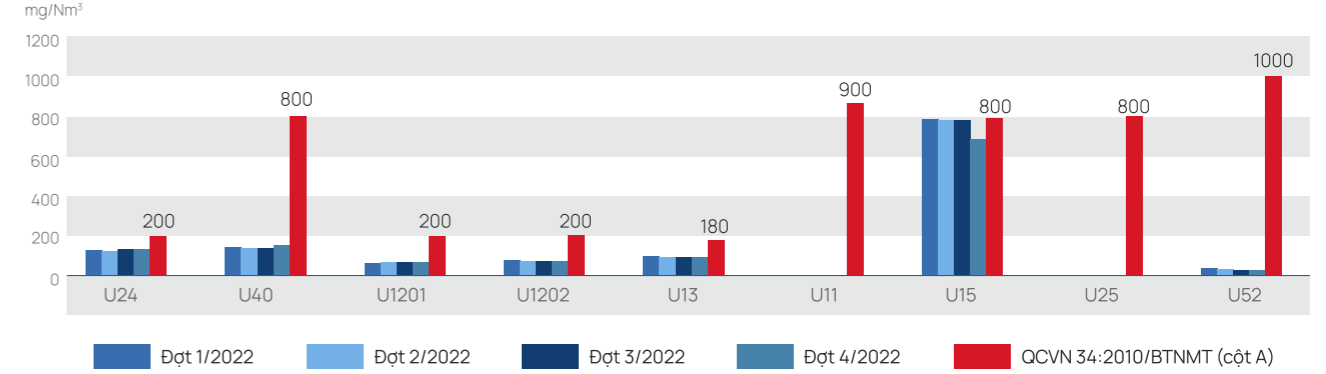
**BIỂU ĐỒ BIỂU DIỄN NOx TRONG KHÍ THẢI**



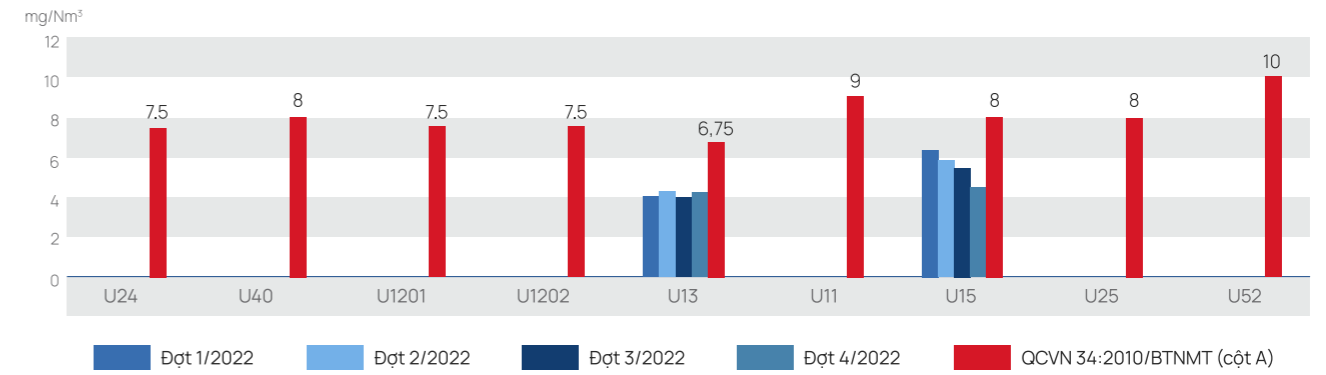
**BIỂU ĐỒ BIỂU DIỄN SO<sub>2</sub> TRONG KHÍ THẢI**



**BIỂU ĐỒ BIỂU DIỄN CO TRONG KHÍ THẢI**



**BIỂU ĐỒ BIỂU DIỄN H<sub>2</sub>S TRONG KHÍ THẢI**



*Kết quả quan trắc khí thải tại nguồn năm 2022*

Trong năm 2022, BSR tiếp đón 2 đợt kiểm tra của Tổ giám sát do Tổng cục Môi trường thành lập. BSR được đánh giá thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường và tuân thủ tốt các yêu cầu của pháp luật.

**Sẵn sàng ứng phó sự cố môi trường**

BSR đã xây dựng và được các cơ quan quản lý thẩm định, phê duyệt các kế hoạch phòng ngừa, ứng phó các sự cố liên quan đến môi trường gồm:

- Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu được UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt tại Quyết định số 1303/QĐ-UBND ngày 13/07/2017;

- Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất được Bộ Công Thương phê duyệt tại Quyết định số 9152/QĐ-BCT ngày 03/12/2013.

Trên cơ sở đó, Công ty đã trang bị đầy đủ các trang thiết bị, xây dựng các phương án và tổ chức thực/điễn tập định kỳ nhằm sẵn sàng ứng phó với các sự cố môi trường có thể xảy ra.

**Đối với việc kiểm soát chuỗi cung ứng về tư vấn dịch vụ môi trường**

Định kỳ, BSR kiểm tra trực tiếp công tác xử lý chất thải tại cơ sở của nhà thầu nhằm đảm bảo việc xử lý chất thải thầu đúng quy định và bảo vệ môi trường.

Đối với chất lượng dịch vụ quan trắc môi trường, các đơn vị cung cấp dịch vụ phải có đủ chức năng và chứng nhận VIMCERT do Bộ TNMT cấp mới được tham gia dịch vụ.



## Đa dạng sinh học

Nhà máy lọc dầu Dung Quất hiện hữu và mở rộng tương lai có diện tích sử dụng khoảng 956 ha, bao gồm 485 ha mặt đất và 471 ha mặt biển. Các hoạt động sản xuất và xả thải của Nhà máy có các nguy cơ về tràn dầu trong quá trình xuất-nhập, lưu chứa các sản phẩm và dầu thô, xả nước thải và khí thải có thể tác động đến hệ sinh thái biển trong vịnh Việt Thanh và vịnh Dung Quất, ô nhiễm môi trường không khí xung quanh. Tuy nhiên, các nguy cơ này đã được BSR kiểm soát chặt chẽ thông qua: quy trình quản lý, quy trình vận hành; vận hành các hệ thống xử lý nước thải, xử lý khí thải; quan trắc môi trường tự động liên tục và quan trắc định kỳ bởi đơn vị có chức năng; định kỳ tổ chức diễn tập ứng phó sự cố môi trường.

Theo kết quả phân tích, đánh giá về đa dạng sinh học của Trung tâm Nghiên cứu Môi trường Dầu khí (CPSE) năm 2017 cho Báo cáo Đánh giá tác động môi trường của Dự án NCMR Nhà máy và dữ liệu quan trắc qua các năm trước đó, các quần xã sinh vật biển xung quanh Nhà máy lọc dầu Dung Quất có chỉ số đa dạng sinh học (Hs) và chỉ số cân bằng (J) ở mức cao (Trích Báo cáo đánh giá tác động môi trường năm 2019).

## Công tác ứng phó tình huống khẩn cấp

Do đặc thù của quy trình sản xuất, từ nguyên liệu đầu vào ban đầu, hóa phẩm, phụ gia, chất xúc tác cho các quá trình sản xuất cho đến sản phẩm đầu ra của nhà máy đều là các hóa chất, nhiên liệu có khả năng cháy nổ cao và được tồn trữ với khối lượng vô cùng lớn, Nhà máy lọc dầu Dung Quất thuộc nhóm cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ theo quy định pháp luật hiện hành. Ngoài ra, Nhà máy nằm trong khu vực thường xuyên bị ảnh hưởng bởi điều kiện thời tiết khắc nghiệt như nắng nóng, mưa bão, v.v... gây ra các mối nguy chính như cháy nổ, tràn dầu, rò rỉ khí độc, phóng xạ và bão lũ.

Bất cứ sự cố cháy nổ, rò rỉ/tràn đổ hóa chất, tràn dầu nào xảy ra tại Nhà máy cũng đều có thể gây nên thiệt hại nghiêm trọng về con người, tài sản, môi trường và tác động không nhỏ đến kinh tế của đất nước. Từ đó có thể thấy được công tác phòng chống cháy nổ và cứu hộ cứu nạn, ứng phó tình huống khẩn cấp tại Nhà máy hết sức quan trọng và luôn được quan tâm hàng đầu tại BSR.

Để phòng ngừa và kiểm soát rủi ro các mối nguy và ngăn ngừa/giảm thiểu thiệt hại từ các sự cố, Công ty BSR đã xây dựng hệ thống và lực lượng ứng phó tình huống khẩn cấp cơ sở với chủ trương, phương châm và giải pháp cụ thể bao gồm:

Chủ trương và phương châm hành động lấy phòng ngừa làm trọng tâm. Cụ thể là:

- Triển khai thực hiện nghiêm túc và tuân thủ các quy định, chính sách của Nhà nước về công tác an toàn PCCC như (1) Lập hồ sơ quản lý theo dõi công tác PCCC&CNCH, thực hiện báo cáo định kỳ theo đúng quy định pháp luật hiện hành; (2) Lập kế hoạch và phân công các bộ phận thực hiện khắc phục đầy đủ các kiến nghị theo các Biên bản thanh kiểm tra về công tác PCCC tại Công ty; (3) Mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc theo đúng quy định của Pháp luật;
- Công ty BSR đã tổ chức xây dựng trình Cảnh sát PCCC tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt các phương án PCCC&CNCH cơ sở gồm 20 tình huống tại Quyết định số 2237/QĐ-CPT-P1(P3) ngày 30/12/2016
- Toàn bộ thiết kế về hệ thống PCCC của Nhà máy được tuân thủ theo các yêu cầu của pháp luật, tiêu chuẩn PCCC của Việt Nam, tiêu chuẩn thế giới và được thẩm duyệt, lắp đặt, nghiệm thu theo quy định; Quản lý, kiểm tra bảo dưỡng, chăm sóc các trang thiết bị/hệ thống/phương tiện PCCC và CNCH nhằm duy trì hoạt động sẵn sàng tin cậy của thiết bị/hệ thống;
- Tuyên truyền, đào tạo: tổ chức cuộc họp an toàn định kỳ, chia sẻ bài học kinh nghiệm, phổ biến kiến thức pháp luật về PCCC nhằm nâng cao ý thức về an toàn PCCC tại nơi làm việc cho CBCNV công ty;
- Xây dựng hệ thống quản lý và tổ chức kiểm tra, kiểm soát rò rỉ nhằm nhận diện sớm mối nguy về rò rỉ khí cháy nổ, kiểm tra hệ thống trang thiết bị PCCC và thực hiện khắc phục các hư hỏng kịp thời nhằm đảm bảo tính sẵn sàng và tin cậy cao;
- Lập kế hoạch xây dựng/bổ sung và tổ chức thực tập các kịch bản ứng phó sự cố tại các khu vực trong Nhà máy. Định kỳ hàng tháng, Công ty tổ chức 8 lượt thực tập các tình huống sự cố.

Nguyên tắc xây dựng và triển khai tổ chức công tác ứng phó THKC theo phương châm "04 tại chỗ". Cụ thể là:

- Chỉ huy tại chỗ: Công ty BSR xây dựng hệ thống cơ chế chỉ huy tình huống khẩn cấp và thành lập Ban chỉ đạo/Ban chỉ huy và phân công thành viên BCD/BCH tại Nhà máy để chỉ đạo/chỉ huy xử lý các công việc theo Kế hoạch ứng phó;
- Lực lượng tại chỗ: Công ty BSR đã thành lập, huấn luyện định kỳ, đảm bảo đủ năng lực theo yêu cầu các lực lượng PCCC & CNCH chuyên ngành, PCCC & CNCH cơ sở và lực lượng PCCC bán chuyên trách. Điều động nhân sự để thực hiện kiểm tra khắc phục, ứng phó sự cố theo quy trình của Công ty;
- Phương tiện, thiết bị: Công ty BSR đã trang bị đầy đủ các các trang thiết bị PCCC & CNCH theo quy định của pháp luật và đảm bảo ứng phó hiệu quả với quy mô, tính chất đặc thù sản xuất của Nhà máy lọc dầu. Tổ chức kiểm tra, đảm bảo tính sẵn sàng và tin cậy;

Vật tư, dụng cụ hậu cần cho công tác UPSC: Công ty BSR đã xây dựng quy định dự trữ, dự phòng các công cụ dụng cụ và vật tư cần thiết ứng phó sự cố và có các thỏa thuận hoặc hợp đồng với các đối tác để đảm bảo lương thực/thực phẩm, vật tư y tế, phương tiện đưa đón.... sẵn sàng sử dụng khi có THKC.

Với những kết quả đạt được như trên, công tác đảm bảo ATSKMT của Công ty luôn được duy trì đảm bảo, góp phần thành công trong vận hành Nhà máy an toàn liên tục và được Chính phủ, Nhà nước và các đoàn thanh tra, kiểm tra đánh giá cao.

Công tác phòng chống cháy nổ và cứu hộ luôn được quan tâm hàng đầu tại BSR.



## Xã hội

Khi môi trường kinh doanh đang thay đổi, cách thức làm việc của Công ty cũng phải thay đổi. Sự thay đổi liên tục mang lại những thách thức mới nhưng đồng thời cũng tạo ra những cơ hội thú vị. Để thực hiện chiến lược và tăng trưởng kinh doanh, BSR tập trung vào việc tạo dựng các giá trị con người như trao quyền cho nhân viên của mình, quan tâm đến sức khỏe của họ, cung cấp cho họ các mục tiêu rõ ràng và minh bạch, năng lực và cơ hội phát triển nghề nghiệp, lương thưởng cạnh tranh...



BSR tập trung vào việc tạo dựng các giá trị con người

## Việc làm

Trong năm 2022, Công ty đã đảm bảo việc làm cho 1.516 lao động, tuyển dụng lao động mới 10 nhân sự, các nhân sự được tuyển dụng đáp ứng được yêu cầu công tác chuyên môn và chủ yếu tập trung cho Khối vận hành sản xuất để dự nguồn cho các ban chức năng, thay thế cho một số vị trí khuyết cần thiết do lao động giảm hoặc phát sinh vị trí mới do thay đổi cơ cấu tổ chức.

Để tiết giảm chi phí nhân công, tăng năng suất lao động, cải thiện tiền lương, thu nhập cho người lao động, Công ty đã tổ chức, bố trí, sắp xếp lao động hợp lý, khoa học, có kế hoạch đào tạo thay thế, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng làm việc cho người lao động và thực hiện luân chuyển nội bộ giữa các bộ phận nhằm tối ưu hóa nguồn nhân lực, hạn chế tuyển dụng lao động mới, chỉ tuyển dụng nhân sự thực sự cần thiết, phù hợp nhu cầu thực tế và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.



STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022
1	Số nhân viên thuê mới	10	10
2	Số nhân viên thôi việc	28	15

## An ninh, an toàn và sức khỏe nghề nghiệp

### Các biện pháp đảm bảo an ninh

Năm 2022, tình hình an ninh, an toàn ổn định, không có sự cố an ninh ảnh hưởng đến vận hành bình thường của Nhà máy. Công ty đã phối hợp với các lực lượng liên quan (Công an, Biên phòng, Chính quyền địa phương) tổ chức và thực hiện các phương án, kế hoạch và biện pháp nghiệp vụ đảm bảo an ninh trật tự, an toàn tại Nhà máy.

Phối hợp với các cơ quan liên quan phát hiện, ngăn chặn xử lý các trường hợp người dân xâm phạm hành lang bảo vệ Nhà máy để trồng trọt, khai thác cây. Công ty thường xuyên nâng

cấp, trang bị, bổ sung các trang thiết bị và phần mềm quản lý an ninh để đảm bảo an ninh, an toàn cho vận hành Nhà máy.

Xây dựng phương án an ninh tổng thể cho Nhà máy lọc dầu Dung Quất trong giai đoạn BDTT lần 5.

Ngoài ra, Công ty đã phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức công tác tuyên truyền an ninh, an toàn đối với Nhà máy lọc dầu Dung Quất cho nhân dân địa phương.

### Các biện pháp đảm bảo an toàn và sức khỏe cho người lao động

Công tác đảm bảo an toàn lao động luôn là mục tiêu, nội dung trọng tâm trong tất cả các kế hoạch sản xuất các cấp đến các hoạt động sản xuất, bảo dưỡng được thực hiện tại công trường. Công ty BSR đã áp dụng các giải pháp để quản trị rủi ro an toàn lao động hiệu quả. Cụ thể là:

- Song song với việc áp dụng 05 giá trị văn hóa cốt lõi, Công ty BSR đã xây dựng mục tiêu văn hóa bản sắc (văn hóa an toàn), kế hoạch hướng dẫn và thực hành áp dụng trên quy mô toàn Công ty, đặc biệt là các hoạt động sản xuất trực tiếp tại công trường;
- Hoàn thiện các công cụ về hệ thống và chính sách để khuyến khích sự tham gia của toàn bộ CBCNV vào công tác an toàn như hoàn thiện, cải tiến tài liệu Quan sát hành vi an toàn (SAO/SAC);
- Hoàn thiện hệ thống tài liệu áp dụng nguyên tắc quản trị an toàn lao động. Cụ thể, xây dựng, ban hành, áp dụng số hóa công tác kiểm tra, giám sát, tổng hợp phân tích dữ liệu và quản trị, quản lý an toàn lao động từ những hoạt động hàng ngày/ hàng ca làm việc. Từ đó nhận diện sớm các mối nguy, thách thức để có giải pháp quản lý phù hợp nhằm ngăn ngừa tai nạn lao động.

- Trong công tác huấn luyện, ngoài đào tạo lý thuyết, kiến thức áp dụng hệ thống đào tạo trực tuyến (E-learning, E-test), Công ty chú trọng xây dựng công tác huấn luyện tại công trường và công việc (Coaching) để đảm bảo CBCNV nắm rõ và làm đúng quy định và hình thành thói quen, văn hóa an toàn tại BSR.

Môi trường làm việc an toàn và thuận lợi được duy trì cho cán bộ công nhân viên và các nhà thầu của chúng tôi cũng như hạn chế tỷ lệ tai nạn tại nơi làm việc là những ưu tiên hàng đầu. Công ty có chế độ phụ cấp độc hại và bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện độc hại, nguy hiểm, phụ cấp tiền ăn ca theo đúng quy định của Nhà nước.

Bên cạnh đó, Công ty đã xây dựng trạm y tế với đầy đủ thiết bị, đáp ứng tốt việc sơ cấp cứu, cấp phát thuốc điều trị bệnh theo quy định của Bộ Y Tế. Thanh toán đầy đủ và hỗ trợ các chế độ thai sản và hưu trí theo luật định.





## Đào tạo tuyên truyền

BSR luôn chú trọng công tác huấn luyện ATSKMT (BSR đã được Bộ LĐTBXH cho phép tự huấn luyện ATVSLĐ hạng C, đây là một yếu tố đóng vai trò hết sức quan trọng cho công tác an toàn nhằm nâng cao nhận thức và tuân thủ các quy định an toàn cho CBCNV BSR.

Cụ thể trong năm 2022, Công ty BSR đã tổ chức 61 khóa đào tạo về an toàn sức khỏe môi trường với hơn 9.809 lượt CBCNV tham gia, đạt 37.081 giờ công đào tạo an toàn, trung bình mỗi CBCNV 24,5 giờ/người/năm. Các nội dung đào tạo bao gồm các khóa huấn luyện theo yêu cầu pháp luật và nâng cao chuyên môn nghiệp vụ ATSKMT cho Người lao động.

Tổ chức đào tạo an toàn nhận thức ban đầu về an toàn cho 100% các nhà thầu, khách tham quan vào làm việc tại Nhà máy lọc dầu Dung Quất.

Bên cạnh đó, BSR tăng cường công tác tuyên truyền về ý thức tuân thủ công tác an toàn vệ sinh lao động cho toàn thể CBCNV thông qua việc thực hiện các buổi họp an toàn Công ty nhằm tạo kênh trao đổi thông tin giữa Lãnh đạo Công ty và toàn thể người lao động về chính sách, mục tiêu, kết quả thực hiện công tác ATSKMT, ý kiến đóng góp của người lao động nhằm nâng cao hiệu quả công tác an toàn, cải thiện môi trường và điều kiện làm việc.

Tổ chức các đợt tuyên truyền an toàn định kỳ theo chủ đề hàng tháng đối với người lao động, nhà thầu, góp phần nâng cao nhận thức, hiểu biết về an toàn không chỉ tại Nhà máy mà còn trong những công việc tại gia đình và cộng đồng.

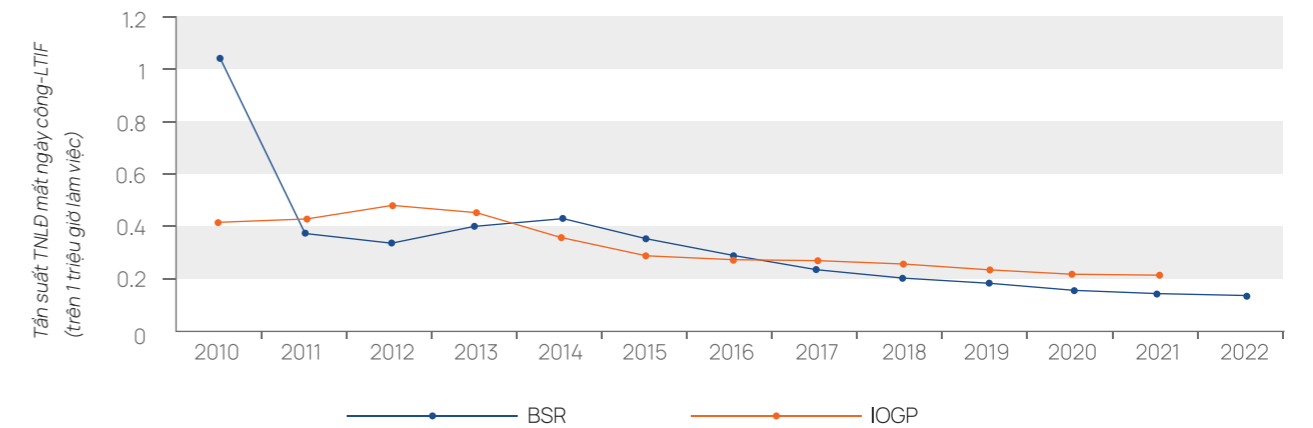


## Quản lý sự cố

Kết quả công tác quản lý sự cố

Tích lũy từ LTI gần nhất (Tháng 6/2014)	BSR		Nhà thầu		Tổng
	6/2014-2021	NĂM 2022	6/2014-2021	NĂM 2022	Từ 6/2014-2022
<b>TAI NẠN LAO ĐỘNG</b>					
Chết người	0	0	0	0	0
LTI	0	0	0	0	0
RWC	0	0	0	0	0
MTC	5	0	4	0	9
FAC	3	0	6	1	10
Total Recordable Cases (TRC)	8	0	10	1	19
<b>THÔNG TIN GIỜ CÔNG AN TOÀN (Cập nhật đến 31/12/2022)</b>					
Giờ công an toàn tích lũy	24,6		12,4		37,3

## TẦN SUẤT TNLĐ MẤT NGÀY CÔNG TẠI BSR



IOGP: International Association of Oil & Gas Producers - Hiệp hội các nhà sản xuất Dầu khí Quốc tế

## Kết quả năm 2022

Cho đến nay, Công ty đã đạt được các kết quả về ATSKMT như sau:

STT	Chỉ tiêu	Kết quả đạt được
1	Kiểm soát tình hình dịch bệnh, không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của BSR	Đạt
2	Số giờ công an toàn không xảy ra tai nạn lao động mất ngày công (LTI)	0 LTI, đạt hơn 37,3 triệu giờ công an toàn
3	Không có sự cố cháy nổ ảnh hưởng đến SXKD	0
4	Không có sự cố an ninh gây gián đoạn hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty	0
5	Không vi phạm các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường	0
6	Số giờ công đào tạo an toàn trong năm 2022	24,5 giờ/năm/người
7	Số lần thực/diễn tập ứng phó tình huống khẩn cấp	86 lần

Trong năm 2022:

- Số lượng báo cáo HSE hàng ngày: 100%;
- Số lượng phát hiện Hành vi/điều kiện không an toàn: 397 (NC: 05; OB: 155; OP: 237);
- Số lượng thẻ SAC phát hành: 1.626 thẻ xanh plus; 155 thẻ vàng; 69 thẻ đỏ.

Xây dựng văn hóa BSR trên cơ sở xây dựng văn hóa nền tảng thông qua triển khai Chương trình "7 thói quen hiệu quả"; phổ biến văn hóa doanh nghiệp của PVN và BSR trên cơ sở 5 giá trị cốt lõi. Việc vận dụng 3 thói quen đầu tiên giúp cho người lao động BSR có ý thức được trách nhiệm đảm bảo an toàn cho bản thân mình "Chính tôi chứ không phải ai khác chịu trách nhiệm an toàn cho chính mình" (Thói quen số 1). Khi làm công việc gì, người lao động BSR luôn đặt mục tiêu an toàn là trên hết (Thói quen số 2). Để đảm bảo công việc được an toàn, cần dành thời gian để nhận diện mối nguy và biện pháp kiểm soát thông qua JSA và PTW sau đó phổ biến cho tất cả mọi người để cùng nhau thực hiện (Thói quen số 3).

Chương trình Quan sát hành vi an toàn (SAO) là một công cụ hữu hiệu trong việc khuyến khích hành động an toàn và giảm thiểu hành vi không an toàn của từng cá nhân người lao động. Ngoài ra, đây cũng là công cụ để phát huy được sức mạnh trí tuệ của tập thể người lao động trong công tác nhận diện và kiểm soát các mối nguy hiểm, góp phần cải thiện môi trường làm việc an toàn. Tính từ thời điểm triển khai chương trình đến nay đã có 278.360 thẻ SAO được ghi nhận và hơn 13.850 phát hiện và cải tiến đã được các bộ phận khắc phục xử lý, góp phần cải thiện điều kiện làm việc an toàn, nhân rộng, phát huy những việc làm tốt, từ đó đã từng bước nâng cao văn hóa an toàn đến từng CBCNV.

Với những nỗ lực làm việc tuân thủ các quy định về an toàn của CBCNV và Nhà thầu, Công ty BSR đã đạt mốc 37,3 triệu giờ công an toàn, không có tai nạn lao động mất ngày công. Chỉ số tai nạn lao động ghi nhận được giữa BSR luôn thấp hơn các Công ty thuộc IOGP.

## Giáo dục và đào tạo

Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của BSR luôn được chú trọng. Với mục tiêu cao nhất là vận hành nhà máy an toàn, ổn định và hiệu quả, BSR đã linh hoạt ứng dụng CNTT thông qua hệ thống E-Learning, các phần mềm liên quan nhằm hỗ trợ kịp thời cho CBCNV tham gia đầy đủ các chương trình đào tạo, đảm bảo tuân thủ đầy đủ các yêu cầu của pháp luật, yêu cầu của vị trí chức danh. Tính đến hết tháng 12/2022, BSR đã thực hiện được 120 chương trình và chuỗi chương trình đào tạo cho 14.842 lượt người, đạt 176% số lượt người so với kế hoạch năm 2022. Các chương trình đào tạo tập trung chủ yếu theo yêu cầu pháp luật, đào tạo nội bộ, đào tạo theo vị trí chức danh, Đào tạo OJT, Coaching, Mentor-Mentee, đào tạo chuyên sâu, định hướng phát triển chuyên gia, đào tạo kỹ năng, quản lý, lý luận chính trị, đào tạo và lan tỏa các giá trị văn hóa bản sắc PVN/BSR. Tổng chi phí đào tạo đã sử dụng là 9 tỷ đồng, đạt 81,82 % kinh phí kế hoạch năm 2022.

Hoạt động đào tạo người lao động được thể hiện thông qua các kết quả cụ thể, trong đó:

Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên:

- Số giờ đào tạo trung bình trong năm: 40 giờ/người/năm.
- Số giờ đào tạo trung bình cho cấp quản lý: 20 giờ/người/năm.
- Số giờ đào tạo trung bình cho người lao động trực tiếp: 56 giờ/người/năm.

Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp. Trong năm 2022, BSR đã triển khai rất nhiều chương trình đào tạo chuyên sâu về kỹ năng và chuyên môn nghiệp vụ cho cấp quản lý và người lao động, một số chương trình cụ thể như sau:

- Chương trình đào tạo kỹ năng cho cấp quản lý:
  - Diễn đàn quản trị cấp cao Việt Nam – Singapore
  - Báo cáo tài chính và các chỉ tiêu đánh giá trong lĩnh vực dầu khí
  - Quản trị chuỗi cung ứng
  - Chân dung nhà lãnh đạo trong bối cảnh mới
  - Lãnh đạo hướng đến hành động kết quả
  - Quản lý và phát triển đội ngũ
  - Kiến tạo văn hóa hiệu quả
  - Các kỹ năng chuyên nghiệp để phát triển đội ngũ trong tổ chức
- Phát triển năng lực quản lý, Chương trình đào tạo kỹ năng cho người lao động:
  - Lan tỏa 7 thói quen hiệu quả
  - Kỹ năng huấn luyện nhân viên
- Nâng cao tư duy trong thiết kế và đột phá, Chương trình đào tạo về an toàn sức khỏe môi trường và PCCC:
  - Kiến thức an toàn nhà máy
  - An toàn thiết bị nâng, xe nâng hàng, An toàn hóa chất
  - Phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn
  - Nghiệp vụ bảo vệ môi trường trong kinh doanh xăng dầu
  - Vận hành xe nâng người, An toàn vệ sinh lao động
  - Quản lý an toàn công nghệ
  - An toàn giao thông
  - Sơ cấp cứu
- An toàn sinh mạng trên biển
  - Người huấn luyện an toàn vệ sinh lao động
  - Cập nhật và triển khai thực hiện các quy định của Luật Bảo vệ Môi trường của Việt Nam năm 2020
- Chương trình đào tạo về Lọc hóa dầu:
  - Refinery and Technology Management - for next Technology Executives
  - Energy Saving Green Hydrogen and Power to X
  - Thiết kế thông số công nghệ cho hệ thống bơm ly tâm, van điều khiển, thiết bị trao đổi nhiệt, tháp/bình phân tách trong Nhà máy lọc dầu
  - Chọn lựa vật liệu nhựa, phụ gia và các phương pháp kiểm nghiệm trong ứng dụng và sản xuất
  - Refining in Low Emission World
  - Refinery and Technology Management - for next Technology Executives
  - Chuyển dịch năng lượng tại Việt Nam
  - Abnormal Situation Management
  - Process Investigation & Improvement
  - Retrofit & Revamp Technology
  - Techno-Economic Evaluation
  - Technical Support for Turnarounds



## Cộng đồng địa phương

Bên cạnh nhiệm vụ trọng tâm là công tác sản xuất kinh doanh, Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn đã triển khai nhiều chương trình An sinh xã hội trên cả nước như tài trợ xây dựng trường học, xây dựng bệnh viện, nhà đại đoàn kết, nhà tình nghĩa, mua sắm trang thiết bị dạy học, hỗ trợ quỹ đến ơn đáp nghĩa, khắc phục thiên tai, cứu trợ nhân đạo, khuyến học khuyến tài, Tết vì người nghèo...

Đối với các xã xung quanh NMLD Dung Quất và một số nơi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, BSR luôn chủ động khảo sát, phối hợp với chính quyền địa phương và các Sở, ban ngành

tỉnh Quảng Ngãi để tham gia hỗ trợ, tài trợ xây dựng trường học, trạm xá và quỹ khuyến học, khuyến tài.

Năm 2022, BSR đã tài trợ trên 85,8 tỷ đồng, trong đó 40 tỷ đồng để thực hiện các chương trình ASXH tại tỉnh Quảng Ngãi nói riêng và các địa phương khác trên cả nước.

Ngoài ra, các Công đoàn bộ phận, CBCNV cũng đóng góp một phần lương của mình hoặc đóng góp thông qua các hoạt động thể thao để thực hiện các chương trình Tết vì người nghèo, trao học bổng cho các em học sinh, tặng quà cho các gia đình chính sách,... trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.



## Các mục tiêu An toàn - Sức khỏe - Môi trường - Xã hội 2022

### Bối cảnh tổ chức

- Giá dầu thô biến động liên tục ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Tình hình thời tiết ngày càng cực đoan ảnh hưởng đến an toàn và vận hành của Nhà máy;
- Trong thời gian dài Nhà máy đã đạt được nhiều kết quả về an toàn, điều này phát sinh tâm lý chủ quan của người lao động;
- Nhà máy vận hành đã hơn 10 năm nên độ tin cậy của thiết bị giảm đặc biệt việc ăn mòn bên trong và bên ngoài, điều này phát sinh các sự cố rò rỉ và cháy nổ công trình.

### Các mục tiêu

- Hoàn thành các mục tiêu về công tác ATSKMT, cụ thể: Kiểm soát tình hình dịch bệnh Covid-19 không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của BSR; không có tai nạn lao động mất ngày công; không có sự cố cháy nổ; không có sự cố môi trường; không có sự cố mất an ninh trật tự ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của BSR.
- Hoàn thiện và cải tiến, nâng hiệu quả công tác quản trị các nghiệp vụ ATSKMT;
- Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình chăm sóc sức khỏe người lao động, khám sức khỏe định kỳ và sức khỏe nghề nghiệp, sơ cứu y tế...;
- Tổ chức triển khai công tác đảm bảo an ninh cho các công trình trên đất liền và trên biển của Nhà máy, không để xảy ra các sự cố an ninh ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Nhà máy;
- Đảm bảo tính sẵn sàng và tin cậy thiết bị an toàn, an ninh, PCCC & CNCH và hiệu quả trong ứng phó tình huống khẩn cấp bao gồm PCCC, phòng chống thiên tai, tràn dầu, tràn đổ hóa chất...;
- Đảm bảo các hoạt động của BSR tuân thủ các quy định pháp luật Việt Nam về ATSKMT.

Với phương châm "An toàn - Hiệu quả - Bền vững", Công ty đã xây dựng các nguyên tắc phát triển cơ bản để không chỉ thực hiện được các mục tiêu kinh tế mà còn đảm bảo được các mục tiêu về an toàn - sức khỏe - môi trường và xã hội, hướng đến sự phát triển bền vững:

- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm lọc hóa dầu là chủ đạo. Sản phẩm luôn đáp ứng tiêu chuẩn quy định và thân thiện với môi trường.
- Phát huy nội lực và hợp tác, liên kết đầu tư với các đối tác có uy tín và tiềm lực nhằm khai thác các lợi thế, cơ hội và chia sẻ rủi ro.
- Bảo vệ môi trường, phát triển bền vững và làm tốt công tác an sinh xã hội, đóng góp vào sự phát triển chung của địa phương.



GRI	THÔNG TIN CÔNG BỐ	TRANG
<b>GRI 102: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN CHUNG</b>		
<b>1. Hồ sơ Tổ chức</b>		
GRI 102-1	Tên Tổ chức	8
GRI 102-2	Các hoạt động, thương hiệu, sản phẩm và dịch vụ	20, 26
GRI 102-3	Địa điểm của trụ sở chính	21
GRI 102-4	Các địa điểm hoạt động	21
GRI 102-5	Quyền sở hữu và hình thức pháp lý	8
GRI 102-6	Các thị trường phục vụ	21
GRI 102-7	Quy mô của tổ chức	12
GRI 102-8	Thông tin về nhân viên và người lao động khác	35-39
GRI 102-9	Chuỗi cung ứng	22-23
GRI 102-10	Những thay đổi đáng kể đối với tổ chức và chuỗi cung ứng của tổ chức	65
GRI 102-11	Phương pháp hoặc nguyên tắc phòng ngừa	x
GRI 102-12	Các sáng kiến bên ngoài	x
GRI 102-13	Quyền hội viên trong các hiệp hội	Không tham gia
<b>2. Chiến lược</b>		
GRI 102-14	Tuyên bố của người ra quyết định cấp cao	46
GRI 102-15	Các tác động, rủi ro và cơ hội chính	47-51
<b>3. Đạo đức và tính chính trực</b>		
GRI 102-16	Các giá trị, nguyên tắc, tiêu chuẩn và chuẩn mực của hành vi	10
GRI 102-17	Cơ chế tư vấn và báo cáo các mối quan ngại về đạo đức	x
<b>4. Quản trị</b>		
GRI 102-18	Cơ cấu quản trị	28-29
GRI 102-19	Phân cấp thẩm quyền	28-29
GRI 102-20	Trách nhiệm của cấp điều hành đối với các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội	88
GRI 102-21	Tham vấn các bên liên quan về các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội	134-135
GRI 102-22	Thành phần của cấp quản lý cao nhất và các ủy ban	30-33
GRI 102-23	Chủ tịch của cấp quản lý cao nhất	30
GRI 102-24	Bổ nhiệm và lựa chọn cấp quản lý cao nhất	36-39
GRI 102-25	Xung đột lợi ích	x
GRI 102-26	Vai trò của cấp quản lý cao nhất trong việc thiết lập các mục đích, giá trị và chiến lược	104
GRI 102-27	Kiến thức tổng hợp của cấp quản lý cao nhất	x
GRI 102-28	Đánh giá hiệu quả hoạt động của cấp quản lý cao nhất	100-103
GRI 102-29	Nhận diện và quản lý các tác động kinh tế, môi trường và xã hội	136
GRI 102-30	Hiệu quả của quy trình quản lý rủi ro	x
GRI 102-31	Rà soát các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội	131
GRI 102-32	Vai trò của cấp quản lý cao nhất trong lập báo cáo phát triển bền vững	102, 104, 105
GRI 102-33	Truyền đạt các mối quan ngại cấp bách	x
GRI 102-34	Bản chất và tổng số các mối quan ngại cấp bách	x
GRI 102-35	Chính sách về thù lao	128
GRI 102-36	Quy trình xác định mức thù lao	x
GRI 102-37	Sự tham gia của bên liên quan vào thù lao	x
GRI 102-38	Tổng tỷ lệ thù lao hàng năm	x
GRI 102-39	Tỷ lệ phần trăm gia tăng trong tổng tỷ lệ thù lao hàng	x

GRI	THÔNG TIN CÔNG BỐ	TRANG
<b>GRI 102: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN CHUNG</b>		
<b>5. Sự tham gia của bên liên quan</b>		
GRI 102-40	Danh sách các nhóm bên liên quan	134-135
GRI 102-41	Các thỏa ước thương lượng tập thể	100%
GRI 102-42	Nhận diện và lựa chọn các bên liên quan	134-135
GRI 102-43	Phương pháp tiếp cận đối với sự tham gia của bên liên quan	134-135
GRI 102-44	Các mối quan ngại và chủ đề chính	134-135
<b>6. Thông lệ báo cáo</b>		
GRI 102-45	Các đơn vị được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất	178
GRI 102-46	Xác định nội dung báo cáo và phạm vi chủ đề	156
GRI 102-47	Danh mục các chủ đề trọng yếu	156
GRI 102-48	Trình bày lại thông tin	156
GRI 102-49	Các thay đổi trong báo cáo	Không có
GRI 102-50	Kỳ báo cáo	01.01.2022 - 31.12.2022
GRI 102-51	Ngày của báo cáo gần nhất	31.12.2021
GRI 102-52	Chu kỳ báo cáo	1 năm
GRI 102-53	Đầu mối liên hệ giải đáp thắc mắc về báo cáo	8
GRI 102-54	Tuyên bố lập báo cáo tuân theo Tiêu chuẩn GRI	136
GRI 102-55	Mục lục GRI	164
GRI 102-56	Bảo đảm độc lập của bên thứ ba	x
<b>GRI 201: HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ</b>		
GRI 201-1	Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và được phân bổ	12-13
GRI 201-2	Ảnh hưởng về kết quả hoạt động tài chính và các rủi ro và cơ hội khác do biến đổi khí hậu	x
GRI 201-3	Các nghĩa vụ theo chế độ phúc lợi đã quy định và các chế độ hưu trí khác	155
GRI 201-4	Hỗ trợ tài chính nhận được từ chính phủ	x
<b>GRI 203: TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP</b>		
GRI 203-1	Đầu tư cơ sở hạ tầng và các dịch vụ được hỗ trợ	x
GRI 203-2	Tác động kinh tế gián tiếp trọng yếu	x
<b>GRI 205: CHỐNG THAM NHŨNG</b>		
GRI 205-1	Các hoạt động đã được đánh giá rủi ro liên quan đến tham nhũng	x
GRI 205-2	Truyền thông và đào tạo về các chính sách và quy trình phòng chống tham nhũng	x
GRI 205-3	Các vụ việc tham nhũng đã xác nhận và các biện pháp xử lý	x
<b>GRI 301: VẬT LIỆU</b>		
GRI 301-1	Vật liệu được sử dụng theo trọng lượng hoặc khối lượng	142-144
GRI 301-2	Vật liệu tái chế được sử dụng	142-144
GRI 301-3	Sản phẩm được tái chế và vật liệu đóng gói sản phẩm	142-144
<b>GRI 302: NĂNG LƯỢNG</b>		
GRI 302-1	Tiêu thụ năng lượng trong tổ chức	144-145
GRI 302-2	Tiêu thụ năng lượng ngoài tổ chức	144-145
GRI 302-3	Cường độ sử dụng năng lượng	144-145
GRI 302-4	Giảm tiêu hao năng lượng	144-145
GRI 302-5	Giảm nhu cầu năng lượng của sản phẩm và dịch vụ	144-145

GRI	THÔNG TIN CÔNG BỐ	TRANG
<b>GRI 303: NƯỚC</b>		
GRI 303-1	Lượng nước đầu vào theo nguồn	146
GRI 303-2	Những nguồn nước chịu ảnh hưởng đáng kể bởi lượng nước đầu vào	146
GRI 303-3	Tuần hoàn và tái sử dụng nước	146
<b>GRI 304: ĐA DẠNG SINH HỌC</b>		
GRI 304-1	Các cơ sở hoạt động được sở hữu, cho thuê, quản lý trong, hoặc gần kề các khu vực được bảo tồn và các khu vực đa dạng sinh học cao bên ngoài các khu được bảo tồn	Không có
GRI 304-2	Tác động đáng kể của các hoạt động, sản phẩm và dịch vụ đối với đa dạng sinh học	152
GRI 304-3	Các môi trường sống được bảo tồn hoặc phục hồi	Không có
GRI 304-4	Các loài trong Sách Đỏ của IUCN và các loài trong danh sách bảo tồn quốc gia có môi trường sống trong các khu vực chịu ảnh hưởng bởi các hoạt động	Không có
<b>GRI 305: PHÁT THẢI</b>		
GRI 305-1	Phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp (Phạm vi 1)	x
GRI 305-2	Phát thải khí nhà kính (GHG) gián tiếp từ năng lượng (Phạm vi 2)	x
GRI 305-3	Phát thải khí nhà kính (GHG) gián tiếp khác (Phạm vi 3)	x
GRI 305-4	Thâm dụng phát thải khí nhà kính (GHG)	x
GRI 305-5	Giảm phát thải khí nhà kính (GHG)	x
GRI 305-6	Phát thải các chất phá hủy tầng ô-zôn (ODS)	Không có
GRI 305-7	Phát thải khí NOX, SOX, và các phát thải khí đáng kể khác	150
<b>GRI 306: NƯỚC THẢI VÀ CHẤT THẢI</b>		
GRI 306-1	Tổng nước thải theo chất lượng và địa điểm thải	147-149
GRI 306-2	Tổng lượng chất thải theo loại và phương pháp xử lý	150-151
GRI 306-3	Sự cố tràn đáng kể	Không có
GRI 306-4	Vận chuyển chất thải nguy hại	148
GRI 306-5	Các khu vực chứa nước bị ảnh hưởng bởi tổng lượng nước thải và/hoặc dòng nước thải	Không có
<b>GRI 307: TUẦN THỦ VỀ MÔI TRƯỜNG</b>		
GRI 307-1	Không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường	x
<b>GRI 401: VIỆC LÀM</b>		
GRI 401-1	Số lượng nhân viên thuê mới và tỷ lệ thôi việc	156
GRI 401-2	Phúc lợi cung cấp cho nhân viên toàn thời gian không dành cho nhân viên tạm thời hoặc bán thời gian	156
GRI 401-3	Nghỉ thai sản	156
<b>GRI 403: AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP</b>		
GRI 403-1	Đại diện của người lao động trong các liên ủy ban an toàn và sức khỏe nghề nghiệp chính thức giữa ban lãnh đạo và người lao động	156-160
GRI 403-2	Loại thương tích và tỷ lệ thương tích, bệnh nghề nghiệp, ngày công bị mất, tình trạng vắng mặt và số vụ tử vong liên quan đến công việc	156-160
GRI 403-3	Người lao động có tỷ lệ cao hoặc có nguy cơ cao mắc các bệnh liên quan đến nghề nghiệp	156-160
GRI 403-4	Các chủ đề về sức khỏe và an toàn được đề cập trong thỏa thuận chính thức với công đoàn	x

GRI	THÔNG TIN CÔNG BỐ	TRANG
<b>GRI 404: GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO</b>		
GRI 404-1	Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho mỗi nhân viên	161
GRI 404-2	Các chương trình nâng cao kỹ năng cho nhân viên và chương trình hỗ trợ chuyển tiếp	161
GRI 404-3	Tỷ lệ phần trăm nhân viên được đánh giá định kỳ hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp	x
<b>GRI 413: CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG</b>		
GRI 413-1	Những hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển	162
GRI 413-2	Những hoạt động có tác động tiêu cực tiềm ẩn và thực tế đáng kể với cộng đồng địa phương	x
<b>GRI 415: CHÍNH SÁCH CÔNG</b>		
GRI 415-1	Đóng góp chính trị	x
<b>GRI 416: SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN CỦA KHÁCH HÀNG</b>		
GRI 416-1	Đánh giá tác động về sức khỏe và an toàn của các loại sản phẩm hoặc dịch vụ	x
GRI 416-2	Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến tác động sức khỏe và an toàn của các sản phẩm và dịch vụ	x



# 07

## Báo cáo tài chính 2022

- 168 Báo cáo của ban Tổng Giám đốc
- 170 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 172 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 174 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 175 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 177 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất



# Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

### Hội đồng Quản trị

**Ông Nguyễn Văn Hội**  
Chủ tịch

**Ông Bùi Ngọc Dương**  
Thành viên

**Ông Hà Đồng**  
Thành viên

**Ông Nguyễn Bá Phước**  
Thành viên độc lập

**Ông Nguyễn Hải Âu**  
Thành viên độc lập

**Ông Khương Lê Thành**  
Thành viên

### Ban Tổng Giám đốc

**Ông Bùi Ngọc Dương**  
Tổng Giám đốc

**Ông Nguyễn Ngọc Anh**  
Phó Tổng Giám đốc

**Ông Nghiêm Đức Dương**  
Phó Tổng Giám đốc

**Ông Trần Đoàn Thịnh**  
Phó Tổng Giám đốc

**Ông Nguyễn Việt Thắng**  
Phó Tổng Giám đốc

**Ông Phạm Minh Nghĩa**  
Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 07 tháng 7 năm 2022)

**Ông Mai Tuấn Đạt**  
Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 07 tháng 7 năm 2022)

# Báo cáo Ban Tổng Giám đốc

## TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Bùi Ngọc Dương**  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2023



# Báo cáo kiểm toán độc lập

Số: 0534/VN1A-HN-BC

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2023, từ trang 05 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

## Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

## Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

# Báo cáo kiểm toán độc lập (tt)

## Các vấn đề cần nhấn mạnh

- Như trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các cơ quan có thẩm quyền chưa thực hiện kiểm tra và phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tòa án Nhân dân Thành phố Quảng Ngãi đang làm các thủ tục cần thiết để chuẩn bị đưa ra xét xử vụ kiện một số ngân hàng khởi kiện Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khi Miền Trung (công ty con của Công ty) liên quan đến các khoản vay quá hạn thanh toán.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



**Trần Xuân Ánh**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0723-2023-001-1

**Phạm Quỳnh Hoa**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0910-2023-001-1

## CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 28 tháng 02 năm 2023  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



# Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>58.471.339.394.419</b>	<b>44.544.299.212.274</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4	<b>22.853.096.476.348</b>	<b>16.345.674.140.133</b>
1. Tiền	111		254.094.099.389	387.671.763.174
2. Các khoản tương đương tiền	112		22.599.002.376.959	15.958.002.376.959
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	5	<b>2.172.266.010.000</b>	<b>4.189.568.840.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		2.172.266.010.000	4.189.568.840.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>16.553.037.481.898</b>	<b>13.600.571.686.422</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	16.097.812.372.261	13.251.103.741.666
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	350.150.147.510	250.147.088.085
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	105.438.184.824	96.987.604.392
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(364.458.330)	(364.458.330)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.235.633	2.697.710.609
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	9	<b>16.809.029.395.688</b>	<b>10.358.095.365.157</b>
1. Hàng tồn kho	141		16.953.935.604.356	10.376.585.353.744
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(144.906.208.668)	(18.489.988.587)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>83.910.030.485</b>	<b>50.389.180.562</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	78.264.384.464	44.655.143.922
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	5.645.646.021	5.734.036.640
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>20.016.589.667.431</b>	<b>22.251.363.516.375</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>534.035.547.749</b>	<b>533.509.547.749</b>
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	7	533.509.547.749	533.509.547.749
2. Phải thu dài hạn khác	216		526.000.000	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>18.075.350.073.228</b>	<b>20.136.092.225.647</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	17.885.159.850.501	19.918.067.649.633
• Nguyên giá	222		47.550.903.268.739	47.445.942.979.103
• Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.665.743.418.238)	(27.527.875.329.470)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	190.190.222.727	218.024.576.014
• Nguyên giá	228		842.287.871.122	816.204.682.122
• Giá trị hao mòn lũy kế	229		(652.097.648.395)	(598.180.106.108)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.274.551.993.557</b>	<b>1.205.504.779.827</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	1.274.551.993.557	1.205.504.779.827
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5	<b>9.957.778.066</b>	<b>9.979.607.564</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11.244.000.000	11.244.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.286.221.934)	(1.264.392.436)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>122.694.274.831</b>	<b>366.277.355.588</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	103.138.979.398	320.644.836.279
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		19.555.295.433	45.632.519.309
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>78.487.929.061.850</b>	<b>66.795.662.728.649</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

# Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tt)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>27.297.582.189.790</b>	<b>29.231.857.736.538</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>26.015.466.987.812</b>	<b>26.940.444.771.659</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	14.835.754.454.021	9.449.887.796.720
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		37.919.613.984	2.787.715.664
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	1.396.349.250.098	1.658.613.589.637
4. Phải trả người lao động	314		225.004.801.795	110.642.840.544
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	429.137.692.810	355.734.223.006
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		144.071.146	709.909.090
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	32.684.869.220	5.336.017.063.009
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	8.954.405.974.915	9.829.181.352.736
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		104.066.259.823	196.870.281.253
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.282.115.201.978</b>	<b>2.291.412.964.879</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337		100.000.000	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	-	942.639.040.000
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		10.288.601.446	10.288.601.446
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	20	1.271.726.600.532	1.338.485.323.433
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>51.190.346.872.060</b>	<b>37.563.804.992.111</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>51.190.346.872.060</b>	<b>37.563.804.992.111</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		31.004.996.160.000	31.004.996.160.000
• Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		31.004.996.160.000	31.004.996.160.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.598.760.740.080	2.440.434.975
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		106.709.914	106.709.914
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		14.651.541.651.825	6.562.173.821.168
• (Lỗ) sau thuế/ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(73.126.542.757)	24.807.327.236
• Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		14.724.668.194.582	6.537.366.493.932
5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		(65.058.389.759)	(5.912.133.946)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>78.487.929.061.850</b>	<b>66.795.662.728.649</b>

Lê Thị Hồng Trâm  
Người lập biểu

Bạch Đức Long  
Kế toán trưởng

Bùi Ngọc Dương  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2023

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



# Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	167.126.456.807.653	101.114.077.419.627
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	2.744.021.629	34.042.161.497
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	24	167.123.712.786.024	101.080.035.258.130
4.	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	151.027.307.397.420	93.381.313.715.080
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		16.096.405.388.604	7.698.721.543.050
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	1.750.275.299.515	1.014.896.787.839
7.	Chi phí tài chính	22	28	923.195.487.108	619.255.475.339
	• Trong đó: Chi phí lãi vay	23		252.789.589.546	406.811.371.357
8.	Chi phí bán hàng	25	29	908.980.731.417	781.029.744.856
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	514.762.438.322	406.693.387.067
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26)	30		15.499.742.031.272	6.906.639.723.627
11.	Thu nhập khác	31	30	87.017.979.405	35.032.613.512
12.	Chi phí khác	32		951.863.559	995.701.929
13.	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		86.066.115.846	34.036.911.583
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		15.585.808.147.118	6.940.676.635.210
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	890.394.134.163	302.761.744.904
16.	Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	32	26.077.223.876	(45.624.962.070)
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52) Trong đó:	60		14.669.336.789.079	6.683.539.852.376
17.1.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		14.725.833.852.993	6.715.504.313.658
17.2.	(Lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(56.497.063.914)	(31.964.461.282)
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	4.750	2.073

Lê Thị Hồng Trâm  
Người lập biểu

Bạch Đức Long  
Kế toán trưởng



Bùi Ngọc Dương  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

# Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1.	Lợi nhuận trước thuế	01	15.585.808.147.118	6.940.676.635.210
2.	Điều chỉnh cho các khoản:			
	Khấu hao tài sản cố định	02	2.192.063.673.295	2.310.502.981.382
	Các khoản dự phòng	03	126.438.049.579	(4.051.622.590)
	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(321.219.537.870)	(296.852.267.012)
	Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(907.169.854.145)	(555.109.927.954)
	Chi phí lãi vay	06	252.789.589.546	406.811.371.357
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	16.928.710.067.523	8.801.977.170.393
	Tăng các khoản phải thu	09	(2.943.376.644.415)	(5.751.924.056.616)
	Tăng hàng tồn kho	10	(6.577.350.250.612)	(1.967.863.069.676)
	Tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	882.945.737.345	7.053.342.831.733
	Giảm chi phí trả trước	12	183.896.616.339	1.550.860.089.926
	Tiền lãi vay đã trả	14	(199.126.404.950)	(345.929.609.748)
	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(917.746.993.486)	(193.399.003.064)
	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	728.860.000	6.693.490.362
	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(270.921.657.661)	(182.222.246.927)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	7.087.759.330.083	8.971.535.596.383
II.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1.	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(219.560.369.638)	(63.261.327.169)
2.	Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	95.454.545	-
3.	Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(7.826.100.000.000)	(6.696.402.830.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	9.843.402.830.000	3.465.000.000.000
5.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	897.428.499.937	516.077.719.553
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.695.266.414.844	(2.778.586.437.616)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

# Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>III.</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1.	Tiền thu từ đi vay	33	77.968.652.009.029	87.252.249.563.794
2.	Tiền trả nợ gốc vay	34	(79.886.258.019.843)	(89.390.038.815.045)
3.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.346.931.938.679)	(501.724.739.441)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(3.264.537.949.493)</b>	<b>(2.639.513.990.692)</b>
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	6.518.487.795.434	3.553.435.168.075
	<b>Tiến và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>16.345.674.140.133</b>	<b>12.792.513.572.897</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(11.065.459.219)	(274.600.839)
	<b>Tiến và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+t61)</b>	<b>70</b>	<b>22.853.096.476.348</b>	<b>16.345.674.140.133</b>

**Lê Thị Hồng Trâm**  
Người lập biểu

**Bạch Đức Long**  
Kế toán trưởng



**Bùi Ngọc Dương**  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2023

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

## 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (sau đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (là công ty con do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ 100% vốn điều lệ, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 3404000189 ngày 05 tháng 6 năm 2008).

Công ty thực hiện chuyển đổi mô hình thành công ty cổ phần theo Quyết định số 1978/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn. Công ty hoàn thành bán cổ phần lần đầu ra công chúng vào ngày 17 tháng 01 năm 2018 và chính thức niêm yết cổ phiếu trên sàn UPCOM với mã chứng khoán BSR. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 01 tháng 3 năm 2018.

Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 với vốn điều lệ là 31.004.996.160.000 VND theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 01 tháng 7 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp và các giấy chứng nhận thay đổi.

Công ty mẹ của Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1.836 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: là 1.920).

### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất, chế biến, kinh doanh, xuất nhập khẩu, tàng trữ, vận chuyển, phân phối dầu mỏ, các sản phẩm từ dầu mỏ, sản phẩm trung gian, nhiên liệu sinh học, hóa phẩm, phụ gia, xúc tác, nguyên nhiên vật liệu phục vụ công nghiệp lọc - hóa dầu;
- Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc, thiết bị trong ngành lọc - hóa dầu;
- Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát lắp đặt thiết bị công trình, hoàn thiện hệ thống đường ống dầu khí, kho chứa dầu khí;
- Đào tạo nguồn nhân lực, thuê và cung cấp chuyên gia về quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa trong công nghiệp lọc - hóa dầu và cảng biển, nghiên cứu khoa học, ứng dụng, sửa chữa trong công nghiệp lọc - hóa dầu;
- Cung cấp các dịch vụ trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, kinh doanh, xuất nhập khẩu, tàng trữ, vận chuyển, phân phối dầu mỏ, các sản phẩm từ dầu mỏ, sản phẩm trung gian, nhiên liệu sinh học, hóa phẩm, phụ gia, xúc tác, vật tư máy móc, thiết bị, phụ tùng, phương tiện, nguyên nhiên vật liệu phục vụ công nghiệp lọc - hóa dầu;
- Cung cấp các dịch vụ phân tích, dầu thô, sản phẩm dầu mỏ và các hoá chất, phụ gia, xúc tác, nhiên liệu sinh học liên quan đến lĩnh vực lọc - hóa dầu;
- Dịch vụ hải cảng, cảng biển liên quan đến ngành lọc - hóa dầu;
- Đầu tư và phát triển các dự án lọc - hóa dầu, nhiên liệu sinh học trong và ngoài nước.

# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

## Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

## Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Từ tháng 02 năm 2022, xung đột giữa Nga và Ukraine bùng nổ và diễn biến phức tạp, dẫn đến nhiều biến động trên thị trường năng lượng nói riêng và nền kinh tế toàn cầu nói chung. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng vấn đề này không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty. Ban Tổng Giám đốc đang tiếp tục theo dõi các tác động tiềm tàng của sự kiện này đến tình hình tài chính hợp nhất và hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty trong năm tiếp theo để xây dựng các kế hoạch ứng phó phù hợp.

## Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 01 đơn vị hạch toán phụ thuộc là Ban quản lý Dự án Nâng cấp Mở rộng Nhà máy Lọc dầu Dung Quất có địa chỉ tại Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Khu kinh tế Dung Quất, xã Bình Thuận và Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, với chức năng chính là đầu tư nâng cấp, mở rộng Nhà máy Lọc dầu Dung Quất với quy mô đầu tư khoảng 8,5 triệu tấn/năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 02 công ty con sau:

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	Quảng Ngãi	83,26%	83,26%	Sản xuất bao bì Quản lý nhà ở và kinh doanh dịch vụ khu dân cư, khu đô thị
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	Quảng Ngãi	65,54%	61,00%	Sản xuất, nhập khẩu các sản phẩm nhiên liệu sinh học

Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung ("BSR-BF" - công ty con của Công ty đã tạm ghi tăng nguyên giá các tài sản cố định của dự án Nhà máy Nhiên liệu Sinh học Bio-Ethanol Dung Quất ("Nhà máy") trong năm 2014 và hiện nay, đang tạm dừng hoạt động sản xuất. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, BSR-BF đang trong quá trình thực hiện các thủ tục quyết toán chi phí đầu tư xây dựng. Giá trị quyết toán Nhà máy sẽ được điều chỉnh khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, nợ ngắn hạn của BSR-BF vượt quá tài sản ngắn hạn là 1.429 tỷ VND, lỗ lũy kế của BSR-BF là 1.413 tỷ VND và nợ quá hạn thanh toán là 1.467 tỷ VND. BSR-BF đang thiếu hụt vốn lưu động để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 chủ yếu bao gồm (1) số dư nợ phải trả chi phí lãi vay khoảng 369,2 tỷ VND, (2) số dư gốc vay khoảng 1.097,7 tỷ VND.

Trong năm 2021, các ngân hàng tài trợ cấp tín dụng cho Công ty (bao gồm: Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương, Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam) đã khởi kiện BSR-BF lên Tòa án Nhân dân Thành phố Quảng Ngãi ("Tòa án") liên quan đến các khoản vay quá hạn thanh toán và biện pháp thu hồi nợ và lãi vay hợp đồng tín dụng xây dựng Nhà máy Nhiên liệu Sinh học Dung Quất.

# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tổng giá trị nợ gốc và lãi vay là khoảng 1.472,5 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: khoảng 1.371,9 tỷ VND); giá trị ghi sổ còn lại của toàn bộ tài sản cố định hữu hình dùng làm thế chấp cho các khoản vay trên là khoảng 1.146,1 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: khoảng 1.217,7 tỷ VND). Đến ngày báo cáo tài chính hợp nhất này, Tòa án Nhân dân Thành phố Quảng Ngãi đang làm các thủ tục cần thiết để chuẩn bị đưa ra xét xử vụ kiện trên.

Khả năng tiếp tục hoạt động của BSR-BF phụ thuộc vào việc tái hoạt động sản xuất của Nhà máy, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông cũng như lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trong tương lai. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá các kế hoạch hoạt động và tài chính của BSR-BF và cho rằng cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của BSR-BF theo nguyên tắc hoạt động liên tục là phù hợp.

Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con trong năm:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	Hoạt động kinh doanh bị lỗ	Hoạt động kinh doanh bị lỗ

## Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

## Quyết toán cổ phần hóa

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các cơ quan có thẩm quyền chưa thực hiện kiểm tra và phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

### Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.



# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty mẹ và các công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### Các khoản đầu tư tài chính

#### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

#### Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên giá trừ đi các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

### Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.



# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá thành sản xuất của từng loại sản phẩm xăng, dầu hàng tháng được xác định như sau: Chi phí nguyên vật liệu của từng sản phẩm được xác định theo mức tiêu hao nguyên vật liệu thực tế đối với từng sản phẩm; chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung được phân bổ theo chi phí nguyên vật liệu của từng sản phẩm.

Giá trị các sản phẩm dở dang tại thời điểm cuối tháng được xác định theo mức độ hoàn thành của các sản phẩm dở dang.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của các sản phẩm lọc hóa dầu và dầu thô tồn kho được Công ty xác định như sau:

- Thành phẩm lọc hóa dầu: Công ty xác định giá trị thuần có thể thực hiện được trên cơ sở giá bán ước tính trừ đi các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.
- Sản phẩm lọc hóa dầu dở dang: Công ty xác định giá trị thuần có thể thực hiện được trên cơ sở quy đổi về thành phẩm tương đương và giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.
- Dầu thô: Theo hướng dẫn tại Công văn số 2801/BTC-CĐKT ngày 02 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc hạch toán hàng tồn kho, dầu thô tồn kho của Công ty tại thời điểm trích lập dự phòng có giá gốc trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được và giá bán sản phẩm được sản xuất từ dầu thô bị giảm giá thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với dầu thô trên cơ sở giá trị thuần có thể thực hiện được của dầu thô (giá bán ước tính của dầu thô).

## Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước phản ánh chi phí bảo hiểm con người, bảo hiểm rủi ro tài sản, chi phí bảo hiểm nhân thọ, chi phí hóa chất xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác.

Khoản trả trước tiền bảo hiểm con người, bảo hiểm rủi ro tài sản, bảo hiểm nhân thọ được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời hạn bảo hiểm.

Chi phí hóa chất xuất dùng là chi phí các lô hóa chất xuất dùng cho phân xưởng reforming xúc tác liên tục (CCR) được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí cải tạo và các chi phí khác và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

## Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được Hội đồng Quản trị hoặc Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc, thiết bị	3 - 20
<i>Trong đó: Máy móc và thiết bị ngành lọc hóa dầu</i>	10 - 20
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 25
Thiết bị văn phòng	5 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	4 - 5

Theo Quyết định số 952/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 26 tháng 7 năm 2012 về một số cơ chế tài chính của Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (nay là Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn) (sau đây gọi tắt là "Quyết định 952"), Công ty được trích khấu hao tài sản cố định đối với thiết bị chính của Nhà máy Lọc dầu Dung Quất trong thời gian tối đa là 20 năm.

Theo Công văn số 18327/BTC-CĐKT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc hạch toán hàng tồn kho, cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty được tính giá trị hàng tồn kho cố định theo giá trị ghi sổ kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 vào nguyên giá tài sản cố định. Đồng thời, sổ dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập đến năm 2016 sẽ được hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định. Về mức khấu hao và thời điểm trích khấu hao, Công ty trích khấu hao của dây chuyền nhà máy trên cơ sở giá trị đã bao gồm giá trị hàng tồn kho cố định trong đường ống được xác định như trên từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 theo thời gian sử dụng ước tính còn lại của tài sản cố định (nhóm máy móc và thiết bị ngành lọc hóa dầu).



# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Căn cứ vào khối lượng hàng tồn kho cố định là dầu thô, sản phẩm trung gian, thành phẩm tồn cố định trong đường ống, thiết bị và bể chứa của Công ty theo Chứng thư giám định khối lượng hàng tồn kho cố định số 17631001 ngày 12 tháng 01 năm 2017 của Công ty Cổ phần Giám định Năng lượng Việt Nam, Công ty đã xác định giá trị hàng tồn kho cố định được hạch toán tăng nguyên giá tài sản cố định theo giá trị ghi sổ kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 với số tiền khoảng 1.007 tỷ VND và đã ghi giảm giá trị hàng tồn kho với số tiền tương ứng. Việc điều chỉnh giá trị và hạch toán hàng tồn kho như trên đã được Hội đồng Thành viên của Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (đơn vị cổ phần hóa) phê duyệt tại Quyết định số 905/QĐ-BSR ngày 17 tháng 3 năm 2017. Công ty kế thừa và tiếp tục theo dõi giá trị hàng tồn kho cố định nêu trên.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

## Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Bản quyền, bằng sáng chế	15
Phần mềm máy tính	3
Tài sản cố định vô hình khác	6

## Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị và các chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

## Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí lãi vay phải trả và một số chi phí trích trước khác chưa chi nhưng được ước tính và ghi nhận vào chi phí trong năm.

Chi phí lãi vay được ghi nhận trên cơ sở gốc vay và lãi suất vay.

Các khoản khác là các chi phí khác đã phát sinh trong năm nhưng chưa nhận được hóa đơn từ nhà cung cấp.

# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

## Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty. Quỹ được hình thành trên cơ sở trích lập tối đa 10% từ thu thập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

## Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được hình thành từ nguồn lợi nhuận sau thuế theo các nghị quyết phân phối lợi nhuận hàng năm được phê duyệt bởi Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ và thực hiện các dự án đầu tư phát triển phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

## Ghi nhận doanh thu

### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

## Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

## Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bắt động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

## Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty có các khoản ưu đãi thuế như sau:

- Theo Quyết định 952/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 26 tháng 7 năm 2012, Công ty mẹ được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời gian 30 năm từ năm 2010 đến năm 2039; được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong thời gian 9 năm tiếp theo từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ Dự án Nhà máy Lọc dầu Dung Quất. Năm 2022 là năm thứ 9 (chín) Công ty mẹ được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.
- Công ty Cổ phần Nhiên liệu sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR-BF) được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% trên thu nhập chịu thuế trong 15 năm tính từ ngày dự án Nhà máy Nhiên liệu Sinh học Bio-Ethanol Dung Quất bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh và thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo. Năm 2022 là năm thứ 8 (tám) BSR-BF được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.
- Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (PVBuilding) được thừa kế và hưởng các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đối với dự án cho thời gian còn lại của dự án Nhà máy sản xuất bao bì Polypropylene. Dự án được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong thời hạn 15 năm kể từ ngày dự án đầu tư bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế năm 2011 và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo. Năm 2022 là năm thứ 8 (tám) PVBuilding được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam với một số ưu đãi cho Công ty mẹ theo Giấy chứng nhận đầu tư số 13/UBND ngày 15 tháng 02 năm 2006 của Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất, cụ thể: được miễn nộp tiền thuế đất trong suốt thời gian thực hiện dự án; được miễn nộp tiền sử dụng đất; được miễn nộp thuế sử dụng đất trong suốt thời gian thực hiện dự án; được miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu sản xuất, vật tư, linh kiện và bán thành phẩm mà trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất không đạt tiêu chuẩn chất lượng trong 05 năm kể từ khi bắt đầu sản xuất; được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa mà trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất được nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu chất lượng.

Theo Công văn số 520/CT-TTHT của Cục thuế Tỉnh Quảng Ngãi ngày 05 tháng 3 năm 2018, Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (nay là Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn) đang được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp do đáp ứng điều kiện ưu đãi về địa bàn (khu Kinh tế Dung Quất) thì thu nhập được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp là toàn bộ thu nhập phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn ưu đãi (bao gồm cả khoản chênh lệch lãi tiền gửi ngân hàng lớn hơn lãi tiền vay, thu nhập từ cung cấp dịch vụ tại cảng biển, và các khoản thu nhập liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn ưu đãi).

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

## 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	831.979.979	878.616.684
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	253.262.119.410	386.793.146.490
Các khoản tương đương tiền (*)	22.599.002.376.959	15.958.002.376.959
	<b>22.853.096.476.348</b>	<b>16.345.674.140.133</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có khoản tiền gửi kỳ hạn 3 tháng với số tiền là 2.734.629.695.509 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 2.734.629.695.509 VND) tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương – Chi nhánh Quảng Ngãi ("Oceanbank"). Thực hiện chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("SBV"), Oceanbank đang tạm dừng chi trả tiền cho khách hàng là tổ chức đang gửi tiền tại Oceanbank. Ngày 14 tháng 12 năm 2022, Công ty đã gửi Công văn số 7063/BSR-TCKT đến SBV và Oceanbank về việc giải tỏa khoản tiền gửi nêu trên. Ngày 27 tháng 12 năm 2022, Oceanbank có Công văn số 5003/2022/CV-OCEANBANK.01.01 phúc đáp Công văn số 7063/BSR-TCKT của Công ty, theo đó, Oceanbank sẽ thực hiện chi trả khi có chỉ đạo của cấp có thẩm quyền. Do Oceanbank là đơn vị được SBV sở hữu 100% vốn nên Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng khoản tiền gửi trên sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.



# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

## 5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

### a) Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư tài chính ngắn hạn phản ánh các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi của Công ty tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm 2.000.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 2.000.000.000 VND) là tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Quảng Ngãi đang tạm dừng giao dịch. Ban Tổng Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.

### b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Tỷ lệ góp vốn	Dự phòng	Giá gốc	Tỷ lệ góp vốn	Dự phòng
	VND	%	VND	VND	%	VND
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	7.000.000.000	8,75%	-	7.000.000.000	8,75%	-
Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	4.244.000.000	5,03%	(1.286.221.934)	4.244.000.000	5,03%	(1.264.392.436)
	<b>11.244.000.000</b>		<b>(1.286.221.934)</b>	<b>11.244.000.000</b>		<b>(1.264.392.436)</b>

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do các công ty nhận đầu tư của Công ty đều là các công ty chưa niêm yết và các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các công ty này.

# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

## 6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	4.499.349.732.716	4.679.071.272.882
Công ty TNHH Vận tải thủy bộ Hải Hà	1.048.186.574.589	317.153.341.749
Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam	693.062.241.996	247.772.706.226
Công ty Cổ phần Nhiên liệu bay Petrolimex	635.261.008.679	322.768.314.775
Công ty TNHH MTV Thương mại Dầu khí Đồng Tháp	450.784.915.653	328.620.382.753
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Xăng dầu Quân đội	440.452.914.745	272.878.276.281
Công ty TNHH MTV Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh	302.193.361.989	252.051.514.734
Cục Xăng dầu - Tổng cục Hậu cần	261.404.266.502	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ tổng hợp Hòa Khánh	250.827.499.325	100.183.828.540
Công ty Cổ phần Stavian Hóa chất	215.951.438.136	163.994.158.061
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí miền Trung	213.832.048.837	179.419.530.407
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Long Hưng	193.684.627.856	273.433.576.950
Công ty Cổ phần thương mại đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu	167.219.805.803	511.218.952.552
Các khách hàng khác	1.443.586.197.011	2.167.269.859.428
<b>b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>		
(Chi tiết tại Thuyết minh số 34)	5.282.015.738.424	3.435.268.026.328
	<b>16.097.812.372.261</b>	<b>13.251.103.741.666</b>





# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

## 7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>350.150.147.510</b>	<b>250.147.088.085</b>
SOCAR Trading Singapore Pte Ltd	104.110.692.473	-
Honeywell International Sdn Bhd	34.374.861.787	-
Glencore Singapore Pte Ltd.,	-	150.954.435.153
Conifer Singapore Pte. Ltd.	-	8.834.084.000
Các đối tượng khác	211.664.593.250	90.358.568.932
<b>b. Trả trước cho người bán dài hạn</b>	<b>533.509.547.749</b>	<b>533.509.547.749</b>
Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất (*)	533.509.547.749	533.509.547.749
	<b>883.659.695.259</b>	<b>783.656.635.834</b>
Trong đó:		
<b>Trả trước cho các bên liên quan</b>	<b>104.056.900.330</b>	<b>51.562.340.665</b>
(Chi tiết tại Thuyết minh số 34)		

(\*) Phản ánh khoản tiền Công ty ứng trước cho Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất từ năm 2015 để thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng cho Dự án nâng cấp mở rộng Nhà máy Lọc dầu Dung Quất.

## 8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	94.936.028.826	85.194.674.618
Phải thu về cổ phần hóa	5.701.672.688	5.701.672.688
Tạm ứng cho nhân viên	422.297.449	275.290.000
Phải thu khác	4.378.185.861	5.815.967.086
	<b>105.438.184.824</b>	<b>96.987.604.392</b>
Trong đó:		
<b>Phải thu khác từ các bên liên quan</b>	<b>3.037.571.983</b>	<b>2.038.824.735</b>
(Chi tiết tại Thuyết minh số 34)		

# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

## 9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	7.548.846.630.556	(2.612.985.350)	1.549.796.695.537	-
Nguyên liệu, vật liệu	3.931.925.426.124	(24.853.260.527)	3.784.964.675.901	(3.459.824.541)
Công cụ, dụng cụ	1.767.219.787.499	(14.928.380.588)	1.613.425.027.290	(15.030.164.046)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.522.384.532.641	(35.832.422.276)	786.249.931.869	-
Thành phẩm	2.181.174.035.827	(66.679.159.927)	2.642.149.023.147	-
Hàng hoá	2.385.191.709	-	-	-
	<b>16.953.935.604.356</b>	<b>(144.906.208.668)</b>	<b>10.376.585.353.744</b>	<b>(18.489.988.587)</b>

Trong năm 2022, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 126.563.725.184 VND (năm 2021: 1.390.134.243 VND) và xử lý dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 147.505.103 VND (năm 2021: 4.933.597.130 VND) đối với hàng tồn kho chậm luân chuyển, kém phẩm chất và có giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc của các hàng tồn kho này.

## 10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>78.264.384.464</b>	<b>44.655.143.922</b>
Bảo hiểm con người, rủi ro tài sản	49.983.334.084	31.976.429.662
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	28.281.050.380	12.678.714.260
<b>b. Dài hạn</b>	<b>103.138.979.398</b>	<b>320.644.836.279</b>
Chi phí hóa chất xuất dùng	89.221.618.650	113.554.787.369
Chi phí bảo hiểm nhân thọ (i)	-	168.078.633.232
Chi phí sửa chữa tài sản	2.282.458.625	12.504.054.703
Chi phí trả trước dài hạn khác	11.634.902.123	26.507.360.975
	<b>181.403.363.862</b>	<b>365.299.980.201</b>

(i) Trong năm, Công ty thực hiện chuyển giao toàn bộ quyền lợi, nghĩa vụ của Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ trả sau cho cán bộ công nhân viên theo phê duyệt của Hội đồng Quản trị.



# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

## 11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>6.947.772.059.515</b>	<b>39.323.367.058.203</b>	<b>200.993.026.137</b>	<b>567.165.706.835</b>	<b>406.645.128.413</b>	<b>47.445.942.979.103</b>
Mua trong năm	1.953.689.682	102.301.840.314	155.000.000	172.595.000	-	104.583.124.996
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	1.234.000.000	-	1.234.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(856.835.360)	-	-	-	(856.835.360)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>6.949.725.749.197</b>	<b>39.424.812.063.157</b>	<b>201.148.026.137</b>	<b>568.572.301.835</b>	<b>406.645.128.413</b>	<b>47.550.903.268.739</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>3.314.821.693.467</b>	<b>23.455.509.290.118</b>	<b>136.031.343.621</b>	<b>492.250.325.362</b>	<b>129.262.676.902</b>	<b>27.527.875.329.470</b>
Khấu hao trong năm	220.611.423.753	1.894.129.575.554	12.985.683.237	(5.459.736.597)	16.256.218.401	2.138.523.164.348
Tăng khác	7.457.032	59.401.416	-	134.901.332	-	201.759.780
Thanh lý, nhượng bán	-	(856.835.360)	-	-	-	(856.835.360)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.535.440.574.252</b>	<b>25.348.841.431.728</b>	<b>149.017.026.858</b>	<b>486.925.490.097</b>	<b>145.518.895.303</b>	<b>29.665.743.418.238</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
<b>Tại ngày đầu năm</b>	<b>3.632.950.366.048</b>	<b>15.867.857.768.085</b>	<b>64.961.682.516</b>	<b>74.915.381.473</b>	<b>277.382.451.511</b>	<b>19.918.067.649.633</b>
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>3.414.285.174.945</b>	<b>14.075.970.631.429</b>	<b>52.130.999.279</b>	<b>81.646.811.738</b>	<b>261.126.233.110</b>	<b>17.885.159.850.501</b>

Công ty Cổ phần Nhiên liệu sinh học Dầu khí Miền Trung (Công ty con) đã thế chấp toàn bộ nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và các tài sản cố định hữu hình khác hình thành từ Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy Nhiên liệu sinh học Bio-Ethanol Dung Quất với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là khoảng 1.146,1 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2021: khoảng 1.217,7 tỷ VND) để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng (Thuyết minh số 19).

Nguyên giá của các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là khoảng 4.296 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2021: khoảng 4.006 tỷ VND).



# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

## 12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Bản quyền bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>438.606.719.617</b>	<b>344.894.790.000</b>	<b>32.703.172.505</b>	<b>816.204.682.122</b>
Mua trong năm	-	26.083.189.000	-	26.083.189.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>438.606.719.617</b>	<b>370.977.979.000</b>	<b>32.703.172.505</b>	<b>842.287.871.122</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>308.441.116.315</b>	<b>261.101.794.957</b>	<b>28.637.194.836</b>	<b>598.180.106.108</b>
Khấu hao trong năm	15.475.294.980	37.585.650.347	479.563.620	53.540.508.947
Tăng khác	-	377.033.340	-	377.033.340
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>323.916.411.295</b>	<b>299.064.478.644</b>	<b>29.116.758.456</b>	<b>652.097.648.395</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
<b>Tại ngày đầu năm</b>	<b>130.165.603.302</b>	<b>83.792.995.043</b>	<b>4.065.977.669</b>	<b>218.024.576.014</b>
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>114.690.308.322</b>	<b>71.913.500.356</b>	<b>3.586.414.049</b>	<b>190.190.222.727</b>

Nguyên giá của các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 349 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 227 tỷ VND).

# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

## 13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Các khoản phải thu</b>				
Thuế xuất, nhập khẩu	199.048.148	57.124.286.670	56.925.238.522	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.153.596.211	-	-	3.153.596.211
Thuế thu nhập cá nhân	240.557.030	(38.272.014)	-	278.829.044
Thuế nhà thầu	2.112.726.304	25.114.380.829	25.078.189.877	2.076.535.352
• Thuế GTGT nộp thay nhà thầu	2.095.094.815	14.936.521.770	14.917.962.307	2.076.535.352
• Thuế TNDN nộp thay nhà thầu	17.631.489	10.177.859.059	10.160.227.570	-
Tiền thuế đất	28.108.947	28.108.947	136.685.414	136.685.414
	<b>5.734.036.640</b>	<b>82.228.504.432</b>	<b>82.140.113.813</b>	<b>5.645.646.021</b>
<b>b. Các khoản phải trả</b>				
Thuế giá trị gia tăng	776.678.561.589	10.632.986.182.324	10.790.604.812.638	619.059.931.275
• Thuế GTGT đầu ra	776.678.561.576	6.702.784.699.386	6.860.403.329.700	619.059.931.262
• Thuế GTGT hàng nhập khẩu	13	3.930.201.482.938	3.930.201.482.938	13
Thuế tiêu thụ đặc biệt	730.956.064.997	7.236.633.148.943	7.381.503.717.501	586.085.496.439
Thuế thu nhập doanh nghiệp	139.100.479.666	917.644.134.163	917.746.993.486	138.997.620.343
Thuế thu nhập cá nhân	3.174.403.174	69.267.796.682	59.724.131.127	12.718.068.729
Các loại thuế khác	8.704.080.211	101.945.912.739	71.161.859.638	39.488.133.312
	<b>1.658.613.589.637</b>	<b>18.958.477.174.851</b>	<b>19.220.741.514.390</b>	<b>1.396.349.250.098</b>

## 14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Dự án nâng cấp mở rộng Nhà máy Lọc dầu Dung Quất	1.125.719.428.132	1.105.242.099.815
Dự án triển khai hệ thống ERP - Giai đoạn I	101.418.075.011	67.612.050.007
Các công trình khác	47.414.490.414	32.650.630.005
	<b>1.274.551.993.557</b>	<b>1.205.504.779.827</b>

# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

## 15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>				
SOCAR Trading Singapore Pte Ltd	4.614.980.523.717	4.614.980.523.717	18.678.000	18.678.000
Gunvor Singapore Pte Ltd	2.146.259.652.741	2.146.259.652.741	-	-
Công ty Liên doanh điều hành Cửu Long	1.883.840.970.478	1.883.840.970.478	1.518.204.462.877	1.518.204.462.877
Vietsea Company Pte Ltd.	830.026.300.223	830.026.300.223	-	-
Công ty Điều hành chung Hoàng Long	507.041.790.209	507.041.790.209	979.173.722.187	979.173.722.187
Công ty Điều hành Dầu khí Biển đông - Lô 05-2	264.177.150.208	264.177.150.208	-	-
Công ty Điều hành Dầu khí Biển đông - Lô 05-3	195.097.631.381	195.097.631.381	-	-
Công ty Điều hành chung Thăng Long	163.753.108.383	163.753.108.383	153.306.529.836	153.306.529.836
Công ty Dầu khí Việt Nhật	-	-	721.253.890.334	721.253.890.334
Vitol Asia Pte. Ltd.	305.500.500	305.500.500	1.321.967.983.680	1.321.967.983.680
Các đối tượng khác	487.773.888.832	487.773.888.832	331.521.800.217	331.521.800.217
<b>b. Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
(chi tiết tại Thuyết minh số 34)	3.742.497.937.349	3.742.497.937.349	4.424.440.729.589	4.424.440.729.589
	<b>14.835.754.454.021</b>	<b>14.835.754.454.021</b>	<b>9.449.887.796.720</b>	<b>9.449.887.796.720</b>

## 16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Lãi vay phải trả	387.064.322.774	324.695.273.575
Phải trả về mua dầu thô	52.036.227.432	-
Phải trả chi phí, vật tư vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản cố định	2.938.896.648	2.512.332.411
Phải trả chi phí vận chuyển	5.405.024.216	18.434.187.386
Chi phí, vật tư phải trả khác	1.695.221.740	10.092.429.634
	<b>429.137.692.810</b>	<b>355.734.223.006</b>

# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

## 17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	12.879.181.499	9.567.779.785
Phải trả tiền bán cổ phần (i)	9.211.577.795	9.211.577.795
Phải trả về nhận thanh toán L/C trước hạn (ii)	-	582.134.585.221
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi (iii)	-	4.306.813.101.195
Lợi nhuận còn phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	417.747.535.419
Phải trả ngắn hạn khác	10.594.109.926	10.542.483.594
	<b>32.684.869.220</b>	<b>5.336.017.063.009</b>
Trong đó:		
<b>Phải trả khác cho các bên liên quan</b> (chi tiết tại Thuyết minh số 34)	1.118.996.642	418.866.532.061

(i) Phải trả tiền bán cổ phần phản ánh số tiền Công ty giữ lại tương ứng dự toán chi phí cổ phần hóa từ tiền thu được khi thực hiện chào bán cổ phần ra công chúng và khoản lãi tiền gửi ngân hàng từ ngày 02 tháng 02 năm 2018 đến ngày 09 tháng 02 năm 2018 (lãi tiền gửi trước khi tất toán tài khoản phong tỏa). Khoản phải trả về cổ phần hóa này sẽ được quyết toán và có thể được điều chỉnh khi có phê duyệt cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền.

(ii) Phản ánh khoản tiền Công ty nhận trước từ Ngân hàng phát hành thư tín dụng đối với hoạt động bán hàng trong nước. Khoản phải trả này sẽ được đối trừ với khoản phải thu khách hàng khi đến hạn.

(iii) Số dư đầu năm phản ánh khoản phải trả Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi liên quan đến lô dầu nhập khẩu trong năm từ Glencore Singapore Pte. Ltd., Vitol Asia Pte. Ltd. và Trafigura Pte. Ltd. và đã được ngân hàng thanh toán theo thư tín dụng trả chậm (UPAS L/C).

# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

## 18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>6.878.607.040.814</b>	<b>6.878.607.040.814</b>	<b>77.968.652.009.029</b>	<b>77.965.259.049.843</b>	<b>6.882.000.000.000</b>	<b>6.882.000.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hà Nội	4.190.000.000.000	4.190.000.000.000	23.244.290.892.916	24.524.290.892.916	2.910.000.000.000	2.910.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	-	-	21.541.599.291.754	19.541.599.291.754	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội	910.000.000.000	910.000.000.000	2.894.400.000.000	2.554.400.000.000	1.250.000.000.000	1.250.000.000.000
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Hà Nội	-	-	3.250.000.000.000	2.550.000.000.000	700.000.000.000	700.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Dung Quất	-	-	48.000.000.000	26.000.000.000	22.000.000.000	22.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	-	-	14.547.258.693.171	14.547.258.693.171	-	-
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	499.133.652.453	499.133.652.453	5.483.103.131.188	5.982.236.783.641	-	-
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - Hội sở chính	-	-	3.400.000.000.000	3.400.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Long Biên	799.473.388.361	799.473.388.361	1.800.000.000.000	2.599.473.388.361	-	-
Ngân hàng BNP Paribas - Chi nhánh Hà Nội	480.000.000.000	480.000.000.000	1.240.000.000.000	1.720.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Đà Nẵng	-	-	520.000.000.000	520.000.000.000	-	-
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 19)</b>	<b>2.950.574.311.922</b>	<b>1.886.727.040.000</b>	<b>1.042.830.632.993</b>	<b>1.920.998.970.000</b>	<b>2.072.405.974.915</b>	<b>974.698.760.000</b>
<b>Chi tiết số dư vay dài hạn đến hạn trả tại:</b>						
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	1.886.727.040.000	1.886.727.040.000	1.008.970.690.000	1.920.998.970.000	974.698.760.000	974.698.760.000
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	1.063.847.271.922	(*)	33.859.942.993	-	1.097.707.214.915	(*)
	<b>9.829.181.352.736</b>	<b>8.765.334.080.814</b>	<b>79.011.482.642.022</b>	<b>79.886.258.019.843</b>	<b>8.954.405.974.915</b>	<b>7.856.698.760.000</b>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, số dư gốc vay đã quá hạn, chưa được thanh toán là 68.277.000.000 VND và 43.973.952 USD, tổng cộng tương đương khoảng 1.097,7 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 57.888.000.000 VND và 38.200.000 USD, tổng cộng tương đương khoảng 922,7 tỷ VND). Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, BSR-BF đang làm việc với các cơ quan có thẩm quyền và các bên liên quan trong vụ kiện liên quan đến các khoản vay quá hạn thanh toán (Thuyết minh số 01).

Các khoản vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ các ngân hàng dưới hình thức tín dụng thư. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam theo từng hạn mức tín dụng ký kết với các ngân hàng. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất cố định quy định theo từng lần nhận nợ. Các khoản vay này dùng để bổ sung vốn lưu động cho Công ty.

# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

## 19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu năm			Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>Vay dài hạn</b>	<b>3.893.213.351.922</b>	<b>2.829.366.080.000</b>	<b>33.859.942.993</b>	<b>1.854.667.320.000</b>	<b>2.072.405.974.915</b>	<b>974.698.760.000</b>	
<b>Chi tiết số dư vay dài hạn tại:</b>							
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	2.829.366.080.000	2.829.366.080.000	-	1.854.667.320.000	974.698.760.000	974.698.760.000	
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	1.063.847.271.922	(*)	33.859.942.993	-	1.097.707.214.915	(*)	
	<b>3.893.213.351.922</b>	<b>2.829.366.080.000</b>	<b>33.859.942.993</b>	<b>1.854.667.320.000</b>	<b>2.072.405.974.915</b>	<b>974.698.760.000</b>	
<b>Trong đó:</b>							
• Số phải trả trong vòng 12 tháng	2.950.574.311.922				2.072.405.974.915		
• Số phải trả sau 12 tháng	942.639.040.000				-		

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, số dư gốc vay đã quá hạn, chưa được thanh toán là 68.277.000.000 VND và 43.973.952 USD, tổng cộng tương đương khoảng 1.097,7 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 57.888.000.000 VND và 38.200.000 USD, tổng cộng tương đương khoảng 922,7 tỷ VND). Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, BSR-BF đang làm việc với các cơ quan có thẩm quyền và các bên liên quan đến các khoản vay quá hạn thanh toán (Thuyết minh số 01).

Chi tiết các khoản vay dài hạn theo ngân hàng như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị	Nợ dài hạn đến hạn trả	Nợ phải trả sau 12 tháng	Giá trị	Nợ dài hạn đến hạn trả	Nợ phải trả sau 12 tháng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay dài hạn</b>						
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	974.698.760.000	974.698.760.000	-	2.829.366.080.000	1.886.727.040.000	942.639.040.000
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	528.561.058.941	528.561.058.941	-	511.356.947.757	511.356.947.757	-
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Quảng Ngãi	350.510.930.101	350.510.930.101	-	340.217.497.505	340.217.497.505	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Dung Quất	218.635.225.873	218.635.225.873	-	212.272.826.660	212.272.826.660	-
	<b>2.072.405.974.915</b>	<b>2.072.405.974.915</b>	<b>-</b>	<b>3.893.213.351.922</b>	<b>2.950.574.311.922</b>	<b>942.639.040.000</b>



# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các khoản vay dài hạn của Công ty mẹ và công ty con được dùng để đầu tư, mua sắm và xây dựng tài sản cố định. Lãi suất trong năm là từ 9,72%/năm đến 14,58%/năm (bao gồm cả lãi suất quá hạn) đối với đồng Việt Nam và từ 3,2%/năm đến 4,8%/năm đối với Đô la Mỹ.

Các khoản vay được phân loại theo đồng tiền vay, hình thức bảo đảm, và lãi suất vay như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vay bằng USD	2.004.128.974.915	3.824.936.351.922
Vay bằng VND	68.277.000.000	68.277.000.000
	<b>2.072.405.974.915</b>	<b>3.893.213.351.922</b>

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vay có đảm bảo bằng tài sản (Thuyết minh số 11)	1.097.707.214.915	1.063.847.271.922
Vay tín chấp	974.698.760.000	2.829.366.080.000
	<b>2.072.405.974.915</b>	<b>3.893.213.351.922</b>

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vay theo lãi suất thả nổi	1.097.707.214.915	1.063.847.271.922
Vay theo lãi suất cố định	974.698.760.000	2.829.366.080.000
	<b>2.072.405.974.915</b>	<b>3.893.213.351.922</b>

# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	2.072.405.974.915	2.950.574.311.922
Trong năm thứ hai	-	942.639.040.000
	<b>2.072.405.974.915</b>	<b>3.893.213.351.922</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	2.072.405.974.915	2.950.574.311.922
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>-</b>	<b>942.639.040.000</b>

## 20. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số dư đầu năm	1.338.485.323.433	1.387.868.460.824
Giảm trong năm	(66.758.722.901)	(49.383.137.391)
• Sử dụng quỹ	(66.758.722.901)	(49.383.137.391)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.271.726.600.532</b>	<b>1.338.485.323.433</b>



# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

## 21. THAY ĐỔI TRONG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>31.004.996.160.000</b>	<b>2.440.434.975</b>	<b>106.709.914</b>	<b>27.902.497.446</b>	<b>29.093.128.587</b>	<b>31.064.538.930.922</b>
Lợi nhuận/(Lỗ) trong năm	-	-	-	6.715.504.313.658	(31.964.461.282)	6.683.539.852.376
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2020	-	-	-	(1.731.130.013)	(348.022.847)	(2.079.152.860)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2021	-	-	-	(178.137.819.727)	(251.080.273)	(178.388.900.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(1.724.739.441)	(1.724.739.441)
Giảm khác	-	-	-	(1.364.040.196)	(716.958.690)	(2.080.998.886)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>31.004.996.160.000</b>	<b>2.440.434.975</b>	<b>106.709.914</b>	<b>6.562.173.821.168</b>	<b>(5.912.133.946)</b>	<b>37.563.804.992.111</b>
Lợi nhuận/(Lỗ) trong năm	-	-	-	14.725.833.852.993	(56.497.063.914)	14.669.336.789.079
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 (*)	-	-	-	(108.830.174.021)	(399.879.371)	(109.230.053.392)
Tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2022	-	-	-	(1.165.658.410)	(234.341.528)	(1.399.999.938)
Trích Quỹ Đầu tư Phát triển (*)	-	5.596.320.305.105	-	(5.596.320.305.105)	-	-
Chia cổ tức (*)	-	-	-	(930.149.884.800)	(2.014.971.000)	(932.164.855.800)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>31.004.996.160.000</b>	<b>5.598.760.740.080</b>	<b>106.709.914</b>	<b>14.651.541.651.825</b>	<b>(65.058.389.759)</b>	<b>51.190.346.872.060</b>

(\*) Trích các quỹ trong năm bao gồm:

• Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 1189/NQ-BSR ngày 22 tháng 4 năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn ("BSR"), BSR trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 281.561.000.000 VND (BSR đã tạm trích trong năm 2021 số tiền 174.720.000.000 VND nên trích bổ sung trong năm là 106.841.000.000 VND); trích Quỹ thưởng ban điều hành: 2.169.000.000 VND (BSR đã tạm trích trong năm 2021 số tiền 2.168.900.000 VND nên trích bổ sung trong năm là 100.000 VND); trích Quỹ Đầu tư phát triển: 5.596.320.305.105 VND và chia cổ tức bằng tiền tương ứng 3% vốn điều lệ với số tiền là 930.149.884.800 VND từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2021.

• Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-PVBLD ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (PVBuilding), PVBuilding trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 3.581.978.330 VND (PVBuilding đã tạm trích trong năm 2021 số tiền 1.500.000.000 VND nên trích bổ sung trong năm là 2.081.978.330 VND); trích Quỹ thưởng ban điều hành: 306.975.000 VND và chia cổ tức bằng tiền với số tiền là 12.037.809.198 VND từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2021.





# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

## Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 ngày 08 tháng 11 năm 2021, vốn điều lệ của Công ty là 31.004.996.160.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	VỐN ĐÃ GÓP			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	28.563.802.470.000	92,13%	28.563.802.470.000	92,13%
Các cổ đông khác	2.441.193.690.000	7,87%	2.441.193.690.000	7,87%
	<b>31.004.996.160.000</b>	<b>100%</b>	<b>31.004.996.160.000</b>	<b>100%</b>

## Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.100.499.616	3.100.499.616
Cổ phiếu phổ thông	3.100.499.616	3.100.499.616
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.100.499.616	3.100.499.616
Cổ phiếu phổ thông	3.100.499.616	3.100.499.616
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

## 22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngoại tệ các loại</b>		
Đô la Mỹ (USD)	1.642.565,01	226.085,09
Euro (EUR)	1,56	1,56
<b>Nợ khó đòi đã xử lý</b>		
Xóa nợ phải thu khó đòi (VND)	504.814.246	504.814.246

## 23. BÁO CÁO BỘ PHẬN

### Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Báo cáo bộ phận được lập cho mục đích quản trị doanh nghiệp. Hiện tại, Công ty có 02 công ty con. Hoạt động của Công ty mẹ và các công ty con là cơ sở để hình thành nên báo cáo bộ phận của Công ty do lĩnh vực kinh doanh tương đối khác nhau:

- Công ty mẹ: thực hiện hoạt động lọc hóa dầu và kinh doanh các sản phẩm lọc hóa dầu;
- Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (PV Building): quản lý nhà ở, kinh doanh dịch vụ khu dân cư, khu đô thị và các hoạt động thương mại;
- Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR-BF): thực hiện sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhiên liệu sinh học.



# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Chỉ tiêu	Sản phẩm lọc hóa dầu	Nhiên liệu sinh học	Sản xuất bao bì và thương mại dịch vụ	Loại trừ nội bộ	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản</b>					
Tài sản bộ phận	77.226.459.874.251	1.202.069.108.072	300.402.597.274	(241.002.517.747)	78.487.929.061.850
<b>Tổng Tài sản hợp nhất</b>	<b>77.226.459.874.251</b>	<b>1.202.069.108.072</b>	<b>300.402.597.274</b>	<b>(241.002.517.747)</b>	<b>78.487.929.061.850</b>
<b>Nguồn vốn</b>					
Nợ phải trả bộ phận	25.788.902.614.117	1.483.670.428.488	109.830.218.121	(84.821.070.936)	27.297.582.189.790
Vốn chủ sở hữu bộ phận	51.437.557.260.134	(281.601.320.416)	190.572.379.153	(156.181.446.811)	51.190.346.872.060
<b>Tổng Nguồn vốn hợp nhất</b>	<b>77.226.459.874.251</b>	<b>1.202.069.108.072</b>	<b>300.402.597.274</b>	<b>(241.002.517.747)</b>	<b>78.487.929.061.850</b>

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Chỉ tiêu	Sản phẩm lọc hóa dầu	Nhiên liệu sinh học	Sản xuất bao bì và thương mại dịch vụ	Loại trừ nội bộ	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản</b>					
Tài sản bộ phận	65.476.144.764.237	1.277.250.546.602	336.241.904.403	(293.974.486.593)	66.795.662.728.649
<b>Tổng Tài sản hợp nhất</b>	<b>65.476.144.764.237</b>	<b>1.277.250.546.602</b>	<b>336.241.904.403</b>	<b>(293.974.486.593)</b>	<b>66.795.662.728.649</b>
<b>Nguồn vốn</b>					
Nợ phải trả bộ phận	27.837.837.314.332	1.388.213.947.060	143.533.078.899	(137.726.603.753)	29.231.857.736.538
Vốn chủ sở hữu bộ phận	37.638.307.449.905	(110.963.400.458)	192.708.825.504	(156.247.882.840)	37.563.804.992.111
<b>Tổng Nguồn vốn hợp nhất</b>	<b>65.476.144.764.237</b>	<b>1.277.250.546.602</b>	<b>336.241.904.403</b>	<b>(293.974.486.593)</b>	<b>66.795.662.728.649</b>



# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Chỉ tiêu	Sản phẩm lọc hóa dầu	Nhiên liệu sinh học	Sản xuất bao bì và thương mại dịch vụ	Loại trừ nội bộ	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	167.054.762.206.990	6.256.712.127	819.324.211.238	(756.630.344.331)	167.123.712.786.024
Chi phí sản xuất kinh doanh	152.321.189.388.915	78.135.065.487	808.725.823.800	(756.999.711.043)	152.451.050.567.159
• Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	150.890.770.221.298	76.308.271.769	786.290.808.977	(726.061.904.624)	151.027.307.397.420
• Chi phí bán hàng	914.030.757.052	-	4.266.354.163	(9.316.379.798)	908.980.731.417
• Chi phí quản lý doanh nghiệp	516.388.410.565	1.826.793.718	18.168.660.660	(21.621.426.621)	514.762.438.322
<b>Kết quả kinh doanh theo bộ phận</b>	<b>14.733.572.818.075</b>	<b>(71.878.353.360)</b>	<b>10.598.387.438</b>	<b>369.366.712</b>	<b>14.672.662.218.865</b>
Doanh thu hoạt động tài chính					1.750.275.299.515
Chi phí tài chính					923.195.487.108
Lợi nhuận khác					86.066.115.846
<b>Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp</b>					<b>15.585.808.147.118</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					890.394.134.163
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					26.077.223.876
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>					<b>14.669.336.789.079</b>



# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Chỉ tiêu	Sản phẩm lọc hóa dầu	Nhiên liệu sinh học	Sản xuất bao bì và thương mại dịch vụ	Loại trừ nội bộ	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	101.037.235.267.376	9.552.832.621	859.542.792.679	(826.295.634.546)	101.080.035.258.130
Chi phí sản xuất kinh doanh	94.470.894.898.394	82.678.488.752	846.155.449.137	(830.691.989.280)	94.569.036.847.003
• Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	93.286.838.332.997	80.815.868.440	823.831.025.183	(810.171.511.540)	93.381.313.715.080
• Chi phí bán hàng	776.386.500.970	-	4.643.243.886	-	781.029.744.856
• Chi phí quản lý doanh nghiệp	407.670.064.427	1.862.620.312	17.681.180.068	(20.520.477.740)	406.693.387.067
<b>Kết quả kinh doanh theo bộ phận</b>	<b>6.566.340.368.982</b>	<b>(73.125.656.131)</b>	<b>13.387.343.542</b>	<b>4.396.354.734</b>	<b>6.510.998.411.127</b>
Doanh thu hoạt động tài chính					1.014.896.787.839
Chi phí tài chính					619.255.475.339
Lợi nhuận khác					34.036.911.583
<b>Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp</b>					<b>6.940.676.635.210</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					302.761.744.904
(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(45.624.962.070)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>					<b>6.683.539.852.376</b>

## Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con đều được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam, do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.



# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

## 24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu Diesel DO	66.717.251.601.041	34.105.574.135.202
Doanh thu Xăng Mogas 95	47.523.202.071.794	33.412.814.337.891
Doanh thu Xăng Mogas 92	24.088.284.208.856	14.847.352.384.418
Doanh thu Jet A1	10.854.804.732.706	3.000.551.623.922
Doanh thu LPG	9.292.539.523.199	7.942.513.069.668
Doanh thu Polypropylene	4.360.464.540.763	5.251.827.700.173
Doanh thu Dầu nhiên liệu FO	2.419.150.646.293	1.768.424.925.550
Doanh thu Xăng sinh học E5	670.356.909.418	542.720.203.618
Doanh thu Jet A-1K	348.599.031.343	-
Doanh thu Diesel DO L-62	268.932.939.600	-
Doanh thu xăng Mogas 83	218.559.681.175	-
Doanh thu Kerosene	168.854.272.226	-
Doanh thu dịch vụ cảng biển	135.457.079.915	123.291.305.277
Doanh thu khác	59.999.569.324	119.007.733.908
	<b>167.126.456.807.653</b>	<b>101.114.077.419.627</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Chiết khấu thương mại	2.744.021.629	33.937.805.597
Giảm giá hàng bán	-	104.355.900
	<b>2.744.021.629</b>	<b>34.042.161.497</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>167.123.712.786.024</b>	<b>101.080.035.258.130</b>
<i>Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 34)</i>	<i>35.646.059.613.691</i>	<i>21.832.441.343.928</i>

# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

## 25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn hàng bán Diesel DO	57.327.901.938.071	34.504.078.127.274
Giá vốn hàng bán Xăng Mogas 95	44.279.416.713.576	30.479.657.492.738
Giá vốn hàng bán Xăng Mogas 92	22.482.588.147.171	13.341.875.910.604
Giá vốn hàng bán Jet A1	9.281.053.753.077	2.969.560.432.061
Giá vốn hàng bán LPG	8.641.681.830.038	5.919.117.275.564
Giá vốn hàng bán Polypropylene	5.398.222.498.939	4.239.993.696.779
Giá vốn hàng bán Dầu nhiên liệu FO	1.754.524.284.027	1.206.462.431.031
Giá vốn Xăng sinh học E5	628.442.267.269	488.357.725.560
Giá vốn hàng bán Jet A-1K	308.594.631.802	-
Giá vốn hàng bán xăng Mogas 83	245.138.653.856	-
Giá vốn hàng bán Diesel DO L-62	243.092.814.909	-
Giá vốn hàng bán Kerosene	143.222.299.797	-
Giá vốn dịch vụ cảng biển	48.364.831.059	47.171.427.276
Chi phí trong thời gian dừng sản xuất Nhà máy nhiên liệu sinh học	75.615.620.626	78.788.270.517
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	126.563.725.184	1.390.134.247
Giá vốn khác	42.883.388.019	104.860.791.429
	<b>151.027.307.397.420</b>	<b>93.381.313.715.080</b>

## 26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	153.398.036.548.269	94.489.900.890.014
Chi phí công cụ, dụng cụ	12.628.452.528	16.576.933.244
Chi phí nhân công	1.206.347.872.792	827.248.117.389
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.257.922.390.183	2.309.814.495.496
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.722.241.291.947	2.921.421.596.318
Chi phí khác bằng tiền	355.535.669.725	450.137.225.349
	<b>158.952.712.225.444</b>	<b>101.015.099.255.810</b>



# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

## 27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	907.170.573.382	554.896.477.954
Lãi chênh lệch tỷ giá	843.104.726.133	459.790.309.885
Cổ tức được chia	-	210.000.000
	<b>1.750.275.299.515</b>	<b>1.014.896.787.839</b>

## 28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	252.789.589.546	406.811.371.357
Lỗ chênh lệch tỷ giá	576.850.536.375	153.406.034.744
Chiết khấu thanh toán cho người mua	3.632.634.013	1.646.595.163
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	21.829.498	(3.345.461)
Chi phí tài chính khác	89.900.897.676	57.394.719.536
	<b>923.195.487.108</b>	<b>619.255.475.339</b>

## 29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>514.762.438.322</b>	<b>406.693.387.067</b>
Chi phí nhân viên quản lý	245.627.832.864	156.408.689.056
Chi phí vật liệu quản lý	1.301.228.240	1.448.759.556
Chi phí đồ dùng văn phòng	4.800.572.813	4.161.685.021
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.895.057.337	27.252.101.389
Chi phí dịch vụ mua ngoài	107.196.559.841	43.568.562.437
Chi phí khác bằng tiền	126.941.187.227	173.853.589.608
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>908.980.731.417</b>	<b>781.029.744.856</b>
Chi phí nhân viên bán hàng	79.802.676.449	45.423.354.002
Chi phí khấu hao tài sản cố định	147.736.383.372	147.736.383.372
Chi phí vận chuyển, bảo hiểm bán sản phẩm	366.673.684.302	352.815.849.189
Chi phí dịch vụ mua ngoài	241.493.629.017	199.480.762.118
Chi phí khác bằng tiền	73.274.358.277	35.573.396.175
	<b>1.423.743.169.739</b>	<b>1.187.723.131.923</b>

# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

## 30. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chênh lệch thừa do kiểm kê kho thành phẩm	63.644.905.674	19.825.368.734
Thu nhập từ được thưởng, bồi thường, phạt hợp đồng	12.863.967.141	13.508.895.565
Thu nhập khác	10.509.106.590	1.698.349.213
	<b>87.017.979.405</b>	<b>35.032.613.512</b>

## 31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	888.185.147.639	300.480.620.848
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	2.208.986.524	2.281.124.056
	<b>890.394.134.163</b>	<b>302.761.744.904</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại đối với các khoản lỗ lũy kế từ hoạt động sản xuất kinh doanh của BSR-BF do không chắc chắn về khả năng có lợi nhuận trong các năm tiếp theo để bù đắp các khoản lỗ này.

## 32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong năm 2022 được Công ty xác định chủ yếu tương ứng với khoản chênh lệch tính thuế tạm thời liên quan đến việc thay đổi thời gian phân bổ chi phí bảo dưỡng tổng thể lần 4.



# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

## 33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu chi tiết như sau:

	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
	VND	VND
<b>Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>14.725.833.852.993</b>	<b>6.715.504.313.658</b>
Trừ: Số tiền trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	-	286.967.993.685
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>14.725.833.852.993</b>	<b>6.428.536.319.973</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	3.100.499.616	3.100.499.616
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>4.750</b>	<b>2.073</b>

Tại ngày báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 do Đại hội đồng Cổ đông Công ty chưa quyết định tỷ lệ trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2022. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi thì chỉ tiêu "Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông" có thể điều chỉnh giảm, dẫn đến việc "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" giảm tương ứng.

### Điều chỉnh lại lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước

Trong năm, Đại hội đồng Cổ đông Công ty đã quyết định trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được trình bày lại như sau:

	Năm trước	
	Số đã báo cáo	Số trình bày lại
<b>Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (VND)</b>	<b>6.715.504.313.658</b>	<b>6.715.504.313.658</b>
Trích quỹ Khen thưởng, Phúc lợi từ lợi nhuận của công ty mẹ và các công ty con (VND)	178.137.819.726	286.967.993.685
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>6.537.366.493.932</b>	<b>6.428.536.319.973</b>
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	3.100.499.616	3.100.499.616
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>2.108</b>	<b>2.073</b>

## 34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Chủ sở hữu
Các Công ty trong cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn

# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan sau đây:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>35.646.059.613.691</b>	<b>21.832.441.343.928</b>
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần	28.004.912.795.994	15.344.977.166.415
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	5.894.143.710.815	4.826.311.086.509
- Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	963.293.505.035	805.607.074.366
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP	472.256.949.915	586.957.030.465
Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam	224.383.470.171	192.831.444.527
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	84.469.277.267	73.843.337.106
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	2.495.215.235	814.204.540
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	-	1.100.000.000
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	104.689.259	-
<b>Giá trị hàng mua và dịch vụ cung cấp</b>	<b>74.770.350.621.890</b>	<b>40.385.230.333.455</b>
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần (*)	53.860.714.663.311	32.627.407.898.868
PVOil Singapore Pte. Ltd.	7.767.728.298.055	1.074.730.035.259
Công ty TNHH Một thành viên Điều hành	7.019.547.517.160	2.939.310.937.352
Thăm dò Khai thác Dầu khí trong nước - Lô 05.1a		
Công ty TNHH NN MTV - Tổng Công ty Thăm dò	2.577.861.190.730	1.107.488.496.310
Khai thác Dầu khí (Lô 01 & 02 - Điều hành Dầu khí)		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	1.385.996.334.259	1.199.662.078.867
Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn	438.593.204.280	-
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	365.572.793.555	351.832.424.765
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	335.657.796.520	219.964.816.513
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	267.642.231.442	239.274.731.084
Công ty TNHH NN MTV - Tổng Công ty Thăm dò	241.053.972.288	193.039.513.304
Khai thác Dầu khí (Lô 01/97 & 02/97)		
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	127.973.217.086	95.398.094.443
Tổng Công ty Bảo dưỡng - Sửa chữa Công trình Dầu khí	114.314.635.301	48.223.816.954
Công ty Cổ phần		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	70.163.075.940	53.416.695.742
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	63.825.928.134	59.714.756.038
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP	62.709.495.330	13.085.158.002

# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Giá trị hàng mua và dịch vụ cung cấp (tiếp theo)</b>		
Công ty TNHH PVChem - Tech	36.484.465.000	568.635.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Miền Trung	14.426.434.004	5.162.891.871
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng	6.325.771.621	1.499.074.516
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần	4.308.708.714	23.639.614
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	2.312.047.889	2.414.982.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD	1.754.473.508	1.457.526.531
Trường Đại học Dầu khí Việt Nam	2.075.554.000	1.755.424.737
Viện Dầu khí Việt Nam	1.685.999.090	4.716.050.480
Trường Cao đẳng Dầu khí	594.800.000	1.196.190.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	492.000.000	-
Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD	196.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - CN Quảng Ngãi	170.014.673	1.270.060
Liên doanh Việt Nga - Vietsovpetro	170.000.000	-
Công ty TNHH NN MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	-	97.565.355.037
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	-	43.824.243.689
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	-	2.303.998.491
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP	-	739.476.238
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	-	(53.961.744)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC	-	(493.916.566)

(\*) Mua hàng từ Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần bao gồm:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
• Giá trị hàng hóa và dịch vụ	80.903.209.838	87.277.751.244
• Giá trị dầu thô mua ủy thác	53.749.912.493.842	32.522.898.529.189
• Các khoản ủy thác khác	29.898.959.631	17.231.618.435
	<b>53.860.714.663.311</b>	<b>32.627.407.898.868</b>

# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Nộp lợi nhuận</b>		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	417.747.535.419	500.000.000.000
<b>Cổ tức đã trả</b>		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	856.914.074.100	-

Thủ lao, thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cấp quản lý khác được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Hội đồng Quản trị</b>		
Ông Nguyễn Văn Hội	2.177.484.000	1.602.616.000
Ông Bùi Ngọc Dương	2.164.054.000	1.440.857.000
Ông Hà Đồng	1.922.754.000	1.413.516.000
Ông Nguyễn Bá Phước	1.928.984.000	1.417.516.000
Ông Nguyễn Hải Âu	1.924.354.000	1.416.045.500
Ông Khương Lê Thành	1.979.414.400	1.464.695.600
Ông Bùi Minh Tiến	-	1.341.186.000
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>		
Ông Bùi Ngọc Dương	(*)	(*)
Ông Nguyễn Ngọc Anh	1.876.964.000	1.386.016.000
Ông Nghiêm Đức Dương	1.877.003.000	1.390.016.000
Ông Trần Đoàn Thịnh	1.885.080.200	1.394.531.900
Ông Nguyễn Việt Thắng	1.884.354.000	1.388.016.000
Ông Phạm Minh Nghĩa	947.544.000	-
Ông Mai Tuấn Đạt	967.480.000	-

(\*) Trình bày tại phần thủ lao, thu nhập của Hội đồng Quản trị bên trên do có sự kiêm nhiệm về chức vụ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Ban Kiểm soát</b>		
Ông Hoàng Đình Nhật	1.331.277.600	-
Ông Phạm Ngọc Quý	561.510.000	1.394.776.000
Ông Hoàng Ngọc Xuân	1.574.604.000	1.194.766.000
Ông Vũ Lê Huy	89.600.000	220.100.000
Bà Vũ Lan Phương	205.200.000	-
<b>Kế toán trưởng</b>		
Ông Bạch Đức Long	1.819.894.000	1.352.962.300



# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>5.282.015.738.424</b>	<b>3.435.268.026.328</b>
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần	4.428.096.708.696	2.365.350.973.092
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	645.017.043.429	847.909.271.143
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	111.855.181.545	108.859.178.568
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP	60.072.966.993	74.339.291.661
Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam	27.109.380.121	20.886.186.075
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	8.654.934.540	17.843.125.789
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu Khí Quảng Ngãi PTSC	1.096.458.700	80.000.000
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	113.064.400	-
<b>Trả trước nhà cung cấp</b>	<b>104.056.900.330</b>	<b>51.562.340.665</b>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	70.982.298.458	48.757.509.876
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP	11.216.727.452	1.940.995.794
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	6.951.334.055	-
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	6.808.912.347	-
Tổng Công ty Bảo dưỡng - Sửa chữa Công trình Dầu khí, Công ty Cổ phần	5.648.758.754	-
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	754.000.000	-
Viện Dầu khí Việt Nam	694.999.833	694.999.833
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần	378.885.045	-
Công ty TNHH PVChem - Tech	292.604.400	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	159.544.824	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	89.100.000	89.100.000
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP	79.735.162	79.735.162
<b>Phải thu khác</b>	<b>3.037.571.983</b>	<b>2.038.824.735</b>
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	1.918.575.341	854.383.561
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.118.996.642	1.118.996.642
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	-	44.444.533
Công ty Bảo hiểm PVI Nam Trung Bộ	-	20.999.999
<b>Phải trả khác</b>	<b>1.118.996.642</b>	<b>418.866.532.061</b>
Ban Quản lý Dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất	1.118.996.642	1.118.996.642
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	417.747.535.419

# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Phải trả nhà cung cấp</b>	<b>3.742.497.937.349</b>	<b>4.424.440.729.589</b>
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần	3.098.903.526.258	3.312.597.339.874
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	250.857.407.807	399.675.916.105
Công ty TNHH NN MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (Lô 05.1a)	75.070.109.256	-
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	68.110.419.047	55.163.357.638
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	59.419.108.884	25.706.253.206
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP	50.679.825.166	-
Tổng Công ty Bảo dưỡng - Sửa chữa Công trình Dầu khí, Công ty Cổ phần	49.135.837.167	7.717.677.751
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	27.476.077.514	28.575.570.361
Công ty TNHH NN MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (Lô 01/97 & 02/97)	17.607.380.190	14.448.495.721
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	16.681.721.140	9.944.404.036
Công ty TNHH NN MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (Lô 01 & 02)	6.583.950.200	554.636.600.253
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	4.480.897.901	4.480.897.901
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Miền Trung	4.352.530.950	6.107.127.575
Công ty TNHH PVChem - Tech	4.065.720.600	-
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng	3.280.566.904	150.142.680
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Miền Trung	2.255.356.410	957.372.750
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP	662.801.126	-
Viện Dầu khí Việt Nam	647.302.909	2.094.499.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	531.360.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD	422.616.720	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	394.621.200	457.785.545
Trường Đại học Dầu khí	340.000.000	-
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Việt Nam	200.000.000	-
Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD	196.000.000	-
Trường Cao đẳng Dầu khí	142.800.000	567.790.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	-	1.159.499.193



# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

## 35. CÁC KHOẢN CAM KẾT

### Cam kết tiêu thụ sản phẩm của Nhà máy Lọc dầu Dung Quất

Theo điều khoản của các Hợp đồng tiêu thụ sản phẩm của Nhà máy Lọc dầu Dung Quất ký giữa Công ty (bên A) và các đầu mối (bên B) như Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần (PVOil), Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex), Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PVGas) v.v., trong năm 2023, bên A cung cấp cho bên B các sản phẩm xăng dầu của Nhà máy Lọc dầu Dung Quất với giá bán theo điều kiện FOB/Đường ống/ITT/CFR/CIF/FCA Dung Quất, LPG theo điều kiện CIF/Đường ống xác định trên cơ sở giá tham chiếu quốc tế cộng thêm phụ phí thị trường và các khoản thuế nộp vào Ngân sách Nhà nước (nếu có) đảm bảo cạnh tranh với thị trường.

### Cam kết đầu tư nâng cấp, mở rộng Nhà máy Lọc dầu Dung Quất

Theo Quyết định số 9016/QĐ-DKVN ngày 22 tháng 12 năm 2014, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã phê duyệt dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng Nhà máy Lọc dầu Dung Quất với quy mô đầu tư khoảng 8,5 triệu tấn/năm. Tổng mức đầu tư dự kiến là 1.813.470.000 USD với cơ cấu vốn của chủ sở hữu/vốn vay tối thiểu là 30/70. Thời gian thực hiện dự án là 78 tháng kể từ ngày phát hành hồ sơ mời thầu (ITB) lựa chọn nhà thầu thiết kế tổng thể (FEED). Theo Nghị quyết số 1144/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã phê duyệt thiết kế FEED và dự toán của dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy Lọc dầu Dung Quất. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty đã hủy gói thầu EPC do không lựa chọn được nhà thầu và đang tiến hành các thủ tục theo quy định để điều chỉnh chủ trương đầu tư của Dự án.

# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

## 36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

### Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 18.612.841.912 VND (năm 2021: 111.459.342.838 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm 78.859.632.524 VND (năm 2021: 16.626.446.339 VND) là số tiền lãi của các khoản vay phát sinh trong năm chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

**Lê Thị Hồng Trâm**  
Người lập biểu

**Bạch Đức Long**  
Kế toán trưởng



**Bùi Ngọc Dương**  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2023



## **CÔNG TY CỔ PHẦN LẠC HOÁ DẦU BÌNH SƠN**

Số 208 Đại lộ Hùng Vương, P.Trần Phú, TP Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi

0255 3825 825 | [www.bsr.com.vn](http://www.bsr.com.vn)

